



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



2024 CHOOSE YOUR
FIGHTER BEA LEGEND

2024 BE A FIGHTER LEGEND

SeABank Annual Report 2024



CHOOSE YOUR FIGHTER, BE A LEGEND CHIẾN BINH HUYỀN THOẠI

Năm 2024 là cột mốc quan trọng đánh dấu hành trình 30 năm hình thành và phát triển của SeABank với những nỗ lực, sức mạnh bền bỉ, đồng lòng vượt qua mọi biến động để vươn đến những đỉnh cao. Trong năm kỷ niệm thành lập đầy ý nghĩa, SeABank tiếp tục đón đầu cơ hội, chiến thắng mọi thách thức, mạnh mẽ tiến lên bằng tinh thần chiến binh đầy nhiệt huyết đúng với thông điệp năm 2024 – “Choose your Fighter, Be a Legend! – Trở thành chiến binh, viết nên huyền thoại!”.

Được đưa ra trong bối cảnh kinh tế – xã hội thế giới vẫn đầy biến động kéo dài từ COVID-19, đi kèm với những xung đột chính trị và các hiện tượng thời tiết cực đoan dẫn đến nhiều ảnh hưởng nặng nề về mọi mặt, thông điệp “Choose your Fighter, Be a Legend!” đã tiếp thêm sức mạnh tinh thần, nâng cao lòng nhiệt huyết và quyết tâm, khích lệ ý chí vươn lên và nỗ lực nâng cấp bản thân trong mỗi cán bộ nhân viên (CBNV). Sức mạnh này được lan tỏa trên toàn hệ thống để tạo nên một tập thể mạnh mẽ, đồng lòng chiến thắng mọi thách thức, linh hoạt thích nghi, tìm ra cơ hội, không ngần ngại tiến bước để ghi dấu ấn huyền thoại.

Với tinh thần chiến binh, SeABank luôn nỗ lực triển khai chiến lược kinh doanh linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với chính sách của các cơ quan quản lý, tình hình thị trường và thông lệ quốc tế; từ đó mạnh mẽ tiến lên, củng cố vị thế tại thị trường trong nước và quốc tế, mở ra nhiều cơ hội hợp tác quốc tế và nâng cao năng lực tài chính. Kết thúc năm 2024, vốn điều lệ của Ngân hàng đạt mốc 28.350 tỷ đồng, tổng huy động quốc tế bao gồm tài trợ thương mại (TTTM) đạt gần 1 tỷ USD, được Moody’s giữ nguyên xếp hạng Ba3 cho danh mục quan trọng với triển vọng phát triển Ổn định.

SeABank cũng tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “Hội tụ số” với bước tiến nổi bật, thành công nâng cấp phần mềm ngân hàng lõi (Core Banking) T24 Temenos lên phiên bản R22 mới nhất tại thị trường Việt Nam. Cùng với đó, Ngân hàng tiếp tục áp dụng công nghệ hiện đại vào tối ưu quy trình và cải tiến sản phẩm dịch vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng, nâng tổng số lượng khách hàng tin tưởng sử dụng dịch vụ của SeABank đạt gần 4 triệu người dùng.

Trong giai đoạn hiện tại, SeABank kiên định bám sát chiến lược phát triển bền vững (PTBV) với 3 trụ cột Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG). Cụ thể, Ngân hàng sẽ tiếp tục củng cố các nền tảng toàn diện về Quản trị ngân hàng, Quản trị rủi ro (QTRR), Nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự, Văn hóa tổ chức, An sinh và Môi trường xã hội; từ đó đảm bảo sức chống chịu trước biến động và tăng trưởng bền vững gắn liền với lợi ích của cộng đồng.

Những nỗ lực của SeABank đã đưa Ngân hàng bứt phá và đạt kết quả kinh doanh ấn tượng. Tiêu biểu: lợi nhuận trước thuế đạt 6.039 tỷ đồng, tăng 31% so với 2023; tổng tài sản đạt 325.699 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2023; dư nợ tín dụng đạt 209.355 tỷ đồng, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đạt 20,42%, trong đó ưu tiên tập trung giải ngân vào các lĩnh vực tín dụng xanh và các động lực tăng trưởng; tổng huy động từ các tổ chức, cá nhân trong nước và các tổ chức tài chính quốc tế đạt 215.984 tỷ đồng, tăng trưởng 23%, trong đó tiền gửi không kỳ hạn (CASA) tăng trưởng ấn tượng đạt 32.658 tỷ đồng, tăng 96% so với năm 2023; Các chỉ số về hiệu quả hoạt động đều có sự tăng trưởng tốt so với cùng kỳ, hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt 1,63%; hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) ở mức 14,75%; tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm đáng kể xuống mức 33,28%; tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 1,89%.

Những dấu ấn huyền thoại trong năm 2024 đã đánh dấu cột mốc kỷ niệm 30 năm đầy rực rỡ, là kết quả của nguồn sức mạnh nội tại bền bỉ được củng cố trong suốt 30 năm, cùng tinh thần chiến binh đầy nhiệt huyết đã tạo đà để SeABank mạnh mẽ tiến lên, kiên định tăng trưởng bền vững. Kế thừa tinh thần chiến binh và những huyền thoại của 30 năm phát triển, trong năm 2025, SeABank đặt mục tiêu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và chinh phục những đỉnh cao mới với sức mạnh ý chí bắt nguồn từ niềm tin mạnh mẽ theo thông điệp “Believe – Hãy vững tin”, hướng tới gặt hái thêm nhiều thành công mới.

MỤC LỤC

THÔNG điệp BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024 – CHOOSE YOUR FIGHTER, BE A LEGEND!

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

THÔNG điệp CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG điệp CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

THÀNH TỰU NỔI BẬT NĂM 2024

I - TỔNG QUAN VỀ SEABANK

- 22 Thông tin khái quát
- 24 Quá trình hình thành và phát triển
- 28 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 30 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 32 Đối tác chiến lược
- 36 Chiến lược phát triển và định hướng ngắn, trung, dài hạn

II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỚI 2028

- 42 Tình hình hoạt động kinh doanh
- 46 Tổ chức và nhân sự
- 51 Tình hình tài chính
- 52 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 58 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

III - BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 64 Vị thế thị trường – Thương hiệu Ngân hàng SeABank
- 74 Đánh giá tình hình tài chính
- 77 Đánh giá công tác điều hành, triển khai hoạt động kinh doanh
- 100 Đánh giá về vấn đề người lao động
- 104 Kế hoạch hoạt động năm 2025

IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

- 110 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động Ngân hàng
- 112 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 114 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị trong năm 2025

SỨC MẠNH BỀN BỈ

MẠNH MẼ BỨT TỐC

V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 118 Tổng quan hoạt động Quản trị công ty
- 122 Cơ cấu tổ chức Hội đồng Quản trị và các Ủy ban trực thuộc
- 133 Cam kết của Hội đồng Quản trị về phát triển bền vững
- 139 Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 154 Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
- 156 Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị
- 162 Đào tạo và chứng chỉ liên quan đến Quản trị công ty
- 165 Ban Kiểm soát
- 170 Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, Ban Điều hành
- 172 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về Quản trị công ty và kế hoạch nâng cao năng lực quản trị
- 174 Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

VI - QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ

- 176 Tổng quan và mô hình 3 tuyến
- 178 Hoạt động Quản trị rủi ro – Nhận diện và quản lý rủi ro toàn diện
- 186 Hoạt động kiểm soát tuân thủ
- 193 Kiểm toán nội bộ

VII - BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

- 194 Cam kết của Ngân hàng thực hiện trách nhiệm trong phát triển bền vững
- 196 Người cao nhất chịu trách nhiệm/triển khai các chính sách về vấn đề môi trường
- 196 Tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường
- 196 Định hướng, chính sách quản lý tác động môi trường – xã hội từ hoạt động kinh doanh
- 198 Chính sách về người lao động – Đề cao nhân văn, phát triển nhân tài
- 204 Hoạt động phát triển cộng đồng
- 210 Giữ gìn môi trường xanh, giảm thiểu phát thải carbon
- 216 Kế hoạch hành động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững toàn diện

222 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

292 PHỤ LỤC CÁC GIAO DỊCH

304 MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH

308 MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

KIÊN ĐỊNH BỀN VỮNG

DẤU ẤN HUYỀN THOẠI

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải thích
ACGS	Thẻ điểm Quản trị ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecard)
AI	Trí tuệ nhân tạo
ASXH	An sinh xã hội
BH&DV	Bán hàng và Dịch vụ - Khối Hội sở của SeABank
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn
CBNV	Cán bộ nhân viên
CES	Chỉ số nỗ lực của khách hàng (Customer Effort Score)
CIR	Chi phí trên thu nhập
CNNHS	Công nghệ Ngân hàng số - Khối Hội sở của SeABank
CRM	Quản lý quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)
CSAT	Chỉ số hài lòng của khách hàng (Customer Satisfaction)
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
ĐVKD	Đơn vị kinh doanh
ESG	3 trụ cột phát triển bền vững Môi trường - Xã hội - Quản trị
ESMS	Hệ thống Quản lý rủi ro môi trường và xã hội
ESOP/ SeAESOP	Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn dành cho người lao động của SeABank
EWS	Hệ thống cảnh báo sớm
GHG	Phát thải khí nhà kính
GRC	Hệ thống quản trị, rủi ro và tuân thủ
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HĐTV	Hội đồng Thành viên

Từ viết tắt	Giải thích
HVSB	Học viện SeABank – Đơn vị phụ trách đào tạo thuộc Khối Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực
IFRS	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
KHCC	Khách hàng cao cấp
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
KHDNL	Khách hàng doanh nghiệp lớn
KHUT	Khách hàng ưu tiên
KPI(s)	Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc
KTNB	Kiểm toán nội bộ
LCR	Dự trữ thanh khoản
LDR	Cho vay trên tiền gửi
MCA	Đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát cấp quản lý
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NIM	Biên lãi ròng
NoII	Thu nhập ngoài lãi
NPS	Chỉ số giới thiệu sản phẩm (Net Promoter Score)
NSFR	Nguồn vốn ổn định ròng
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PC&TT	Pháp chế và Tuân thủ
PCRT	Phòng chống rửa tiền
PCTN	Phòng chống tham nhũng
PTBV	Phát triển bền vững
QAIP	Chương trình đảm bảo & cải thiện chất lượng kiểm toán nội bộ
QT&PTNNL	Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực - Khối Hội sở của SeABank
QTRR	Quản trị rủi ro

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT (tiếp)

Từ viết tắt	Giải thích
ROA	Lợi nhuận trên tổng tài sản
ROE	Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
SCF	Dự án tài trợ chuỗi cung ứng
SDG(s)	Mục tiêu phát triển bền vững
SMART	Cụ thể (Specific) – Đo lường được (Measurable) – Khả thi (Attainable) – Phù hợp (Relevant) – Kịp thời (Timebound)
TAT	Thời gian quay vòng
TC&KH	Tài chính và Kế hoạch – Khối Hội sở của SeABank
TCFD	Khung ESG do Lực lượng Đặc nhiệm về Công khai tài chính liên quan đến khí hậu thiết lập (Task Force on Climate-Related Financial Disclosures)
tCO ₂	Tấn CO ₂ – Đơn vị tính lượng khí nhà kính phát thải
TCTD	Tổ chức tín dụng
TGD/ PTGD	Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc
TKTT	Tài khoản thanh toán
TKSĐ	Tài khoản số đẹp
TMCP	Thương mại Cổ phần
TMS	Quản lý dòng tiền tự động cho doanh nghiệp (Treasury Management System)
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TOI	Tổng thu nhập hoạt động
TSBĐ	Tài sản bảo đảm
TTTM	Tài trợ thương mại
UBNS	Ủy ban Nhân sự
UBQLRR	Ủy ban Quản lý Rủi ro
UMUM	Quỹ “Ươm mầm Ước mơ” của SeABank
UPAS LC	Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trả chậm
VNCG	Bộ quy tắc quản trị công ty của Việt Nam
WSME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ
XLN	Xử lý nợ – Khối Hội sở của SeABank

GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ CHUYÊN NGÀNH, TÊN RIÊNG

Từ viết tắt	Giải thích
AFS	Công ty thuộc mảng tài chính của AEON Group – AEON Financial Service
AIIB	Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (Asian Infrastructure Investment Bank)
ALCO	Hội đồng Quản lý tài sản nợ – tài sản có của SeABank
API	Phương thức trung gian kết nối các ứng dụng và thư viện khác nhau
ATM	Máy rút tiền tự động
Basel II, Basel III	Phiên bản thứ hai, thứ ba của Hiệp ước Basel về Quản trị rủi ro
Callbot	Tổng đài chăm sóc khách hàng tự động
COSO	Ủy ban Chống gian lận khi lập Báo cáo tài chính thuộc Hội đồng quốc gia Hoa Kỳ
DFC	Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
ebank	Ứng dụng ngân hàng điện tử
eKYC	Giải pháp định danh xác thực khách hàng điện tử
GRI	Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
IASB	Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế
IIA	Hiệp hội Kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ
IPCC	Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu
Norfund	Quỹ đầu tư cho các nước đang phát triển của Chính phủ Na Uy
POS	Thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ ngân hàng
PTF	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
SeABank AMC	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank
SeABanker	Cán bộ nhân viên SeABank
SeAMobile	Ứng dụng ngân hàng điện tử của SeABank
SMS	Dịch vụ Tin nhắn ngắn
UNEP FI	Sáng kiến Tài chính thuộc Chương trình Môi trường của Liên hợp Quốc
VBMA	Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam
WEPs	Nguyên tắc Trao quyền cho Phụ nữ của UN Women and UN Global Compact

THÔNG điệp CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GẦN **4** TRIỆU
KHÁCH HÀNG

HUY ĐỘNG QUỐC TẾ
GẦN **1 TỶ USD**



SeABank/ Báo cáo thường niên 2024

Kính gửi: Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng

Năm 2024, thế giới vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức hậu đại dịch: địa chính trị biến động, thiên tai và tăng trưởng kinh tế không ổn định trên toàn cầu. Trong bối cảnh ấy, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì mức tăng trưởng vượt 7% – minh chứng cho sức mạnh đoàn kết và ý chí phát triển của đất nước.

Là một phần trong hệ sinh thái kinh tế – xã hội Việt Nam, SeABank đã chọn chiến lược phát triển bền vững làm kim chỉ nam cho hoạt động của Ngân hàng. Tập trung vào ba trụ cột Môi trường (E) – Xã hội (S) – Quản trị (G), SeABank kiên định tăng trưởng theo định hướng ngân hàng xanh – minh bạch – bền vững. Với tầm nhìn bền vững và chiến lược thực thi ESG hiệu quả, được tiếp sức bởi tinh thần “chiến binh” – “Choose your Fighter, Be a Legend”, SeABank không ngừng vươn mình vượt qua thử thách và tạo dấu ấn trong năm 2024.

Năm 2024, Ngân hàng đạt nhiều thành quả tích cực: ROE và ROA lần lượt đạt 14,75% và 1,63%; tỷ lệ CIR giảm xuống 33,28%; nợ xấu duy trì ở mức an toàn 1,89%. Tổng huy động đạt gần 216.000 tỷ đồng – vượt kế hoạch năm, riêng huy động quốc tế tăng gần 300 triệu USD, chạm mốc gần 1 tỷ USD khẳng định uy tín và vị thế ngày càng vững mạnh của SeABank trên trường quốc tế.

Đồng thời, SeABank đầu tư mạnh mẽ cho chiến lược chuyển đổi số nhằm xây dựng nền tảng công nghệ hiện đại, hỗ trợ hiệu quả cho các mục tiêu kinh doanh bền vững. Năm 2024, Ngân hàng thành công nâng cấp hệ thống lõi ngân hàng T24 Temenos lên phiên bản R22 – hiện đại bậc nhất thị trường Việt Nam, số lượng giao dịch trực tuyến tăng 173% đạt hơn 52 triệu giao dịch, số lượng khách hàng đạt gần 4 triệu.

Là Ngân hàng “Vi cộng đồng”, SeABank luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội. Năm 2024, gần 24 tỷ đồng đã được đóng góp cho các hoạt động an sinh xã hội và môi trường xã hội: phủ xanh rừng, hỗ trợ cộng đồng, khuyến học và phát triển con người – lan tỏa ngày càng nhiều giá trị nhân văn, bền vững tới cộng đồng.

Kết tinh từ sự đồng lòng của toàn hệ thống và tinh thần “Choose your Fighter, Be a Legend” của mỗi SeABanker – kiên cường, chủ động, tiên phong, những dấu ấn đạt được năm 2024 đã giúp SeABank củng cố vị thế, được vinh danh tại nhiều giải thưởng danh giá: Huân chương Lao động hạng Nhất, Thương hiệu Quốc gia, Thương hiệu mạnh, Top 1000 Ngân hàng thế giới (The Banker), Ngân hàng tốt nhất thế giới (Tập chí kinh doanh Forbes), bảng xếp hạng Fortune Southeast Asia 500 (Tập chí Fortune) và nhiều giải thưởng danh giá khác.

Nhờ những kết quả ấn tượng trong hoạt động tài chính, chuyển đổi số, huy động vốn quốc tế và hàng loạt sáng kiến xã hội, SeABank khẳng định vị thế là một trong

những Ngân hàng TMCP quan trọng trong hệ thống nội địa, vững bước hội nhập toàn cầu với tư cách một ngân hàng có trách nhiệm.

Bước sang năm 2025 – kỷ nguyên đổi mới và vươn mình cùng đất nước, Hội đồng Quản trị SeABank cam kết tiếp tục tiên phong trên hành trình phát triển bền vững, hướng tới một hệ sinh thái tài chính bền vững và cộng đồng thịnh vượng. Với bản lĩnh và sức mạnh tập thể, SeABank sẽ tiến xa hơn, vững mạnh hơn – vì một Việt Nam hưng thịnh và vì một xã hội bền vững.

SeABank không chỉ phát triển – SeABank kiến tạo giá trị bền vững.

SeABank không chờ đợi tương lai – SeABank kiến tạo tương lai.

Xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị!

Trân trọng,

Ông Lê Văn Tân
Chủ tịch HĐQT

THÔNG điệp CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

>6.039 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

28.350 TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ



Kính gửi: Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng

Năm 2024 đánh dấu cột mốc 30 năm hình thành và phát triển của SeABank – một hành trình đầy nỗ lực, kiên trì, đồng lòng vượt qua mọi thử thách để vươn đến những đỉnh cao mới. Đây không chỉ là năm kỷ niệm đầy ý nghĩa mà còn là thời điểm SeABank khẳng định bản lĩnh và quyết tâm tiếp tục chinh phục những thử thách, đúng với tinh thần của thông điệp năm: **"Choose your Fighter, Be a Legend!"**.

Tinh thần chiến binh vững vàng vượt thử thách, bứt phá tăng trưởng

Năm 2024, bối cảnh kinh tế – xã hội toàn cầu đầy biến động với những tác động kéo dài từ đại dịch, xung đột chính trị và thiên tai. Trong nước, nền kinh tế Việt Nam cũng đối mặt với không ít thách thức nhưng đã duy trì được đà tăng trưởng đáng ghi nhận nhờ sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự linh hoạt của NHNN trong điều hành chính sách tiền tệ.

Dưới sự dẫn dắt của Hội đồng Quản trị, sự điều hành quyết liệt của Ban Điều hành và tinh thần chiến binh của toàn thể CBNV, SeABank đã bứt phá mạnh mẽ, ghi nhận những kết quả ấn tượng: Lợi nhuận trước thuế đạt 6.039 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2023; Tổng tài sản đạt 325.699 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2023; Dư nợ tín dụng đạt 209.355 tỷ đồng, tỷ lệ tăng trưởng 20,42%, trong đó đẩy mạnh tín dụng xanh và các ngành nghề/ lĩnh vực xanh – bền vững.

Tổng huy động từ các tổ chức, cá nhân trong nước và các tổ chức tài chính quốc tế vượt kế hoạch năm, đạt 215.984 tỷ đồng, tăng trưởng 23%. Trong đó tiền gửi không kỳ hạn (CASA) tăng trưởng ấn tượng đạt 32.658 tỷ đồng, tăng 96% so với năm 2023 và chiếm 19,4% tổng huy động. Cùng với việc phát triển mạnh CASA, TOI của SeABank cũng tăng trưởng ấn tượng 32% so với năm trước, đạt 12.409 tỷ đồng.

Những con số này không chỉ là kết quả của tinh thần chiến binh bứt phá, nỗ lực mà còn là minh chứng cho chiến lược phát triển đúng đắn, khả năng thích ứng linh hoạt và tầm nhìn bền vững của SeABank trong suốt 30 năm qua.

Mạnh mẽ vươn lên khẳng định vị thế, lan tỏa giá trị bền vững

SeABank tiếp tục ghi dấu ấn mạnh mẽ trên hành trình "Hội tụ số" với việc nâng cấp hệ thống Core Banking T24 Temenos lên phiên bản R22, đánh dấu bước tiến vượt bậc về công nghệ trong ngành ngân hàng Việt Nam. Trên nền tảng đó, SeABank không ngừng cải tiến và đa dạng hóa sản phẩm, cung cấp hàng loạt giải pháp và dịch vụ "may đo" linh hoạt phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng; đồng thời tự động hóa và tối ưu quy trình để nâng cao trải nghiệm khách hàng. Nhờ đó, tổng lượng khách hàng tin tưởng sử dụng dịch vụ của SeABank đã đạt gần 4 triệu người, tiến gần hơn đến mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất.

Niềm tin vững chắc – Bước tiếp trên hành trình huyền thoại

Trong suốt 30 năm qua, SeABank đã không ngừng đổi mới, sáng tạo để phát triển mạnh mẽ. Thay mặt Ban Lãnh đạo SeABank, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các cơ quan quản lý, NHNN, Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng Ngân hàng trong suốt hành trình vừa qua. Đặc biệt, tôi trân trọng ghi nhận những đóng góp to lớn của toàn thể CBNV SeABank – những chiến binh đã cùng nhau tạo nên dấu ấn huyền thoại trong suốt chặng đường 30 năm và đặc biệt là trong năm 2024 vừa qua.

Những thành tựu của năm 2024 chính là bệ phóng để SeABank tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới. Bước sang năm 2025 với thông điệp "Believe – Hãy vững tin", SeABank sẽ tiếp tục củng cố vị thế, phát triển bền vững, duy trì đà tăng trưởng và mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng, đối tác, cổ đông cũng như cộng đồng.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và thịnh vượng!

Trân trọng.

Ông Lê Quốc Long
Tổng Giám đốc

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

SỨ MỆNH

Phục vụ với sự tận tâm, nhiệt huyết để mang đến cuộc sống hạnh phúc hơn và một tương lai thịnh vượng cho cộng đồng.

TÂM NHÌN

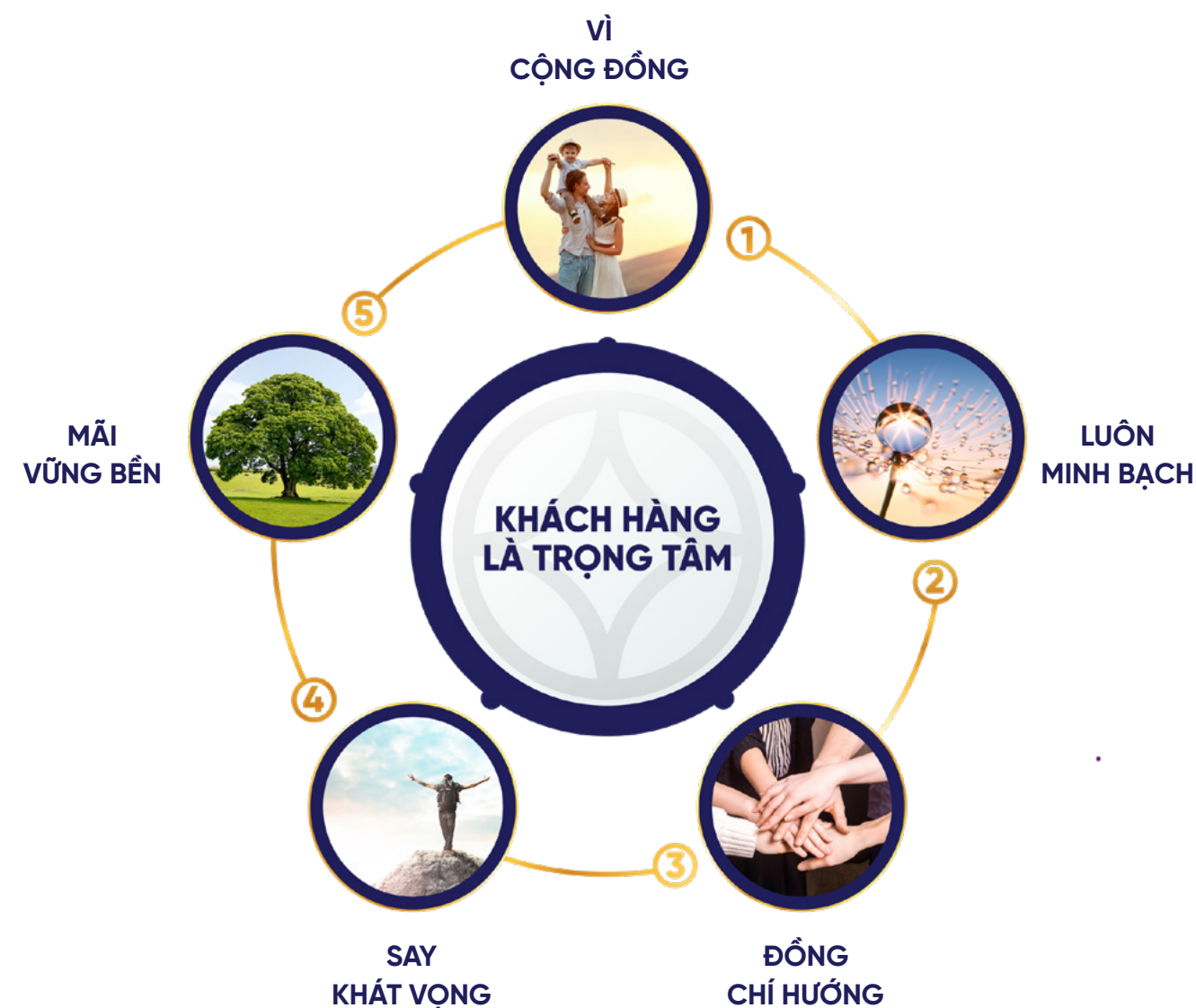
Trở thành ngân hàng được yêu thích nhất tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ, đa dạng các sản phẩm và dịch vụ tài chính với trải nghiệm tốt nhất cho mọi đối tượng khách hàng. SeABank cam kết minh bạch thông tin và mang tới dịch vụ hoàn hảo cùng lợi ích cao nhất cho khách hàng, nhà đầu tư, đảm bảo sự PTBV của Ngân hàng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Xây dựng và phát triển bền vững đưa SeABank trở thành ngân hàng bán lẻ tiêu biểu tại Việt Nam là chiến lược phát triển cốt lõi của SeABank trong thời gian tới. Trong chiến lược phát triển ngân hàng bán lẻ, SeABank sẽ tập trung đặc biệt vào khách hàng cá nhân (KHCCN), đồng thời phát triển mảng doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) cũng như doanh nghiệp lớn. Các sản phẩm, dịch vụ của SeABank được thiết kế đa dạng phù hợp với nhu cầu và năng lực tài chính của từng đối tượng và phân khúc khách hàng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



VÌ CỘNG ĐỒNG

Kết nối, mang giá trị lợi ích cho khách hàng & cộng đồng

LUÔN MINH BẠCH

Luôn minh bạch để xứng đáng với nghề nghiệp trong mắt khách hàng

ĐỒNG CHÍ HƯỚNG

Tinh thần làm việc trách nhiệm, đồng lòng, vì niềm tin của khách hàng

SAY KHÁT VỌNG

Khát vọng cống hiến và khẳng định giá trị, chinh phục thành công

MÃI VỮNG BỀN

Mở rộng phát triển bền vững phục vụ cộng đồng

THÀNH TỰU NỔI BẬT

SEABANK LONG TRỌNG KỶ NIỆM 30 NĂM THÀNH LẬP NGÂN HÀNG

Chương trình kỷ niệm 30 năm thành lập SeABank được tổ chức ấn tượng tại Trung tâm Hội nghị quốc gia Hà Nội với sự tham gia của Ban Lãnh đạo cùng gần 3.500 CBNV trên toàn quốc. Bên cạnh hoạt động vinh danh và tri ân, trong khuôn khổ chương trình, SeABanker còn được thưởng thức “bữa tiệc âm nhạc” đặc sắc, hoành tráng đến từ các nghệ sỹ hàng đầu Việt Nam.

VINH DỰ NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT CHO GIAI ĐOẠN 2018 - 2022

SeABank vinh dự được trao Huân chương Lao động hạng Nhất vì “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2018 đến năm 2022”. Đây là sự ghi nhận của Nhà nước và Chính phủ cho những nỗ lực của SeABank, khẳng định uy tín thương hiệu, sự phát triển ổn định và những đóng góp thiết thực cho đất nước, cho cộng đồng.

PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG TRÁI PHIẾU XANH LAM ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM

Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB) đầu tư tổng cộng 150 triệu USD vào trái phiếu xanh do SeABank phát hành. Trong đó, mỗi bên đầu tư 75 triệu USD cho SeABank để phát hành trái phiếu xanh lam đầu tiên và trái phiếu xanh lá đầu tiên bởi ngân hàng thương mại tư nhân của Việt Nam.

NÂNG CẤP THÀNH CÔNG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG LỖI T24 LÊN PHIÊN BẢN MỚI NHẤT

SeABank nâng cấp thành công hệ thống T24 lên phiên bản R22 - phiên bản mới nhất được triển khai tại thị trường Việt Nam nhằm tối ưu hóa vận hành và nâng cao hiệu suất hệ thống, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh linh hoạt và gia tăng trải nghiệm khách hàng. Đồng thời tăng cường tuân thủ các quy định quốc tế. Đây là bước tiến lớn trong nỗ lực hiện thực hóa chiến lược “Hội tụ số” của SeABank, nâng cao vị thế cạnh tranh và tiến gần mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất.

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 28.350 TỶ ĐỒNG

SeABank chính thức hoàn tất tăng vốn điều lệ từ 24.957 tỷ đồng lên 28.350 tỷ đồng, tương đương tổng tỷ lệ tăng gần 13,6%, sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Việc tăng vốn điều lệ giúp gia tăng năng lực tài chính và củng cố nền tảng vững chắc để tạo đà PTBV.

SEABANK 2024

Tinh thần **CHIẾN BINH**
VƯỢT MỌI thách thức
Viết nên **HUYỀN THOẠI**





MOODY'S GIỮ NGUYÊN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM MỨC BA3 VÀ TRIỂN VỌNG ỔN ĐỊNH

Trong kỳ xếp hạng tín nhiệm năm 2024, Moody's Investors Service (Moody's) tiếp tục xếp hạng SeABank ở mức Ba3 cho danh mục Tiền gửi dài hạn, giữ nguyên xếp hạng đánh giá tín dụng cơ sở (BCA) của SeABank ở mức B1 với triển vọng phát triển Ổn định. Trước bối cảnh nhiều biến động, các đánh giá xếp hạng cho thấy sự đánh giá cao đối với tỷ lệ vốn trên mức trung bình ngành và chất lượng tài sản ổn định của SeABank.



SEABANK TÍCH CỰC ĐẨY MẠNH HỢP TÁC QUỐC TẾ

Nhờ triển khai hiệu quả các dự án, tạo dựng vị thế và uy tín trên thị trường quốc tế, SeABank tiếp tục nhận được sự tin tưởng hợp tác, đầu tư từ nhiều tổ chức uy tín trong năm 2024, tiêu biểu:

- Ký kết hợp tác chiến lược với Tổ chức thẻ quốc tế Visa nhằm phát triển mạnh mẽ dịch vụ thanh toán số.
- IFC cung cấp thêm khoản vay 75 triệu USD cho SeABank nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện, nâng gấp đôi hạn mức TTTM cho SeABank lên mức 40 triệu USD.
- Quỹ đầu tư cho các nước đang phát triển của Chính phủ Na Uy (Norfund) đầu tư 30 triệu USD dưới dạng khoản vay có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của SeABank trong vòng 4 năm nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện.



RA MẮT ĐỊNH VỊ MỚI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG ƯU TIÊN

Với hành trình 10 năm không ngừng kiến tạo sản phẩm dịch vụ và mang tới những trải nghiệm đẳng cấp cho phân khúc khách hàng ưu tiên (KHUT), SeABank chính thức giới thiệu Định vị giá trị mới dành cho hội viên SeAPremium với 3 trụ cột: Stability - An toàn, bền vững, Exclusivity - Độc quyền, độc bản, Advisory - Tin cậy, chuyên biệt. Với những giá trị cốt lõi này, SeABank cam kết tiếp tục mang lại những dịch vụ tốt nhất, đáp ứng cao nhất nhu cầu của khách hàng.



NGÂN HÀNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Với tinh thần "Vi Cộng đồng", SeABank tiếp tục tạo nên giá trị tốt đẹp thông qua nhiều hoạt động ý nghĩa với tổng chi phí gần 24 tỷ đồng, tiêu biểu như: ủng hộ kinh phí xóa nhà tạm, nhà dột nát, xây nhà cho người nghèo tại Hòa Bình, Nghệ An...; ủng hộ địa phương, người dân bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 (Yagi); trồng rừng, thu gom rác bảo vệ môi trường; trao học bổng cho các học sinh nghèo hiếu học; tặng quà cho các cụ già neo đơn, người tàn tật, người mắc bệnh hiểm nghèo; hiến máu cứu người...



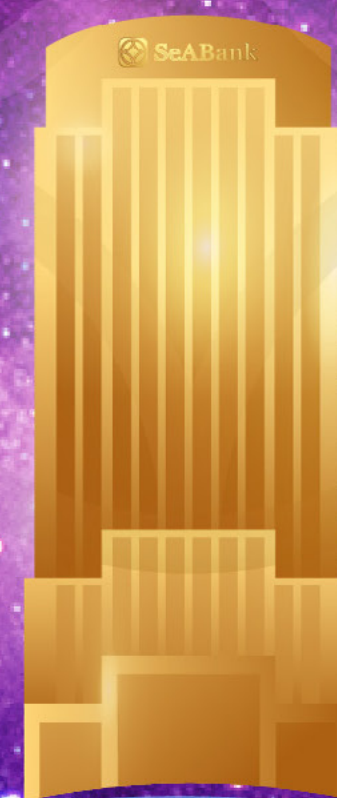
RA MẮT CHÍNH SÁCH KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP THÂN THIẾT SEALOYALTY

SeABank chính thức ra mắt chính sách dành cho khách hàng doanh nghiệp (KHDN) thân thiết - SeALoyalty với nhiều đặc quyền tài chính và phi tài chính, khẳng định đẳng cấp xứng tầm cho doanh nghiệp. Chính sách gồm 3 hạng: Platinum, Diamond, Gold với các đặc quyền theo từng phân hạng, đi kèm nhiều ưu đãi giá trị khác. SeALoyalty như một lời tri ân gửi đến khách hàng, mang tới những trải nghiệm và đặc quyền chuyên biệt, qua đó thúc đẩy tăng trưởng và kết nối các giá trị bền vững cho doanh nghiệp.

SỨC MẠNH BỀN BỈ

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ SEABANK

CHƯƠNG II: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG
PHÁT TRIỂN TỚI 2028





I. TỔNG QUAN VỀ SEABANK

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên tiếng Việt
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

Tên tiếng Anh
SOUTHEAST ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Tên viết tắt
SEABANK

Năm thành lập
1994

Địa chỉ
198 TRẦN QUANG KHẢI, P. LÝ THÁI TỔ, Q. HOÀN KIẾM, TP. HÀ NỘI

Hotline
1900 555 587

Website
SEABANK.COM.VN

Email
CONTACT@SEABANK.COM.VN

MÃ SỐ DOANH NGHIỆP

0200253985

do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/01/2005.

MÃ CỔ PHIẾU: SSB

VỐN ĐIỀU LỆ

28.350.000.000.000 đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

35.002.854.400.533 đồng

THÀNH VIÊN CÁC HIỆP HỘI, NGÀNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Tên Tổ chức, Hiệp hội	Vai trò tham gia	Thời gian tham gia
Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	Ngân hàng thành viên	1994
Hiệp hội Swift – Hiệp hội viễn thông liên ngân hàng và tài chính quốc tế	Ngân hàng thành viên	06/2005
Hiệp hội Thẻ Ngân hàng Việt Nam	Ngân hàng thành viên	10/2008
Tổ chức thẻ quốc tế MasterCard	Ngân hàng thành viên	02/2009
Tổ chức thẻ quốc tế Visa	Ngân hàng thành viên	01/2010
Tổ chức thẻ NAPAS (hay còn là Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam)	Ngân hàng thành viên	10/2012
Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA)	Ngân hàng thành viên	2017
Tổ chức thẻ quốc tế JCB	Ngân hàng thành viên	03/2022

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1994

Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Hải Phòng - tiền thân của SeABank được thành lập tại Hải Phòng ngày 24/3/1994.

2002

Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - SeABank.

2005

Chính thức chuyển Hội sở từ Hải Phòng về 16 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

2009

- Chính thức triển khai theo mô hình ngân hàng bán lẻ.
- Chuyển Hội sở về 25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2011

- Khai trương Văn phòng Đại diện thành phố Hồ Chí Minh.
- Trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chấp nhận tất cả các loại thẻ quốc tế.

2012

- Được NHNN xếp vào nhóm 1 và lựa chọn vào danh sách đủ điều kiện tham gia phục vụ các dự án Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tại Việt Nam.
- Nhận Huân chương Lao động hạng Ba cho những đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2007 - 2011.

2017

- Chuyển đổi mô hình hoạt động lấy khách hàng là trọng tâm với khát vọng trở thành Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất.
- Nhận Huân chương Lao động hạng Nhì vì thành tích xuất sắc trong công tác giai đoạn 2011- 2017.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2018

- Công bố bộ 5 giá trị cốt lõi: Vì cộng đồng, Luôn minh bạch, Đồng chí hướng, Say khát vọng, Mãi vững bền.
- Tăng vốn điều lệ lên 7.688 tỷ đồng.

2019

- Moody's công bố xếp hạng tín nhiệm lần đầu tiên cho SeABank ở mức B1.
- Đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực quốc tế Basel II trước thời hạn.
- Tăng vốn điều lệ lên 9.369 tỷ đồng.

2020

- Ra mắt ứng dụng SeAMobile - Trợ lý tài chính cá nhân đồng nhất trên mọi nền tảng.
- Ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II trước thời hạn.
- Tăng vốn điều lệ lên 12.087 tỷ đồng.
- Được vinh danh Thương hiệu Quốc gia 2020.

2021

- Niêm yết 1,2 tỷ cổ phiếu SSB trên HOSE.
- Moody's nâng đánh giá triển vọng của SeABank từ Ổn định lên Tích cực, giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm mức B1.
- Tăng vốn điều lệ lên 14.785 tỷ đồng.

2022

- Chuyển Hội sở chính về tòa nhà BRG Tower - 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Moody's giữ nguyên đánh giá tín dụng cơ sở (BCA) mức B1, tăng bậc xếp hạng nhiều danh mục lên Ba3.
- Triển khai các chuẩn mực Basel III.
- Huy động quốc tế đạt 495 triệu USD.
- Mạng lưới giao dịch đạt 181 điểm trải khắp 31 tỉnh thành.
- Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Nguyễn Thị Nga nhận Huân chương Lao động hạng Nhất vì thành tích xuất sắc trong công tác giai đoạn 2016- 2020.

2023

- Cổ phiếu SSB được đưa vào danh mục MSCI Frontier Markets Index và rổ VN30-Index.
- Ký hợp đồng chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty Tài chính PTF cho AEON Financial Service (AFS).
- Tăng vốn điều lệ lên 24.957 tỷ đồng.

2024

- Phát hành trái phiếu xanh lam đầu tiên tại Việt Nam.
- Tăng vốn điều lệ lên 28.350 tỷ đồng.
- Nâng cấp thành công hệ thống T24 lên phiên bản R22.
- Mở rộng hợp tác với nhiều tổ chức uy tín như IFC, AIB, Visa, Norfund... Huy động quốc tế đạt 850 triệu USD chưa bao gồm tài trợ thương mại (TTTM).
- SeABank nhận Huân chương Lao động hạng Nhất vì thành tích xuất sắc trong công tác giai đoạn 2018 - 2022.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

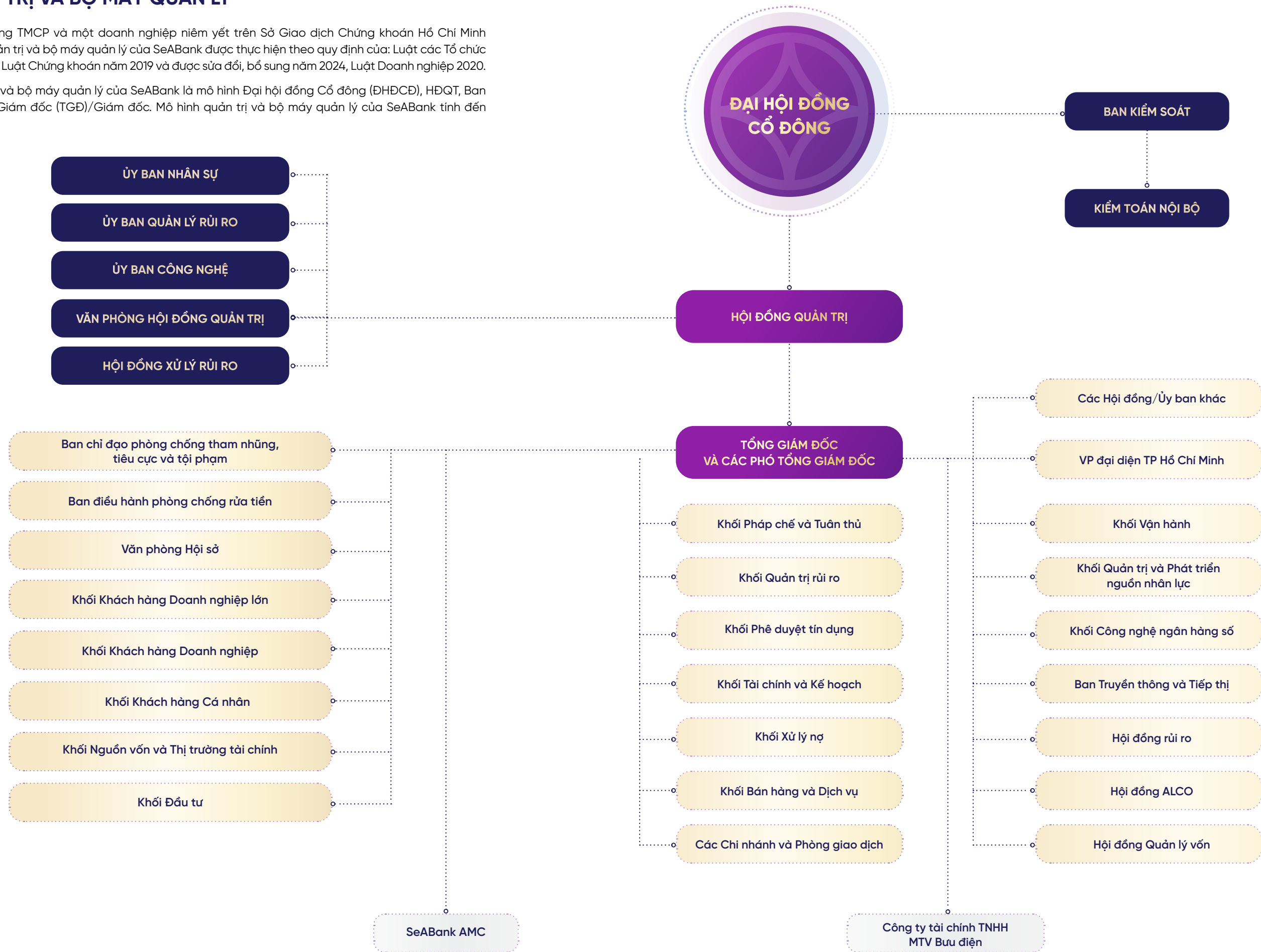
	HUY ĐỘNG VỐN
	PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI, KỲ PHIẾU, TÍN PHIẾU, TRÁI PHIẾU ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
	CẤP TÍN DỤNG DƯỚI CÁC HÌNH THỨC: CHO VAY; CHIẾT KHẤU THƯƠNG PHIẾU, TRÁI PHIẾU VÀ GIẤY TỜ CỐ GIÁ; BẢO LÃNH NGÂN HÀNG; BAO THANH TOÁN; VÀ CÁC HÌNH THỨC CẤP TÍN DỤNG KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA NHNN
	CUNG ỨNG CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN; CÁC DỊCH VỤ THANH TOÁN QUA TÀI KHOẢN CHO KHÁCH HÀNG
	KINH DOANH, CUNG ỨNG DỊCH VỤ NGOẠI HỐI TRÊN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ TRONG PHẠM VI DO NHNN QUY ĐỊNH
	KINH DOANH, CUNG ỨNG SẢN PHẨM PHÁI SINH LÃI SUẤT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ HƯỚNG DẪN CỦA NHNN
	TIẾP NHẬN VỐN ỦY THÁC ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC TỔ CHỨC TRONG NƯỚC
	ĐẠI LÝ TRONG LĨNH VỰC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG, QUẢN LÝ TÀI SẢN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ HƯỚNG DẪN CỦA NHNN VIỆT NAM
	DỊCH VỤ QUẢN LÝ TIỀN MẶT, CÁC DỊCH VỤ QUẢN LÝ, BẢO QUẢN TÀI SẢN
	CÁC DỊCH VỤ BẢO QUẢN TÀI SẢN, CHO THUÊ TỦ, KẾT AN TOÀN
	DỊCH VỤ MÔI GIỚI TIỀN TỆ; KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG
	CÁC DỊCH VỤ KHÁC THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ GIẤY PHÉP DO NHNN CẤP.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

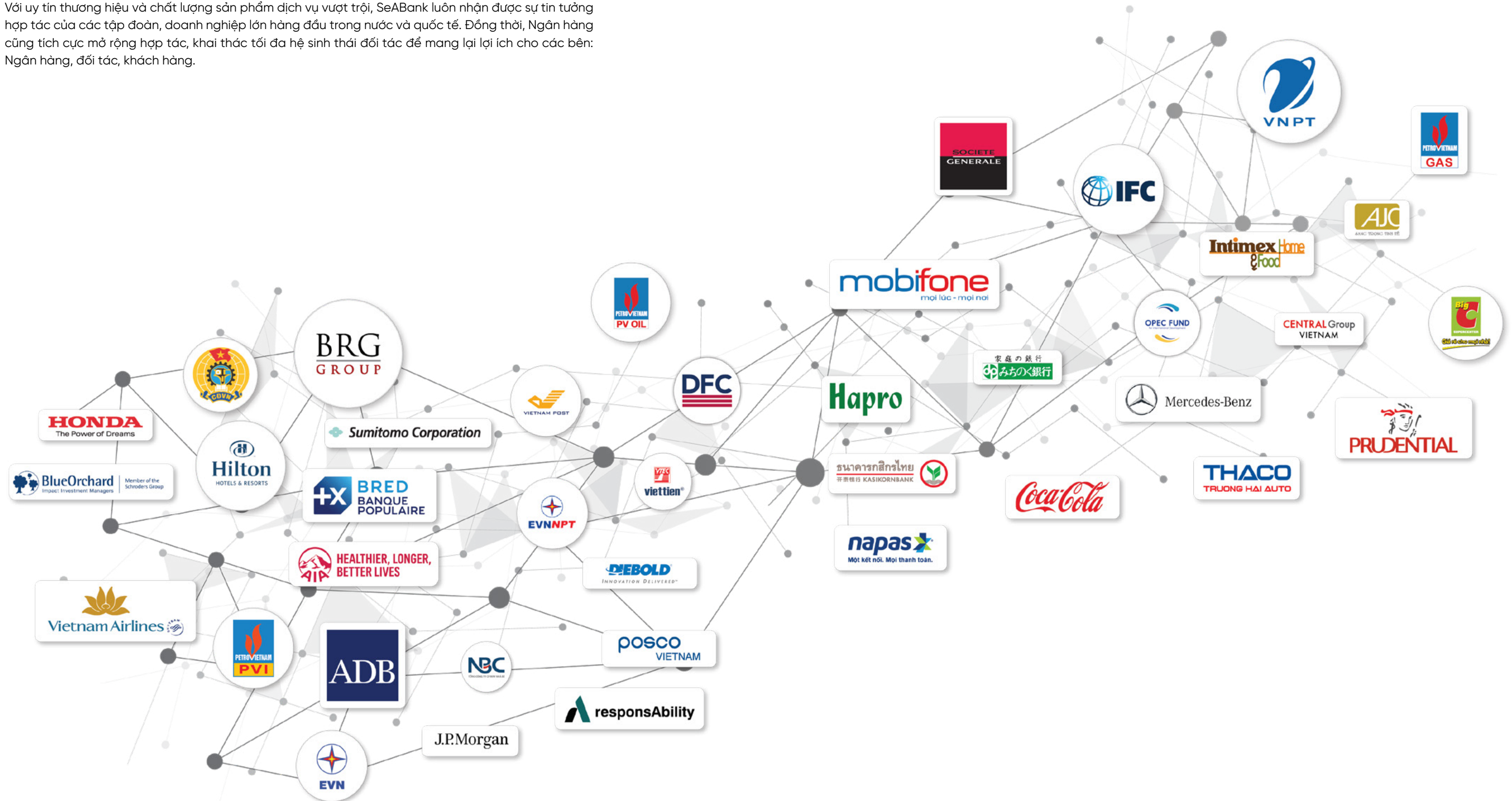
SeABank là một ngân hàng TMCP và một doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE). Vì vậy, mô hình quản trị và bộ máy quản lý của SeABank được thực hiện theo quy định của: Luật các Tổ chức Tín dụng (TCTD) năm 2024, Luật Chứng khoán năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung năm 2024, Luật Doanh nghiệp 2020.

Theo đó, mô hình quản trị và bộ máy quản lý của SeABank là mô hình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ), HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (TGD)/Giám đốc. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý của SeABank tính đến 31/12/2024 như sau:



ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC

Với uy tín thương hiệu và chất lượng sản phẩm dịch vụ vượt trội, SeABank luôn nhận được sự tin tưởng hợp tác của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn hàng đầu trong nước và quốc tế. Đồng thời, Ngân hàng cũng tích cực mở rộng hợp tác, khai thác tối đa hệ sinh thái đối tác để mang lại lợi ích cho các bên: Ngân hàng, đối tác, khách hàng.



CÔNG TY CON, HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CON

SeABank sở hữu 2 công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank (SeABank AMC) và Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện (PTF). Trong đó, 100% phần vốn góp của SeABank tại PTF chính thức được NHNN chấp thuận chuyển nhượng cho AEON Financial Services theo Quyết định số 2871/QĐ-NHNN ngày 30/12/2024.

	CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN SEABANK (SEABANK AMC)
TÊN DOANH NGHIỆP	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank
GIẤY CNĐKKD SỐ	0103099985 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 10/12/2024
TRỤ SỞ CHÍNH	Số 254C phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
VỐN ĐIỀU LỆ ĐĂNG KÝ	1.000.000.000.000 VND
VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP	1.000.000.000.000 VND
CHỦ SỞ HỮU	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
TỶ LỆ SỞ HỮU	100%
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Quản lý nợ và khai thác tài sản

Ngày 03/12/2008, SeABank AMC đã được thành lập dưới sự chấp thuận của NHNN nhằm phục vụ nhu cầu quản lý nợ và khai thác tài sản của SeABank thông qua việc tiếp nhận, quản lý và thu hồi các khoản nợ phải thu, nợ khó đòi từ phía ngân hàng, đảm bảo kinh doanh an toàn và bền vững của ngân hàng.

Bên cạnh đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ xấu của chính SeABank, SeABank AMC sẽ sử dụng các kỹ năng chuyên sâu của mình để phục vụ nhu cầu xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp khác, giúp nguồn vốn trong nền kinh tế lưu chuyển minh bạch và thông thoáng hơn.

Hoạt động kinh doanh năm 2024:

Năm 2024, SeABank AMC tiếp tục triển khai các hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ:

- Tham gia mua đấu giá tài sản thi hành án (tài sản liên quan đến xử lý nợ của SeABank) từ các trung tâm bán đấu giá nhằm hạn chế thất thoát, giảm giá trị tài sản thế chấp.
- Thực hiện các thủ tục hợp thức hóa quyền sở hữu tài sản đã mua với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, sau đó chủ động triển khai bán ra thị trường để thu hồi tối đa vốn cho SeABank.
- Triển khai vận hành hoạt động, quản lý và cung ứng dịch vụ cho thuê văn phòng tại các tòa nhà cho thuê của SeABank AMC và của SeABank ủy thác trên khắp cả nước.

Kết quả kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng
		(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(%)
1	Tổng tài sản	889	1.169	31%
2	Lợi nhuận trước thuế	29,4	34,4	17%



CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH MTV BƯU ĐIỆN (PTF) (*)

TÊN DOANH NGHIỆP	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện
GIẤY CNĐKKD SỐ	0100796508 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 1/10/2010, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 22/03/2023
TRỤ SỞ CHÍNH	Tầng 1 & 2, số 3 Đặng Thái Thân, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
VỐN ĐIỀU LỆ ĐĂNG KÝ	1.550.000.000.000 VND
VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP	1.550.000.000.000 VND
CHỦ SỞ HỮU	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á <i>*Việc mua bán, chuyển nhượng 100% phần vốn góp của SeABank tại PTF cho AFS chính thức được NHNN chấp thuận theo Quyết định số 2871/QĐ-NHNN ngày 30/12/2024. Sau khi các thủ tục bàn giao hoàn tất (dự kiến trong Quý I/2025), PTF sẽ không còn là công ty con của SeABank</i>
TỶ LỆ SỞ HỮU	100%
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Tài chính tiêu dùng

Thành lập vào tháng 10/1998 với 100% thuộc sở hữu của VNPT, PTF là một trong những TCTD phi ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam. Năm 2018, được sự chấp thuận của Thống đốc NHNN, VNPT đã chuyển giao 100% vốn góp tại PTF cho SeABank. Sau khi được chuyển giao và tái cơ cấu, PTF tập trung xây dựng và cung cấp nhiều loại hình cho vay với thủ tục nhanh gọn, đa dạng hóa sản phẩm với lãi suất cho vay hấp dẫn để đáp ứng nhu cầu thiết yếu, đa dạng từ khách hàng.

Tháng 10/2023, SeABank và AFS ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của SeABank tại PTF, tương đương 100% vốn điều lệ của PTF. Việc mua bán, chuyển nhượng chính thức được chấp thuận bởi NHNN theo Quyết định số 2871/QĐ-NHNN ngày 30/12/2024.

Hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2024:

Năm 2024, PTF tiếp tục đối mặt với những thách thức từ thị trường tài chính tiêu dùng, nhưng với chiến lược linh hoạt và nền tảng quản trị vững chắc, công ty đã đạt được những kết quả ấn tượng.

Nhờ các giải pháp tối ưu hóa danh mục sản phẩm, mở rộng kênh phân phối hiện đại, kết nối với các đối tác tài chính và đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, PTF đã ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ.

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	353	1.118	216%
Lợi nhuận ròng	49	133	172%
Tổng tài sản	5.638	4.608	-18%
Tổng vốn chủ sở hữu	1.298	1.4131	10%
Tổng cho vay tài chính tiêu dùng	2.773	3.150	14%
Dư nợ	3.948	4.325	10%

Mặc dù tổng tài sản giảm 18% so với năm trước, xuống còn 4.608 tỷ đồng, nhưng tổng vốn chủ sở hữu vẫn tăng 10%, phản ánh sự cải thiện về khả năng tự chủ tài chính. Đặc biệt, tổng số khách hàng hiện hữu tăng 41.000 người tương đương tỉ lệ tăng trưởng 26%, đạt 197.000 khách hàng.

Những thành quả này khẳng định chiến lược đúng đắn của PTF trong việc kiểm soát rủi ro, PTBV và nâng cao hiệu quả kinh doanh.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGẮN, TRUNG, DÀI HẠN

CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA SEABANK TỚI NĂM 2028

Mục tiêu và chiến lược phát triển tới năm 2028 của SeABank:

Mục tiêu	Định hướng triển khai
Trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất Việt Nam	Bám sát tôn chỉ hoạt động “Lấy khách hàng làm trọng tâm”, SeABank hướng đến nâng cao trải nghiệm và quyền lợi của mọi đối tượng khách hàng thông qua: - Đầu tư công nghệ: Xây dựng nền tảng kỹ thuật số tiên tiến nhằm cải tiến sản phẩm dịch vụ và tối ưu quy trình, gia tăng trải nghiệm khách hàng và đơn giản hóa việc quản lý tài chính. - QTRR: Tăng cường QTRR theo quy định của Việt Nam và chuẩn quốc tế, ứng dụng công nghệ để giảm thiểu rủi ro, nâng cao tính an toàn, đảm bảo quyền lợi của khách hàng và các bên hữu quan. - Phát triển khách hàng: Phục vụ khách hàng tối đa thông qua đa kênh, hệ thống sản phẩm dịch vụ đa dạng, triển khai các giải pháp tài chính toàn diện và dịch vụ “may đo” theo nhu cầu, phân khúc khách hàng.
Trở thành ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức	Tập trung đẩy mạnh văn hóa tổ chức theo hướng nhân văn thông qua: - Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, tôn trọng nơi CBNV có cơ hội bình đẳng để thể hiện, bứt phá. - Nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các CBNV, giữa CBNV với Ngân hàng thông qua hàng loạt chương trình tri ân, hoạt động tập thể gắn kết nội bộ. - Lan tỏa các giá trị nhân văn và chia sẻ yêu thương từ nội bộ tới cộng đồng thông qua chuỗi hoạt động ASXH và hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ.
Phát triển nguồn nhân lực tạo đà PTBV	Xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để phát triển sức mạnh nội tại, SeABank phát triển nguồn nhân lực thông qua: - Các chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ và phúc lợi cạnh tranh. - Tổ chức chương trình đào tạo, lộ trình thăng tiến phù hợp nhằm tạo cơ hội phát triển năng lực.
Phát triển bền vững dựa trên 3 trụ cột chính: Môi trường (E) – Xã hội (S) – Quản trị (G)	PTBV toàn diện thông qua tích hợp các nguyên tắc, tiêu chuẩn ESG vào chiến lược hoạt động kinh doanh. Chi tiết định hướng chiến lược PTBV dựa trên 3 trụ cột ESG được trình bày tại Chương I, trang 38 – 39 của Báo cáo này.
Định hướng tăng trưởng thông qua cụ thể hóa các chỉ tiêu SMART	SeABank thiết lập các mục tiêu tài chính tới năm 2028 theo nguyên tắc SMART với 5 yếu tố: Cụ thể (Specific) – Đo lường (Measurable) – Khả thi (Attainable) – Phù hợp (Relevant) – Giới hạn thời gian (Timebound). Đến năm 2028, SeABank đặt mục tiêu đạt 10 triệu khách hàng, tỷ trọng thu nhập ngoài lãi (Noll) chiếm hơn 38% tổng thu nhập, tỷ lệ giao dịch trực tuyến 70%, tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) đạt 36% và tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.

CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chiến lược dài hạn – Phát triển bền vững toàn diện các giá trị cốt lõi:

KẾT NỐI VÀ MANG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CHO KHÁCH HÀNG, CÁC BÊN LIÊN QUAN, CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Kinh doanh và hoạt động có trách nhiệm gắn với lợi ích và giá trị ý nghĩa cho cộng đồng.

Hoạt động dựa trên các giá trị nhân văn bám sát 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, tiên phong thực hiện và lan tỏa các giá trị tới CBNV, khách hàng, cộng đồng xã hội và các bên liên quan.

Gắn kết trách nhiệm của Ngân hàng, các cá nhân, tổ chức, khách hàng, cộng đồng xã hội và toàn bộ các bên liên quan.



VÌ CỘNG ĐỒNG

LUÔN MINH BẠCH



LUÔN MINH BẠCH ĐỂ XÚNG ĐÁNG VỚI NGHỀ NGHIỆP TRONG MẮT KHÁCH HÀNG

Đảm bảo công bố thông tin đầy đủ, chính xác, rõ ràng.

Thông tin nhanh, kịp thời, hiệu quả dưới nhiều hình thức, theo hướng thân thiện đối với người đọc, đáp ứng đa dạng các nhu cầu của các bên liên quan.

Tuân thủ quy định, nguyên tắc và chuẩn mực khi tương tác với các bên liên quan.

Không tham ô, tư lợi cá nhân.

Nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo quy định của pháp luật và các thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam và quốc tế.

ĐỒNG CHÍ HƯỚNG



TINH THẦN LÀM VIỆC TRÁCH NHIỆM, ĐỒNG LÒNG, VÌ NIỀM TIN CỦA KHÁCH HÀNG

Lấy khách hàng làm trọng tâm, đặt trải nghiệm và lợi ích khách hàng là cốt lõi của hoạt động, không ngừng tự hoàn thiện và phát triển để đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng.

Không ngừng cải thiện trên mọi phương diện để đảm bảo lợi ích, quyền lợi của cổ đông, đối tác và các bên liên quan.

SAY KHÁT VỌNG



KHÁT VỌNG CỐNG HIẾN VÀ KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ, CHINH PHỤC THÀNH CÔNG

Lan tỏa và thúc đẩy tinh thần bứt phá, khát vọng cống hiến vì Ngân hàng, tinh thần vì cộng đồng từ trong mỗi CBNV, qua đó tạo nguồn sức mạnh nội tại mạnh mẽ, đưa tập thể vươn lên chinh phục thành công.

MÃI VỮNG BỀN



MỞ RỘNG PTBV PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tăng trưởng bền vững về quy mô, sản phẩm, dịch vụ để mang lại nhiều giá trị thiết thực, lợi ích cho các bên liên quan.

Duy trì hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ, tích cực tổ chức các hoạt động ASXH và tham gia hoạt động ASXH của các cơ quan nhà nước, tổ chức/hiệp hội, đối tác.

Không ngừng đổi mới, đóng góp ý tưởng và triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, hoạt động ASXH để phục vụ cộng đồng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGẮN, TRUNG, DÀI HẠN

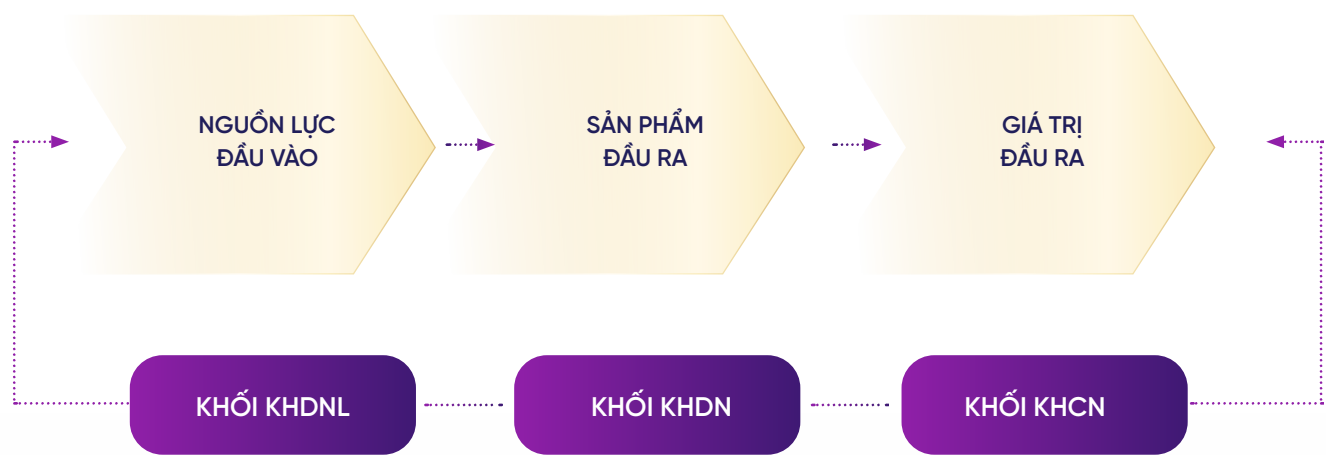
Mục tiêu phát triển bền vững dựa trên 03 trụ cột ESG giai đoạn 2021–2025:

Trụ cột	Mục tiêu	Định hướng triển khai
MÔI TRƯỜNG (Environmental)	Tích hợp các tiêu chí bảo vệ môi trường vào hoạt động kinh doanh và quản lý rủi ro tín dụng	Xây dựng chính sách tín dụng xanh: - Ưu tiên cấp tín dụng và giải ngân cho các dự án thân thiện với môi trường, đặc biệt là các dự án năng lượng tái tạo và công nghệ sạch. - Cung cấp các sản phẩm tài chính bền vững như tín dụng xanh, trái phiếu xanh (green bonds, blue bonds...) để hỗ trợ các dự án về năng lượng tái tạo, sản xuất sạch, nông nghiệp hữu cơ... Quản lý rủi ro môi trường: - Áp dụng Sổ tay đánh giá rủi ro môi trường và xã hội cho các ngành kinh tế trong hoạt động cấp tín dụng, theo hướng dẫn của NHNN và/hoặc các tiêu chuẩn về quản lý rủi ro môi trường – xã hội theo khuyến nghị của các đối tác quốc tế. - Chính sách tín dụng có trách nhiệm: Không cấp tín dụng cho các dự án có rủi ro cao, các ngành nghề/linh vực có khả năng gây nguy hại đến môi trường thuộc danh sách loại trừ của SeABank. - Chuỗi cung ứng bền vững: Ưu tiên hợp tác với các đối tác, nhà cung cấp có hoạt động xanh – bền vững. Giảm thiểu tác động môi trường từ hoạt động ngân hàng: - Tiết kiệm năng lượng và sử dụng tài nguyên hiệu quả: thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, nước, giảm thiểu rác thải và xử lý rác thải, sử dụng tài nguyên hiệu quả trong hoạt động hàng ngày của ngân hàng. - Giảm phát thải carbon: Ứng dụng công nghệ số để giảm thiểu giao dịch giấy tờ, tối ưu hóa quy trình vận hành giúp giảm tiêu thụ năng lượng. - Lan tỏa tinh thần sống xanh: phát động hàng loạt hoạt động, phong trào xanh nhằm nâng cao ý thức, thúc đẩy và tạo thói quen xanh trong nội bộ và đối tác, cộng đồng.
XÃ HỘI (Social)	Đảm bảo trách nhiệm xã hội của ngân hàng đối với cộng đồng, khách hàng và CBNV	Phát triển cộng đồng: - Tổ chức và tham gia tài trợ các dự án phát triển hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, giáo dục, y tế... tại các địa phương trên toàn quốc. - Tham gia các chương trình ASXH, vì cộng đồng và bình đẳng xã hội do các cơ quan, đơn vị tổ chức.

Trụ cột	Mục tiêu	Định hướng triển khai
XÃ HỘI (Social) - tiếp -		Phát triển tài chính toàn diện: Cung cấp các sản phẩm tài chính vi mô cho DNVVN, nông dân và các nhóm dân cư yếu thế để thúc đẩy bình đẳng trong phát triển kinh tế. Lấy khách hàng làm trọng tâm: Cung cấp sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng, trải nghiệm vượt trội và phù hợp theo nhu cầu của từng đối tượng khách hàng, đảm bảo quyền lợi, minh bạch và công bằng đối với mọi đối tượng khách hàng. Phát triển nguồn nhân lực: Xây dựng môi trường làm việc công bằng, đa dạng và bao trùm; phát triển văn hóa doanh nghiệp gắn kết, tôn trọng và nhân văn; đảm bảo các tiêu chuẩn về quyền lợi, phúc lợi cho CBNV; tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp bình đẳng cho CBNV.
QUẢN TRỊ (Governance)	Thiết lập hệ thống quản trị minh bạch, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật	Cấu trúc quản trị rõ ràng: - Xác định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của HĐQT, BKS, BTGD, các Khối/Phòng/Ban và đơn vị chức năng. Quản trị minh bạch: - Thực hiện các chuẩn mực, thông lệ tốt về quản trị công ty theo Bộ quy tắc quản trị công ty của Việt Nam VNCG50 và hướng đến các chuẩn mực, thông lệ tốt về quản trị công ty của quốc tế như Bộ quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế - OECD/G20, các khuyến nghị của các tổ chức tài chính quốc tế như IFC, DFC... - Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, hướng tới công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định tại Thông tư 68/2024/TT-BTC. - Tránh xung đột lợi ích. - Chống tham nhũng và phòng chống rửa tiền. Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trên toàn hệ thống và hướng tới chuẩn mực quốc tế về kiểm soát nội bộ COSO, trong đó tập trung: - Xây dựng hệ thống quy định, quy trình nhất quán, đồng bộ, hiệu quả và tinh gọn, tuân thủ quy định của pháp luật; - Xây dựng khung quản lý rủi ro toàn diện, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro môi trường...; - Hệ thống phòng thủ 03 tuyến; - Xây dựng văn hóa tuân thủ, đạo đức.

CHUỖI GIÁ TRỊ VÀ CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CHO SEABANK THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TỚI NĂM 2028

SeABank đưa ra giải pháp tài chính toàn diện cho các doanh nghiệp lớn thông qua chuỗi giá trị của mình, không chỉ nhằm cung cấp các giải pháp tài chính mà còn giúp củng cố danh mục khách hàng hiện có và mở rộng mạng lưới khách hàng. Chuỗi giá trị của SeABank được xây dựng dựa trên ba phần chính: nguồn lực đầu vào, sản phẩm và giá trị đầu ra.



Xây dựng, quản lý và phát triển chuỗi giá trị:

- Khối KHDNL đóng vai trò là Khối đầu chuỗi kết nối và dẫn dắt Khối KHDN, Khối KHCN trong quá trình triển khai và phát triển các sản phẩm tài chính. Mỗi chuỗi giá trị của doanh nghiệp lớn được tiếp cận theo hướng riêng biệt; ngoài các sản phẩm theo ngành như bất động sản hay ô tô, SeABank còn xây dựng các gói sản phẩm riêng cho từng nhóm khách hàng.
- Để hỗ trợ chuỗi giá trị khách hàng một cách toàn diện, SeABank đã nhận được sự tư vấn chuyên sâu từ IFC nhằm triển khai dự án tài trợ chuỗi cung ứng (SCF) trên nền tảng công nghệ tiên tiến. Dự án SCF này giúp tối ưu hóa các quy trình tài trợ theo chuỗi, nâng cao hiệu quả tài chính cho doanh nghiệp và góp phần mở rộng hệ sinh thái dịch vụ của Ngân hàng.
- SeABank liên kết đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng cho hệ sinh thái phong phú và linh hoạt. Ví dụ, đối với khách hàng là chủ đầu tư dự án, Ngân hàng cung cấp các dịch vụ như cấp tín dụng, tài trợ cho nhà cung ứng và người sử dụng dịch vụ cuối cùng (enduser), cũng như các dịch vụ hỗ trợ cho CBNV của đối tác. Tương tự đối với các hãng ô tô, SeABank cung cấp các sản phẩm tín dụng cho các công ty con, tài trợ đại lý phân phối và enduser.

Nhờ vào chiến lược tiếp cận linh hoạt và sự phối hợp chặt chẽ với các đối tác lớn như Vietnam Airlines, VNPT, Sumitomo, Vietnam Post, Central Group, BigC, Nguyễn Kim, BRG mart, Hapro mart... SeABank đang không ngừng mở rộng chuỗi giá trị, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các bên liên quan và không bị giới hạn bởi thị trường, từ đó tạo động lực PTBV cho cả Ngân hàng và khách hàng.

Yếu tố tạo động lực tăng trưởng, thuận lợi cho SeABank thực hiện chiến lược dài hạn:

SeABank đang triển khai chiến lược 2025 - 2028 với các yếu tố tạo động lực tăng trưởng và thuận lợi như tài chính, công nghệ số, quản trị, môi trường, xã hội... Các yếu tố này đã đóng góp đáng kể vào chuỗi giá trị và việc triển khai chiến lược của SeABank, giúp tăng tính hiệu quả vận hành và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

TÀI CHÍNH

SeABank có nguồn vốn dồi dào và có khả năng huy động vốn từ các nguồn khác nhau để đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng và sinh lợi cao. Điều này giúp ngân hàng có khả năng tăng cường hoạt động tín dụng và mở rộng phạm vi hoạt động của mình, từ đó đưa đến tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

CÔNG NGHỆ SỐ

SeABank đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ số và thành lập Ủy ban Công nghệ để tham mưu cho HĐQT liên quan đến việc đầu tư và chuyển đổi công nghệ số của Ngân hàng nhằm cải thiện và tối ưu hoạt động. Việc ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, big data và điện toán đám mây giúp tăng cường hiệu quả hoạt động của ngân hàng, tăng cường sự đổi mới và phục vụ khách hàng tốt hơn. Điều này giúp tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DỰA TRÊN 03 TRỤ CỘT ESG

E

Môi trường: SeABank có những chính sách và hoạt động bảo vệ môi trường, hướng tới sử dụng nguồn năng lượng tái tạo và giảm thiểu tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường. Đồng thời, Ngân hàng triển khai các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng Xanh và quản lý rủi ro MTXH trong các hoạt động ngân hàng, hướng đến tài chính xanh và kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng bền vững.

S

Xã hội: SeABank tập trung phát triển nguồn nhân lực để tạo động lực tăng trưởng, để cao những yếu tố nhân văn, xây dựng môi trường làm việc công bằng, đa dạng và bao trùm, đảm bảo các tiêu chuẩn về quyền lợi, phúc lợi cho nhân viên, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Ngân hàng cũng thường xuyên triển khai hoạt động xã hội hóa, hướng tới cộng đồng tập trung vào các lĩnh vực SDGs như: giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo...

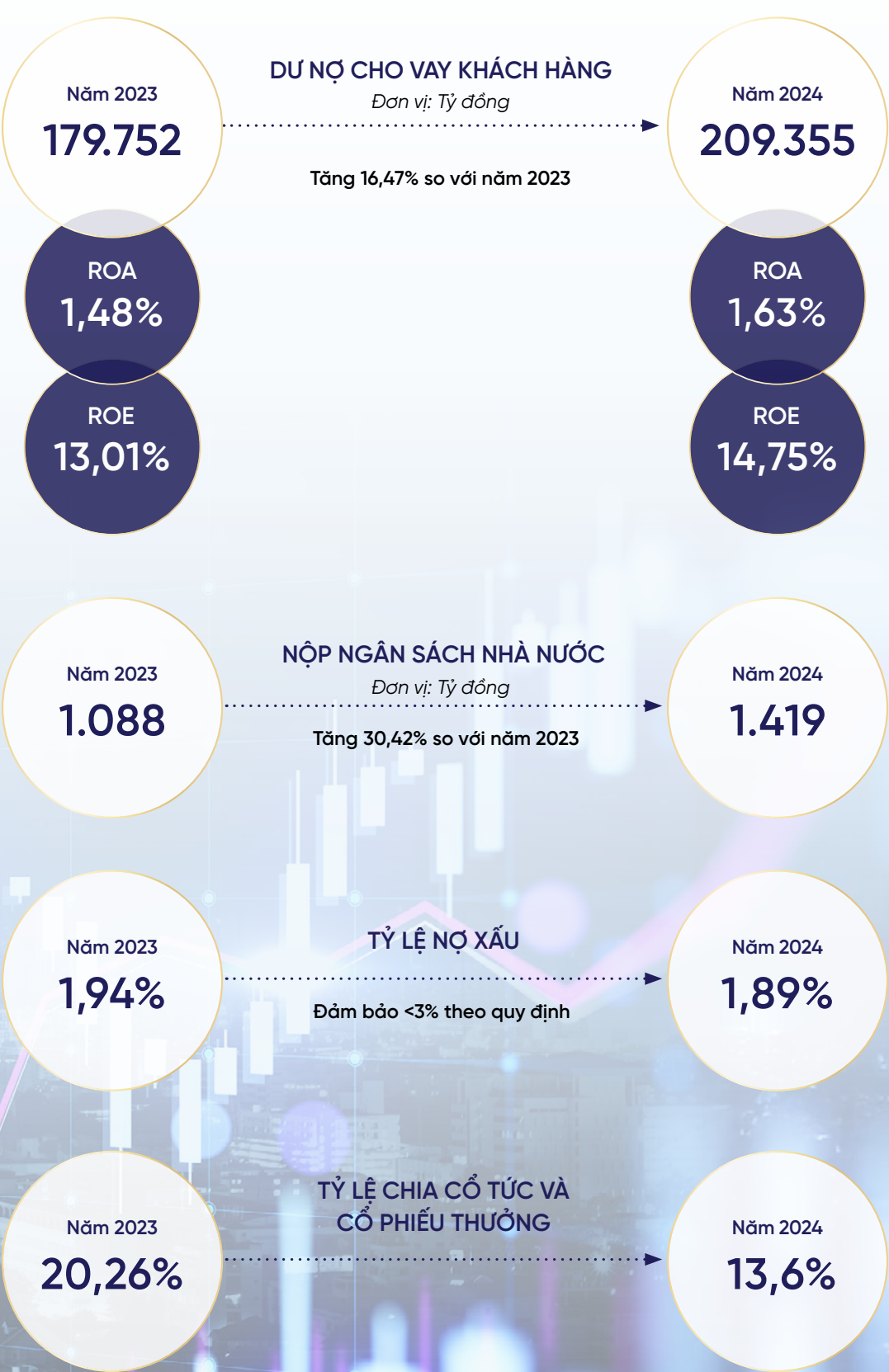
G

Quản trị: SeABank có chính sách quản trị chuyên nghiệp và tiên tiến, từ đó giúp đảm bảo hoạt động của Ngân hàng được tổ chức hiệu quả. Hệ thống QTRR được cập nhật liên tục và các quy trình hoạt động hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế, giúp giảm thiểu rủi ro và tăng cường sự tin tưởng của khách hàng. Điều này giúp Ngân hàng duy trì hoạt động hiệu quả, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỚI 2028

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả kinh doanh năm 2024 của SeABank:



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp)

LỢI NHUẬN

Lợi nhuận của SeABank đạt được từ:

- Tập trung các sản phẩm cho vay biên độ sinh lời tốt;
- Tối ưu hóa chi phí vốn, đa dạng hóa nguồn vốn, tăng trưởng CASA;
- Chú trọng đến các sản phẩm phi tín dụng, tăng trưởng mạnh ở hoạt động cung cấp dịch vụ, đặc biệt phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng cùng các đối tác chiến lược;
- Tăng năng suất lao động và tiết giảm tối đa chi phí quản lý.

TỶ LỆ NỢ XẤU VÀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2024 là 1,89%, giảm so với mức 1,94% của năm 2023 và luôn được duy trì ở mức dưới 3% theo quy định của NHNN xuyên suốt năm 2024. Điều này là nhờ SeABank tích cực triển khai các biện pháp xử lý nợ linh hoạt và cải thiện chất lượng tín dụng hiệu quả.

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024 là 12,84%. SeABank là một trong các Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được công nhận đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mục Basel II. Đồng thời, Ngân hàng đang triển khai áp dụng các chuẩn mục Basel III, hướng tới phát triển kinh doanh an toàn và bền vững.

TÀI SẢN

Tổng tài sản năm 2024 của SeABank đạt 325.699 tỷ đồng, tăng trưởng 22,39% so với năm 2023. Cơ cấu tài sản của SeABank luôn được duy trì phù hợp với khả năng quản lý và sinh lời tối đa cho Ngân hàng.

Đặt trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường toàn cầu và nội địa, tài sản của SeABank có mức tăng trưởng tốt, mang lại lợi nhuận tốt cho Ngân hàng, được phân bổ hợp lý luôn đảm bảo an toàn hoạt động.

VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024 đạt 35.003 tỷ đồng, tăng hơn 4.706 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2023. Trong năm 2024, SeABank đã tiến hành trích lập các quỹ theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 và hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 24.957 tỷ đồng lên 28.350 tỷ đồng (tăng 3.393 tỷ đồng).

Nguồn vốn chủ sở hữu tăng thêm giúp SeABank nâng cao năng lực tài chính để triển khai áp dụng tiêu chuẩn quốc tế như Basel III, cho phép Ngân hàng gia tăng sức chịu đựng trong trường hợp nền kinh tế có biến động xấu, từ đó tạo tiền đề để SeABank đầu tư cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG/PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá đạt 198.770 tỷ đồng, trong đó huy động từ tiền gửi khách hàng đạt hơn 168.320 tỷ đồng và phát hành giấy tờ có giá đạt 30.450 tỷ đồng, tăng trưởng 22,94% so với năm 2023.

Nguồn vốn huy động trong năm luôn được duy trì ở mức phù hợp, đảm bảo đáp ứng tốt nguồn vốn cho vay, khả năng thanh khoản của Ngân hàng, cơ cấu nguồn vốn tiếp tục được cải thiện theo hướng huy động bền vững cũng như đảm bảo giảm thiểu tối đa chi phí vốn cho Ngân hàng.

DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG

Tăng trưởng cấp tín dụng theo NHNN của SeABank năm 2024 đạt 20,42%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng đạt 209.355 tỷ đồng nhờ tập trung phát triển các sản phẩm thế mạnh, đa dạng hoạt động cho vay ở các lĩnh vực, ngành nghề.

Xu hướng chuyển dịch rõ rệt từ các ngành kinh tế có hệ số rủi ro cao sang các ngành kinh tế hoạt động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, cho vay phát triển làng nghề, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và DNVVN. Đồng thời, SeABank tiếp tục ưu tiên nguồn lực tiếp cận với các dự án cho vay nữ chủ, tiếp cận hợp tác với các dự án xanh, thân thiện với môi trường, tập trung vào các lĩnh vực năng lượng hiệu quả, giảm thiểu thất thoát năng lượng.

Chất lượng tín dụng ngày càng được nâng cao nhờ chuẩn hóa hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường các chốt kiểm soát, tập trung hóa nhiều nghiệp vụ từ khâu thẩm định khách hàng, phê duyệt, giải ngân cho đến khi khách hàng trả nợ.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- **Báo cáo tổng số nhân viên:** Tổng số lượng nhân sự bình quân năm 2024 là **5.562** người. Số lượng nhân sự thời điểm 31/12/2024 là **5.285** người.
- **Biến động nhân sự:** Số lượng nhân sự **tăng 1,5%** so với năm 2023.
- **Thu nhập trung bình: 30,11 triệu đồng/người/tháng**, tăng 14,6% so với thu nhập trung bình năm 2023.
- Tại thời điểm 31/12/2024, BTGD SeABank có 08 thành viên, trong đó có 02 thành viên nữ, bao gồm các thành viên có kinh nghiệm lâu năm, có chuyên môn cao và năng lực tốt (05 thành viên thuộc độ tuổi từ 50 – 60 tuổi và 03 thành viên thuộc độ tuổi từ 40 – dưới 50 tuổi).

DANH SÁCH BTGD (tại thời điểm 31/12/2024)

STT	Thành viên	Chức vụ	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
1	Lê Quốc Long (*)	TGD	Nam	13/05/1965	• Cử nhân Tài chính - Kế toán (Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội); Cử nhân Luật kinh tế. • Gần 40 năm kinh nghiệm về kinh doanh và tài chính. Trong đó, hơn 30 năm trong ngành Ngân hàng, 20 năm điều hành tại BTGD SeABank. Ông được bổ nhiệm TGD SeABank theo Quyết định 808/2023/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2023.	24/11/2023	0,160%
2	Vũ Đình Khoán	PTGD	Nam	01/10/1969	• Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế). • Gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, trong đó có 12 năm điều hành SeABank tại vị trí Giám đốc Khối Kiểm soát, Khối Hỗ trợ & Phát triển, PTGD.	12/07/2012	0,056%
3	Nguyễn Thị Thu Hương	PTGD	Nữ	29/06/1975	• Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế). • Gần 30 năm kinh nghiệm về Tài chính - Ngân hàng, trong đó 17 năm giữ các vị trí quan trọng tại SeABank như: Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ (KTNB), Giám đốc Khối Kế toán, PTGD.	01/06/2016	0,119%

STT	Thành viên	Chức vụ	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
4	Hoàng Mạnh Phú	PTGD	Nam	18/02/1970	• Cử nhân Kinh tế (Học viện Ngân hàng). • Gần 30 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực Ngân hàng, hơn 20 năm cống hiến tại SeABank với nhiều chức vụ quan trọng: Giám đốc Khu vực miền Bắc, Giám đốc Khối Tín dụng & Quản lý rủi ro, PTGD.	20/06/2018	0,050%
5	Nguyễn Tuấn Cường	PTGD	Nam	03/04/1965	• Kỹ sư Công nghệ thông tin (Đại học Bách khoa Vienna, Cộng hòa Áo). • Gần 20 đóng góp cho sự phát triển công nghệ mạnh mẽ của SeABank, giữ các vị trí quan trọng tại Khối CNNHS. Trước đó, ông đã có thời gian dài làm việc tại Cộng hòa Áo với các vị trí chuyên môn như: Lập trình viên, Quản trị mạng.	28/12/2013	0,044%
6	Đặng Thu Trang	PTGD	Nữ	29/09/1981	• Cử nhân Luật kinh tế (Đại học Luật Hà Nội). • 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, trong đó 17 năm giữ các vị trí quản lý quan trọng tại Văn phòng HĐQT và Văn phòng BTGD của SeABank, chuyên tư vấn và điều hành các vấn đề liên quan tới Luật, Nhân sự...	20/01/2020	0,018%
7	Nguyễn Hồng Quang (**)	PTGD	Nam	30/12/1985	• Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (Đại học Wales, Vương Quốc Anh). • 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, trong đó gần 10 năm cống hiến cho Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính SeABank tại các chức vụ quản lý quan trọng: Giám đốc Kinh doanh ngoại tệ, Giám đốc kinh doanh Ngoại hối và Vàng, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Khối...	23/02/2024	0,012%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp)

STT	Thành viên	Chức vụ	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
8	Nguyễn Tuấn Anh (**)	PTGD	Nam	14/04/1980	- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Đại học Hawaii, Mỹ). - Hơn 20 năm kinh nghiệm về Tài chính - Ngân hàng, chuyên trách các mảng kiểm toán, kế hoạch & chiến lược tài chính. Ông tham gia SeABank năm 2019 với vai trò Giám đốc Khối QTRR kiêm Giám đốc Chiến lược Tài chính và đã có nhiều đóng góp vượt bậc cho sự phát triển của Ngân hàng.	24/02/2024	0,008%

9	Nguyễn Ngọc Quỳnh (****)	PTGD	Nam	05/10/1973	- Cử nhân Kế toán (Học viện Ngân hàng). 30 năm kinh nghiệm về kế toán và kinh doanh nguồn vốn ngành Ngân hàng, trong đó hơn 20 năm giữ các chức vụ quản lý và điều hành quan trọng tại SeABank.	Miễn nhiệm từ ngày 23/02/2024	0,039%
---	--------------------------	------	-----	------------	---	-------------------------------	--------

10	Vo Long Nhi	PTGD	Nam	24/07/1973	- Cử nhân Tài chính (Đại học Simon Fraser, British Columbia, Canada). - Gần 10 năm quản lý và có nhiều đóng góp quan trọng tại Khối Đầu tư SeABank. Ông giữ chức PTGD SeABank từ 2021-2024 trước khi được bổ nhiệm Giám đốc Đối ngoại và Phát triển Dự án kiêm Trưởng Văn phòng Đại diện TP. HCM nhằm phục vụ cho chiến lược sắp tới của Ngân hàng.	Miễn nhiệm từ ngày 24/02/2024	0,028%
----	-------------	------	-----	------------	---	-------------------------------	--------

STT	Thành viên	Chức vụ	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
11	Trần Thị Thanh Thủy (*****)	PTGD	Nữ	16/01/1965	- Thạc sĩ Kinh tế (Học viện Kinh tế Quốc dân). - Gần 40 năm kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng, chuyên phụ trách các hoạt động kinh doanh và quan hệ khách hàng trên thị trường quốc tế. Bà có 10 năm cống hiến tại SeABank trong vai trò PTGD.	Miễn nhiệm từ ngày 17/04/2024	0,007%

(*) Ông Lê Quốc Long được bổ nhiệm chức danh Quyền TGD, phụ trách điều hành hoạt động của SeABank vào ngày 01/08/2023 trước khi chính thức được bổ nhiệm chức danh TGD vào ngày 24/11/2023 theo Quyết định 808/2023/QĐ-HĐQT. Trước đó, ông Lê Quốc Long đã tham gia công tác điều hành của SeABank với chức danh PTGD từ tháng 02/2005.

(**) Ông Nguyễn Hồng Quang – Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính được bổ nhiệm chức vụ PTGD SeABank kể từ ngày 23/02/2024 theo Quyết định số 128/2024/QĐ-HĐQT ngày 23/2/2024 của HĐQT.

(***) Ông Nguyễn Tuấn Anh – Giám đốc Khối QTRR được bổ nhiệm chức vụ PTGD SeABank kể từ ngày 24/02/2024 theo Quyết định số 129/2024/QĐ-HĐQT ngày 23/2/2024 của HĐQT.

(****) Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh được ĐHCĐ bất thường năm 2024 bầu giữ chức vụ thành viên BKS của Ngân hàng từ ngày 15/11/2024 theo Nghị quyết số 03 của ĐHCĐ.

(*****) Bà Trần Thị Thanh Thủy được ĐHCĐ thường niên năm 2024 của SeABank bầu đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 theo Nghị quyết số 15 của ĐHCĐ thường niên ngày 17/4/2024.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
Nguyễn Thị Hoài Phương	Nữ	05/10/1977	- Cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính. 25 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính - ngân hàng, chuyên về kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ. Bà có 17 năm cống hiến tại SeABank tại nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc Trung tâm Kế toán, Giám đốc Báo cáo và Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng.	14/7/2017	0,005%

THAY ĐỔI VỀ CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Mục tiêu của SeABank:

Bám sát tầm nhìn chiến lược PTBV, SeABank đặt mục tiêu phát triển nguồn nhân lực và nâng cao định vị giá trị nhân viên thông qua:

- Xây dựng môi trường làm việc dựa trên giá trị cốt lõi và mục tiêu PTBV nhằm kiến tạo một nền tảng vững chắc cho sự phát triển tương lai. Môi trường làm việc tại SeABank đề cao nguyên tắc bình đẳng, đa dạng và trao quyền cho CBNV nhằm xây dựng môi trường làm việc tạo động lực thúc đẩy hiệu quả, đồng hành và gắn kết. Các CBNV SeABank được khuyến khích thể hiện và khơi dậy tinh thần gắn bó, chia sẻ và yêu thương thông qua các hoạt động văn hóa tổ chức dựa trên giá trị cốt lõi của Ngân hàng.
- Đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng, không có sự phân biệt đối xử về dân tộc, tôn giáo, giới tính trong tổ chức. Bên cạnh đó, SeABank không sử dụng lao động trẻ em và luôn chủ động chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về lao động.
- Chú trọng đầu tư cải tiến, phát triển các hệ thống, chính sách nhân sự theo chiến lược nhân sự dài hạn.

Thay đổi chính sách nhân sự trong năm 2024:

Với tinh thần “Choose your fighter, be a legend!” năm 2024, SeABank đã triển khai nhiều thay đổi theo hướng cải tiến, gia tăng quyền lợi cho CBNV nhằm nâng cao tinh thần, tạo động lực để bứt phá. Một số thay đổi tiêu biểu như sau:

- Tăng cường chuyên môn hóa cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực để phục vụ tốt nhất chiến lược kinh doanh của Ngân hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống quản lý hiệu quả công việc theo KPIs đối với các Khối Hội sở và Đơn vị kinh doanh (ĐVKD); đồng thời cập nhật và nâng cao hiệu quả của hệ thống Total Rewards, chú trọng vào các chính sách thúc đẩy hiệu quả theo mục tiêu, chiến lược kinh doanh như: chính sách lương kinh doanh bổ sung, các chương trình thúc đẩy, thi đua kinh doanh.
- Quy hoạch và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận thông qua các chương trình đánh giá năng lực, quy hoạch và bổ nhiệm tại Hội sở và ĐVKD nhằm xây dựng nguồn lực cho sự PTBV của Ngân hàng.
- Phát triển các chính sách mới, nâng cao quyền lợi của các chính sách phúc lợi hiện hữu tập trung vào các yếu tố:
 - Bảo vệ sức khỏe: xây dựng môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp và chuyên nghiệp; chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện SeACare; chương trình khám sức khỏe định kỳ với các hạng mục khám chuyên sâu...
 - Đãi ngộ hấp dẫn: chương trình tri ân theo thâm niên (SeAProud); chương trình vay ưu đãi CBNV (SeAStaff Privilege)...
 - Thúc đẩy văn hóa công sở lành mạnh, gắn kết nhằm tăng hiệu quả hoạt động.
 - Các chính sách thu hút và giữ chân nhân tài: chính sách phát hành cổ phiếu lựa chọn cho CBNV (SeAESOP)...

CƠ CHẾ THAM VẤN VÀ BÁO CÁO CÁC MỐI QUAN NGẠI (WHISLEBLOWING, SPEAK-UP):

Việc khiếu nại/tố giác nội bộ được thực hiện như sau: Các CBNV tố giác/khiếu nại thông qua hotline baocaosaipham@seabank.com.vn và gs.rrhd@seabank.com.vn hoặc số điện thoại của Giám đốc Khối Pháp chế và Tuân thủ (PC&TT), Giám đốc Khối QTRR. Các Đơn vị tiếp nhận thông tin tố giác/khiếu nại có trách nhiệm điều tra, kiểm tra các thông tin có liên quan, báo cáo Cấp có thẩm quyền để có phương án xử lý kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các giải pháp và sự hiện diện của SeABank ở trong nước đã mang lại cho Ngân hàng lợi thế trong việc tiếp cận một mạng lưới khách hàng và đối tác chiến lược rộng lớn để tăng trưởng nhất quán và bền vững, tạo ra nhiều giá trị thiết thực. Những giá trị này được SeABank tiếp tục phân bổ tới các bên hữu quan nhằm kết nối, lan tỏa những giá trị, hướng tới cộng đồng thịnh vượng.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Đánh giá chỉ tiêu
Quy mô vốn					
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	266.122	325.699	Tăng 22,39%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	30.297	35.003	Tăng 4.706 tỷ đồng
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	24.957	28.350	Tăng 3.393 tỷ đồng
4	CAR	%	13,61	12,84	Đáp ứng cao hơn so với chuẩn Basel II
Các chỉ số kinh doanh chính					
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.616	6.039	- Tăng 30,83% so với năm 2023 - Hoàn thành vượt kế hoạch 103%
6	Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	Tỷ đồng	9.424	12.409	Tăng 31,67% so với năm 2023
7	Thu nhập ngoài lãi (Noll)	Tỷ đồng	2.353	2.433	-
8	ROA	%	1,48	1,63	-
9	ROE	%	13,01	14,75	-
10	Tỷ lệ nợ xấu	%	1,94	1,89	Đảm bảo <3% theo quy định của NHNN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tên dự án	Chi tiết mục đích, tình hình triển khai	Tiến độ triển khai
A. Các dự án đang triển khai		
Dự án chuyển đổi số dành cho KHCN - Nextgen (giai đoạn 5)	Mục đích: Dự án liên tục ứng dụng công nghệ để tạo ra nhiều sản phẩm/chức năng mới, tinh chỉnh hệ thống nhằm gia tăng tiện ích, năng cao trải nghiệm cho khách hàng. Mục tiêu giai đoạn 5: Sinh trắc học và bổ sung thêm các tiện ích, tính năng. Hoạt động chính được triển khai trong năm 2024: - Cải thiện hiệu năng và nâng cao trải nghiệm người dùng thông qua các tính năng: Game chào đón các dịp lễ; e-voucher cho khách hàng tương tác qua các sản phẩm số; quản lý sức khỏe tài chính cá nhân; trợ lý ảo... - Tăng cường số hóa sản phẩm dịch vụ: phát triển các chức năng cho vay, tiết kiệm, tài khoản số đẹp, các sản phẩm thẻ tín dụng và ghi nợ... trên nền tảng số. Tiêu biểu: dịch vụ cho vay cầm cố sổ tiết kiệm online (đã được chạy thử và dự kiến chính thức go-live Quý I/2025); tính năng chuyển tiền quốc tế KHCN đã được triển khai trên SeAMobile (đã go-live năm 2024); xây dựng tính năng nhận tiền kiểu hối online (dự kiến hoàn thành tháng 06/2025)... - Phát triển các tính năng mới về bảo vệ dữ liệu cá nhân: eKYC căn cước công dân gắn chip có xác thực từ C06, xác thực giao dịch bằng sinh trắc học đáp ứng quyết định 2345/QĐ-NHNN, xây dựng hệ thống chốt chặn khi giao dịch với số tiền lớn giúp hạn chế phần lớn các giao dịch lừa đảo... - Mở rộng mạng lưới hệ sinh thái đối tác để cung cấp nhiều dịch vụ ebank, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt: - Triển khai dịch vụ thanh toán qua mã QR với đối tác VNPay. - Mở chức năng mua vé máy bay online thông qua kết nối với đối tác Protech. - Kết nối với GHTK Pay để mở rộng dịch vụ nạp/rút ví điện tử. - Cung cấp thêm các dịch vụ: mua vé máy bay, mua xổ số, mua vé sự kiện, giải trí, quà tặng, quà lưu niệm... thông qua 2 đối tác là Protech và Vietlott. - Hoàn thiện hệ thống liên kết với eTax Mobile của Tổng cục thuế: khách hàng có thể hoàn thành nghĩa vụ thuế nhanh chóng, thuận tiện thông qua liên kết tài khoản thanh toán SeABank với ứng dụng eTax Mobile.	Thời gian triển khai: Tháng 1/2024 Tổng đầu tư năm 2024: 28,3 tỷ đồng

Tên dự án	Chi tiết mục đích, tình hình triển khai	Tiến độ triển khai
A. Các dự án đang triển khai		
Dự án triển khai hệ thống SeAMobile và SeANet cho KHDN	Mục đích: Dự án phát triển sản phẩm ebank dành cho KHDN (bao gồm KHDNL, DNVVN), liên tục cập nhật các công nghệ mới để tạo ra sản phẩm/chức năng mới, “may đo” hệ thống phù hợp nhu cầu từng đối tượng khách hàng nhằm tăng tiện ích, trải nghiệm một cách tối đa. Hoạt động chính được triển khai trong năm 2024: “May đo” hệ thống ebank theo nhu cầu cho các KHDNL như Vietnam Airlines, cung cấp các dịch vụ online trực tiếp từ hệ thống của khách hàng. - Phát triển các tính năng mới nhằm bảo vệ dữ liệu khách hàng: thu thập thông tin sinh trắc học của người đại diện doanh nghiệp theo pháp luật nhằm đáp ứng Thông tư số 17/2024/TT-NHNN. - Nâng cấp hệ thống cung cấp các nhóm chức năng như: chuyển tiền theo lô; chuyển tiền lương online; chức năng chọn users phê duyệt; chức năng điều chỉnh cấu hình duyệt và cấp quyền truy cập file duyệt linh hoạt cho từng user; sao kê theo theo lựa chọn tùy chỉnh... - Nâng cao trải nghiệm người dùng và dịch chuyển kênh quỹ lên kênh online thông qua các chức năng hoàn toàn mới: chuyển tiền quốc tế online; chuyển tiền tài khoản định danh; thanh toán ví điện tử; giải ngân online; bảo lãnh online...	Thời gian triển khai: Tháng 1/2024 Tổng đầu tư năm 2024: 18,75 tỷ đồng
Dự án mạng WAN thế hệ mới (Giai đoạn 1)	Mục đích: Dự án triển khai kiến trúc mạng WAN thế hệ mới hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Ngân hàng trong thời đại số. Các chức năng chính dự kiến triển khai: - Cung cấp kết nối cho người dùng ở nhiều vị trí, điểm giao dịch với các tài nguyên lưu trữ tại các trung tâm dữ liệu. - Hỗ trợ các giải pháp bảo mật tiên tiến, hiện đại. - Tự động hóa lựa chọn tuyến đường, đảm bảo định tuyến sử dụng kênh truyền với chất lượng tốt nhất. - Tận dụng hạ tầng internet trong nước không bị hạn chế tốc độ như mạng quốc tế. - Kiểm soát băng thông, kết nối hoặc trải nghiệm người dùng. - Xác thực người dùng và bảo vệ quyền truy cập vào các ứng dụng tại các điểm giao dịch. - Ngăn chặn rò rỉ dữ liệu, ngăn chặn sự lây lan của các phần mềm độc hại.	Thời gian triển khai: Tháng 12/2024 Tổng đầu tư: 15 tỷ đồng

Tên dự án	Chi tiết mục đích, tình hình triển khai	Tiến độ triển khai
A. Các dự án đang triển khai		
Dự án xây dựng hệ thống New LOS	Mục đích: Nâng cao trải nghiệm khách hàng, cải tiến quy trình vận hành và tăng năng suất lao động. Hoạt động chính năm 2024: Nghiên cứu công nghệ mới, xây dựng hệ thống LOS mới, tối ưu hóa quy trình luân chuyển chứng từ.	Thời gian triển khai: Tháng 1/2024 Tổng đầu tư: 4 tỷ đồng
Dự án tư vấn triển khai tài trợ chuỗi cung ứng (SCF)	Mục đích: SCF là một giải pháp tài chính nhằm tối ưu hóa dòng tiền cho cả người mua và nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng. Cải thiện dòng tiền cho cả người mua và nhà cung cấp. Các mục tiêu chính của dự án: - Giảm thiểu rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng. - Củng cố mối quan hệ giữa người mua và nhà cung cấp. - Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho các bên tham gia. Hoạt động chính: Dự án tư vấn triển khai SCF của SeABank tập trung vào việc cung cấp cho các nhà cung cấp khả năng tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp hơn, dựa trên uy tín tín dụng của người mua.	Thời gian dự kiến hoàn thành: Tháng 12/2025 Đơn vị tư vấn: IFC
Hệ thống quản lý thanh toán SeAPayment	Mục đích: Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán số nhằm phục vụ khách hàng tối đa, thuận tiện, gia tăng trải nghiệm khách hàng và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Hoạt động chính: Xây dựng các tính năng chính: - Quản lý thanh toán dành cho Merchant là website/ứng dụng, giúp Merchant kiểm tra các giao dịch thanh toán từ phía khách hàng theo thời gian thực. - Thu hộ thương mại điện tử dành cho Merchant: cho phép Merchant đăng tải thông tin sản phẩm dịch vụ, mua hàng hóa dịch vụ và thanh toán qua ứng dụng SeANet/SeAMobile. - SeABank có thể quản trị Merchant thông qua việc tiếp nhận, kiểm duyệt thông tin của Merchant để kịp thời hỗ trợ...	Thời gian triển khai: tháng 06/2024

Tên dự án	Chi tiết mục đích, tình hình triển khai	Tiến độ triển khai
B. Các dự án đã hoàn thành trong năm 2024		
Dự án nâng cấp hệ thống Ngân hàng lõi T24	Mục đích: Cải thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ, tối ưu hoạt động và đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Thành tựu năm 2024: Tháng 11/2024, SeABank đã thực hiện nâng cấp thành công T24 lên phiên bản R22 – phiên bản mới nhất được triển khai tại thị trường Việt Nam. Một trong những cải tiến chủ chốt của hệ thống T24 phiên bản R22 là tích hợp các tính năng nghiệp vụ mới, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về tài chính và ngân hàng. Lợi ích của dự án: - Hỗ trợ cải thiện khả năng tuân thủ các quy định quốc tế, nâng cao khả năng quản lý rủi ro, đồng thời gia tăng tính minh bạch và an toàn trong hoạt động ngân hàng. - Các tính năng nghiệp vụ mới của T24 phiên bản R22 cho phép SeABank linh hoạt tùy chỉnh sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng. - SeABank tận dụng các công nghệ tiên tiến được tích hợp trong T24 phiên bản R22 để tối ưu hóa hiệu suất hoạt động của hệ thống lõi. Phiên bản mới này sử dụng các công nghệ hiện đại (TAFJ), phân tích dữ liệu thời gian thực, giúp rút ngắn thời gian xử lý giao dịch, nâng cao độ chính xác và giảm thiểu lỗi hệ thống. - Triển khai các sản phẩm tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận các dịch vụ tài chính tiên tiến như: quản lý dòng tiền đa quốc gia, thanh toán quốc tế, các dịch vụ hỗ trợ đầu tư. Qua đó, SeABank có thể mở rộng hợp tác quốc tế, nâng cao uy tín trên thị trường.	Thời gian bắt đầu dự án: Tháng 1/2023 Thời gian golive: tháng 10/2024 Tổng đầu tư: 95,3 tỷ đồng
Dự án Phòng chống rửa tiền (SeAAML)	Mục đích: Hệ thống phòng, chống rửa tiền (PCRT) được triển khai nhằm tuân thủ các quy định của NHNN, đảm bảo chuẩn quốc tế và phù hợp với luật PCRT của Việt Nam.	

Tên dự án	Chi tiết mục đích, tình hình triển khai	Tiến độ triển khai
B. Các dự án đã hoàn thành trong năm 2024 (tiếp)		
Dự án Phòng chống rửa tiền (SeAAML) - tiếp -	Thành tựu năm 2024: Dự án SeAAML đã triển khai thành công bốn chức năng chính: nhận biết và đánh giá rủi ro khách hàng; quét lọc giao dịch; giám sát giao dịch; báo cáo. Cụ thể: - Tự động quét lọc thông tin: Cho phép tự động quét lọc thông tin khách hàng ngay tại thời điểm thiết lập quan hệ với đồng thời nhiều yếu tố như tên, số giấy tờ tùy thân, năm sinh, quốc tịch và giới tính. - Tính năng Knock-out: Cho phép chặn mở ID khách hàng hoặc tài khoản thanh toán khi thông tin khách hàng trùng khớp với danh sách khủng bố hoặc khách hàng có quốc tịch/quốc gia đặt trụ sở tại các quốc gia bị cấm vận toàn phần. - Phân loại rủi ro: Hệ thống có khả năng phân loại rủi ro rửa tiền ngay khi khách hàng thiết lập quan hệ và đánh giá lại cuối mỗi ngày sau khi khách hàng sử dụng thêm các dịch vụ của SeABank. - API quét lọc tự động: Hệ thống sử dụng API để quét lọc tự động thông tin của khách hàng và các bên liên quan trước khi thực hiện giao dịch, không phụ thuộc vào các tiêu chuẩn ISO về format điện quốc tế và trong nước. - Báo cáo giao dịch đáng ngờ, lập báo cáo giao dịch đáng ngờ từ nhiều nguồn khác nhau: Cảnh báo từ hệ thống SeAAML hoặc từ nguồn khác như SeABank tự phát hiện hoặc theo các công văn của NHNN/các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. - Tra cứu linh hoạt: Người dùng có thể tra cứu thông tin theo từng khách hàng hoặc theo lô (danh sách khách hàng). - Giám sát giao dịch đáng ngờ: Hỗ trợ giám sát và phát hiện các giao dịch đáng ngờ trên hệ thống SeAAML và chạy tự động vào cuối mỗi ngày.	Thời gian triển khai: Tháng 2/2022 Thời gian golive: Tháng 1/2024 Tổng đầu tư: 4 tỷ đồng

Tên dự án	Chi tiết mục đích, tình hình triển khai	Tiến độ triển khai
B. Các dự án đã hoàn thành trong năm 2024 (tiếp)		
Dự án Phòng chống rửa tiền (SeAAML) - tiếp -	Lợi ích của dự án: - SeAAML giúp giảm thiểu rủi ro rửa tiền qua SeABank, đảm bảo sự an toàn và minh bạch trong các giao dịch tài chính. - Tăng độ chính xác trong việc phát hiện và xử lý các giao dịch đáng ngờ, giảm thiểu các cảnh báo giả, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác PCRT.	
Dự án Nâng cấp hệ thống thẻ Way 4	Mục đích: Tăng cường tính linh hoạt của hệ thống thẻ, đạt hiệu quả hoạt động xuất sắc, thúc đẩy quá trình triển khai các sản phẩm và dịch vụ số mới. Thành tựu năm 2024: Phiên bản mới nhất của Way 4 cung cấp các chức năng như: - Đáp ứng tiêu chuẩn Visa/Master và các tổ chức thẻ quốc tế. - Kiến trúc mới (Multi Node cho một số Module) cho phép mở rộng năng lực xử lý khi cần thiết. - Cung cấp các API cho phép dễ dàng phát triển các công cụ trên các kênh ebank. Lợi ích của dự án: Đem tới cho khách hàng những sản phẩm công nghệ tiên tiến nhất nhờ triển khai thành công các công nghệ xử lý thanh toán thẻ hàng đầu thế giới và liên tục tiếp cận quá trình số hóa mới.	Thời gian golive: Tháng 11/2024 Tổng đầu tư: Tự triển khai

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
CỔ PHẦN

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: **2.835.000.000 cổ phần**.
- Số cổ phần phổ thông: **2.835.000.000 cổ phiếu**, trong đó:
 - Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
 - Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu (*)	Tỷ lệ nắm giữ
I	TỔ CHỨC/CÁ NHÂN			
1	TỔ CHỨC	90	1.838.763.060	64,86%
	Trong nước	78	1.836.603.023	64,78%
	Nước ngoài	12	2.160.037	0,08%
2	CÁ NHÂN	8179	996.236.940	35,14%
	Trong nước	8.139	995.311.461	35,11%
	Nước ngoài	40	925.479	0,03%
	Tổng cộng	8.269	2.835.000.000	100%
II	CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC			
	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
	Cổ đông khác	8.269	2.835.000.000	100%
	Tổng cộng	8.269	2.835.000.000	100%
III	CỔ ĐÔNG LỚN			
	Cổ đông lớn	0	0	0,00%
	Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	8.269	2.835.000.000	100%
	Tổng cộng	8.269	2.835.000.000	100%

(*) Theo Danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2024 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2024:

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn
Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập - Tháng 3/1994			3.000	3.000	Chào bán cho cổ đông sáng lập.
1	Năm 2001	3.000	47.010	50.010	Chào bán cho cổ đông sáng lập.
2	Năm 2002	50.010	19.990	70.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
3	Năm 2003	70.000	15.000	85.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
4	Năm 2004 - đợt 1	85.000	35.000	120.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
5	Năm 2004 - đợt 2	120.000	30.000	150.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
6	Năm 2005 - đợt 1	150.000	50.000	200.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
7	Năm 2005 - đợt 2	200.000	50.000	250.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
8	Năm 2006 - đợt 1	250.000	100.000	350.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
9	Năm 2006 - đợt 2	350.000	150.000	500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
10	Năm 2007 - đợt 1	500.000	500.000	1.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn
11	Năm 2007 - đợt 2	1.000.000	500.000	1.500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
12	Năm 2007 - đợt 3	1.500.000	500.000	2.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
13	Năm 2007 - đợt 4	2.000.000	550.000	2.550.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
14	Năm 2007 - đợt 5	2.550.000	450.000	3.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank.
15	Năm 2008	3.000.000	1.068.545,45	4.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi, phát hành cho cổ đông chiến lược và chia cổ tức bằng cổ phiếu.
16	Năm 2009	4.068.545,45	1.000.000	5.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi.
17	Năm 2010	5.068.545,45	266.110,55	5.334.656	Chia cổ tức bằng cổ phiếu.
18	Năm 2013	5.334.656	131.169,89	5.465.825,89	Chia cổ tức bằng cổ phiếu.
19	Năm 2018	5.465.825,89	2.222.174,11	7.688.000	Chi tiết:
			Chi tiết:		
			549.534,61		Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
			230.000,00		Phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBNV (thưởng cho người lao động và phát hành cho CBNV).
			1.442.639,50		Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu.
20	Năm 2019	7.688.000	1.681.000	9.369.000	Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu.

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn
21	Năm 2020	9.369.000	2.718.422,08	12.087.442,08	Chi tiết:
			Chi tiết:		
			1.311.660		Trả cổ tức bằng cổ phiếu.
			1.406.782,08		Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu.
22	Năm 2021	12.087.442,08	2.697.441,61	14.784.883,69	Chi tiết:
			Chi tiết:		
			1.102.441,61		Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
			235.000,00		Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV.
			1.360.000,00		Chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
23	Năm 2022	14.784.883,69	5.618.098,99	20.402.982,68	Chi tiết:
			Chi tiết:		
			1.813.116,31		Chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
			3.210.982,68		Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
			594.000		Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV.
24	Năm 2023	20.402.982,68	4.554.017,32	24.957.000	
			Chi tiết:		
			4.134.017,32		Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
			420.000		Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV.
25	Năm 2024	24.957.000	3.393.000	28.350.000	
			Chi tiết:		
			3.393.000		Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
Các chứng khoán khác: Không có





MANH MẼ BỨT TỐC

CHƯƠNG III: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CHƯƠNG IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG
NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

Momentum

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

VỊ THẾ THỊ TRƯỜNG - THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG SEABANK

ĐỊNH VỊ, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

SeABank xây dựng tầm nhìn trở thành “Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất” bởi khách hàng, đối tác và cộng đồng, thông qua cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính với trải nghiệm tốt nhất cho mọi đối tượng khách hàng và đảm bảo PTBV gắn liền với lợi ích của các bên hữu quan.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Với định hướng phát triển thương hiệu Ngân hàng xanh - bền vững, SeABank là một trong các ngân hàng tiên phong trong hệ thống nghiên cứu và áp dụng các tiêu chuẩn ESG trong các hoạt động nhằm mang đến các giá trị kinh tế, giá trị nhân văn, đồng thời kết nối cộng đồng, các đối tác và khách hàng để mang tới giá trị toàn diện cho xã hội.

Sự kiên định theo đuổi chiến lược PTBV gắn liền với 5 yếu tố cốt lõi: Đầu tư công nghệ, QTRR, Phát triển khách hàng, Phát triển nhân sự và Văn hóa tổ chức.

ĐẦU TƯ
CÔNG NGHỆ

QUẢN TRỊ
RỦI RO

PHÁT TRIỂN
KHÁCH HÀNG

PHÁT TRIỂN
NHÂN SỰ

VĂN HÓA
TỔ CHỨC



ĐỊNH VỊ, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU (tiếp)

Trụ cột	Định hướng phát triển thương hiệu	Chi tiết triển khai
ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ	Trở thành “Cố vấn tài chính trọn đời”	Định hướng triển khai: Xây dựng nền tảng kỹ thuật số tiên tiến cùng sự tận tâm chuyên nghiệp, giúp khách hàng đơn giản hóa việc quản lý và chi tiêu tài chính, gia tăng lợi ích. Triển khai năm 2024: - SeABank là một trong số ít ngân hàng Việt Nam chú trọng đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất, đồng thời tích cực trong việc nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, công nghệ mới đột phá nhằm mang lại trải nghiệm cao nhất cho khách hàng theo hướng số hóa. Năm 2024, SeABank nâng cấp phần mềm quản trị lõi ngân hàng T24 Temenos lên phiên bản R22 – phiên bản mới nhất tại thị trường Việt Nam. - Tích cực ứng dụng những công nghệ tân tiến nhất như data center, trí tuệ nhân tạo, blockchain, big data, điện toán đám mây, máy học... vào số hóa toàn diện, tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ từ sản phẩm dịch vụ đến vận hành nhằm mang tới cho khách hàng những trải nghiệm công nghệ đa dạng và tiên tiến nhất, nâng cao tinh cảm của khách hàng đối với thương hiệu SeABank.
QUẢN TRỊ RỦI RO	Giảm thiểu rủi ro, đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu	Định hướng triển khai: Tăng cường QTRR theo quy định của Việt Nam và chuẩn quốc tế, ứng dụng công nghệ hiện đại để giảm thiểu rủi ro, nâng cao tính an toàn, đảm bảo quyền lợi của các bên hữu quan. Triển khai năm 2024: - SeABank ưu tiên chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn quốc tế: chuẩn QTRR Basel III; chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS 9); tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013 về quản lý an toàn thông tin; bộ tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán PCI DSS để tạo ra tấm đệm dự phòng trước những cú sốc của thị trường, bảo đảm hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững và minh bạch. - SeABank được Moody’s giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm ở mức Ba3 cho các danh mục quan trọng, đồng thời đánh giá triển vọng phát triển Ổn định.

Trụ cột	Định hướng phát triển thương hiệu	Chi tiết triển khai
PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG	Lấy khách hàng làm trọng tâm	Định hướng triển khai: Phát triển khách hàng theo phân khúc, triển khai các giải pháp tài chính toàn diện, “may đo” cho khách hàng. Triển khai năm 2024: - Cung cấp hàng loạt sản phẩm dịch vụ theo hướng “may đo” cùng với chất lượng phục vụ chuyên nghiệp. Đồng thời, hành trình trải nghiệm khách hàng được chú trọng nâng cao thông qua đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và tối ưu hóa quy trình vận hành trên nền tảng công nghệ hiện đại số hóa. Năm 2024, SeABank ra mắt bộ định vị thương hiệu riêng dành cho phân khúc KHUT SeAPremium và tiếp tục phát triển các sản phẩm dịch vụ cho từng đối tượng. - SeABank tiếp tục triển khai các giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng thông qua việc đầu tư xây dựng, vận hành và mở rộng chuỗi giá trị của ngân hàng, gia tăng chuỗi tiện ích riêng biệt dành riêng cho khách hàng với hệ sinh thái hơn 30 triệu đối tác, khách hàng đa lĩnh vực. Đây là nền tảng quan trọng để SeABank phủ rộng thương hiệu, mở rộng thị phần, tăng cường bán chéo sản phẩm dịch vụ, phát triển khách hàng mới.
PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ	Phát triển nguồn nhân lực tạo sức mạnh nội tại	Xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để phát triển sức mạnh nội tại, SeABank không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua: - Phát triển các chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ và phúc lợi cạnh tranh. - Phát triển các chính sách giữ chân nhân tài, chương trình đào tạo, lộ trình thăng tiến phù hợp nhằm tạo cơ hội phát triển năng lực.
VĂN HÓA TỔ CHỨC	Trở thành “Ngân hàng dẫn đầu về Văn hóa tổ chức”	SeABank tập trung đẩy mạnh văn hóa tổ chức theo hướng nhân văn thông qua: - Xây dựng môi trường làm việc lý tưởng: môi trường làm việc lành mạnh, tôn trọng, bình đẳng, nơi các CBNV được thể hiện bản thân và bứt phá giới hạn. - Nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các CBNV, giữa CBNV với Ngân hàng thông qua hàng loạt hoạt động nội bộ dành cho CBNV và gia đình. - Lan tỏa các giá trị nhân văn và chia sẻ yêu thương từ nội bộ tới cộng đồng thông qua hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ và chuỗi hoạt động ASXH.

VỊ THẾ THƯƠNG HIỆU SEABANK TRÊN THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NƯỚC



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT

vì “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2018 đến năm 2022, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc”.

Chủ tịch nước



THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM 2024 - DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG SEABANK

Bộ Công Thương



THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM

Tạp chí Kinh tế Việt Nam - VnEconomy - Vietnam Economic Times



TỔ CHỨC TÀI CHÍNH CUNG CẤP VỐN TỐI ƯU NHẤT CHO NGÀNH XÂY DỰNG 2024

Diễn đàn Triển vọng Ngành Xây dựng Việt Nam và lễ trao giải Vietnam Construction Awards



NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

Anphabe cùng Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)



NGÂN HÀNG CÓ SẢN PHẨM DỊCH VỤ SÁNG TẠO TIÊU BIỂU DÀNH CHO ỨNG DỤNG NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ CHO KHDN - SEAMOBILE BIZ

Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG)



TOP 10 DOANH NGHIỆP QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT (NHÓM VỐN HÓA VỪA - MIDCAP)

HOSE, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư và Công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital



DOANH NGHIỆP CÓ THƯƠNG VỤ M&A TIÊU BIỂU NĂM 2023 - 2024

Diễn đàn M&A Việt Nam do Báo Đầu tư tổ chức



TOP 50 CÔNG TY ĐẠI CHÚNG UY TÍN VÀ HIỆU QUẢ (VIX50)

BẢNG XẾP HẠNG “TOP 10 CÔNG TY UY TÍN” NGÀNH NGÂN HÀNG – BẢO HIỂM

Vietnam Report



GIẢI THƯỞNG SAO KHUÊ 2024 DÀNH CHO SẢN PHẨM SEAMOBILE BIZ

Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA).



TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM (VNR500).

TOP 500 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM - FAST 500.

Vietnam Report



TOP 10 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NHÓM NGÀNH TÀI CHÍNH

HOSE, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư và Công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital

VỊ THẾ THƯƠNG HIỆU SEABANK TRÊN THỊ TRƯỜNG NĂM 2024 (tiếp)

GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT QUỐC TẾ



BẢNG XẾP HẠNG 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT ĐÔNG NAM Á - FORTUNE SOUTHEAST ASIA 500

Tạp chí kinh doanh Fortune



"NGÂN HÀNG TỐT NHẤT THẾ GIỚI 2024" (WORLD'S BEST BANKS 2024)

"NGÂN HÀNG TỐT NHẤT CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG 2024" (BEST BANKS ASIA - PACIFIC 2024)

Tạp chí Forbes & Kênh truyền hình CNBC bình chọn



TOP 50 DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU NĂM 2024 (50 LEADING COMPANIES OF THE YEAR 2024)

The Silicon Review

DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC (THE BIZZ AWARDS) VÀ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU (WORLD BUSINESS LEADER)

Tổ chức Liên đoàn Doanh nghiệp Thế giới (World Confederation of Businesses – Worldcob)



TOP 1000 NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 2024 (TOP 1000 WORLD BANKS 2024)

Tạp chí The Banker



UN WEPS AWARD 2024 (NGUYÊN TẮC TRAO QUYỀN CHO PHỤ NỮ NĂM 2024) - HẠNG MỤC "BÌNH ĐẲNG GIỚI TẠI THỊ TRƯỜNG"

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)



NGÂN HÀNG SÁNG TẠO XUẤT SẮC NĂM 2024 (INNOVATION EXCELLENCE AWARD 2024)

The CEO Views

NGÂN HÀNG QUẢN TRỊ RỦI RO XUẤT SẮC VIỆT NAM NĂM 2024 (THE RISK MANAGEMENT BANK OF THE YEAR VIETNAM 2024)

Tạp chí The European

VỊ THẾ THƯƠNG HIỆU SEABANK TRÊN THỊ TRƯỜNG NĂM 2024 (tiếp)

GIẢI THƯỞNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DỰA TRÊN 3 TRỤ CỘT ESG



TOP 10 DOANH NGHIỆP QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT - NHÓM VỐN HÓA VỪA (MIDCAP)

HOSE, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư và Công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital



THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM 2024 - DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG SEABANK

Bộ Công Thương



TOP 10 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - NHÓM NGÀNH TÀI CHÍNH

HOSE, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư và Công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital



UN WEPS AWARD 2024 (NGUYÊN TẮC TRAO QUYỀN CHO PHỤ NỮ NĂM 2024) - HẠNG MỤC " BÌNH ĐẲNG GIỚI TẠI THỊ TRƯỜNG"

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)



NGÂN HÀNG QUẢN TRỊ RỦI RO XUẤT SẮC VIỆT NAM NĂM 2024 (THE RISK MANAGEMENT BANK OF THE YEAR VIETNAM 2024)

Tạp chí The European



GIẢI THƯỞNG SAO KHUÊ 2024 DÀNH CHO SẢN PHẨM SEAMOBILE BIZ

Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

BỐI CẢNH VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA SEABANK



Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh thương mại toàn cầu vẫn bấp bênh, đối mặt với nhiều rủi ro bất định, nhiều khó khăn thách thức cả về nội tại và bên ngoài. Ngoài nước, bất ổn địa chính trị và xung đột quân sự gây ra biến động về giá xăng dầu, giá nguyên vật liệu, giá cước vận tải, kéo dài thời gian vận chuyển và giao hàng, tạo áp lực lên lạm phát, tăng trưởng toàn cầu chậm lại. Căn cứ vào sự tăng trưởng kinh tế, việc làm và lạm phát, Cục Dự trữ liên bang Mỹ đã ba lần cắt giảm lãi suất, đưa lãi suất cơ bản xuống mức 4,25% - 4,5%. Trong nước, năm 2024 Việt Nam phải xử lý những vướng mắc trong nội tại nền kinh tế; đồng thời ứng phó với các vấn đề bất ngờ phát sinh, đặc biệt là hậu quả của bão số 3.

Tuy vậy, xu hướng tích cực hơn trong những tháng cuối năm, đặc biệt là Quý IV/2024 đã giúp GDP Việt Nam năm 2024 tăng trưởng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019, 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Quy mô GDP năm 2024 ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng (tương đương 476,3 tỷ USD); GDP bình quân đầu người ước đạt 114 triệu đồng/người/năm (tương đương 4.700 USD), tăng 377 USD so với năm 2023. Dịch vụ vẫn là nhóm đóng góp nhiều nhất vào giá trị tăng thêm của nền kinh tế, chiếm trên 49,46%. Trong khi đó, công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17% vào giá trị tăng thêm của nền kinh tế; nông, lâm nghiệp và thủy sản góp 5,37% vào tăng trưởng. Bên cạnh đó, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra,

trong đó xuất khẩu hàng hóa là điểm nhấn quan trọng trong xu hướng tăng trưởng. Năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD.

Đồng hành với các diễn biến của nền kinh tế, năm 2024, NHNN đã chủ động điều hành chính sách tiền tệ trong bối cảnh kinh tế toàn cầu trải qua những biến động lớn, kiểm soát lạm phát phù hợp với mục tiêu đề ra, góp phần củng cố nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô và góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong năm, lãi suất vẫn tiếp tục được duy trì ở mức thấp để định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay, góp phần hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân. Bên cạnh thực hiện giảm lãi suất, ngành Ngân hàng đã chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của người dân, doanh nghiệp. Tính đến cuối năm, lãi suất huy động tăng bình quân khoảng 0,71%, lãi suất cho vay giảm khoảng 0,59%. Tới hết năm 2024, tăng trưởng tín dụng toàn ngành Ngân hàng đạt mức 15,08%, tăng trưởng huy động vốn đạt mức 7,9%. Về tỷ giá, NHNN điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp, góp phần hấp thu các cú sốc bên ngoài; đồng thời, phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ. Đến cuối năm, đồng VND mất giá khoảng 5,03% - đây là mức rất thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH

Trong bối cảnh biến động, SeABank đã triển khai chiến lược kinh doanh linh hoạt và bền vững, phù hợp với các định hướng chính sách của Chính phủ và NHNN, đảm bảo sự PTBV và sức chống chịu trước những biến chuyển vĩ mô. Nhờ đó, Ngân hàng ghi nhận bước tăng trưởng ổn định, hoạt động hiệu quả, hoàn thành các kế hoạch và chỉ tiêu tài chính đề ra. Cụ thể:

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

6.039 TỶ ĐỒNG

► Lợi nhuận trước thuế đạt 6.039 tỷ đồng, hoàn thành 103% kế hoạch.

TỔNG TÀI SẢN

325.699 TỶ ĐỒNG

► Tổng tài sản đạt 325.699 tỷ đồng, tăng 22,39% so với năm 2023.

DƯ NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG

209.355 TỶ ĐỒNG

► Dư nợ cho vay khách hàng đạt 209.355 tỷ đồng, tăng trưởng cấp tín dụng trong năm 2024 đạt 20,42%.

ROA

1,63%

► Hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt 1,63%.

ROE

14,75%

► Hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 14,75%.

TỶ LỆ NỢ XẤU

1,89%

► Thấp hơn mức 3% theo quy định của NHNN.

VỐN ĐIỀU LỆ

28.350 TỶ ĐỒNG

► Vốn điều lệ tăng 3.393 tỷ đồng so với năm 2023.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NỢ

SeABank luôn kiểm soát chặt chẽ hoạt động tín dụng của Ngân hàng và đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn và hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu luôn được kiểm soát dưới mức 3% theo quy định của NHNN. Tại ngày 31/12/2024, tỷ lệ nợ xấu đối với dư nợ cho vay giảm 0,05% so với cuối năm 2023 và duy trì ở mức 1,89%, cụ thể:

Đơn vị: Triệu đồng

Nhóm nợ	Năm 2023 (thời điểm 31/12/2023)	Năm 2024 (thời điểm 31/12/2024)
Nhóm 1	174.248.560	204.036.375
Nhóm 2	2.020.336	1.358.912
Nhóm 3	383.457	202.862
Nhóm 4	864.311	695.091
Nhóm 5	2.235.229	3.061.403
Tổng dư nợ nội bảng	179.751.893	209.354.643
Tỷ lệ nợ xấu	1,94%	1,89%

Theo đó, tỷ lệ nợ xấu năm 2024 của SeABank có xu hướng giảm so với cuối năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu là do SeABank đã làm tốt công tác thu hồi nợ xấu bên cạnh đó tập trung cho vay mới để tăng trưởng dư nợ theo định hướng của Thủ tướng Chính phủ và NHNN. Chi tiết về các biện pháp xử lý nợ của SeABank được trình bày tại Chương III, trang 88 - 89 của Báo cáo này.

Tuy nhiên, vẫn có một bộ phận khách hàng doanh nghiệp và cá nhân chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bất lợi của nền kinh tế thế giới và trong nước, đặc biệt là thị trường bất động sản và thị trường xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn tại Ngân

hàng. Đây cũng là nguyên nhân chính khiến chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2024 của SeABank tăng so với năm 2023. Ngoài việc trích lập dự phòng tuân thủ theo các quy định của Chính phủ, SeABank tăng cường trích lập dự phòng để tạo một bộ đệm an toàn trong việc kiểm soát chất lượng tín dụng, đặc biệt là trong giai đoạn năm 2025 khi chính sách cơ cấu nợ giữ nguyên nhóm nợ hết hiệu lực thi hành. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của SeABank tại thời điểm 31/12/2024 được duy trì ở mức 82,9%, mức tương đối cao so với mặt bằng chung của các Ngân hàng TMCP.

GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: Không có.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Để đạt được những con số kinh doanh khả quan và hoàn thành các mục tiêu kinh doanh, SeABank đã triển khai hàng loạt cải tiến, liên tục đổi mới sáng tạo và linh hoạt thích ứng, từ đó bứt phá vươn lên, kiến tạo huyền thoại đúng theo tinh thần “Choose your fighter, be a legend!” xuyên suốt năm 2024.

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO SẢN PHẨM, CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP THEO PHÂN KHÚC MÀNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

► ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC TRIỂN KHAI MÀNG KHCN

Định hướng, chiến lược trọng tâm	Triển khai trong năm 2024
Tăng cường khai thác hệ sinh thái, phát triển kênh bán đối tác	- Tập trung phát triển và mở rộng các kênh bán thông qua hệ sinh thái, triển khai các chương trình, hoạt động với các đối tác trọng điểm: » Tập đoàn BRG: chương trình ưu đãi thẻ tín dụng quốc tế BRG Elite tại hệ thống siêu thị BRGmart, Hapro, Fujimart; chương trình Lễ hội kem Thủy Tạ 2024; mở mới hàng nghìn tài khoản thanh toán thông qua cho dịch vụ cho vay của PTF... » VietnamPost: dịch vụ cho vay tín chấp và mở mới tài khoản; nâng cấp dịch vụ COD nhằm tăng sản lượng giao dịch và tăng doanh thu phí. » Vietnam Airlines: phát hành Thẻ tín dụng SeATravel; tăng cường các hoạt động truyền thông đẩy mạnh sản phẩm thẻ tín dụng qua giải Golf SeAPremium Master 2024, sự kiện “Harmony of Miles Life” – 25 năm Lotusmiles... » Viettel Store: thúc đẩy dịch vụ mở mới tài khoản và phát triển khai thác bán chéo dịch vụ thẻ tín dụng, QRMC... » DeHeus và GreenFeed: cung cấp dịch vụ cho các đại lý của đối tác với gần 100 tỷ đồng hạn mức được cấp cho gần 300 khách hàng. » SOLV: cung cấp hạn mức thấu chi cho doanh nghiệp đầu chuỗi mới là Japfa Việt Nam. » Các đối tác chi lương: dẫn chuyển dịch thêm các đơn vị thành viên về sử dụng dịch vụ của SeABank như Nguyễn Kim của đối tác Central Group Việt Nam. - Xây dựng hệ thống quản lý hoạt động thanh toán dành cho khách hàng (SeAPayment) nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. - Phát triển kênh đối tác để triển khai các dịch vụ hợp tác, tập trung cung cấp dịch vụ ngân hàng tới các khách hàng ở địa bàn không có SeABank như: dịch vụ chuyển tiền, chuyển tiền nhanh IBFT, dịch vụ mở tài khoản, dịch vụ thu chi hộ, dịch vụ kiểm soát dòng tiền dành cho CBNV tại đối tác chiến lược.
Đa dạng hóa kênh chăm sóc khách hàng và sản phẩm dịch vụ	- Các kênh chăm sóc khách hàng của SeABank phủ rộng: quầy giao dịch, Facebook, Zalo, email, SeAMobile/SeANet, SMS và website giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin và hỗ trợ. - Đẩy mạnh chính sách chăm sóc khách hàng thân thiết SeALoyalty nhằm cá nhân hóa trải nghiệm, giảm thời gian chờ đợi, nâng cao chất lượng dịch vụ và gia tăng trải nghiệm cho khách hàng thân thiết. - Xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng khép kín gồm 3 bước: Tiếp nhận – Xử lý và giải quyết – Phản hồi và theo dõi, đảm bảo mọi nhu cầu và thắc mắc của khách hàng được giải quyết toàn diện và hiệu quả. - Phát triển các sản phẩm dịch vụ đa dạng dựa trên nhu cầu của từng phân khúc khách hàng: cho vay theo nhu cầu (mua nhà, mua xe, vay kinh doanh...); đồng thẻ cá nhân hóa theo nhu cầu (mua sắm online, du lịch, công tác, thể thao, chăm sóc sức khỏe...).

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO SẢN PHẨM, CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP THEO PHÂN KHÚC MẢNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN (tiếp)

► ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC TRIỂN KHAI MẢNG KHCN (tiếp)

Định hướng, chiến lược trọng tâm	Triển khai trong năm 2024
Phát triển khách hàng theo phân khúc	- Năm 2024, SeABank hợp tác cùng Arthur D. Little phát triển dịch vụ KHUT SeAPremium theo chuẩn mực quốc tế, tái định vị ngân hàng ưu tiên dựa trên ba giá trị cốt lõi: An toàn – Đặc quyền – Tư vấn: - Tư vấn tài chính chuyên biệt, cung cấp các giải pháp “may đo” cho từng phân khúc như: doanh nhân, nhà đầu tư, người có nhu cầu quản lý tài sản cá nhân; các giải pháp tích hợp dành riêng cho chủ doanh nghiệp kết hợp với dịch vụ DNVVN... - Đa dạng hóa các chính sách và đặc quyền cho khách hàng SeAPremium thông qua hợp tác với các thương hiệu cao cấp như BRG, Visa, Mastercard, Intercontinental, Hilton... - Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng: phát triển giao diện riêng biệt SeAPremium trên nền tảng SeAMobile, tính năng “sức khỏe tài chính” 24/7, công nghệ FaceID... - Một số kết quả nổi bật: - Số lượng khách hàng: tăng >25% so với năm 2023. - Đóng góp gần 80% huy động mảng KHCN. - TOI phân khúc SeAPremium: tăng trưởng 35% so với cùng kỳ.

► TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2024

- Chủ động duy trì lãi suất huy động ở mức hợp lý, ổn định theo chỉ đạo của NHNN nhằm duy trì sự tin tưởng của khách hàng và tạo ra môi trường tài chính vững chắc trong bối cảnh thị trường biến động.
- Triển khai nhiều chính sách, chương trình để gia tăng số lượng khách hàng mới và tái kết nối các khách hàng đã rời bỏ hoặc “ngủ đông” (inactive) quay trở lại sử dụng dịch vụ.

Kết quả hoạt động năm 2024

- Lãi suất huy động bình quân giảm từ 5.89%/năm xuống 4.82%/năm, giúp tăng hiệu quả lợi nhuận.
- Chính sách “Quà khao bạn mới, cộng lãi thêm hời” là chính sách tiêu biểu đã đem lại 4.130 tỷ đồng tiền gửi mới; thu hút 1.604 khách hàng mới và 3.662 khách hàng inactive.



► TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG

Mặc dù phải đối mặt với bối cảnh khó khăn do thị trường bất động sản phục hồi chậm, sự cạnh tranh lớn giữa các TCTD, yêu cầu nâng cao kiểm soát rủi ro của NHNN... nhưng nhờ tinh thần chiến binh mạnh mẽ “Choose your Fighter, Be a Legend!”, SeABank đã quyết tâm sáng tạo và bứt phá.

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2024

- Triển khai các sản phẩm dịch vụ mới, tiêu biểu là cho vay hộ kinh doanh là sản phẩm cho vay Đại lý theo chuỗi đối tác liên kết với các đối tác đầu ngành thức ăn chăn nuôi thu hút hơn 700 khách hàng.
- Triển khai các sản phẩm số hóa, cho vay trực tuyến 100% dành cho khách hàng đang có giao dịch tài khoản, tiền gửi tại SeABank, định hướng tiếp tục mở rộng cho vay Top-up tiêu dùng tín chấp cho tệp khách hàng đang vay vốn tại SeABank.

Kết quả hoạt động năm 2024

- Tổng dư nợ tín dụng: **tăng 386%** so với năm 2023.
- Dư nợ mảng cho vay tín chấp **tăng trưởng 118%** so với 2023.

► SẢN PHẨM THẺ

Với mục tiêu dài hạn đến năm 2028, SeABank tiếp tục phát triển sản phẩm thanh toán mạnh mẽ hơn, đặc biệt đẩy mạnh thanh toán số thông qua việc tập trung vào 5 trụ cột chính gồm:

- Cải tiến hành trình trải nghiệm khách hàng đối với sản phẩm, dịch vụ thẻ trên nền tảng số;
- Cải tiến sản phẩm, dịch vụ thẻ;
- Tối ưu hóa hệ sinh thái dịch vụ thẻ trên nền tảng số;
- Cải tiến hiệu quả và tính sáng tạo trong truyền thông về sản phẩm, dịch vụ thẻ;
- Nâng cao QTRR và gian lận trong hoạt động phát hành, thanh toán thẻ.

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2024:

- Ký kết thỏa thuận Hợp tác chiến lược với Tổ chức thẻ quốc tế Visa nhằm phát triển mạnh mẽ dịch vụ thanh toán số.



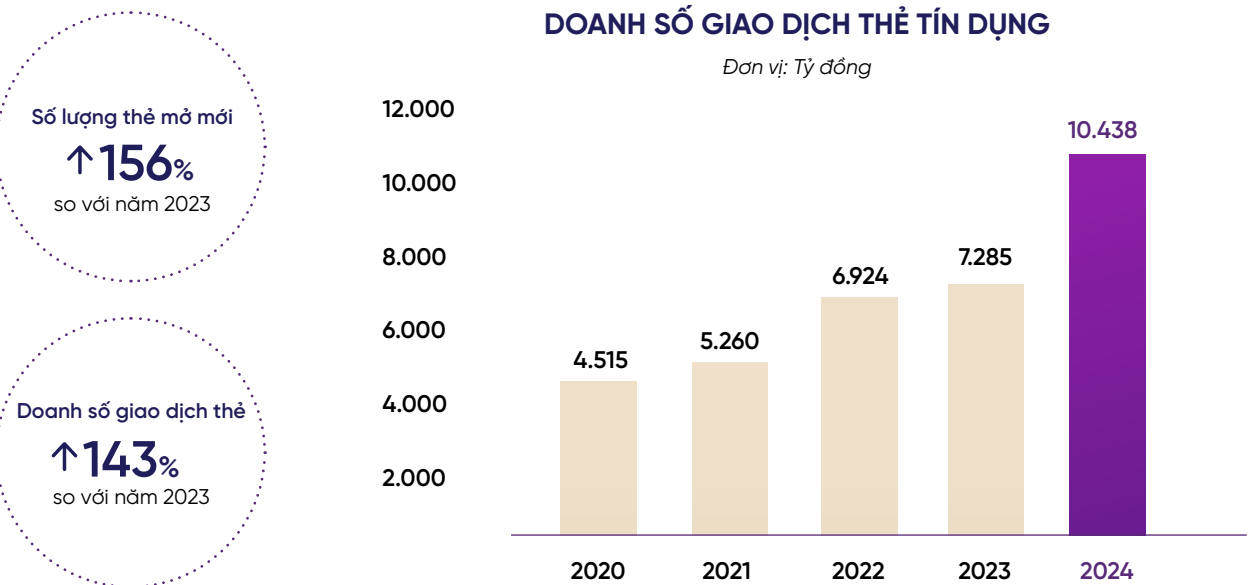
- Hoàn thiện triển khai nhiều dự án số hoá sản phẩm thẻ: số hoá quy trình gia hạn thẻ online; cải tiến quy trình phát hành thẻ tín dụng online; dịch vụ trả góp online; cải tiến chức năng thẻ trên ebank...
- Triển khai các dự án lớn: ra mắt các dòng thẻ đồng thương hiệu với đối tác lớn có tầm ảnh hưởng; số hoá quy trình mở thẻ tín dụng dành cho khách hàng mới, thanh toán số qua ApplePay...
- Thực hiện tinh gọn quy trình vận hành, tối ưu và linh hoạt chính sách cấp tín dụng, cải tiến dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Kết quả triển khai năm 2024:

- Số lượng thẻ tín dụng mở mới: hơn 60.700 thẻ, tăng 156% so với năm 2023.
- Doanh số giao dịch thẻ: 10.438 tỷ đồng, tăng 143% so với năm 2023.

DOANH SỐ GIAO DỊCH THẺ TÍN DỤNG

Đơn vị: Tỷ đồng



► SẢN PHẨM TÀI KHOẢN

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2024:

- Liên tục cải thiện và mở rộng tính năng, tiện ích của ngân hàng số SeAMobile, số hóa sản phẩm dịch vụ bên cạnh kênh quầy truyền thống nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng.
- Đẩy mạnh chiến lược đa kênh, đặc biệt tập trung vào sản phẩm tài khoản số đẹp (TKSD) và Merchant QR (MCQR).
- Thực hiện tối ưu hóa quy trình vận hành, cải tiến dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Kết quả triển khai năm 2024:



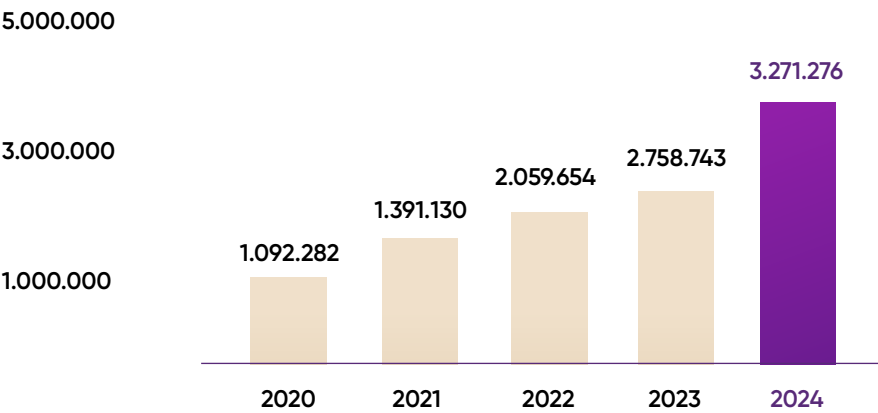
↑ **119%**

so với năm 2023

↑ **299%**

so với năm 2020

SỐ LƯỢNG TKTT LŨY KẾ



↑ **119%**

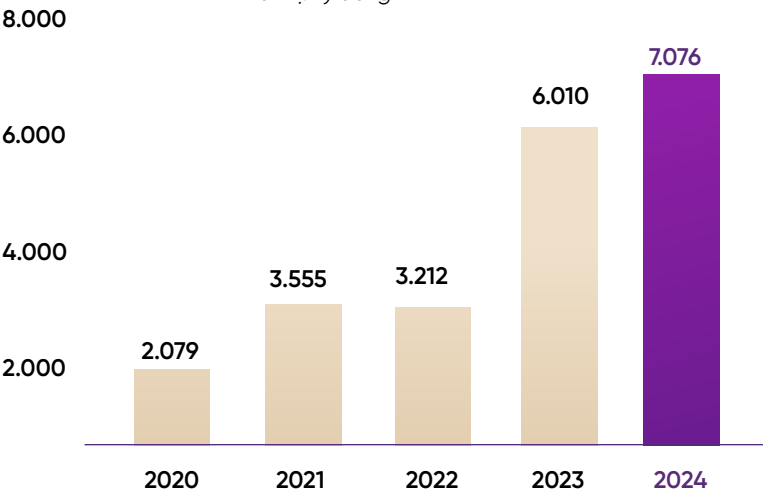
so với năm 2023

↑ **261%**

so với năm 2020

SỐ DƯ TKTT

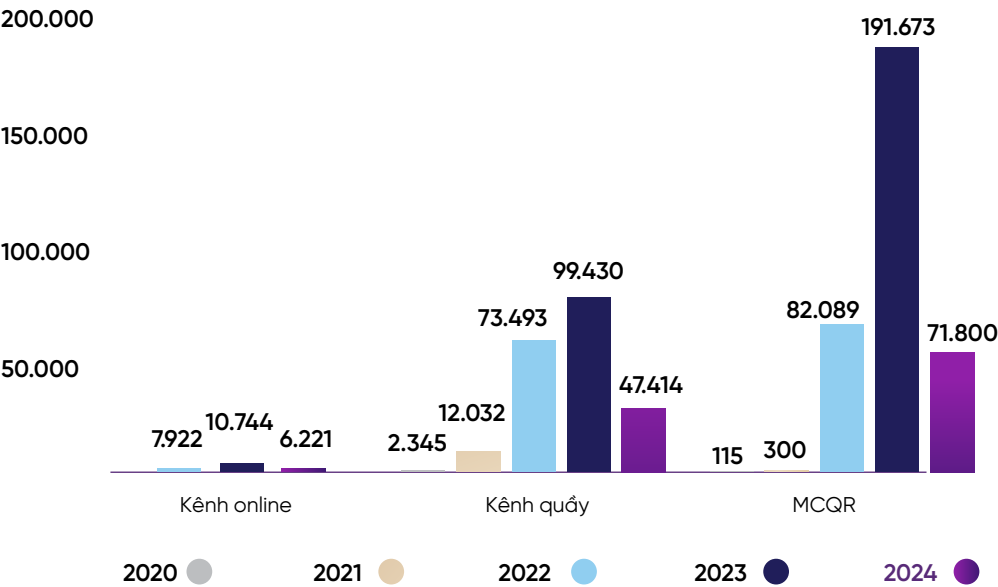
Đơn vị: Tỷ đồng



Gấp **623** lần

so với năm 2020.

SỐ LƯỢNG TKTT SỐ ĐẸP MỞ MỚI THEO KÊNH



↑ **511%**

sau 2 năm triển khai

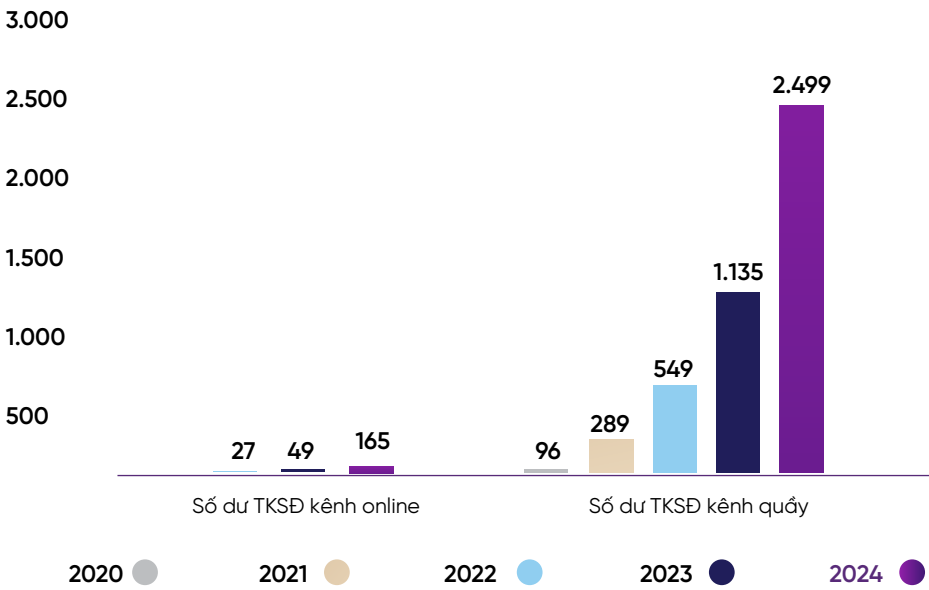


↑ **511%**

so với năm 2023

SỐ DƯ TKTT SỐ ĐẸP THEO KÊNH

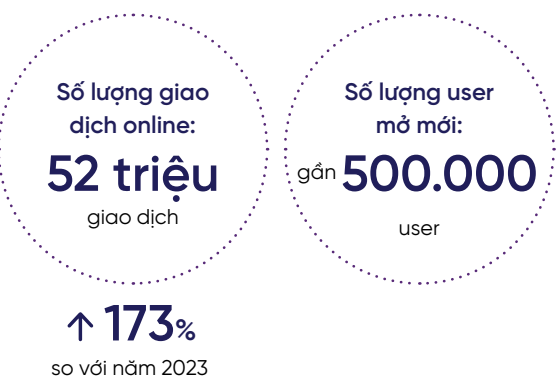
Đơn vị: Tỷ đồng



► SẢN PHẨM BẢO HIỂM



► SẢN PHẨM NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ



Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2024:

- Duy trì các hoạt động chăm sóc, tri ân khách hàng và triển khai thêm những kênh khai thác mới. Đặc biệt, chú trọng dịch vụ sau bán nhằm gia tăng trải nghiệm, xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng.
- Ứng dụng công nghệ nhằm số hóa sản phẩm, tối ưu hóa hành trình mua bảo hiểm, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận các sản phẩm một cách nhanh chóng và thuận tiện.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và cải thiện hành trình sử dụng sản phẩm của khách hàng nhằm tạo vị thế cạnh tranh trên thị trường.

Kết quả triển khai năm 2024:

- 82 chương trình minishow được triển khai thường xuyên giúp khách hàng tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm.
- Đưa các sản phẩm bảo hiểm đơn giản lên ứng dụng SeAMobile, dễ dàng tham gia ngay trên app và nhận giấy chứng nhận bảo hiểm chỉ trong 2 phút.
- Tổng doanh số bảo hiểm: 782 tỷ đồng, tăng 341% so với năm 2023.
- Bảo hiểm phi nhân thọ: tăng trưởng 370% so với năm 2023.

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2024:

- Đẩy mạnh số hóa, phát triển các sản phẩm mới, tính năng mới nhằm phục vụ tối đa các nhu cầu của khách hàng và bổ sung các tính năng, tiện ích mới nhằm đáp ứng việc tuân thủ các quy định mới nhất của NHNN, tăng cường bảo mật, giảm thiểu rủi ro, gian lận.
- Triển khai liên tiếp các chương trình mở rộng quy mô, mạng lưới phát triển khách hàng.
- Phát triển sản phẩm dịch vụ theo định hướng Ngân hàng xanh.

Kết quả triển khai năm 2024:

- Phát triển 19 sản phẩm và dịch vụ số mới trên SeAMobile, tiêu biểu: thanh toán VNPay QR; Đăng ký trả góp thẻ tín dụng; Mua xổ số Vietlott; Mua vé máy bay, vé sự kiện; Chợ bảo hiểm Phi nhân thọ...
- Bổ sung thêm 18 tính năng tiện ích mới, tiêu biểu: mở tài khoản thanh toán eKYC bằng căn cước công dân gắn chip có xác thực bởi Bộ công an; xác thực giao dịch bằng sinh trắc học cho các giao dịch điện tử có giá trị cao theo Quyết định 2345/QĐ-NHNN; xác thực sinh trắc học khi khách hàng đăng nhập lần đầu/đổi thiết bị sử dụng; cảnh báo hết hạn giấy tờ tùy thân và yêu cầu cập nhật giấy tờ tùy thân mới; chặn giao dịch chuyển tiền/thanh toán khi khách hàng chưa bổ sung sinh trắc học hợp lệ...



► CHUYỂN TIẾN QUỐC TẾ/KIẾU HỐI



- Số lượng user mở mới: gần 500.000 users.
- Số lượng giao dịch online: 52 triệu giao dịch, tăng 173% so với 2023.
- Doanh số giao dịch online: 496.000 tỷ đồng, tăng 133% so với 2023.

Mục tiêu: triển khai hoạt động chuyển/nhận tiền từ nước ngoài theo phương châm an toàn, ổn định và bền vững

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2024

- Cập nhật kịp thời và ban hành các chính sách chuyển/nhận tiền quốc tế bám sát theo quy định pháp luật, chỉ đạo của NHNN và các cơ quan liên quan nhằm mang lại trải nghiệm an toàn, an tâm cho khách hàng.
- Số hóa sản phẩm dịch vụ, đưa các dịch vụ lên kênh online nhằm mang lại trải nghiệm thuận tiện, an toàn.
- Mở rộng mạng lưới đối tác về chuyển/nhận tiền quốc tế để cung cấp thêm các kênh sản phẩm uy tín trên thị trường.

Kết quả triển khai năm 2024

- Số lượt chuyển tiền quốc tế: hơn 4.000 lượt.
- Số khách hàng sử dụng dịch vụ nhận tiền quốc tế: hơn 100.000 khách hàng.
- Hoàn thành triển khai dịch vụ chuyển tiền quốc tế trên ứng dụng SeAMobile. Phát triển sản phẩm Kiếu hối trên kênh online, dự kiến go-live trong năm 2025.

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2024

- Đầu tư triển khai đa dạng, bài bản, hệ thống các hoạt động, chiến dịch marketing cho từng sản phẩm theo chiến dịch bán, định hướng bán.
- Tần suất truyền thông được đẩy mạnh, nội dung tiếp cận đa dạng trên đa nền tảng, góp phần gia tăng nhận diện, sự quan tâm về hình ảnh sản phẩm trong tâm trí khách hàng.

Kết quả triển khai năm 2024

- Các chiến dịch lớn được triển khai góp phần thúc đẩy doanh số của các sản phẩm dịch vụ: chương trình Tết 2024 "Bên SeABank là nhà - Bên gia đình là Tết"; chương trình ưu đãi tặng vé và đặt booth SeABank tại liveshow "My Soul 1981" của ca sĩ Mỹ Tâm; chương trình Hè 2024 "Chọn SeABank - Nhiều lợi ích, Ít âu lo"...
- Các sự kiện nâng cao trải nghiệm khách hàng: Art of Scent; giải golf SeAPremium Master 2024 thường niên...
- Chuỗi sự kiện kick-off kinh doanh nội bộ được tập trung đẩy mạnh, đầu tư, nâng cao tinh thần và hiệu quả bán hàng.

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP – SÁT CÁNH NÂNG ĐỖ CÁC NHÓM KHÁCH HÀNG YẾU THỂ VIẾT NÊN HUYỀN THOẠI

Năm 2024, SeABank tiếp tục đẩy mạnh mảng KHDN hướng đến các nhóm khách hàng như DNVVN, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Qua đó, Ngân hàng hỗ trợ các nhóm doanh nghiệp này tiếp cận tài chính, có cơ hội phát triển và cạnh tranh bình đẳng, từ đó vươn lên bút phá và viết nên huyền thoại riêng theo tinh thần **“Choose your Fighter, Be a Legend!”**.

Giải pháp, chiến lược kinh doanh chính mảng KHDN năm 2024:



Mục tiêu trọng tâm	Giải pháp, chiến lược tiêu biểu năm 2024
I. Trở thành “điểm đến tin cậy của doanh nghiệp nữ chủ”	
- Đồng hành cùng doanh nghiệp nữ chủ trong việc tiếp cận tài chính, mở ra cơ hội phát triển bình đẳng. - Nâng cao năng lực, nâng tầm vị thế của doanh nghiệp nữ chủ trên thương trường, góp phần nâng cao vai trò của phụ nữ Việt Nam trong xã hội.	- Triển khai nhiều chính sách ưu đãi về tài chính: các chính sách đồng bộ nhằm gia tăng khả năng tiếp cận vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nữ chủ, tiêu biểu: thẻ tín dụng Visa Corporate không cần tài sản bảo đảm (TSBD), hạn mức thấu chi không TSBD tới 5 tỷ đồng, miễn phí năm đầu bao gồm phí thường niên thẻ và phí mở tài khoản combo, tỷ lệ cấp tín dụng/giá trị TSBD lên tới 100%... - Tổ chức nhiều hoạt động, chương trình hỗ trợ chuyên biệt phi tài chính thông qua Câu lạc bộ SeAPower – nền tảng hỗ trợ đặc quyền dành cho doanh nghiệp nữ chủ: » Tập trung vào các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiêu biểu là chương trình “Cẩm nang quản trị doanh nghiệp” được tổ chức xuyên suốt năm 2024, nhấn mạnh các kỹ năng quản lý và đề xuất chiến lược cho doanh nghiệp nữ chủ. » Hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp và tổ chức phi lợi nhuận để tổ chức các hội thảo, sự kiện toàn quốc với các chủ đề thiết thực, giúp doanh nghiệp nữ chủ nâng cao khả năng hội nhập và cạnh tranh trên thị trường. » Cung cấp các gói hỗ trợ truyền thông và quảng bá thương hiệu, kết nối với hệ sinh thái đối tác như BRG, Vietnam Airlines, Urbox... để tạo giá trị gia tăng cho khách hàng.

Mục tiêu trọng tâm	Giải pháp, chiến lược tiêu biểu năm 2024
II. Trở thành “Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất”	
- Đẩy mạnh số hóa sản phẩm dịch vụ, tăng cường bảo mật và cải thiện tính năng vì lợi ích khách hàng. - Nâng cao trải nghiệm KHDN nữ chủ, DNVVN.	- Duy trì các hoạt động tri ân như: bộ quà tặng thiết kế riêng, voucher ưu đãi từ các thương hiệu uy tín vào các dịp đặc biệt. - Số hóa sản phẩm dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ cốt lõi như: giải ngân online, mở tài khoản doanh nghiệp trực tuyến. Các dịch vụ nhận được nhiều phản hồi tích cực từ phía khách hàng, tháo gỡ hầu như hoàn toàn khó khăn của doanh nghiệp khi tham gia vào môi trường giao dịch số, dễ dàng thao tác: sử dụng công nghệ ký và xác minh chữ ký số điện tử doanh nghiệp, luân chuyển và quản lý hồ sơ giao dịch thông minh và xuyên suốt từ phía khách hàng đến ngân hàng; rút ngắn thời gian giao dịch xuống chỉ trong vài giờ làm việc. - Ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao tính bảo mật của các giao dịch: » Chuyển đổi hoàn toàn sang sử dụng mã OTP mềm loại nâng cao và Chữ ký số. » Nghiên cứu ứng dụng sinh trắc học doanh nghiệp từ khâu mở tài khoản đến các giao dịch về tài chính giúp khách hàng giao dịch với hạn mức cao trong điều kiện giao dịch được bảo mật tuyệt đối, đáp ứng Thông tư số 17/2024/TT-NHNN, Thông tư số 18/2024/TT-NHNN và Thông tư số 50/2024/TT-NHNN của NHNN.

Đánh giá kết quả hoạt động mảng KHDN năm 2024:

Nhờ xác định rõ ràng vai trò quan trọng của SeABank trong việc đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhóm khách hàng trong xã hội, SeABank đã nỗ lực đồng hành, nâng đỡ các nhóm doanh nghiệp yếu thế, lan tỏa tinh thần chiến binh đầy quyết tâm nhằm đồng hành trên con đường phát triển huyền thoại. Những nỗ lực này đã mang lại kết quả tích cực:



KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP LỚN – BỨT PHÁ MẠNH MẼ, KIẾN TẠO HUYỀN THOẠI

Với tinh thần **“Choose your Fighter, Be a Legend!”**, năm 2024, SeABank tiếp tục có những bước tiến đầy mạnh mẽ trong mảng KHDNL nhờ đưa chiến lược vào thực tế kinh doanh một cách nhanh chóng và hiệu quả thông qua: hoạch định và thực thi chiến lược tại Khối kinh doanh Hội sở; triển khai trực tiếp tại các ĐVKD thuộc Khối; phối hợp chặt chẽ giữa các Khối/Phòng/Ban.



Giải pháp, chiến lược kinh doanh chính mảng KHDNL năm 2024:

Khai thác tối đa hệ sinh thái, phát triển khách hàng hiện hữu:

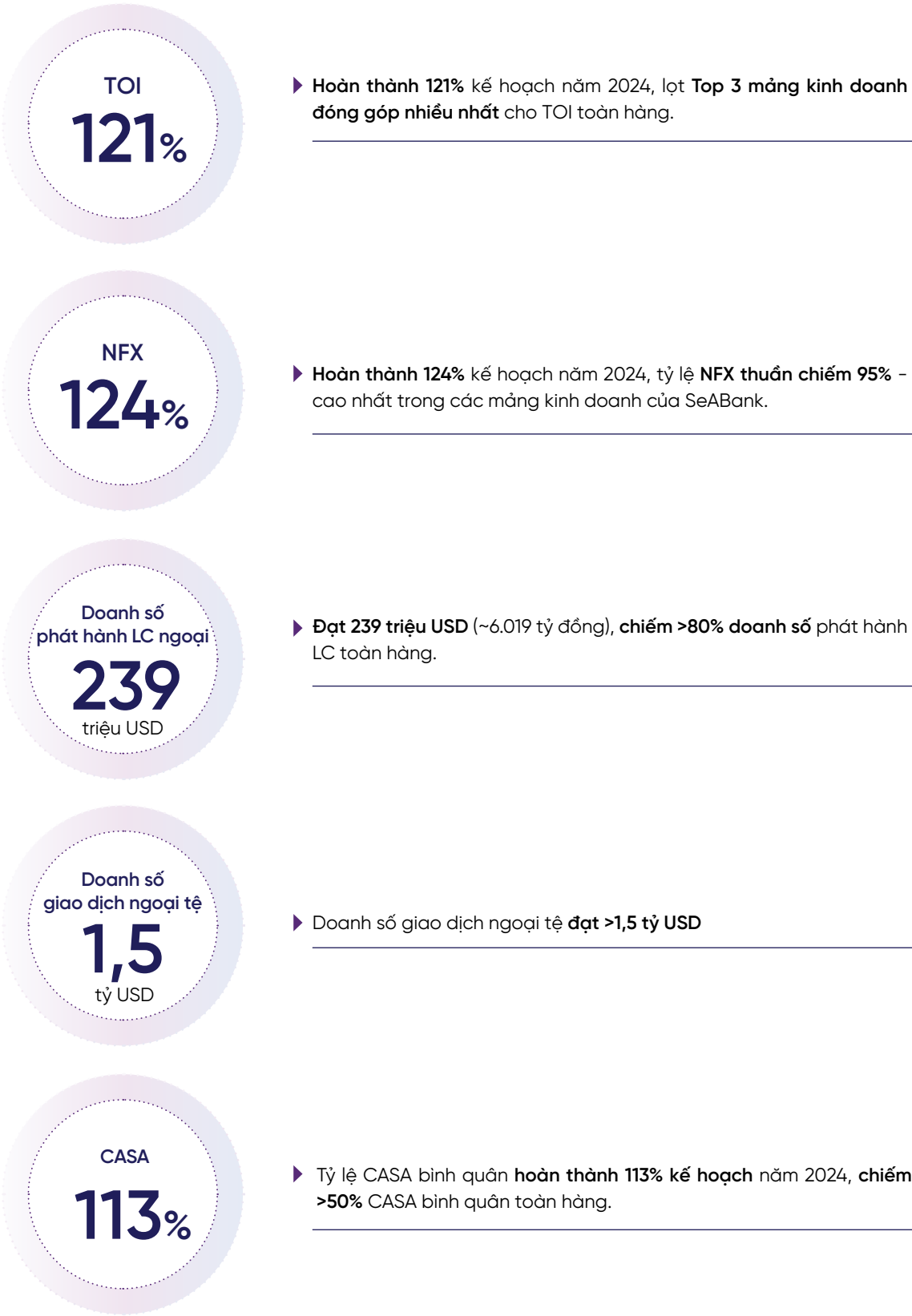
- Tiếp tục khai thác sâu và phát triển mới các hệ sinh thái khách hàng hiện hữu, tập trung vào: các nhóm doanh nghiệp có vốn nhà nước (SOE) và doanh nghiệp tư nhân (non-SOE), nhóm khách hàng xuất nhập khẩu, khách hàng FDI và đầu tư công.
- Phân tích dữ liệu khách hàng và áp dụng kỹ thuật bán ‘upsell’ cho danh mục khách hàng hiện hữu, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối đa hóa hiệu quả danh mục.
- Mảng huy động: tiếp tục bám sát nhu cầu của khách hàng, khai thác sâu các hệ sinh thái, quản lý hiệu quả dòng tiền của từng khách hàng, chủ động quản lý lãi suất huy động cạnh tranh, hợp lý.

Ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hiệu quả:

- Áp dụng API để kết nối với hệ thống thanh toán của khách hàng, giúp thực hiện thanh toán chuyển tiền điện tử cho các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực: hàng không, bảo hiểm...
- Hợp tác với IFC để triển khai dự án SCF trên các nền tảng công nghệ mới nhất của thế giới.
- Nghiên cứu triển khai giải pháp Quản lý dòng tiền tự động cho doanh nghiệp (TMS - Treasury Management System) nhằm giúp khách hàng tối ưu hóa, quản trị dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

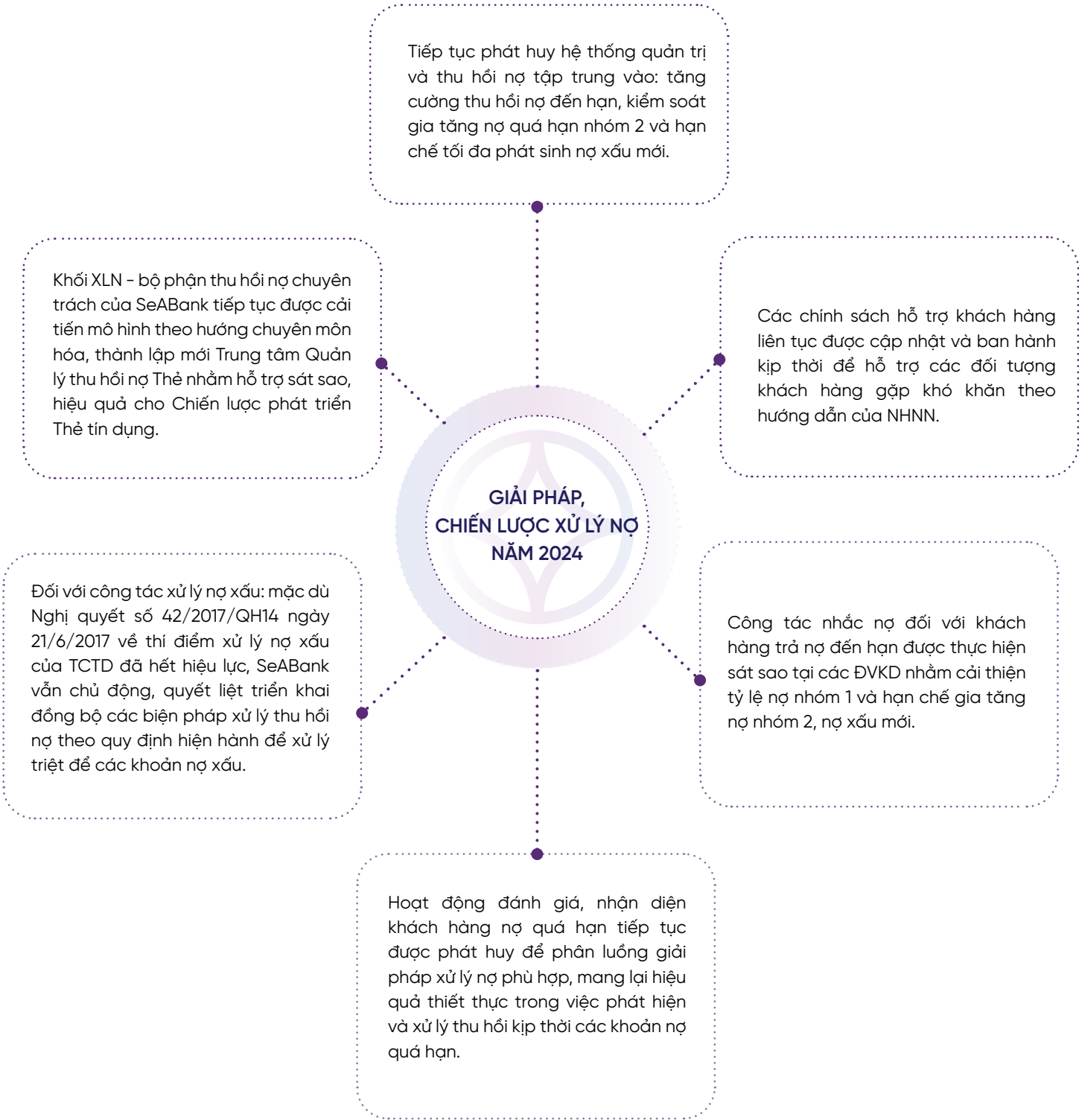
Đánh giá kết quả hoạt động mảng KHDNL năm 2024:

Với tinh thần chiến binh đầy quyết tâm và bám sát chiến lược đúng đắn, SeABank đã hoàn thành vượt trội các chỉ tiêu quan trọng của mảng KHDNL:



QUẢN TRỊ VÀ THU HỒI NỢ CHỦ ĐỘNG, LINH HOẠT, GẮN LIỀN VỚI HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG

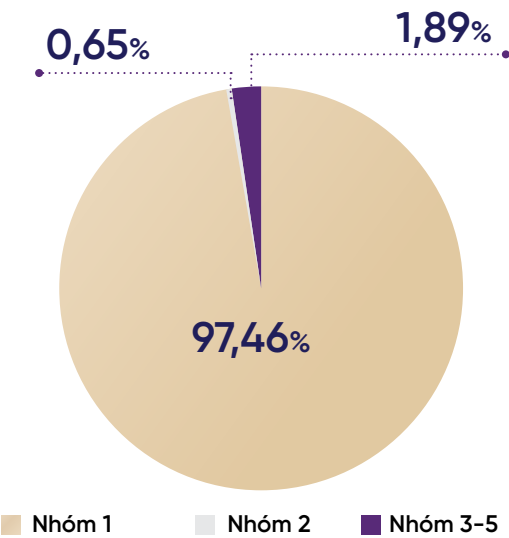
Năm 2024, SeABank mang tinh thần **“Choose your Fighter, Be a Legend!”** – tinh thần chiến binh chủ động, linh hoạt và mạnh mẽ vào hoạt động quản trị và thu hồi nợ.



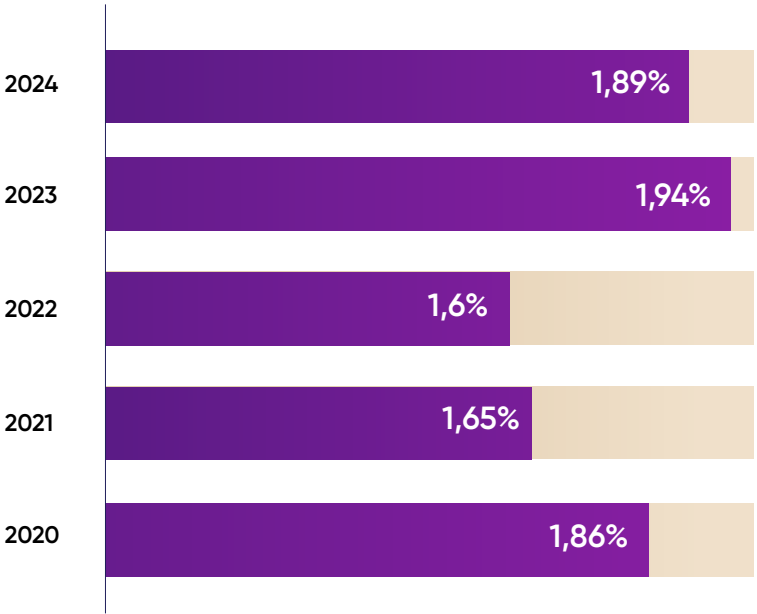
Đánh giá kết quả hoạt động xử lý nợ năm 2024:

Nhờ tinh thần chiến binh linh hoạt, chủ động xuyên suốt năm 2024, SeABank đã cải thiện hiệu quả tỷ lệ các nhóm nợ so với năm 2023.

TỶ LỆ NHÓM NỢ NĂM 2024



TỶ LỆ NỢ XẤU QUA CÁC NĂM



TỐI ƯU NGUỒN VỐN VÀ THANH KHOẢN, VƯỢT LÊN THÁCH THỨC KIẾN TẠO HUYỀN THOẠI

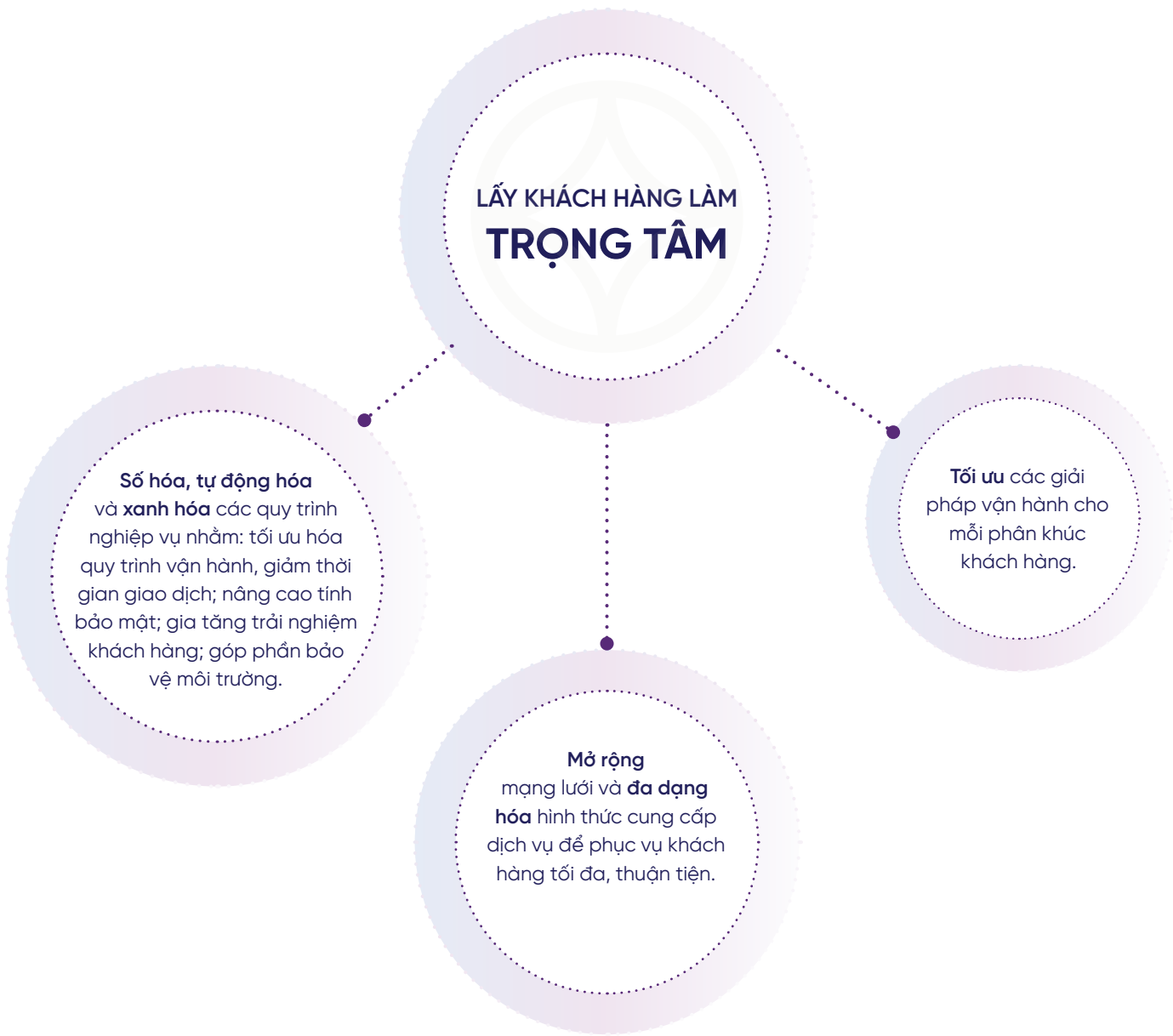
Đối mặt với bối cảnh thị trường tài chính biến động năm 2024 bằng tinh thần chiến binh mạnh mẽ **“Choose your Fighter, Be a Legend!”**, SeABank kiên định trong công tác tối ưu hóa nguồn vốn và thanh khoản, chủ động đánh giá, phân tích và nhận diện các biến động, xu hướng thị trường để đưa ra các kế hoạch kinh doanh phù hợp, tận dụng được tối đa cơ hội của thị trường, khai thác các cơ hội thị trường để đưa Ngân hàng vượt thách thức, ghi dấu huyền thoại.

Mảng hoạt động	Giải pháp, chiến lược năm 2024	Kết quả hoạt động năm 2024
Hoạt động giao dịch nguồn vốn	- Tập trung tối ưu hóa nguồn vốn và thanh khoản, luôn đáp ứng các quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc và đảm bảo các chỉ số an toàn thanh khoản. - Giữ vững vai trò là một trong các thành viên hoạt động tích cực và năng động trên thị trường liên ngân hàng; thiết lập mối quan hệ đối tác tin cậy, uy tín với hệ thống các ngân hàng TMCP, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các công ty tài chính hoạt động trên thị trường.	- Liên tục mở rộng hạn mức với các đối tác. Năm 2024, tổng hạn mức giao dịch nguồn vốn đối tác cấp cho SeABank tăng trưởng hơn 42% so với năm 2023. Đặc biệt, một số đối tác lớn tăng mạnh hạn mức giao dịch tín chấp cho SeABank từ 50 - 300%. - Huy động vốn từ các TCTD đạt 85.908 tỷ đồng, tăng 25,68% so với năm 2023. - Cho vay các TCTD đạt 73.375 tỷ đồng, tăng 38,45% so với cùng kỳ.
Hoạt động tự doanh lãi suất	- Chủ động đánh giá, phân tích và nhận diện các biến động, xu hướng thị trường để đưa ra các kế hoạch kinh doanh phù hợp, tận dụng được tối đa cơ hội của thị trường, khai thác các cơ hội thị trường. - Đẩy mạnh khai thác các sản phẩm kinh doanh nguồn vốn như: giao dịch repo giấy tờ có giá, tài trợ LC UPAS trên thị trường liên ngân hàng... để đem lại nguồn thu đáng kể cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn. - Trong bối cảnh tình hình thị trường tiền tệ tương đối ổn định, thanh khoản dồi dào năm 2024, SeABank mở rộng đẩy mạnh tài trợ vốn cho các TCTD phi ngân hàng nhằm thu về tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) tốt.	Hoạt động tự doanh lãi suất năm 2024 không chỉ đem lại nguồn lợi nhuận tốt mà vẫn luôn đảm bảo an toàn, hiệu quả và tuân thủ các giới hạn hạn mức rủi ro, giúp SeABank vinh dự nhận được các đánh giá cao từ thị trường: - Liên tục được xếp hạng trong Top 3 - Top 5 thành viên có doanh số giao dịch repo chiếm 5-10% thị phần giao dịch tại HNX giai đoạn 2020-2024; - Được vinh danh thành viên chào giá tốt thứ 3 và là thành viên có doanh số giao dịch lớn thứ 5 tại VBMA; - Xếp hạng Top 2 thành viên dự đoán lãi suất MM tại Hội Nghiên cứu thị trường liên ngân hàng Việt Nam (VIRA).
Hoạt động tự doanh ngoại hối	Trên đà phát triển mạnh mẽ từ năm 2019, hoạt động tự doanh ngoại hối tiếp tục được chú trọng đẩy mạnh và phát huy trong năm 2024 thông qua chủ động đánh giá, phân tích và nhận diện các biến động, xu hướng thị trường để đưa ra các kế hoạch kinh doanh phù hợp, tận dụng được tối đa cơ hội của thị trường, khai thác các cơ hội thị trường.	- Doanh số giao dịch duy trì ở mức 110-130 tỷ USD/năm, tiếp tục khẳng định vị thế trong top 5 ngân hàng có khối lượng giao dịch lớn nhất trên thị trường. - Được vinh danh với nhiều giải thưởng uy tín từ các tổ chức trong nước như VIRA, VBMA, và các tổ chức quốc tế như Refinitiv.

Mảng hoạt động	Giải pháp, chiến lược năm 2024	Kết quả hoạt động năm 2024
Hoạt động tự doanh trái phiếu	- Chủ động đánh giá, phân tích và nhận diện các biến động, xu hướng thị trường để đưa ra các kế hoạch kinh doanh phù hợp, tận dụng được tối đa cơ hội của thị trường, khai thác các cơ hội thị trường. - Tiếp tục đẩy mạnh tự doanh trái phiếu chính phủ. - Tăng cường huy động từ các định chế tài chính bằng công cụ chứng chỉ tiền gửi (CCTG). - Đảm bảo tuân thủ và hoàn thành tốt các nghĩa vụ của tổ chức phát hành, nâng cao độ tin nhiệm của các công cụ giấy tờ có giá.	- Ghi nhận mức doanh số giao dịch hơn 156.000 tỷ đồng đối với mảng tự doanh trái phiếu chính phủ – đạt Top 5 thành viên có doanh số giao dịch outright lớn nhất thị trường trong năm. - Huy động CCTG từ các định chế tài chính đạt 29.000 tỷ trong năm 2024 – mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. - Độ tin nhiệm được thị trường đánh giá cao, vinh dự là 1 trong 2 tổ chức phát hành được xét duyệt vào sổ tham chiếu Trái phiếu FI của VBMA.
Hoạt động kinh doanh ngoại hối thị trường 1	- Bám sát chiến lược cốt lõi “Lấy khách hàng làm trọng tâm” để vượt qua các biến động của hoạt động xuất nhập khẩu quốc tế. - Triển khai kế hoạch chiến lược NFX1000 giai đoạn 2024-2028 với mục tiêu đạt 1000 tỷ đồng thu từ ngoại hối trong 5 năm. Theo đó: - Tăng trưởng nguồn thu phí ngoài lãi (Noll) với kinh doanh ngoại hối là một trong những trụ cột phí chính; - Tập trung phát triển nhóm KHDN xuất nhập khẩu, có vốn đầu tư nước ngoài; - Khai thác hệ sinh thái của các đối tác lớn là các tổng công ty, tập đoàn...	- Hoạt động kinh doanh ngoại hối từ khách hàng duy trì phát triển ổn định, đạt 332 tỷ đồng và tăng 21,6% so với cùng kỳ. - Tiếp tục được Moody's xếp hạng tín nhiệm ở mức B1, giữ nguyên mức xếp hạng Ba3 cho các danh mục và đánh giá triển vọng phát triển Ổn định. - Nhiều tổ chức nước ngoài đánh giá cao qua việc tài trợ nguồn dành cho doanh nghiệp, củng cố nền tảng vững chắc để SeABank triển khai chiến lược NFX1000.

TỐI ƯU VẬN HÀNH, HỖ TRỢ KINH DOANH HIỆU QUẢ

Bám sát định hướng “lấy khách hàng làm trọng tâm” và mô hình ngân hàng số bán lẻ hiện đại trong mọi hoạt động vận hành với các mục tiêu:



Năm 2024, SeABank tiếp tục triển khai các mục tiêu, định hướng trên trong các mảng vận hành một cách toàn diện, từ đó củng cố nền tảng vững chắc hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh, tạo động lực để SeABank vươn lên bứt phá và kiến tạo huyền thoại theo tinh thần “Choose your Fighter, Be a Legend!” của Ngân hàng năm 2024.

► VẬN HÀNH TÍN DỤNG



Giải pháp, chiến lược năm 2024:

- Phối hợp triển khai dự án giải ngân online với phân khúc DNVVN nhằm tạo đột phá trong trải nghiệm KHDN.
- Auto team phục vụ chuyên biệt cho phân khúc DNVVN lĩnh vực xuất nhập khẩu, tập trung hóa một số nghiệp vụ liên quan đến NFX về duy nhất 1 điểm chạm tại Xử lý tín dụng, giúp giảm tổng thời gian xử lý hồ sơ (TAT) của các quy trình này.
- Triển khai mô hình cụm hỗ trợ lưu động linh hoạt, phù hợp với tình hình kinh doanh trong từng thời kỳ.

Kết quả triển khai năm 2024:

Sự dịch chuyển đã góp phần không nhỏ để SeABank đạt được thành tựu như:

- Giao dịch giải ngân tăng 20%;
- TAT xử lý tín dụng sau phê duyệt giảm 33% đối với phân khúc KHCN; giảm 13% cho giao dịch giải ngân và 20% cho giao dịch bảo lãnh phân khúc DNVVN.

► VẬN HÀNH THẺ



Giải pháp, chiến lược năm 2024:

- Triển khai mở mới 10 ATM, toàn hệ thống đạt 326 ATM đang hoạt động. Doanh thu phí ATM năm 2024 đạt hơn 25 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2023.
- Triển khai mở mới 300 máy POS, số lượng POS lũy kế toàn hàng đạt 1.122 máy. Doanh thu phí POS năm 2024 đạt hơn 51 tỷ đồng, tăng gần 10% so với năm 2023.
- Triển khai thêm dòng POS: P30 màn hình cảm ứng hiện đại thân thiện với người sử dụng.
- Hoàn thành triển khai áp dụng mã PIN điện tử (ePIN) cho tất cả các sản phẩm thẻ khách hàng tổ chức: tất cả các chủ thẻ SeABank đều sẽ nhận được mã PIN điện tử thay thế hoàn toàn cho PIN giấy truyền thống, nâng cao trải nghiệm người dùng, mang đến sự tiện lợi, an toàn và bảo mật; đồng thời hướng tới mục tiêu “xanh hóa” các dịch vụ ngân hàng, giảm thiểu việc in ấn, góp phần bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục tăng cường công tác bảo mật giao dịch thẻ trực tuyến trên nền tảng SeABank 3D Secure 2.2.0 – công nghệ tiên tiến nhất hiện nay trên thị trường.

► DỊCH VỤ THANH TOÁN TRONG NƯỚC



Thanh toán trong nước

Giải pháp, chiến lược năm 2024:

Tiếp tục thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần cho mục tiêu quan trọng của Chính phủ và NHNN thông qua:

- Đầu tư liên tục vào công nghệ và cải tiến hệ thống thanh toán như: Xây dựng hệ thống chuyển tiền đến mới chuẩn IBPS 2.5, hoàn thiện hệ thống chuyển tiền đi IBPS 2.5... nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc cung ứng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.
- Mở rộng hợp tác với các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến, thanh toán cước và các loại phí định kỳ; chú trọng nâng cao lợi ích cho khách hàng và gia tăng hiệu quả cho Ngân hàng.

Chú trọng đến công tác bảo mật và an toàn trong giao dịch thanh toán:

- Các biện pháp bảo mật sinh trắc học được triển khai nghiêm ngặt, bảo vệ lợi ích hợp pháp của khách hàng, xây dựng niềm tin và sự gắn bó của khách hàng.
- Đẩy mạnh chuyển tiền nhanh 24/7 và kết nối với các đối tác thanh toán lớn như Napas, VNPAY, Payoo, Zalopay... nhằm mở rộng các hình thức thanh toán hóa đơn trực tuyến: điện, nước, vé máy bay, phí giao thông...

Mở rộng kết nối với các đơn vị Kho bạc Nhà nước (KBNN) tại các địa phương, góp phần tăng hiệu quả trong công tác thu ngân sách nhà nước qua các điểm giao dịch của ngân hàng. Đến cuối năm 2024, SeABank đã kết nối thành công với 47 đơn vị KBNN, tạo thuận lợi cho việc phối hợp thu ngân sách nhà nước.

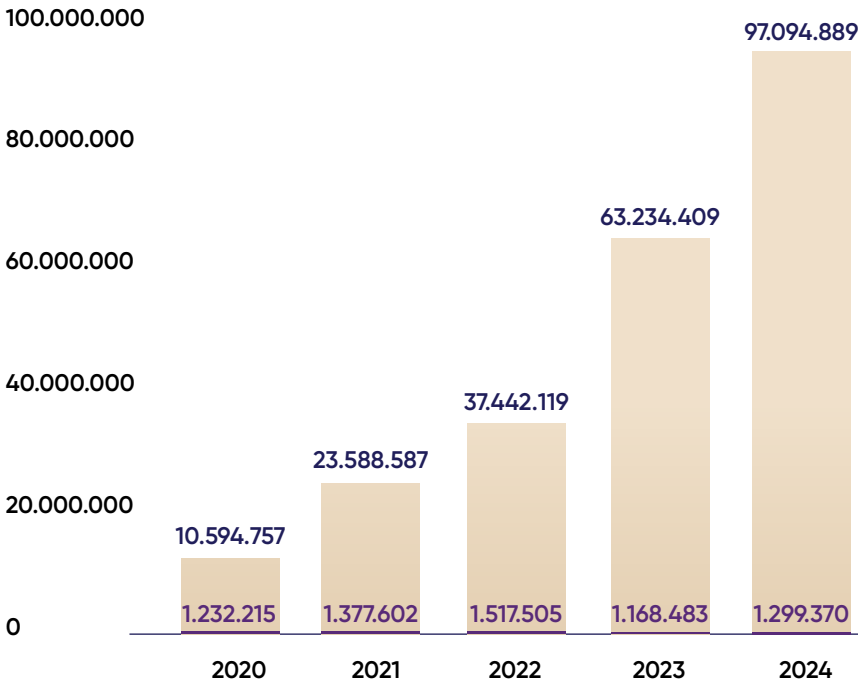
Kết quả hoạt động năm 2024:

Giao dịch thanh toán qua kênh điện tử chiếm 98,68% tổng giao dịch với 97,1 triệu giao dịch.

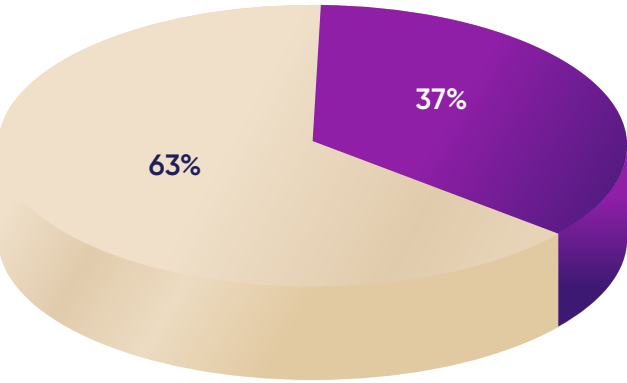


SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH GIAI ĐOẠN 2020 - 2024

Đơn vị: Giao dịch



PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN TRONG NƯỚC NĂM 2024



● Kênh truyền thống ● Kênh thanh toán trực tuyến

Trong bối cảnh SeABank thực hiện chính sách miễn phí dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7 để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sau đại dịch Covid-19, con số doanh thu phí chứng tỏ hiệu quả và sự PTBV của hoạt động thanh toán trong nước.

► THANH TOÁN QUỐC TẾ

Năm 2024, thị trường tài chính quốc tế biến động mạnh do chính sách tiền tệ thắt chặt, sự dịch chuyển chuỗi cung ứng và sự phục hồi của thương mại điện tử xuyên biên giới. Tại Việt Nam, xuất nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, dệt may và nông sản, thúc đẩy nhu cầu thanh toán quốc tế.



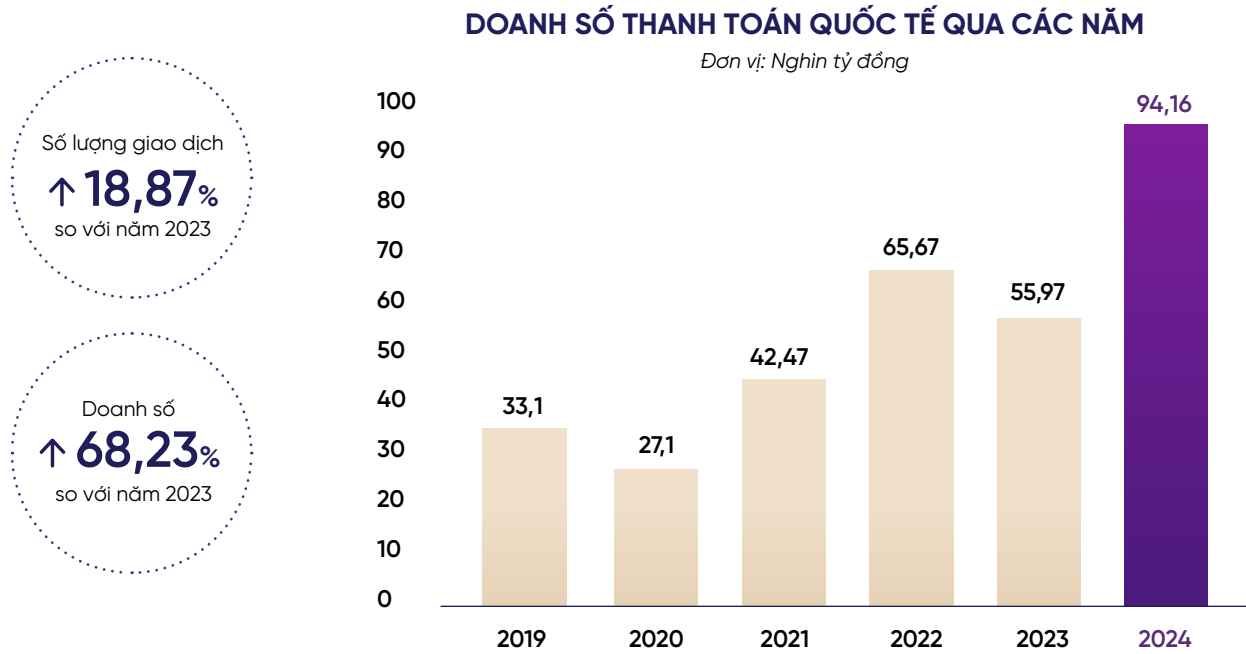
Giải pháp, chiến lược năm 2024:

Triển khai nhiều chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp nữ chủ, doanh nghiệp FDI, KHCN, bao gồm: giảm phí chuyển tiền quốc tế, tháng hội xuất nhập khẩu và hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp giao dịch TTMM.

Phát triển các sản phẩm mới như: LC UPAS nội địa và mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng, góp phần đa dạng hóa phương thức thanh toán cho khách hàng nội địa.

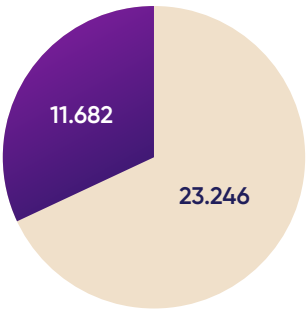
Kết quả hoạt động năm 2024:

Hoạt động thanh toán quốc tế năm 2024 ghi nhận tăng trưởng mạnh, với số lượng giao dịch và doanh số lần lượt tăng 18,87% và 68,23% so với năm 2023.



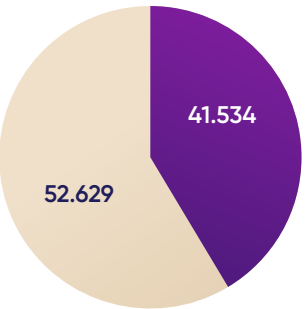
SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH

Đơn vị: Giao dịch



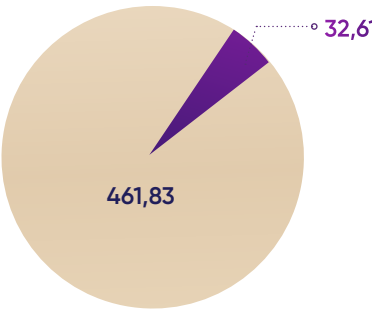
DOANH SỐ

Đơn vị: Tỷ đồng



DOANH THU PHÍ

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: Báo cáo hoạt động thanh toán quốc tế 2024

● TTMM ● Chuyển tiền quốc tế

- Hoàn thành nhiều dự án quan trọng như: chuyển tiền quốc tế online, nâng cấp hệ thống T24 R18 lên R22, và xây dựng cảm nang NFX cho các nhóm KHCN, KHDN và FDI.
- Đẩy mạnh tự động hóa với hệ thống SeAAML nhằm tối ưu tra cứu AML, rút ngắn thời gian xử lý, tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo an toàn và PTBV trong thanh toán quốc tế.

► PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI



Giải pháp, chiến lược năm 2024:

- Xây dựng, mở rộng mạng lưới điểm giao dịch phân bố rộng khắp 32 tỉnh/thành phố trên toàn quốc nhằm phục vụ khách hàng tối đa.
- Tập trung rà soát, đánh giá cơ sở vật chất, hạ tầng của các ĐVKD để thực hiện cải tạo, chỉnh trang cơ sở vật chất, mặt tiền cũng như di chuyển trụ sở điểm giao dịch nhằm đảm bảo trụ sở luôn khang trang, sạch sẽ, thuận tiện cho khách hàng khi đến giao dịch cũng như tăng nhận diện thương hiệu hình ảnh của SeABank.
- Triển khai dự án tối ưu diện tích sử dụng văn phòng.

Giải pháp, chiến lược năm 2024:

- SeABank có 181 điểm giao dịch, trong đó có 49 chi nhánh và 132 phòng giao dịch.
- Lũy kế đến hết tháng 12/2024, SeABank đã hoàn thành di chuyển 07 điểm giao dịch và cải tạo sửa chữa 73 điểm giao dịch; khắc phục sửa chữa biển hiệu mặt tiền của 18 điểm giao dịch do bị ảnh hưởng của siêu bão Yagi.
- Tòa văn phòng tại 25 Trần Hưng Đạo được thiết kế, cải tạo để nâng số chỗ ngồi khả dụng lên khoảng 50% chỗ ngồi, góp phần tiết giảm đáng kể chi phí thuê nhà.



THÚC ĐẨY SẢN PHẨM XANH - BỀN VỮNG

► ĐẨY MẠNH CÁC SẢN PHẨM HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG YẾU THỂ

SeABank tiếp tục tập trung vào nhóm khách hàng yếu thế, chú trọng nâng cao tiếp cận tài chính và hỗ trợ phát triển bình đẳng cho DNVVN, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, khách hàng nữ...

Các dòng sản phẩm tiêu biểu đã được triển khai và tiếp tục hoạt động hiệu quả năm 2024:

- Gói chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ (WSME).
- Thẻ tín dụng Visa Corporate.
- Câu lạc bộ nữ chủ doanh nghiệp – SeAPower.
- Cho vay dành cho hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ SeAWomen.
- Thẻ tín dụng quốc tế SeALady.

Chi tiết về chính sách hỗ trợ, hiệu quả của các sản phẩm được trình bày chi tiết tại phần Hoạt động phát triển cộng đồng, Chương VII, trang 204 – 205 của Báo cáo này.



► ĐẨY MẠNH TÍN DỤNG XANH, TÀI TRỢ VÀ ĐẦU TƯ XANH



Với mục tiêu góp phần thực hiện mục tiêu Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và net-zero, SeABank tích cực tham gia vào việc tài trợ cho các dự án xanh tại các lĩnh vực trọng yếu gồm: giảm phát thải ròng khi nhà kính, tiết kiệm và phục hồi tài nguyên thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, xử lý chất thải và cải thiện môi trường...

Ngân hàng đã ban hành một số sản phẩm, chương trình:

- Quy định cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch;
- Quy định cấp tín dụng đối với các dự án điện mặt trời;
- Chương trình ưu đãi thúc đẩy tăng trưởng dành cho tín dụng xanh: quy định được xây dựng theo đặc thù từng ngành nghề và chính sách ưu đãi về giá theo từng thời kỳ.

Từ năm 2021 đến nay, SeABank đã huy động được gần 1 tỷ USD (bao gồm TTTM) từ nước ngoài, trong đó gần 300 triệu USD được huy động tính riêng trong năm 2024 để hỗ trợ các chương trình bền vững, tín dụng xanh, tài trợ các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, phương án vay vốn trong lĩnh vực xanh như: nông nghiệp xanh, công trình xanh, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn... Mục tiêu tài trợ các dự án phát triển năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió và các giải pháp tiết kiệm năng lượng với tổng giá trị dự kiến đạt 5.000 tỷ đồng vào năm 2030.

► PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU XANH



Năm 2024, SeABank thành công phát hành 150 triệu USD trái phiếu xanh cho AIIB và IFC, bao gồm:

- Trái phiếu xanh lam đầu tiên của Việt Nam: bổ sung nguồn vốn tài trợ cho các hoạt động kinh tế bền vững gắn với đại dương và nước (như nuôi trồng và khai thác thủy sản, cấp nước sạch...).
- Trái phiếu xanh lá đầu tiên phát hành bởi tổ chức tài chính trong nước: bổ sung vốn cho các lĩnh vực như tòa nhà xanh, năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng.

► SỐ HÓA SẢN PHẨM DỊCH VỤ XANH

Mặc dù chuyển đổi số thúc đẩy quá trình ngân hàng xanh và giảm phát thải carbon so với giao dịch truyền thống, các giao dịch trên môi trường số vẫn phát sinh gián tiếp lượng nhỏ carbon.

Nhằm hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 năm 2030, SeABank nghiên cứu, triển khai các Dự án số hóa liên quan tới Ngân hàng xanh. Tiêu biểu, SeABank thực hiện chấm điểm khách hàng dựa trên lượng carbon gián tiếp thải vào môi trường, từ đó có phương án hỗ trợ khách hàng giảm tối đa lượng carbon này.



ĐÁNH GIÁ VỀ VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Hoạt động phát triển và giữ chân nhân tài nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực xuất sắc cho các vị trí quan trọng, đảm bảo tính liên tục và duy trì sự ổn định của Ngân hàng luôn được SeABank chú trọng. Năm 2024, SeABank tiếp tục xây dựng nguồn nhân lực mạnh mẽ và đầy khí thế, tinh về chất lượng, mạnh về số lượng, sẵn sàng vượt mọi thách thức để hoàn thành chiến lược kinh doanh, kiến tạo những huyền thoại mới đúng với tinh thần **“Choose your fighter, be a legend!”**.



Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực:

Xây dựng đội ngũ tinh anh, dồi dào sẵn sàng đáp ứng các kế hoạch kinh doanh:

- Thu hút và phát triển đội ngũ nhân sự tiềm năng trên thị trường: các ứng viên có năng lực, trình độ phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh, văn hóa cốt lõi của SeABank.
- Đầu tư đào tạo, phát triển năng lực và quy hoạch nguồn nhân lực hiện hữu.
- Đa dạng hóa nguồn lực, xây dựng đội ngũ đa dạng kiến thức, văn hóa, am hiểu địa bàn để đẩy mạnh phát triển thị trường vi mô theo từng khu vực.
- Xây dựng hệ thống đãi ngộ, lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh đảm bảo hiệu quả và giữ chân nhân tài.

Tình hình hoạt động năm 2024 – sẵn sàng nguồn lực, kiến tạo huyền thoại:

Năm 2024, SeABank hướng đến xây dựng đội ngũ chất lượng thông qua kết hợp các chiến lược tuyển dụng, thu hút nhân tài – đào tạo, phát triển nhân sự – quy hoạch đội ngũ nhân tài kế cận – chính sách đãi ngộ thúc đẩy hiệu quả và giữ chân nhân tài.

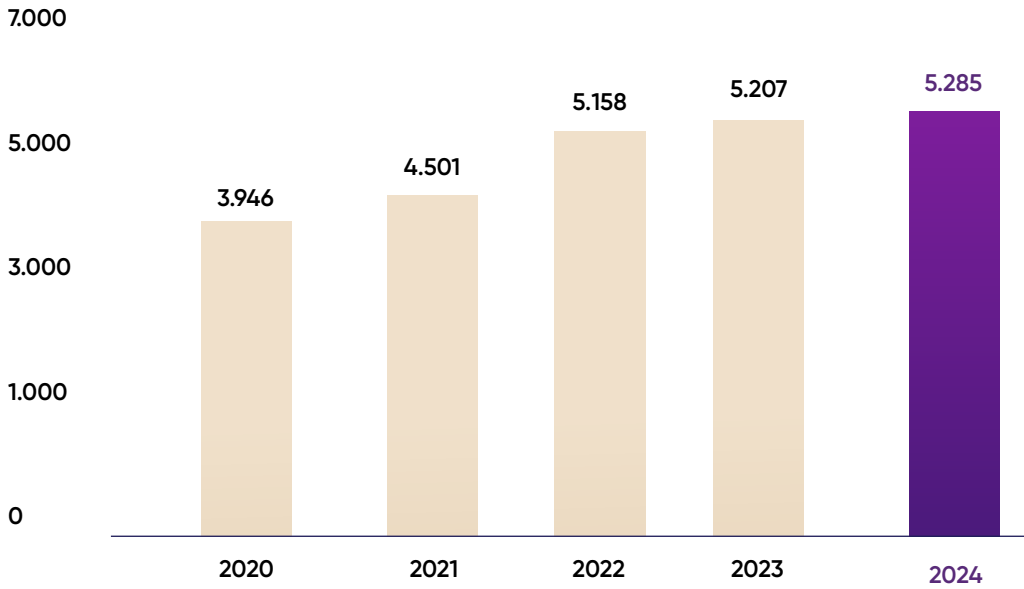
- Tạo nguồn cho kế hoạch tuyển dụng của năm thông qua đẩy mạnh truyền thông, phát triển thương hiệu SeABank trên thị trường nhân sự trên đa dạng kênh như: dịch vụ tuyển dụng của các đối tác hàng đầu; các kênh đăng tuyển social recruiting; các chương trình ngày hội việc làm tại các trường đại học hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, Kinh tế.



- Chuỗi các chương trình tạo nguồn tuyển dụng và phát triển thương hiệu tuyển dụng được triển khai thường xuyên, tiêu biểu: SeATour, Thực tập sinh tiềm năng, Khởi nghiệp cùng SeABank, Talkshow định hướng nghề nghiệp trực tiếp và trực tuyến, các chương trình digital marketing qua các nền tảng mạng xã hội, các chương trình giới thiệu ứng viên...
- Tại ngày 31/12/2024, tổng số nhân sự SeABank đạt 5.285 CBNV.

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ SEABANK

Đơn vị: Nhân sự



- Nguồn lực tuyển dụng năm 2024 được đa dạng hóa thông qua cấu trúc về giới tính và dân tộc, đa dạng kiến thức và văn hóa, am hiểu địa bàn và phát triển thị trường vi mô theo từng khu vực.
- Cơ cấu lao động trong năm 2024 của SeABank có xu hướng trẻ hóa, hướng đến xây dựng đội ngũ trẻ, năng động, có trình độ chuyên môn và năng lực công nghệ để phù hợp với định hướng số hóa và phát triển công nghệ.
- Đầu tư cho đội ngũ nhân sự tài năng hiện hữu thông qua các chương trình phát triển theo lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) và khung quy hoạch nhân tài (Talent pool) dựa trên đánh giá năng lực (Competency), tập trung vào:

- » Hệ thống các chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp định kỳ;
- » Hệ thống chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch giám đốc tiềm năng, trưởng nhóm tiềm năng...

Các chương trình đã mang lại kết quả ấn tượng trong việc quy hoạch và phát triển đội ngũ kế cận, đáp ứng nhu cầu nguồn lực cho chiến lược kinh doanh, góp phần tạo cơ hội phát triển năng lực và lộ trình phát triển cá nhân (PDP) của CBNV.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Bên cạnh tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội, chính sách đãi ngộ (Total Rewards) của SeABank được xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh và chiến lược nhân sự nhằm mang đến cho CBNV những đãi ngộ cạnh tranh, xứng đáng với đóng góp và cống hiến của mỗi cá nhân, thúc đẩy sự phát triển của SeABank với mục tiêu trở thành “ngân hàng bán lẻ dẫn đầu và được yêu thích nhất”.

Các chính sách lương, thưởng, phúc lợi tiêu biểu năm 2024:

- Điều chỉnh lương định kỳ: các mức điều chỉnh theo vị trí đảm nhiệm, hiệu quả làm việc thực tế, mức độ đóng góp và thâm niên, cống hiến của từng cá nhân, dựa trên cấu trúc lương 3P cập nhật theo thị trường cùng với kết quả tư vấn, báo cáo khảo sát lương, thưởng và phúc lợi hàng năm của Talentnet-Mercer.
 - Hệ thống chính sách thưởng: dựa trên năng lực làm việc, kết quả làm việc, thành tích và đóng góp, cống hiến của từng cá nhân cho sự phát triển của Ngân hàng, đảm bảo khen thưởng xứng đáng nhằm khích lệ, ghi nhận sự đóng góp của mỗi thành viên, tập thể:
 - Thưởng thi đua kinh doanh đối với các CBNV có thành tích xuất sắc theo các chương trình thi đua, thúc đẩy kinh doanh của Ngân hàng.
 - Chính sách lương kinh doanh bổ sung đối với lực lượng bán dưới sự tư vấn của đối tác Talentnet-Mercer theo chiến lược của Ngân hàng và của từng phân khúc kinh doanh.
 - Chính sách thưởng hiệu quả công việc dựa trên hiệu quả làm việc của từng đơn vị, cá nhân và mức độ đóng góp vào kết quả chung của Ngân hàng.
 - Các chính sách thành tích đặc biệt cho các cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chương trình, dự án, ý tưởng và giải pháp sáng tạo...
 - Các chính sách phúc lợi được mở rộng và nâng cao nhằm mang lại đãi ngộ tốt nhất cho CBNV, gia tăng theo thâm niên, kết quả làm việc để tạo động lực cống hiến và gắn kết:
- Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện SeACare cho CBNV và người thân với quyền lợi bảo hiểm cạnh tranh: hạn mức bồi thường duy trì ở mức tốt, không đồng bảo hiểm, được bồi thường theo chi phí khám chữa bệnh thực tế.
 - Chương trình khám sức khỏe định kỳ: bổ sung các danh mục khám chuyên sâu, khám mở rộng tại các bệnh viện uy tín và có cơ sở vật chất và chất lượng dịch vụ tốt.
 - Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn dành cho người lao động (SeAESOP): phát hành 10.000.000 cổ phiếu ESOP cho cán bộ quản lý và nhân viên có thâm niên, hiệu quả làm việc tốt với giá ưu đãi 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Chính sách vay vốn ưu đãi SeAStaff Privilege: gói vay dành cho CBNV với hạn mức và lãi suất ưu đãi hấp dẫn, cạnh tranh.
 - Chính sách về chế độ nghỉ phép năm: tiếp tục duy trì chính sách mở rộng số ngày nghỉ phép năm theo nhóm chức danh, thâm niên.
- Thông qua các chính sách hấp dẫn, rõ ràng và minh bạch, cùng lộ trình thăng tiến cụ thể, SeABank hướng đến tạo động lực và tăng năng suất lao động, thu hút và giữ chân nhân tài, xây dựng một môi trường làm việc có tính phát triển. Những kết quả đạt được của hoạt động nhân sự trong năm 2024 góp một phần quan trọng trong việc tạo dựng nền tảng vững vàng về nguồn lực để kiến tạo những huyền thoại trong năm 2024, bứt phá vươn lên để đạt các mục tiêu trung – dài hạn.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Mục tiêu cải tiến:

- Nâng cao hiệu suất và giá trị của CBNV, củng cố mức hài lòng về lộ trình nhân sự dài hạn, từ đó giúp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, nâng cao niềm tin của nhân viên và các bên hữu quan đối với Ngân hàng.
 - Thúc đẩy sự phát triển của Ngân hàng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng từ các yếu tố bên ngoài và nội tại doanh nghiệp để phát triển.
- Nâng cao hệ thống quản lý hiệu quả công việc theo KPIs đối với các Khối Hội sở và ĐVKD trên toàn hệ thống.
 - Hoàn thiện hệ thống chính sách đãi ngộ cạnh tranh và gắn liền với hiệu quả nhằm phát triển đội ngũ tập trung về chất lượng, hiệu quả.
 - Thu hút, ổn định và tập trung phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực, kinh nghiệm phù hợp, đảm bảo đáp ứng các mục tiêu PTBV, các chiến lược trung-dài hạn thông qua việc triển khai công tác sàng lọc, quy hoạch và đào tạo phát triển theo Khung năng lực (Competency framework).

Các cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý năm 2024:

- Tăng cường chuyên môn hóa cơ cấu tổ chức nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực để phục vụ tốt nhất chiến lược kinh doanh của Ngân hàng.

CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ ĐẾN NĂM 2028

Với sự đồng hành của các đối tác tư vấn nhân sự hàng đầu trong nước và quốc tế, SeABank đã xây dựng chiến lược nhân sự dài hạn và kế hoạch tổng thể đến năm 2028 với mục tiêu trở thành “ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất” tại Việt Nam.



- Thu hút, tăng cường đội ngũ nhân sự có năng lực, phù hợp, đáp ứng chiến lược chuyển đổi toàn diện.
 - Chuyên môn hóa nguồn nhân lực và KPIs theo phân khúc/chuyên môn, kết hợp chính sách lương dựa trên hiệu quả để thúc đẩy kinh doanh.
 - Xây dựng Khung năng lực (Competency framework) kết hợp với chuẩn hóa lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) nhằm phát triển đội ngũ nhân sự có kỹ năng (skill set) đáp ứng yêu cầu của chiến lược chuyển đổi; trao cơ hội và tạo động lực phát triển cá nhân (personal development), gia tăng gắn kết với SeABank.
- Triển khai hệ thống chương trình đào tạo theo cấp bậc; đào tạo đa dạng về chuyên môn, kỹ năng mềm; từ đào tạo (training) đến huấn luyện (coaching) để nâng cao năng lực đội ngũ và phát triển đội ngũ kế cận.
 - Nâng cao hiệu quả hệ thống đãi ngộ tổng thể Total Rewards: cấu trúc lương và gói phúc lợi cạnh tranh theo kết quả đánh giá/vị trí công việc; lương/thưởng kinh doanh (SIP, Performance bonus...).

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Các mục tiêu chính của SeABank năm 2025 được đưa ra dựa trên việc đánh giá kinh tế vĩ mô, thị trường và phù hợp với định hướng phát triển của từng phân khúc kinh doanh, kiểm soát rủi ro và đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng theo định hướng chiến lược của Ngân hàng.



MỤC TIÊU TRỌNG TÂM NĂM 2025

- Tiên quyết phát triển dư nợ cá nhân, mục tiêu dư nợ cá nhân chiếm tỷ trọng 25% trong tổng dư nợ. Điều hành tăng trưởng tín dụng theo tình hình thực tế và room tín dụng được NHNN cấp.
 - Tập trung đẩy mạnh tỷ trọng CASA đạt trên 16% trên tổng huy động. Tối ưu hóa nguồn vốn phù hợp với nhu cầu tăng trưởng tín dụng và thanh khoản của Ngân hàng.
 - Tập trung đẩy mạnh nguồn thu từ sản phẩm thẻ, NFX theo định hướng chiến lược Dự án thẻ và NFX của Ngân hàng.
- Xây dựng cụ thể chiến lược công nghệ số, có mục tiêu và kết quả đạt được tránh dàn trải và không hiệu quả, chú trọng đầu tư công nghệ đối với mảng cá nhân và DN/VN.
 - Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng đồng thời tích cực triển khai các biện pháp kiểm soát và hạn chế nợ xấu phát sinh. Quy hoạch trách nhiệm xử lý nợ quá hạn và hỗ trợ ĐVKD cải thiện kết quả kinh doanh.
 - Tối ưu hóa chi phí đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả đầu tư, sử dụng ngân sách.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG HƯỚNG TỚI HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH

Dựa trên các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025 được giao bởi HĐQT (chi tiết tại Chương IV, trang 114 - 115 của Báo cáo này), BTGD SeABank đưa ra một số định hướng hoạt động trọng tâm năm 2025 như sau:

Mục tiêu trọng tâm	Định hướng hoạt động
Tăng trưởng tổng tài sản	Tăng trưởng tổng tài sản theo hướng tăng trưởng hợp lý, đảm bảo khả năng tăng trưởng các tài sản sinh lời và giảm dần các tài sản không mang lại lợi nhuận cho SeABank.
Tăng trưởng nguồn huy động	• Thực hiện chính sách huy động dựa trên nhu cầu sử dụng vốn, đảm bảo cân đối được nguồn giải ngân, đảm bảo thanh khoản. Đa dạng hóa nguồn vốn huy động: tiếp tục huy động từ nhóm KHCN, các tổ chức kinh tế và huy động từ nguồn của các tổ chức nước ngoài. • Kiểm soát chặt chẽ giá vốn huy động bình quân trong năm; tiếp tục các biện pháp để tăng trưởng huy động không kỳ hạn, tối ưu hóa nguồn huy động, đảm bảo mang lại hiệu quả sử dụng nguồn tốt nhất cho toàn hệ thống tại từng thời điểm cụ thể trong năm; hỗ trợ giảm chi phí vốn và tăng trưởng hiệu quả sinh lời. • Đảm bảo tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) theo yêu cầu của NHNN.
Tăng trưởng cấp tín dụng	• Tăng trưởng dư nợ tín dụng phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo định hướng của SeABank trong năm 2025 và phù hợp với quy định của NHNN. • Tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ dư nợ cá nhân, mục tiêu nâng cao tỷ trọng dư nợ cá nhân trong tổng dư nợ. • Tập trung phát triển sản phẩm có margin sinh lời cao; phát triển dư nợ ngắn và trung hạn. Đồng thời phát triển các sản phẩm có lãi suất và kỳ hạn linh hoạt, đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng cá nhân.
Tối ưu các chỉ số lợi nhuận	Thu phí dịch vụ • Đa dạng sản phẩm cho khách hàng, cải thiện và phát triển các khoản thu ngoài lãi song song xây dựng các trụ cột phí mới. Các sản phẩm số hóa ebank, thẻ, chương trình SeAConnect, kinh doanh ngoại hối, bảo hiểm là trọng tâm kinh doanh của năm 2025. • Tiếp tục tăng trưởng thu nhập từ phí của Ngân hàng để ổn định và đa dạng hóa nguồn thu nhập, tập trung vào các loại hình dịch vụ như ngân hàng số, thẻ tín dụng, SeAConnect, ngoại hối, bảo hiểm. Tỷ trọng thu phí dịch vụ phải đạt tối thiểu 25%. • Xây dựng và phát triển các giải pháp ngân hàng điện tử, giao dịch dành riêng theo từng chuỗi, hệ sinh thái của các khách hàng, đa dạng hóa kênh bán, đẩy mạnh các hợp tác chiến lược nhằm tăng các dịch vụ online, dịch vụ bán chéo; phát triển các sản phẩm ngoại hối nhằm gia tăng nguồn thu dịch vụ; cá nhân hóa và gia tăng trải nghiệm khách hàng hướng tới cung cấp các sản phẩm/dịch vụ/điểm chạm với khách hàng theo từng chân dung khách hàng và tại từng điểm theo vòng đời khách hàng... Quản trị chi phí hoạt động SeABank chú trọng tối ưu hóa và tiết kiệm chi phí, đồng thời tiếp tục kiểm soát chỉ số CIR (chi phí trên tổng thu nhập thuần) của toàn hệ thống <40% trong năm 2025. Chi phí được tối ưu hóa và tiết kiệm đảm bảo cân đối hoạt động của Ngân hàng và thực hiện các dự án chiến lược của Ngân hàng về chiến lược hội tụ số, dự án Thẻ, dự án kinh doanh ngoại hối, dự án với các đối tác lớn song song với các khoản chi đầu tư công nghệ thiết yếu, số hóa các hoạt động vận hành trong hệ thống để đơn giản hóa, tự động hóa và tiến tới áp dụng sâu AI trong công tác vận hành.

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH LINH HOẠT, BỀN VỮNG

Nhằm đạt được các mục tiêu năm 2025 và tạo đà tăng trưởng bền vững, SeABank triển khai chiến lược kinh doanh linh hoạt, tập trung vào: phát triển khách hàng; phát triển hệ sinh thái đối tác; phát triển sản phẩm dịch vụ; số hóa toàn diện; phát triển khách hàng/sản phẩm xanh - bền vững. Định hướng chiến lược năm 2025 bao gồm:

1

Triển khai chiến lược bán hàng đa kênh với sự hỗ trợ của chiến lược "Hội tụ số" nhằm phục vụ, đáp ứng tối đa các nhu cầu đa dạng của khách hàng mọi phân khúc với sản phẩm dịch vụ đa dạng; chất lượng dịch vụ vượt trội; nhiều ưu đãi hấp dẫn, cạnh tranh và các giải pháp, chính sách chuyên biệt phù hợp với đặc thù từng phân khúc, ngành nghề.

2

Đột phá về hiệu quả kinh doanh thông qua tối ưu kênh bán, đa dạng kênh bán với các chính sách chuyên biệt theo từng nhóm đối tượng, có sự giám sát, quản lý thúc đẩy hiệu quả kết hợp với chiến dịch bán hàng và tiếp thị phù hợp.

3

Đẩy mạnh giải ngân nguồn vốn tín dụng xanh từ các tổ chức quốc tế, mở rộng tệp khách hàng tín dụng xanh, đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng an toàn, tập trung vào sản phẩm tiêu dùng cho vay mua nhà để ở và các lĩnh vực ưu tiên, kết nối các dự án xanh và xây dựng SeABank thành một thương hiệu tài trợ bền vững trên thị trường.

4

Ưu tiên tập trung vốn tài trợ các dự án tín dụng xanh, tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế để thúc đẩy nguồn vốn xanh - bền vững vào Việt Nam, hướng đến thực hiện các mục tiêu phát triển tài chính bền vững.

5

Khai thác tối đa tệp khách hàng hiện hữu và tìm kiếm các khách hàng mới tiềm năng, ưu tiên lĩnh vực sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm thiểu thất thoát năng lượng, nâng cao hiệu quả khai thác năng lượng.

Chi tiết kế hoạch hoạt động năm 2025 theo từng mảng kinh doanh:

Mảng kinh doanh	Trọng tâm phát triển	Mục tiêu, kế hoạch phát triển năm 2025
KHDNL	Bán hàng và phát triển khách hàng	Chiến lược bán chéo sản phẩm được đẩy mạnh nhằm cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng. Chiến lược nâng cao chất lượng đội ngũ bán hàng: - Mở rộng quy mô nhân sự nhằm đáp ứng kế hoạch kinh doanh, đảm bảo triển khai an toàn và hiệu quả. - Tập trung nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ bán hàng, đặc biệt tập trung các lĩnh vực: phân tích tài chính doanh nghiệp, thẩm định khách hàng.
KHDN	Bán hàng và phát triển khách hàng	Tạo dựng hệ sinh thái đối tác và mạng lưới khách hàng đa dạng theo các ngành kinh tế tiềm năng trên thị trường, tối ưu hóa vị thế cạnh tranh và nguồn lực, hướng tới tăng trưởng quy mô nhanh, an toàn và hiệu quả. Theo đó, SeABank tập trung mở rộng tệp khách hàng theo ngành nghề trọng tâm trên địa bàn, khai thác sâu và mở rộng hợp tác các chuỗi/hệ sinh thái của các đối tác lớn như: - Digital (OneSME - VNPT, Viettel Telecom, VNPost...); - Fintech/thương mại điện tử (SOLV, Fintwin, Bizzi...); - Logistic, xuất nhập khẩu: mở rộng tệp khách hàng trên cơ sở kết nối hệ thống nền tảng công nghệ quản lý chuỗi cảng biển của đối tác, hợp tác với các Hiệp hội về logistic và đầu tư nước ngoài như VSL, VAFIE...;

Mảng kinh doanh	Trọng tâm phát triển	Mục tiêu, kế hoạch phát triển năm 2025
KHDN (tiếp)	Bán hàng và phát triển khách hàng	- Phát triển hợp tác các chương trình hội thảo, hội nghị, xúc tiến thương mại dành cho các doanh nghiệp nữ chủ, DNVVN với các cơ quan, tổ chức như: Cục Xúc tiến thương mại, Cục Phát triển doanh nghiệp, Hội truyền thông số, Hiệp hội các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Chuỗi sản phẩm linh hoạt, chuyên biệt: - Tiếp tục cung cấp các gói giải pháp chuyên biệt, tối ưu và nâng cấp chuỗi sản phẩm với thiết kế linh hoạt, phù hợp với đặc thù ngành, đáp ứng toàn bộ nhu cầu của khách hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhiều ưu đãi và cạnh tranh trên thị trường mang lại lợi ích tổng thể thiết thực nhất. - Xây dựng sản phẩm theo xu thế tín dụng xanh, xây dựng các sản phẩm theo chuỗi cung ứng, đối tác và nhóm sản phẩm digital... Chiến lược bán đa kênh: - Tiếp tục tối ưu kênh bán Chi nhánh. - Đẩy mạnh các kênh bán mới để tạo ra những đột phá về hiệu quả kinh doanh, tập trung vào kênh bán digital song hành cùng chiến lược hội tụ số với các giải pháp chuyên biệt theo từng nhóm đối tượng khách hàng mục tiêu, định hướng trở thành trụ cột quan trọng của mảng KHDN. - Các chiến dịch bán, chiến dịch marketing được chỉ đạo triển khai trực tiếp từ Khối kinh doanh Hội sở, bám sát mục tiêu kinh doanh trọng điểm từng thời kỳ.
Nguồn vốn	Phát triển kinh doanh	- Tiếp tục đẩy mạnh giao dịch nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để đảm bảo thanh khoản, chỉ số thanh khoản cho toàn hệ thống. - Tăng cường năng lực và QTRR để nâng cao hiệu quả tự doanh trên các mảng kinh doanh trái phiếu, ngoại hối và kinh doanh vốn ngắn hạn trên thị trường liên ngân hàng. - Hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh theo kế hoạch năm 2025.
	Phát triển sản phẩm	- Đẩy mạnh phát triển giao dịch repo GTCG, tập trung phần lớn vào sản phẩm repo Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu CPBL. Mở rộng giao dịch repo GTCG do các TCTD có tiềm lực tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh ổn định, an toàn phát hành; đồng thời đẩy mạnh phát triển giao dịch tài trợ LC UPAS trên thị trường liên ngân hàng. - Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, nghiên cứu và triển khai các sản phẩm mới trên thị trường tiền tệ, ngoại hối theo đúng quy định và hướng dẫn của các cơ quan quản lý và pháp luật.
	Phát triển đối tác và khách hàng	- Tiếp tục củng cố và mở rộng phát triển quan hệ đối tác với TCTD, các định chế phi tài chính, gia tăng hạn mức song phương. - Mở rộng thị phần kinh doanh, đa dạng hóa các sản phẩm, và tập trung đẩy mạnh tăng trưởng khách hàng, tập trung vào nhóm KH Xuất nhập khẩu, FDI quy mô tầm trung và nhóm khách hàng theo chuỗi.
	Nâng cao vị thế trên thị trường	- Duy trì vị thế là nhà tạo lập thị trường hàng đầu tại thị trường trong nước ở các nghiệp vụ chủ chốt: USD/VND giao ngay, hoán đổi ngoại tệ USD/VND, kinh doanh trái phiếu, repo. - Hướng tới các danh hiệu top 5 về doanh số của hiệp hội VBMA, Refinitiv, HNX...

Mảng kinh doanh	Trọng tâm phát triển	Mục tiêu, kế hoạch phát triển năm 2025
KHCH	Phát triển sản phẩm	- Tiếp tục mở rộng danh mục các sản phẩm, đưa ra các giải pháp tài chính linh hoạt, hấp dẫn để thu hút khách hàng mới và giữ chân khách hàng hiện tại. - Đẩy mạnh triển khai chương trình bán hàng, chương trình ưu đãi trên nền tảng số các sản phẩm tín dụng, NFX, thẻ... - Nâng cao an toàn bảo mật, hạn chế rủi ro và PCRT trong giao dịch. - Tín dụng: tập trung mở rộng cho vay mua nhà với lãi suất ưu đãi, tập trung vào nhóm khách hàng trẻ; Đẩy mạnh cho vay trung dài hạn, tối ưu chính sách lãi suất linh hoạt; Siết chặt quy trình xét duyệt. Các mục tiêu kế hoạch chính năm 2025: » Dư nợ tăng ròng 23.000 tỷ đồng, tăng trưởng 71%, đạt 55.000 tỷ đồng đến cuối năm 2025. » Dư nợ trung dài hạn chiếm 75% tổng dư nợ, nâng tỷ trọng cho vay mua nhà lên mức 50%, cho vay tiêu dùng tăng trưởng có kiểm soát. » Dư nợ ngắn hạn tối ưu hóa, tập trung vào khách hàng có lịch sử tín dụng tốt nhằm kiểm soát nợ xấu dưới 2%. Cải thiện chất lượng phục vụ và tăng số lượng khách hàng mới thêm 30%. - Sản phẩm thẻ và tài khoản: » Tăng tỷ trọng sản phẩm thẻ mở qua kênh online. » Cải tiến chính sách cấp hạn mức và tối ưu hóa quy trình vận hành để tăng cường hiệu quả và giảm thiểu chi phí, kiểm soát chất lượng sản phẩm. » Xây dựng và thúc đẩy phát triển sản phẩm mới có tính năng vượt trội, tác động thu hút được nhóm khách hàng mục tiêu lớn trên thị trường như các sản phẩm kết hợp đồng thương hiệu với các cá nhân có tầm ảnh hưởng. » Đẩy mạnh tỷ trọng CASA nhằm tối ưu hóa nguồn vốn phù hợp với quy mô, cơ cấu tăng trưởng tín dụng và hoạt động thanh toán trong hệ thống đặc biệt là thanh toán không dùng tiền mặt. » Tăng cường tìm kiếm thêm và tối đa hóa các nguồn thu từ phí liên quan đến TKTT và hoạt động giao dịch tài khoản của khách hàng nhằm tăng tỷ trọng thu nhập ngoài lãi.
	Phát triển hệ sinh thái đối tác	- Xây dựng hệ sinh thái tài chính cá nhân, kết nối đa dạng dịch vụ từ tín dụng, đầu tư, bảo hiểm đến tiêu dùng. Tăng cường hợp tác với Fintech, phát triển nền tảng tài chính toàn diện. - Triển khai các sản phẩm dịch vụ của SeABank đến các đối tác chiến lược; tìm kiếm và khai thác các khách hàng mới, đối tác mới, các hệ sinh thái khách hàng thuộc các tập đoàn/công ty có giao dịch qua SeABank. - Đẩy mạnh khai thác tệp khách hàng chi lương và khách hàng chuỗi đại lý, với mục tiêu bán tối thiểu 3 sản phẩm/khách hàng bao gồm: TKTT, tiết kiệm và tín dụng (thẻ tín dụng/vay vốn), đặt mục tiêu trở thành ngân hàng giao dịch chính của khách hàng. - Cung cấp giải pháp thanh toán SeAPayment cho các đối tác với ngành hàng bán lẻ, mở rộng với ngành hàng dịch vụ (nhà hàng, khách sạn...) và giáo dục.

CHIẾN LƯỢC “HỘI TỤ SỐ” SỐ HÓA TOÀN DIỆN

Mảng kinh doanh	Mục tiêu, kế hoạch số hóa năm 2025
KHDNL	Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp triển khai các giải pháp như TMS, Quản lý quan hệ khách hàng (CRM – Customer Relationship Management) và SCF nhằm tối ưu hóa QTRR, quản lý dòng tiền và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Hệ thống CRM giúp lưu trữ và xây dựng tập dữ liệu về khách hàng, biến dữ liệu trở thành tài sản giá trị của ngân hàng trong dài hạn. Hệ thống thanh toán tự động của khách hàng sẽ được kết nối trực tiếp với ebank của SeABank thông qua nền tảng API.
KHDN	- Nâng cấp và cải tiến các ứng dụng ngân hàng số, phát triển và hoàn thiện các tính năng, tiện ích ưu việt nhằm nâng cao tính tiện lợi, độ an toàn và tối ưu trải nghiệm khách hàng: » Số hóa các sản phẩm như: bảo lãnh online, giải ngân online luồng hoàn toàn tự động, phát hành LC online. » Ứng dụng các công nghệ mới như: chữ ký số từ xa; nhận biết hồ sơ và hỗ trợ soạn thảo giao dịch nhờ công nghệ AI và máy học. - Ứng dụng triệt để triết lý phát triển phần mềm theo mô hình ‘Design Thinking’: các sản phẩm đều phải đảm bảo tiêu chí về sự thấu hiểu và giá trị thực tiễn cao. - Triển khai các dự án nghiên cứu chuyên sâu về trải nghiệm khách hàng (CX- Customer Experience) trên kênh số, thu thập và phân tích hành vi, thói quen khách hàng để phát triển dịch vụ phù hợp trên đa kênh. Ngân hàng cũng liên tục thu thập ý kiến trải nghiệm của khách hàng trực tuyến để làm tư liệu nghiên cứu và cải tiến dịch vụ. - Cùng với sự chuyển mình của toàn xã hội hướng tới nền kinh tế số theo đề án 06, SeABank sẽ ứng dụng mạnh mẽ các ứng dụng xã hội hóa như: xác thực giao dịch qua ứng dụng VneID, chữ ký số từ xa... - Ra mắt các tính năng trọng điểm trong năm 2025 như: tính năng giải ngân online luồng tự động (Quý IV/2025); chuyển tiền ngoại tệ trong nước (Quý I/2025); mở tài khoản online mới (Quý I/2025); dịch vụ thanh toán khoản vay, mở thư tín dụng online (Quý III/2025); new UI/UX (Quý I/2025).
KHCH	- Định vị ngân hàng trở thành đơn vị dẫn đầu về tín dụng cá nhân số hóa: » Nâng cấp hệ thống phê duyệt khoản vay tự động, mở rộng tích hợp dữ liệu từ bên thứ ba (công ty tín dụng, dữ liệu tiêu dùng). » Phát triển mô hình chấm điểm tín dụng cá nhân dựa trên AI, tăng khả năng tiếp cận tín dụng. - Số hoá sản phẩm và quy trình nhằm chuyển dịch kênh bán truyền thống sang kênh bán online cho các sản phẩm, qua đó mở rộng người dùng và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; gia tăng trải nghiệm khách hàng. - Tích hợp công nghệ như AI, nâng cấp, cải tiến hệ thống tính năng, tiện ích, mang tới giao diện thân thiện, tốc độ nhanh, trải nghiệm thuận tiện, an toàn và bảo mật.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG



▶ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

- Năm 2024, SeABank tiếp tục có những bước tăng trưởng ổn định, hoạt động hiệu quả: lợi nhuận trước thuế đạt hơn **6.039 tỷ đồng** và hoàn thành **103%** kế hoạch; tổng tài sản đạt hơn **325.699 tỷ đồng, tăng 22%** so với năm 2023. ROA và ROE lần lượt là **1,63%** và **14,75%**; tỷ lệ nợ xấu ở mức **1,89%**. Bên cạnh đó, SeABank đã hoàn thành tăng vốn điều lệ từ **24.957 tỷ đồng** lên **28.350 tỷ đồng**.
- Tiếp tục tập trung triển khai các tiêu chuẩn QTRR quốc tế như Basel III và được Moody's giữ nguyên bậc xếp hạng **Ba3** cho danh mục Tiền gửi dài hạn, giữ nguyên xếp hạng đánh giá tín dụng cơ sở (BCA) của SeABank ở mức **B1** với triển vọng phát triển Ổn định.
- Tiếp nối phát huy những kết quả tích cực của năm 2023, trong năm 2024, SeABank đã đánh giá và cải thiện các trụ cột liên quan đến PTBV theo các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế về quản trị công ty tiên tiến nhằm nâng cao năng lực quản trị và PTBV của Ngân hàng theo đúng định hướng của HĐQT, bao gồm nhưng không hạn chế:
 - Đánh giá và cải thiện các nguyên tắc quản trị công ty theo VNCG, Bộ quy tắc quản trị công ty của OECD, các tiêu chuẩn, thông lệ về ESG theo khuyến nghị và tư vấn từ IFC và các đối tác quốc tế như DFC, Norfund, AIB...;
 - Rà soát, đánh giá các hạng mục PTBV theo Báo cáo GRI để tiếp tục cải thiện trong năm 2024;
 - Đánh giá và cải thiện các tiêu chuẩn, thông lệ về kiểm soát nội bộ từ COSO, các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế trong kiểm toán nội bộ (KTNB) như triển khai dự án Hệ thống quản trị, rủi ro và tuân thủ (GRC), thực hiện Chương trình đảm bảo và cải thiện chất lượng KTNB (QAIP) về chất lượng KTNB theo tiêu chuẩn quốc tế...;
 - Tiếp tục triển khai IFRS do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) thiết kế và phát triển để hướng tới việc công bố thông tin báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế này.
- Cổ phiếu SSB tiếp tục nằm trong danh sách **VN30-Index** và tại Lễ trao giải "Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2024" (VLCA 2024). SeABank tự hào được xếp hạng đầu tiên trong **Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất** (nhóm vốn hóa vừa - Midcap). Cùng với đó, ngân hàng cũng được vinh danh trong **Top 10 Báo cáo thường niên nhóm ngành Tài chính**.
- SeABank đã hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 24.957 tỷ đồng lên 28.350 tỷ đồng và hiện đang triển khai hoàn thiện các thủ tục tại NHNN để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 28.450 tỷ đồng thông qua phát hành ESOP năm 2024. Nguồn vốn chủ sở hữu tăng thêm giúp SeABank nâng cao hệ số an toàn vốn theo tiêu chuẩn Basel III, cho phép ngân hàng gia tăng sức chịu đựng trong trường hợp nền kinh tế có biến động bất thường, đáp ứng nhu cầu phát triển của Ngân hàng trong thời gian tới.
- Hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của SeABank tại PTF trong bối cảnh có nhiều biến động về thể chế, chính sách trong thời gian vừa qua.



▶ ĐÁNH GIÁ VỀ MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

- Tại Chương trình công bố doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam 2023 (CSI 100) được tổ chức với sự phối hợp giữa VCCI, Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (MOLISA), Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (VGCL), SeABank được đánh giá cao trong quá trình thực hiện PTBV qua giai đoạn 3 năm từ 2020 - 2022 trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường và lần thứ 6 lọt Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam. Ngoài ra, SeABank cũng đạt giải thưởng Top 50 Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả năm 2023 (VIX50), Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin (Chương trình IR Awards 2023). Đồng thời, SeABank cũng vinh dự đạt danh hiệu cao quý UN WEPs Award 2024 (Nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ năm 2024) ở hạng mục
- "Bình đẳng giới tại thị trường" do Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) bình chọn.
- Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp tiếp tục được chú trọng nhằm triển khai chiến lược PTBV trên khía cạnh nhân sự và tổ chức. Theo đó, SeABank cũng vinh dự được vinh danh Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024 (Best Places To Work 2024) do Anphabe cùng Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố, minh chứng cho nỗ lực xây dựng môi trường làm việc công bằng, đa dạng và bao trùm, đảm bảo các tiêu chuẩn về quyền lợi, phúc lợi cho nhân viên, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho nhân viên của Ngân hàng - một mục tiêu quan trọng của trụ cột Xã hội (Social) trong Chiến lược PTBV của SeABank.
- Tiếp tục quyết liệt triển khai Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2021 - 2025, Chiến lược PTBV và Ngân hàng Xanh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và NHNN nhằm cải thiện chất lượng hoạt động của Ngân hàng, đồng thời nâng cao năng lực quản trị, điều hành và phát triển kinh doanh gắn với PTBV và ngân hàng xanh.
- Tiếp tục triển khai các hoạt động ASXH và tham gia hoạt động của nhiều tổ chức, hiệp hội, góp phần bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu, đồng thời đóng góp tích cực cho đa dạng lĩnh vực xã hội: y tế và sức khỏe cộng đồng; giáo dục và việc làm; xóa đói giảm nghèo; bình đẳng giới và cơ hội bình đẳng...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2024, đội ngũ BTGD của Ngân hàng tiếp tục được kiện toàn với việc bổ sung 02 PTGD có chuyên môn, kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực QTRR và kinh doanh nguồn vốn. Với sự quyết liệt của TGD và sự hỗ trợ điều hành hiệu quả từ các thành viên BTGD, hoạt động Ngân hàng đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận trong năm 2024, cụ thể:

Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu của Ngân hàng:

Kết quả chi tiết theo báo cáo đánh giá của Ban TGD tại Chương III, trang 74 - 75 của Báo cáo này. HĐQT đánh giá cao những nỗ lực của BTGD trong hoạt động điều hành kinh doanh trong năm 2024, đặc biệt trong bối cảnh có nhiều thay đổi về thể chế, chính sách và định hướng của Chính phủ và NHNN. BTGD đã kịp thời và linh hoạt để thích ứng với thực tế này.

Thực thi chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững hiệu quả:

E

TRỤ CỘT “QUẢN TRỊ”

- Duy trì, phát triển và ngày càng cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động liên tục, có hiệu quả, đảm bảo đầy đủ các tuyến phòng thủ thông qua Tập trung triển khai các tiêu chuẩn QTRR quốc tế Basel III, tiếp tục được Moody's xếp hạng Ba3 cho các danh mục quan trọng:
 - Triển khai các chuẩn mực quốc tế về hệ thống kiểm soát nội bộ COSO, báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS...
 - Điều chỉnh phân công, phân cấp thẩm quyền cho các PTGD trong hệ thống đảm bảo rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ và hiệu quả; tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho việc phối hợp giữa các thành viên BTGD trong việc điều hành hoạt động của Ngân hàng, và phối hợp nhịp nhàng giữa BTGD với các Khối, ĐVKD trong toàn hệ thống...

S

TRỤ CỘT “XÃ HỘI”

- Lấy khách hàng là trọng tâm:** SeABank phục vụ với sự tận tâm, thấu hiểu, cung cấp dịch vụ tư vấn phù hợp, giải pháp sáng tạo nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng; đồng thời kiến tạo và lan tỏa giá trị thiết thực cho khách hàng và các bên hữu quan với mục tiêu mang đến cuộc sống hạnh phúc và tương lai thịnh vượng cho cộng đồng. Năm 2024, SeABank triển khai hệ thống đo lường các chỉ số trải nghiệm khách hàng NPS, CSAT và CES chuẩn quốc tế; thiết lập chương trình lắng nghe khách hàng chủ động thông qua áp dụng công nghệ AI vào Callbot. Ngân hàng đã chăm sóc tự động và cá nhân hóa 1,2 triệu khách hàng qua kênh email và thông báo trên SeAMobile; lắng nghe hơn 20.000 khách hàng, trong đó hơn 17.000 khách hàng đánh giá hài lòng đối với chất lượng dịch vụ của SeABank.
- Phát triển nguồn nhân lực:** Phát triển nguồn nhân lực mạnh về chất lượng và số lượng, môi trường làm việc tôn trọng, bình đẳng với chỉ số gắn kết và hài lòng cao, được bình chọn là “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024”.
- An sinh xã hội:** Duy trì hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ, tổ chức và tham gia hàng loạt hoạt động, đóng góp thúc đẩy nhiều lĩnh vực SDGs như y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo... với tổng ngân sách gần 24 tỷ đồng.

G

TRỤ CỘT “MÔI TRƯỜNG”

- Phát hành trái phiếu xanh, bao gồm trái phiếu xanh lam đầu tiên tại Việt Nam và trái phiếu xanh lá đầu tiên bởi tổ chức tài chính trong nước nhằm tài trợ các hoạt động bền vững liên quan đến biển, nước sạch và tài trợ các tài sản xanh trong các lĩnh vực như: tòa nhà xanh, năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng theo gói tài trợ của IFC và AIIB.
- Tiếp tục triển khai quyết liệt chiến lược Hội tụ số: Tháng 11/2024, SeABank đã thực hiện nâng cấp thành công lên T24 phiên bản R22 - phiên bản mới nhất, tích hợp các tính năng nghiệp vụ mới, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về tài chính và ngân hàng. Các dự án số hóa và cải tiến ứng dụng số liên tục được triển khai để phục vụ tối đa nhu cầu của mọi phân khúc khách hàng theo hướng hiện đại, bảo mật và an toàn...
- Xanh hóa và tối ưu hóa vận hành: giảm thiểu rác thải do giảm thiểu giao dịch giấy tờ, tối ưu hóa quy trình vận hành giúp giảm tiêu thụ năng lượng và hạn chế phát thải carbon.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025



- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu HĐQT và BKS của Ngân hàng nhằm nâng cao hơn nữa năng lực của HĐQT, BKS và đáp ứng các thông lệ tốt về quản trị công ty trong PTBV:
 - Bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT, nâng số lượng thành viên độc lập HĐQT lên 02 trên tổng số 07 thành viên HĐQT. Các thành viên giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, ưu tiên các ứng viên là người nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu quốc tế hóa của Ngân hàng.
 - Bầu bổ sung/ thay thế thành viên BKS theo hướng ưu tiên những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng nhằm đa dạng hóa năng lực, chuyên môn, kinh nghiệm và giới tính cho BKS, đáp ứng nhu cầu thực tế hoạt động của BKS ngày càng gia tăng do được bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật các TCTD năm 2024.
 - Rà soát và thực hiện phân công công việc lại cho các thành viên HĐQT, BKS theo thực tế nhân sự được bầu bổ sung trong năm 2025.
 - Điều chỉnh lại cơ cấu, đổi tên các Ủy ban trực thuộc HĐQT theo thực tế nhân sự được bầu năm 2025 và rà soát, cải tiến quy trình làm việc của các Ủy ban; kiện toàn nhân sự giúp việc cho các Ủy ban nhằm tăng cường nguồn lực cho các Ủy ban tham mưu cho HĐQT trong công tác PTBV, đặc biệt là trụ cột Quản trị.
 - Nghiên cứu, xem xét thành lập Ủy ban Phát triển bền vững với các thành viên có kinh nghiệm thực thi chiến lược PTBV tại các tổ chức quốc tế nhằm
- đẩy mạnh hơn nữa việc triển khai, giám sát thực thi chiến lược PTBV tại Ngân hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện khung quản trị công ty và kiện toàn các nguyên tắc quản trị công ty theo VNCG và OECD/G20, cũng như đảm bảo các cam kết của Ngân hàng về PTBV với ba trụ cột ESG với các đối tác quốc tế như IFC, DFC, AIIB, Norfund...; Tập trung chỉ đạo thực hiện chiến lược PTBV của SeABank theo các nội dung này, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên liên quan.
- Chỉ đạo và đồng hành cùng TGD tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ để áp dụng thành công chuẩn mực kiểm soát tuân thủ quốc tế COSO và xem xét việc công bố báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật và các chuẩn mực quốc tế.
- Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách năm 2025 bám sát các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của Chính phủ, NHNN.
- Tiếp tục chỉ đạo việc triển khai trong năm 2025 và tổng kết thực hiện giai đoạn 2021-2025 của các Phương án/Chiến lược/Đề án sau: (i) Cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 đã được NHNN chấp thuận, làm cơ sở để xây dựng Phương án cơ cấu lại cho giai đoạn tiếp theo (nếu có) theo yêu cầu của NHNN; (ii) Đề án phát triển Ngân hàng xanh tại Việt Nam theo Quyết định số 1604/QĐ-NHNN

ngày 07/8/2018; (iii) Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV; (iv) Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến 2025 và định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1309/QĐ-NHNN.

- Chỉ đạo xây dựng Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp TCTD được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 143 Luật các TCTD 2024 và nâng cao năng lực ứng phó với các tình huống bất thường của Ngân hàng.
- Chỉ đạo việc kiểm soát tăng trưởng tín dụng hợp lý, bám sát mục tiêu tăng trưởng tín dụng phù hợp với chỉ tiêu được NHNN giao và định hướng nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng vào các lĩnh vực sản xuất – kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.
- Tiếp tục chỉ đạo để đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại không dùng



tiền mặt trong hoạt động ngân hàng gắn với đảm bảo an ninh, an toàn, trong đó ưu tiên chỉ đạo triển khai các dự án công nghệ số và vận hành tập trung để hỗ trợ hoạt động kinh doanh theo chiến lược Ngân hàng.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH CHÍNH NĂM 2025

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
Tăng trưởng tổng tài sản	Tăng trưởng 10% so với năm 2024
Tăng trưởng nguồn huy động	Tăng trưởng 16% so với năm 2024, gồm nguồn tiền gửi khách hàng, phát hành giấy tờ có giá, nguồn huy động từ tổ chức/định chế tài chính
Tăng trưởng cấp tín dụng	Tăng trưởng 15%, điều chỉnh dựa trên room tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ
Lợi nhuận trước thuế	Đạt 6.458 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	Đạt 5.158 tỷ đồng. Tăng trưởng 7% so với năm 2024
ROE	Đạt 13,8%
Tỷ lệ nợ xấu	Kiểm soát theo quy định nhỏ hơn 3%



KIÊN ĐỊNH BỀN VỮNG

CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHƯƠNG VI: QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ

CHƯƠNG VII: BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

ĐIỂM ĐẾN



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

SeABank đã và đang xây dựng và kiện toàn cơ cấu quản trị, các khung quản trị và hệ thống quản trị toàn diện của Ngân hàng tuân thủ quy định pháp luật có liên quan và trên mức tuân thủ các nguyên tắc của VNCG và OECD/ G20, các khuyến nghị về tiêu chuẩn ESG của IFC và các đối tác quốc tế khác như AIB, Norfund, DFC... Bên cạnh đó, Ngân hàng đã nghiên cứu và đánh giá hoạt động quản trị của ACGS. Trong phạm vi của Báo cáo thường niên năm 2024, SeABank tập trung đánh giá việc thực hiện các nguyên tắc của VNCG, ACGS.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY MANG TÍNH BỀN VỮNG

Khung pháp lý về Quản trị Công ty được hoàn thiện	- Luật các TCTD năm 2024, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP... - Điều lệ của SeABank, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức hoạt động của BKS, Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban Quản lý Rủi ro (UBQLRR), Ủy ban Nhân sự (UBNS), quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ... đã được rà soát, ban hành mới theo các quy định pháp luật mới trên và các nguyên tắc về quản trị công ty của VNCG, các khuyến nghị của IFC về PTBV dựa trên 03 trụ cột ESG trong năm 2024. - Các văn bản, tài liệu khác liên quan đến quản trị như: Quy định về Công bố thông tin, Chính sách giao dịch với bên liên quan, Chính sách với Bên hữu quan, Quy định về hệ thống ESMS tại SeABank, Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, bộ chuẩn mực đạo đức, ứng xử của BKS, Bộ quy tắc ứng xử với nhà thầu, hệ thống phân cấp thẩm quyền của các thành viên BTGD... cũng tiếp tục được kiện toàn, hoàn thiện hoặc ban hành mới trong năm 2024.
Nâng cao hiệu quả trong hoạt động của HĐQT	- Năm 2024, ĐHĐCĐ thường niên đã bầu thay thế 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới 2023-2028 nhằm tiếp tục cải thiện tính đa dạng về giới, chuyên môn, nghiệp vụ cho HĐQT: - HĐQT của SeABank trong năm 2024 bao gồm 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. Tất cả các thành viên HĐQT đều là thành viên không điều hành. HĐQT SeABank đa dạng về giới tính và đa phần là nữ giới với 04 thành viên nữ, 03 thành viên nam. - Các thành viên HĐQT đều là những thành viên có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên chuyên ngành tài chính, ngân hàng hoặc kinh tế, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, tiêu biểu như: bà Nguyễn Thị Nga và bà Khúc Thị Quỳnh Lâm với gần 30 năm kinh nghiệm, ông Mathew Nevil Welch với 40 năm kinh nghiệm, ông Fergus Macdonald Clark – thành viên độc lập với 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng trên thị trường quốc tế và chuyên sâu trong lĩnh vực QTRR, Ngân hàng Xanh, PTBV. Bà Trần Thị Thanh Thủy mới được bổ sung trong năm 2024 là một cá nhân giàu kinh nghiệm với gần 30 năm trong hoạt động bán lẻ của Ngân hàng và mối quan hệ sâu rộng cho sự phát triển bán lẻ của Ngân hàng.

Nâng cao hiệu quả trong hoạt động của HĐQT

- tiếp -

Thực thi hiệu quả công tác giám sát chiến lược

- Ban hành quy định mới về tổ chức, hoạt động của HĐQT trong Điều lệ Ngân hàng, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT theo hướng bổ sung việc áp dụng các thông lệ tốt trong quản trị đối với hoạt động của HĐQT và quy định mới của Luật các TCTD năm 2024 như: quy định cơ cấu của HĐQT đảm bảo sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, tuổi, giới tính; cơ cấu kỹ năng chuyên môn của HĐQT đảm bảo phù hợp với thực tế và nhu cầu quản trị của Ngân hàng trong từng thời kỳ cụ thể; quy định cụ thể về đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT, của HĐQT; quy định chi tiết về nội dung báo cáo của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên; quy định chi tiết hơn về cơ chế phối hợp hoạt động giữa HĐQT với TGD và người quản lý, người điều hành khác...
- Tiếp tục rà soát, bổ sung một số chức năng, nhiệm vụ, cơ chế làm việc rõ ràng, minh bạch và hiệu quả; thay đổi cơ cấu thành viên của các UBQLRR và UBNS nhằm phù hợp với cơ cấu mới của HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 cũng như tăng cường công tác tham mưu, tư vấn cho HĐQT chiến lược PTBV với ba trụ cột ESG.
- Tiếp tục tinh chỉnh và hoàn thiện hơn nữa cơ chế phối hợp hoạt động hiệu quả giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với BTGD như: cơ chế giám sát của quản lý cấp cao đối với BTGD, cơ chế họp, báo cáo định kỳ, tham dự họp trực tiếp, có ý kiến tham vấn từ HĐQT tới BTGD thông qua nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo thông tin, công việc được thông suốt, rõ ràng và minh bạch trong HĐQT cũng như từ HĐQT đến BTGD và Ban Điều hành của Ngân hàng.
- Thực hiện phân công công việc, giao nhiệm vụ và phân cấp thẩm quyền, đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên HĐQT dựa trên các tiêu chí rõ ràng, minh bạch, gắn với các yếu tố PTBV, bao gồm nhưng không hạn chế: kết quả công việc được phân công phụ trách; kết quả hoạt động của các dự án/đơn vị được phân công phụ trách; kết quả hoạt động chung của Ngân hàng đảm bảo được các yếu tố, chỉ số PTBV và các tiêu chí định tính khác.

A. Định hướng chiến lược, tầm nhìn và sứ mệnh gắn với PTBV với ba trụ cột trọng yếu là ESG thông qua việc thể chế hóa các yếu tố PTBV trong các hoạt động Ngân hàng:

- Trụ cột “Quản trị”:
 - Duy trì, phát triển và ngày càng cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động liên tục, có hiệu quả, đảm bảo đầy đủ các tuyến phòng thủ thông qua (i) việc tập trung triển khai các tiêu chuẩn QTRR quốc tế Basel III, tiếp tục được Moody’s xếp hạng Ba3; (ii) triển khai các chuẩn mực quốc tế về hệ thống kiểm soát nội bộ COSO, báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS...; (iii) điều chỉnh phân công, phân cấp thẩm quyền cho các PTGD trong hệ thống đảm bảo rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ và hiệu quả; tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho việc phối hợp giữa các thành viên BTGD trong việc điều hành hoạt động của Ngân hàng, và phối hợp nhịp nhàng giữa BTGD với các Khối, Đơn vị trong toàn hệ thống...
- Trụ cột “Xã hội”:
 - Lấy khách hàng là trọng tâm: SeABank phục vụ với sự tận tâm, thấu hiểu, cung cấp dịch vụ tư vấn phù hợp, giải pháp sáng tạo nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng; đồng thời kiến tạo và lan tỏa giá trị thiết thực cho khách hàng và các bên hữu quan với mục tiêu mang đến cuộc sống hạnh phúc và tương lai thịnh vượng cho cộng đồng.
 - Năm 2024, SeABank triển khai hệ thống đo lường các chỉ số trải nghiệm khách hàng NPS, CSAT và CES chuẩn quốc tế; thiết lập chương trình lắng nghe khách hàng chủ động thông qua áp dụng công nghệ AI vào Callbot. Ngân hàng đã chăm sóc tự động và cá nhân hóa 1,2 triệu khách hàng qua kênh email và thông báo trên SeAMobile; lắng nghe hơn 20.000 khách hàng, trong đó hơn 17.000 khách hàng đánh giá hài lòng đối với chất lượng dịch vụ của SeABank.

Thực thi hiệu quả công tác giám sát chiến lược - tiếp -	» Phát triển nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực mạnh về chất lượng và số lượng, môi trường làm việc tôn trọng, bình đẳng với chỉ số gắn kết và hài lòng cao, được bình chọn là “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024”. » An sinh xã hội: Duy trì hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ, tổ chức và tham gia hàng loạt hoạt động trong nhiều lĩnh vực SDGs như y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo... với tổng ngân sách gần 24 tỷ đồng. • Trụ cột “Môi trường”: » Phát hành trái phiếu xanh, bao gồm trái phiếu xanh lam đầu tiên tại Việt Nam và trái phiếu xanh lá đầu tiên bởi tổ chức tài chính trong nước nhằm tài trợ các hoạt động bền vững liên quan đến biển, nước sạch và tài trợ các tài sản xanh trong các lĩnh vực như: tòa nhà xanh, năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng theo gói tài trợ của IFC và AIFB. » Tiếp tục triển khai quyết liệt chiến lược Hội tụ số: Tháng 11/2024, SeABank đã thực hiện nâng cấp thành công lên T24 phiên bản R22 – phiên bản mới nhất, tích hợp các tính năng nghiệp vụ mới, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về tài chính và ngân hàng. Các dự án số hóa và cải tiến ứng dụng số liên tục được triển khai để phục vụ tối đa nhu cầu của mọi phân khúc khách hàng theo hướng hiện đại, bảo mật và an toàn... » Xanh hóa và tối ưu hóa vận hành: giảm thiểu rác thải từ giao dịch giấy tờ, tối ưu hóa quy trình vận hành giúp giảm tiêu thụ năng lượng và hạn chế phát thải carbon. B. Giám sát hiệu quả hoạt động của BTGD thông qua: (i) cơ chế giám sát của quản lý cấp cao về kiểm soát nội bộ, về quản lý rủi ro, về mức độ đủ vốn theo quy định của NHNN; (ii) cơ chế báo cáo công việc, kế hoạch công việc định kỳ hàng tuần, tháng, quý; (iii) họp giao ban và đánh giá hiệu quả công việc của BTGD định kỳ theo quy định của SeABank để làm cơ sở tăng lương, thưởng cho BTGD; (iv) thông qua/phê duyệt/ban hành các nghị quyết/quyết định của HĐQT để BTGD triển khai thực hiện.
	• Tiếp tục triển khai hệ thống quản trị báo cáo tài chính, kế toán theo chuẩn IFRS của Hoa Kỳ bên cạnh hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và an toàn cho hệ thống tài chính, kế toán của Ngân hàng. Trong năm 2024, SeABank tiếp tục thực hiện báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 theo các chuẩn mực này và xem xét công bố trong thời gian tới. • Ngoài ra, SeABank tiếp tục thực hiện báo cáo theo chế độ báo cáo thống kê của NHNN với hàng trăm biểu mẫu khác nhau cho toàn diện các hoạt động của Ngân hàng, tiếp tục triển khai: các khung báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, khung báo cáo về Quản trị môi trường – xã hội theo yêu cầu của IFC và các đối tác quốc tế như AIFB, DFC, Norfund...; khung báo cáo theo chuẩn IFRS, khung báo cáo về QTRR mới theo Basel III, khung báo cáo kiểm soát nội bộ theo tiêu chuẩn quốc tế (Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission) – khung tham chiếu được sử dụng rộng rãi để quản lý nội bộ và kiểm soát tài chính... • SeABank đã ban hành quy định về công bố thông tin nhằm thể chế hóa và tạo hành lang pháp lý cho việc công bố thông tin theo quy định và tiếp tục việc công bố thông tin đầy đủ, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và tái cấu trúc hệ thống công bố thông tin trên website để nhà đầu tư và cổ đông có thể dễ dàng tiếp cận thông tin và thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Anh đầy đủ, cập nhật hơn bằng Tiếng Anh.

Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong công bố thông tin - tiếp -	• Hệ thống kiểm soát nội bộ được kiểm toán độc lập định kỳ hàng năm làm cơ sở để đánh giá và kiện toàn lại hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Trong năm 2024, báo cáo kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ (được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG) đã ghi nhận đầy đủ các chi tiết báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn với các khía cạnh văn hóa kiểm soát, đánh giá rủi ro, các hoạt động kiểm soát, trao đổi thông tin và hệ thống thông tin, hoạt động giám sát.
	• UBQLRR trực thuộc HĐQT SeABank tham mưu và giám sát cho HĐQT việc triển khai thực hiện các vấn đề về môi trường – xã hội của Ban Điều hành. Trong thành phần của UBQLRR có 1 thành viên độc lập là người nước ngoài có kinh nghiệm 27 năm trong lĩnh vực QTRR ngân hàng, đặc biệt QTRR tín dụng xanh, PTBV. Trong năm 2024, thành viên độc lập này đã tổ chức khóa đào tạo về PTBV, tài chính xanh cho hơn 30 cán bộ quản lý của Ngân hàng nhằm nâng cao hơn nữa hiểu biết và cách thức áp dụng cho các cán bộ chủ chốt này. • Thành viên độc lập HĐQT và 01 thành viên HĐQT đã được phân công phối hợp quản lý, giám sát và/hoặc cho ý kiến chỉ đạo/tham vấn đối với các vấn đề và nội dung liên quan ESG, biến đổi khí hậu, tín dụng xanh; thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đánh giá việc triển khai chiến lược PTBV dựa trên 03 trụ cột ESG của Ngân hàng (chi tiết tại phần Đánh giá của thành viên độc lập HĐQT tại Chương IV, trang 154 – 155 của Báo cáo này. Các vấn đề về môi trường – xã hội khác cũng được đề cập và giám sát trong 03 tuyến phòng thủ của Ngân hàng. • Đã xây dựng và tiếp tục rà soát, cập nhật Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng áp dụng cho CBNV toàn hệ thống, quy định về chuẩn mực đạo đức áp dụng cho thành viên BKS và quy tắc đạo đức cho kiểm toán viên của Ngân hàng. Đồng thời, nghiên cứu để ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức và quy tắc ứng xử dành cho thành viên HĐQT nhằm thống nhất văn hóa đạo đức, ứng xử của HĐQT theo chiến lược PTBV. Việc giám sát thực hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp được thực hiện thông qua: hoạt động kiểm soát của Khối PC&TT; các cơ chế báo cáo và giám sát rủi ro hoạt động của Khối QTRR; hoạt động kiểm toán, kiểm tra nội bộ của phòng KTNB trực thuộc BKS. Như vậy, các vấn đề về đạo đức nghề nghiệp cũng được giám sát theo 03 tuyến phòng thủ. • Vận hành hiệu quả chính sách báo cáo sai phạm: (i) khi có sai phạm, người phát hiện có thể báo cáo lên Tuần thủ thông qua hotline của Tuần thủ hoặc email baocaosaipham@seabank.com.vn; (ii) định kỳ hàng tháng, hàng quý, các đơn vị sẽ phải báo cáo Tuần thủ về tình hình vi phạm phát sinh tại đơn vị; (iii) hoạt động của Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm của Ngân hàng.... • Giám sát thực thi trách nhiệm xã hội của Ngân hàng thông qua báo cáo về trách nhiệm xã hội của Ngân hàng trong các báo cáo Quản trị môi trường – xã hội: thực hiện đánh giá tác động xã hội của dự án/hoạt động kinh doanh của khách hàng đến cộng đồng xung quanh, đến các di sản văn hóa, người dân tộc thiểu số, người lao động của khách hàng... khi thẩm định cho vay. Đồng thời, Ngân hàng ban hành và công khai cơ chế tiếp nhận, xử lý khiếu nại của cộng đồng liên quan đến các dự án mà SeABank tài trợ. Cho đến nay, Ngân hàng chưa ghi nhận ý kiến khiếu nại liên quan. • Cơ chế theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư/cho vay có trách nhiệm: Ngân hàng đánh giá hiệu quả cho vay có trách nhiệm thông qua báo cáo về danh mục tín dụng phân loại theo rủi ro môi trường xã hội định kỳ. Trong thời gian tới, HĐQT định hướng giới hạn cấp tín dụng cho các giao dịch có rủi ro môi trường xã hội Cao ở ngưỡng nhất định để đảm bảo mục tiêu PTBV và cho vay có trách nhiệm đã đề ra.

Nâng cao vai trò giám sát của HĐQT đối với vấn đề môi trường – xã hội

CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với chiến lược PTBV và tiệm cận dần với xu hướng quốc tế hóa, HĐQT SeABank được bầu theo định hướng Đa dạng – Hiệu quả – Tận tâm. Theo đó, HĐQT có cơ cấu đa dạng, đảm bảo hoạt động hiệu quả và với đa số các thành viên đều tận tâm, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng – tài chính.

Đa dạng:

- HĐQT SeABank được xây dựng với đa dạng nền tảng học vấn, kinh nghiệm nghề nghiệp và lĩnh vực chuyên môn. Sự kết hợp giữa các thành viên trong nước giàu kinh nghiệm tại thị trường Việt Nam thuộc các ngành kinh tế – tài chính – pháp lý với các thành viên độc lập là người nước ngoài có kinh nghiệm trên thị trường quốc tế, với lĩnh vực chuyên môn sâu về quản trị doanh nghiệp, pháp luật, PTBV, tài chính xanh và QTRR không chỉ tạo ra một hệ thống tư duy đa chiều mà còn giúp Ngân hàng tiếp cận và giải quyết các vấn đề phức tạp ở nhiều góc nhìn khác nhau, phù hợp thực tế quốc tế hóa của Ngân hàng hiện nay. Đặc biệt, đa dạng về giới tính và tuổi tác trong đội ngũ cũng góp phần tăng cường khả năng sáng tạo, đổi mới và ứng dụng trong bối cảnh thị trường luôn biến động.

Về chuyên môn/kinh nghiệm:

- HĐQT được xây dựng với đa dạng nền tảng học vấn, kinh nghiệm nghề nghiệp và lĩnh vực chuyên môn. Ma trận kỹ năng các thành viên HĐQT, BKS, Ủy ban trực thuộc:

Họ & tên	Chức danh	Lĩnh vực						
		Quản lý – Tài chính ngân hàng	Kế toán/ kiểm toán	Bán lẻ	QTRR	Đầu tư	Nhân sự	Pháp chế
Ông Lê Văn Tấn	Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch UBQLRR/Phó Chủ tịch Thường trực UBNS	x		x	x		x	
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT/Chủ tịch UBNS	x	x	x	x	x	x	
Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT/Phó Chủ tịch UBNS	x		x		x	x	
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT/ Thành viên UBQLRR	x			x	x	x	x
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	x		x		x	x	
Ông Mathew Nevil Welch	Thành viên HĐQT	x			x	x		
Ông Fergus Macdonald Clark	Thành viên độc lập HĐQT/ Thành viên UBQLRR	x			x	x		x
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng BKS	x				x		
Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên BKS	x	x					

Họ & tên	Chức danh	Lĩnh vực						
		Quản lý – Tài chính ngân hàng	Kế toán/ kiểm toán	Bán lẻ	QTRR	Đầu tư	Nhân sự	Pháp chế
Ông Nguyễn Thành Luân	Thành viên BKS chuyên trách	x	x		x			
Ông Lương Duy Đông	Thành viên BKS	x	x					
Bà Vũ Thu Thủy	Thành viên BKS	x	x		x			
Ông Hồ Anh Vũ	Thành viên UBQLRR	x	x		x	x		
Ông Lê Quốc Long	TGD – Thành viên không biểu quyết của UBNS/ Thành viên không biểu quyết của UBQLRR	x		x	x	x	x	x
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó TGD/Thành viên không biểu quyết của UBQLRR	x	x		x			
Bà Bùi Thị Hải Yến	Giám đốc Khối QT&PTNNL/ Thành viên không biểu quyết của UBNS	x					x	

- **Về giới tính:**
 - » HĐQT SeABank đa dạng về giới tính và đa phần là nữ giới với 04/07 thành viên nữ và 03/07 thành viên nam ở các độ tuổi khác nhau, đảm bảo tính đa dạng cho HĐQT.
- **Về quốc gia/vùng lãnh thổ:**
 - » HĐQT có 02/07 thành viên là người nước ngoài đóng vai trò tham mưu và hỗ trợ HĐQT trong việc thực thi chiến lược PTBV với ba trụ cột ESG theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế; đưa ra các góc nhìn đa chiều khi tham mưu cho HĐQT đối với các vấn đề hợp tác quốc tế và nhà đầu tư quốc tế. Các thành viên cũng đóng góp trong việc quảng bá hình ảnh của Ngân hàng trên thị trường quốc tế.
- **Hiệu quả:**
 - » Đảm bảo cơ cấu phù hợp với quy định của pháp luật doanh nghiệp và Luật các TCTD năm 2024: HĐQT SeABank nhiệm kỳ 2023–2028 bao gồm 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập và tất cả các thành viên HĐQT đều là thành viên không điều hành.
 - » Hiệu quả của HĐQT thể hiện qua cơ cấu quản trị rõ ràng; quy định chức năng, nhiệm vụ của

- HĐQT rõ ràng; quy trình làm việc chuyên nghiệp và minh bạch. Các cuộc họp định kỳ, cuộc họp mở rộng, chuyên sâu của HĐQT với Ban Điều hành Ngân hàng cùng với đánh giá độc lập của thành viên độc lập giúp HĐQT nhanh chóng nắm bắt tình hình hoạt động của Ngân hàng nhằm đưa ra những quyết định chiến lược chính xác, kịp thời.
- » Hoạt động giám sát cấp cao của HĐQT thông qua hoạt động của các Ủy ban trực thuộc và hệ thống kiểm soát nội bộ rất rõ ràng, thông suốt và nhất quán đảm bảo giám sát và quản lý được thực hiện một cách chặt chẽ và hiệu quả.
- **Tận tâm:**
 - » Đa số các thành viên trong HĐQT đều có bề dày kinh nghiệm trong ngành ngân hàng và các lĩnh vực liên quan, có thâm niên cống hiến cho Ngân hàng, tiêu biểu là Bà Nguyễn Thị Nga, Ông Lê Văn Tấn, Bà Lê Thu Thủy, Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm... Sự hiểu biết sâu sắc về thị trường, biến động kinh tế và nội tại của Ngân hàng giúp HĐQT đưa ra những quyết định chính xác, đi đầu trong việc ứng dụng các giải pháp sáng tạo, hiện đại nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng.
- CHOOSE YOUR FIGHTER

LEGEND

CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần chi tiết của HĐQT SeABank tại thời điểm 31/12/2024 cụ thể như sau:



ÔNG LÊ VĂN TẤN
CHỦ TỊCH HĐQT
(Năm sinh: 1970)

- Kinh nghiệm/Chuyên môn:**
- Thạc sỹ quản trị kinh doanh – Trường Đại học Nam Columbia (Hoa Kỳ).
 - 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị và ngân hàng, 31 năm kinh nghiệm bán lẻ.
- Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:**
- Đại diện phần vốn góp tại SeABank của Công Ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đức Thịnh.
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:**
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: **10.075.697**
 - Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0,355%**



BÀ NGUYỄN THỊ NGÀ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT
(Năm sinh: 1955)

- Kinh nghiệm/Chuyên môn:**
- Cử nhân kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân.
 - 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và quản trị ngân hàng.
- Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:**
- Chủ tịch Hội đồng Thành viên (HĐTV) – Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ
 - Chủ tịch HĐQT – Tập đoàn BRG – Công ty Cổ phần (CTCP)
 - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD – CTCP Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội
 - Chủ tịch HĐQT – CTCP cho thuê máy bay Việt Nam.
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:**
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: **111.583.628**
 - Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **3,936%**



BÀ LÊ THU THỦY
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
(Năm sinh: 1983)

- Kinh nghiệm/Chuyên môn:**
- Cử nhân Tài chính, Ngân hàng – Quản trị kinh doanh – Đại học George Mason (Virginia, Hoa Kỳ).
 - 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và ngân hàng.
- Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:** Không có
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:**
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: **65.646.053**
 - Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **2,316%**





BÀ KHÚC THỊ QUỲNH LÂM
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
(Năm sinh: 1973)

- Kinh nghiệm/Chuyên môn:**
- Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội, Cử nhân Ngoại ngữ.
 - 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng.
- Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:**
- Chủ tịch HĐQT – CTCP Vận tải và Thuê tàu
 - Chủ tịch HĐQT – CTCP Thăng Long GTC
 - Chủ tịch HĐQT – CTCP Nông thủy sản Nghệ An
 - Đại diện phần vốn góp tại SeABank của Công ty TNHH Đầu tư Tài chính và Thương mại Vạn Lộc.
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:**
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: **10.518.606**
 - Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0,371%**



ÔNG MATHEW NEVIL WELCH ()**
THÀNH VIÊN HĐQT
(Năm sinh: 1963)

- Kinh nghiệm/Chuyên môn:**
- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học Kinh doanh Harvard (Hoa Kỳ).
 - 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính quốc tế, 11 năm kinh nghiệm quản trị ngân hàng.
- Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:**
- Chủ tịch HĐQT – Asia Dorset Management Pte. Ltd.
 - Giám đốc điều hành – Global Sage Executive Search.
 - Đại diện phần vốn góp của CTCP ORG tại SeABank.
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:**
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: **0**
 - Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0%**



ÔNG FERGUS MACDONALD CLARK
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT
(Năm sinh: 1976)

Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Cử nhân kinh doanh chuyên ngành Tín dụng và Cử nhân Luật – Đại học Công nghệ Sydney (Australia).
- Thạc sỹ Tài chính chính sách kinh tế – Đại học Luân Đôn (Vương Quốc Anh).
- 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, chuyên sâu về QTRR, luật và tham gia cố vấn, chuyên gia cao cấp của các dự án tại nhiều tổ chức Việt Nam và Quốc tế, trong đó có trên 6 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính – ngân hàng.

Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên độc lập HĐQT (không điều hành) và Thành viên Ủy ban kiểm soát – Hiệp hội tín dụng Lewisham Plus
- Giám đốc – Kingfisher Advisory Limited
- Giám đốc Thị trường Tài chính – Financial Markets – GBRW Limited
- Đại diện phần vốn góp của CTCP Khách sạn du lịch Sông Nhuệ tại SeABank.

Cổ phiếu SeABank sở hữu:

- Số lượng cổ phiếu sở hữu: **0**
- Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0%**



BÀ TRẦN THỊ THANH THỦY
THÀNH VIÊN HĐQT
(Năm sinh: 1965)

Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Thạc sỹ kinh tế – Học viện Ngân hàng
- 36 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính – ngân hàng tại các tổ chức như Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á và đảm nhiệm một số chức vụ quan trọng như: Trưởng phòng Khách hàng đặc biệt, Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Khách hàng đặc biệt của Ngân hàng TMCP Ngoại thương. Bà Thủy giữ chức vụ PTGD SeABank từ năm 2015-2024 và phụ trách công tác phát triển KHUT của Ngân hàng.

Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

Cổ phiếu SeABank sở hữu:

- Số lượng cổ phiếu sở hữu: **196.601**
- Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0,007%**

(*) Theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2024
(**) Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019, được sửa đổi bổ sung năm 2024, ông Mathew Nevil Welch được xác định là thành viên độc lập HĐQT và nâng tổng số thành viên độc lập của Ngân hàng là 02/07 thành viên.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

UBQLRR và UBNS trực thuộc HĐQT được thành lập vào năm 2010. Năm 2024, các Ủy ban này tiếp tục được kiện toàn về cơ cấu tổ chức và hoạt động, theo đó, cơ cấu thành viên theo quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của SeABank, hướng đến các chuẩn mực, thông lệ, khuyến nghị về quản trị công ty tốt của các tổ chức quốc tế.

Tháng 08/2024, nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số và phát triển công nghệ của Ngân hàng, HĐQT đã thành lập Ủy ban Công nghệ để tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác này.

Cụ thể cơ cấu tổ chức các Ủy ban trực thuộc HĐQT như dưới đây.

*Chức năng nhiệm vụ và chi tiết hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT được trình bày tại Chương V, trang 156 – 161 của Báo cáo này.

► ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO (“UBQLRR”)

Cơ cấu tổ chức của UBQLRR (thời điểm 31/12/2024):

STT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm/Chuyên môn
1	Ông Lê Văn Tấn	Chủ tịch HĐQT – Chủ tịch Ủy ban	- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Trường Đại học Nam Columbia (Hoa Kỳ). 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị và ngân hàng, 31 năm kinh nghiệm điều hành kinh doanh, bán lẻ...
2	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT – Thành viên biểu quyết Ủy ban	- Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội; Cử nhân Ngoại ngữ. 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng tại nhiều vị trí khác nhau như: Chánh Văn phòng HĐQT, PTGD, Phó Chủ tịch HĐQT; phụ trách các lĩnh vực chuyên môn như quản trị công ty, quản trị và phát triển nguồn nhân lực, đầu tư, QTRR...
3	Ông Fergus Macdonald Clark	Thành viên độc lập HĐQT – Thành viên biểu quyết Ủy ban	- Cử nhân Kinh doanh chuyên ngành Tín dụng và Cử nhân Luật – Đại học Công nghệ Sydney (Australia); Thạc sỹ Tài chính chính sách kinh tế – Đại học Luân Đôn (Vương Quốc Anh). 27 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, chuyên sâu về QTRR, luật và tham gia là cố vấn, chuyên gia cao cấp của nhiều dự án tại các tổ chức Việt Nam và quốc tế, trong đó có trên 6 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng.
4	Ông Hồ Anh Vũ	Chuyên gia Cao cấp Văn phòng HĐQT – Thành viên biểu quyết Ủy ban	- Cử nhân Quản trị Kinh doanh – Đại học Hà Nội. 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, trong đó bao gồm kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte, Giám đốc Rủi ro của Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam...
5	Ông Lê Quốc Long	TGD – Thành viên không biểu quyết Ủy ban	- Cử nhân Đại học kinh tế – Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội; Cử nhân Luật. - Hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng tại các TCTD, trong đó gần 18 năm giữ chức vụ quan trọng tại SeABank như: PTGD, PTGD thường trực, Quyền TGD và TGD của SeABank; phụ trách nhiều lĩnh vực chuyên môn như tín dụng, bán lẻ, QTRR...
6	Ông Nguyễn Tuấn Anh	PTGD kiêm Giám đốc khối QTRR – Thành viên không biểu quyết Ủy ban	- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Hawaii (Manoa). - Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng (ACCA); Kiểm toán viên Nội bộ được Chứng nhận (CIA) của Viện Kiểm toán viên Nội bộ và Kế toán Công chứng Hoa Kỳ và Việt Nam; gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành kiểm toán, 5 năm kinh nghiệm về QTRR của SeABank.



► ỦY BAN NHÂN SỰ (“UBNS”)

Cơ cấu tổ chức

Nhân sự của UBNS được kiện toàn theo HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 và HĐQT bổ nhiệm. Toàn bộ các thành viên của UBNS có quyền biểu quyết đều là thành viên không điều hành, đảm bảo tính độc lập với Ban Điều hành của Ngân hàng, tiệm cận dẫn với các thông lệ tốt về quản trị của Việt Nam cũng như quốc tế.

Tại thời điểm 31/12/2024, thành viên của UBNS và quyền biểu quyết hiện nay bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm/Chuyên môn
1	Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT – Chủ tịch Ủy ban	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân, 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
2	Ông Lê Văn Tấn	Chủ tịch HĐQT – Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
3	Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Chủ tịch Ủy ban	Cử nhân Tài chính, Ngân hàng – Quản trị kinh doanh (Đại học George Mason – Virginia, Hoa Kỳ), 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
4	Bà Ngô Thị Nhài (*)	Thành viên HĐQT – Thành viên biểu quyết Ủy ban	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân, 06 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, 10 năm trong lĩnh vực kiểm toán – tài chính
5	Ông Lê Quốc Long	TGD – Thành viên không biểu quyết Ủy ban	Cử nhân Đại học kinh tế (Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội); Cử nhân Luật; có gần 30 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng tại các TCTD, trong đó có gần 18 năm giữ chức vụ quan trọng của SeABank như PTGD, PTGD Thường trực, Quyền TGD của SeABank phụ trách nhiều lĩnh vực chuyên môn như tín dụng, bán lẻ, QTRR...
6	Bà Bùi Thị Hải Yến	Giám đốc Khối QT&PTNNL – Thành viên không biểu quyết Ủy ban	Cử nhân Tài chính kế toán tại Đại học Thương mại và Cử nhân Tiếng Nga tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nhân sự, trong đó 11 năm trong lĩnh vực ngân hàng

(*) Bà Ngô Thị Nhài không còn là thành viên của Ủy ban Nhân sự kể từ ngày 17/4/2024 do Bà Ngô Thị Nhài đã từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT và được ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua việc từ nhiệm.

► ỦY BAN CÔNG NGHỆ (“UBCN”)

Cơ cấu tổ chức

UBCN, được thành lập tháng 08/2024, trực thuộc HĐQT SeABank, là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT liên quan đến các vấn đề về công nghệ, ngân hàng số của Ngân hàng và thực hiện một số nhiệm vụ khác do HĐQT phân công (nếu có).

UBCN có tối thiểu 03 thành viên biểu quyết bao gồm Chủ tịch Ủy ban và các thành viên khác. Danh sách thành viên cụ thể bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm/Chuyên môn
1	Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT – Chủ tịch Ủy ban	- Cử nhân Tài chính, Ngân hàng – Quản trị kinh doanh (Đại học George Mason – Virginia, Hoa Kỳ) 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
2	Ông Lê Văn Tấn	Chủ tịch HĐQT – Phó Chủ tịch Ủy ban	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
3	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT – Thành viên biểu quyết Ủy ban	- Thạc sỹ kinh tế – Học viện Ngân hàng 36 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính – ngân hàng tại các tổ chức như Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
4	Ông Lê Quốc Long	TGD – Thành viên không biểu quyết Ủy ban	- Cử nhân Đại học kinh tế (Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội); Cử nhân Luật - Gần 30 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng tại các TCTD, trong đó có gần 18 năm giữ chức vụ quan trọng của SeABank như PTGD, PTGD Thường trực, Quyền TGD của SeABank phụ trách nhiều lĩnh vực chuyên môn như tín dụng, bán lẻ, QTRR...
5	Ông Nguyễn Tuấn Cường	PTGD – Thành viên không biểu quyết Ủy ban	- Kỹ sư Công nghệ phần mềm - Gần 20 đóng góp cho sự phát triển công nghệ mạnh mẽ của SeABank, giữ các vị trí quan trọng tại Khối CNNHS. Trước đó, ông đã có thời gian dài làm việc tại Cộng hòa Áo với các vị trí chuyên môn như: Lập trình viên, Quản trị mạng
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	PTGD – Thành viên không biểu quyết Ủy ban	- Cử nhân Tài chính – Ngân hàng - Gần 30 năm kinh nghiệm về Tài chính – Ngân hàng, trong đó 17 năm giữ các vị trí quan trọng tại SeABank như: Kế toán trưởng, Trưởng phòng KTNB, Giám đốc Khối Kế toán, PTGD

ĐỀ CỬ VÀ LỰA CHỌN QUẢN LÝ CẤP CAO

► Đối với việc đề cử và lựa chọn thành viên Hội đồng Quản trị:

BƯỚC 1: XÁC ĐỊNH CƠ CẤU, SỐ LƯỢNG, TIÊU CHÍ, HỒ SƠ ỨNG VIÊN KỲ VỌNG

ĐHĐCĐ của Ngân hàng đã thiết lập các mục đích, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển cho Ngân hàng, trong đó bao gồm cả chiến lược về nhân sự. Với những định hướng, chiến lược phát triển của Ngân hàng, HĐQT và UBNS đánh giá về tính hợp lý của quy mô, cơ cấu và thành phần của HĐQT cũng như các Ủy ban trực thuộc HĐQT với quy định của pháp luật, của SeABank, các nguyên tắc, thông lệ tốt về quản trị trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo tính đa dạng về cơ cấu giới, chuyên môn, kỹ năng và văn hóa của HĐQT Ngân hàng; đánh giá về tính phù hợp, chất lượng, năng lực và hiệu quả, nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT hiện tại.

Theo đó, các nguyên tắc cơ bản để đánh giá HĐQT hiện tại như sau:

- **Tính đa dạng:** Là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả hoạt động của HĐQT vì cho phép HĐQT tận dụng được lợi thế của các quan điểm khác nhau để ra quyết định có cơ sở vững chắc và đáng tin cậy hơn. SeABank đã xác định rõ các đối tượng có thể đề cử như: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn/chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, vị trí, văn hóa (nguồn gốc quốc gia, vùng miền) và nhiệm kỳ, hành vi trong các lĩnh vực khác nhau. Việc có thành viên đến từ các lĩnh vực khác nhau, có nhiều kinh nghiệm và quan điểm khác nhau sẽ giúp cho quá trình đưa ra quyết định trở nên chính xác và bao quát hơn. Việc đa dạng hóa giới tính trong HĐQT giúp đảm bảo sự đa dạng và khách quan trong quá trình ra quyết định. Sự hiện diện của nữ giới trong HĐQT giúp đưa ra góc nhìn khác nhau và phong phú hơn trong quá trình quản lý và điều hành tổ chức. Đồng thời, SeABank cũng tạo điều kiện cho các ứng viên trẻ tuổi - những người có tiềm năng, đam mê và có thể đem lại giá trị gia tăng cho Ngân hàng.
- **Tính độc lập:** Là yếu tố quan trọng trong việc đưa ra quyết định chính xác và minh bạch. Các thành viên HĐQT độc lập sẽ không bị ảnh hưởng bởi những lợi ích cá nhân hoặc tập thể, và có thể tập trung đưa ra quyết định vì lợi ích chung của Ngân hàng và các bên liên quan.
- **Tính đổi mới và liên tục:** Là yếu tố giúp HĐQT PTBV. Tính liên tục cho phép các thành viên HĐQT có thể được bầu lại để đảm bảo trong cơ cấu của HĐQT có những thành viên gắn bó, tận tâm, hiểu về hệ thống, lịch sử và văn hóa của SeABank. Tính đổi mới đòi hỏi các thành viên HĐQT hiện tại phải không ngừng học hỏi, bổ sung kỹ năng, chuyên môn để đáp ứng nhu cầu thực tế của Ngân hàng cũng như mở rộng cơ hội cho các nhân tố mới tham gia HĐQT, có



- thể đóng góp những góc nhìn, quan điểm mới để HĐQT có thể quyết định bao trùm, hợp lý, hiệu quả.
- **Tính phù hợp:** Các thành viên HĐQT cần có năng lực, trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm (i) đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các TCTD năm 2024, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các quy định của pháp luật có liên quan; (ii) phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện theo thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam và yêu cầu của các đối tác là tổ chức quốc tế của Ngân hàng; (iii) phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng giai đoạn, và hiện tại giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là PTBV dựa trên 03 trụ cột ESG, phát triển thành Ngân hàng Xanh theo định hướng, chiến lược phát triển của ngành Ngân hàng; (iv) đáp ứng yêu cầu của các lĩnh vực liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Trong giai đoạn chiến lược quốc tế hóa và triển khai các thông lệ tốt về



quản trị công ty quốc tế và PTBV, SeABank ưu tiên lựa chọn các ứng viên có kinh nghiệm ngân hàng quốc tế và quản trị công ty về MTXH nói riêng và PTBV nói chung. Hiện nay, HĐQT SeABank đã có 02 thành viên HĐQT là người nước ngoài đáp ứng tiêu chí này và dự kiến tiếp tục tăng số lượng trong thời gian tới nhằm triển khai mạnh mẽ hơn nữa chiến lược PTBV dựa trên 03 trụ cột ESG của Ngân hàng.

Trường hợp sau khi đánh giá và thấy cần thiết phải bầu bổ sung thành viên HĐQT để gia tăng quy mô, chất lượng, năng lực hoặc thay thế thành viên hiện hữu, HĐQT sẽ thông qua quy mô, cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và hướng dẫn trình tự thủ tục, hồ sơ đề cử, ứng cử cho từng nhiệm kỳ, từng trường hợp, để thông báo tới cổ đông để thực hiện quyền đề cử, ứng cử. Hồ sơ của ứng viên phải phù hợp với quy định của NHNN để trình NHNN chấp thuận.

BƯỚC 2: TÌM KIẾM ỨNG VIÊN

Cổ đông/nhóm cổ đông sẽ tìm kiếm ứng viên từ nguồn thông tin nội bộ của Ngân hàng hoặc từ bên thứ ba hoặc từ chính nội bộ của cổ đông. Cổ đông cá nhân có thể tự ứng cử nếu xét thấy mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng và pháp luật. Trường hợp cần thiết, cổ đông/nhóm cổ đông có thể đề xuất với HĐQT hoặc UBNS giới thiệu ứng viên tiềm năng và phù hợp với các yếu tố trên. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử hoặc ứng cử không đủ số lượng cần thiết hoặc theo thông báo, HĐQT tiến hành đề cử theo quy định.

Việc đề cử, ứng cử được thực hiện theo trình tự, thủ tục và chuẩn bị hồ sơ ứng cử theo thông báo của HĐQT và đảm bảo phù hợp với các quy định của SeABank.

BƯỚC 3: THẨM ĐỊNH VÀ SÀNG LỌC ỨNG VIÊN

Hồ sơ đề cử các thành viên HĐQT sẽ được gửi về UBNS để tiến hành rà soát, sàng lọc về mặt hồ sơ đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để thông báo cho ứng cử viên bổ sung hồ sơ, làm rõ thông tin (nếu cần). UBNS xem xét, thẩm định từng ứng viên theo các tiêu chí về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ cụ thể; trong đó tập trung vào khả năng đóng góp của ứng viên khi được bầu, vị trí ứng viên đã từng đảm nhiệm tại những nơi khác (nếu có), tính độc lập, cam kết của ứng viên, việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật liên quan.

UBNS báo cáo kết quả tới HĐQT để HĐQT thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT theo quy định của NHNN.

BƯỚC 4: HĐQT TRÌNH NHNN CHẤP THUẬN DANH SÁCH NHÂN SỰ DỰ KIẾN BẦU THÀNH VIÊN HĐQT

Dựa trên kết quả thẩm định đánh giá từng hồ sơ ứng viên theo đề xuất của UBNS, HĐQT thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu và chuẩn bị hồ sơ trình NHNN chấp thuận.

NHNN thẩm định và chấp thuận hồ sơ của các ứng viên theo quy định của pháp luật trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ngân hàng.

BƯỚC 5: THÔNG BÁO DANH SÁCH VÀ HỒ SƠ NHÂN SỰ ỨNG VIÊN DỰ KIẾN BẦU THÀNH VIÊN HĐQT ĐỂ CỔ ĐÔNG BIẾT VÀ THẨM ĐỊNH

Trên cơ sở kết quả thẩm định và/hoặc kết quả chấp thuận từ NHNN, HĐQT công bố danh sách và hồ sơ nhân sự ứng viên dự kiến bầu thành viên HĐQT để cổ đông xem xét, thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện của từng cá nhân trước 10 ngày tối thiểu kể từ ngày dự kiến họp ĐHĐCĐ để bầu thành viên HĐQT.

Cổ đông có trách nhiệm theo dõi, cập nhật hồ sơ của các ứng viên để có thể có những đánh giá, thẩm định phù hợp khi bầu tại ĐHĐCĐ.

BƯỚC 6: TIẾN HÀNH BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT TẠI ĐHĐCĐ

Cổ đông tiến hành bầu cử thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ bằng phương pháp bầu dồn phiếu. Theo đó, tổng số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

► **Đối với việc đề cử, lựa chọn quản lý cấp cao như các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối/Phòng/Ban/Đơn vị kinh doanh:**

- HĐQT hoặc TGD ban hành các tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chí về trình độ, chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm và năng lực cá nhân cho từng vị trí trong đội ngũ quản lý cấp cao để làm cơ sở cho đội ngũ tuyển dụng của SeABank tìm kiếm các ứng viên phù hợp. Việc xây dựng các tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chí để tuyển dụng các quản lý cấp cao cũng dựa trên các nguyên tắc sau:
 - » **Tính đa dạng:** Đa dạng về giới, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ quản lý cấp cao phù hợp và đảm bảo tính toàn diện cho các nghiệp vụ ngân hàng, tức là ngân hàng có các lĩnh vực hoạt động nào sẽ tuyển dụng các vị trí tương ứng với nghiệp vụ đó. Trong giai đoạn hiện tại, SeABank ưu tiên tuyển dụng nhân sự cho đội ngũ quản lý cấp cao trong các lĩnh vực công nghệ ngân hàng số, bán lẻ...
 - » **Năng lực phù hợp:** Các quản lý cấp cao phải có năng lực phù hợp với nhu cầu thực tế của Ngân hàng, phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Ví dụ: đội ngũ nhân sự quản lý cấp cao giàu kinh nghiệm sẽ được ưu tiên tuyển dụng cho những lĩnh vực QTRR, tín dụng, kiểm soát tuân thủ...; đội ngũ nhân sự quản

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc theo Điều lệ Ngân hàng.

Kết quả bầu cử được thông qua ngay tại phiên họp ĐHĐCĐ và được thông báo đến NHNN trong vòng 10 ngày kể từ ngày có kết quả bầu cử theo mẫu Thông báo của NHNN.

Thành viên HĐQT mới nhận nhiệm vụ kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thông qua kết quả bầu cử và đảm bảo tuân thủ các quy định có liên quan.

- lý cấp cao được đào tạo bài bản, có tuổi đời trẻ sẵn sàng học hỏi sẽ được ưu tiên tuyển dụng cho các lĩnh vực bán lẻ, công nghệ ngân hàng số...
- Sau khi đội ngũ tuyển dụng tìm kiếm, các nhân sự quản lý cấp cao sẽ được đánh giá và tuyển dụng bởi TGD hoặc HĐQT, tùy vào vị trí được xem xét.
 - Ngoài ra, việc đề cử và lựa chọn quản lý cấp cao còn được thực hiện thông qua nguồn nội bộ trong Ngân hàng. Trên cơ sở những tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chí cho từng chức danh, đội ngũ nhân sự kế cận sẽ được theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc từng năm và được bồi dưỡng, đào tạo kiến thức, kỹ năng về quản trị, quản lý, điều hành hàng năm thông qua các chương trình đào tạo của Ngân hàng. Trên cơ sở kết quả hiệu quả công việc, HĐQT hoặc TGD sẽ xem xét việc bổ nhiệm cho vị trí quản lý cấp cao.

Như vậy, việc đề cử, lựa chọn nhân sự quản lý cấp cao của SeABank được thực hiện bắt đầu từ chiến lược phát triển của Ngân hàng và từ nguồn nội bộ cũng như tuyển dụng bên ngoài nhằm đảm bảo tính đa dạng về giới, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ cũng như năng lực phù hợp với chiến lược phát triển trong từng thời kỳ của Ngân hàng.

CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HĐQT cam kết mạnh mẽ với mục tiêu PTBV, đảm bảo hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. SeABank nhận thức việc PTBV không chỉ là một xu hướng tất yếu mà còn là chiến lược cốt lõi giúp ngân hàng nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo dựng giá trị lâu dài và đóng góp tích cực vào sự phát triển của chính Ngân hàng cũng như nền kinh tế và xã hội.

Theo đó, SeABank đã công bố bộ giá trị cốt lõi, xây dựng chiến lược và mục tiêu PTBV cụ thể cho từng trụ cột PTBV. Chi tiết theo nội dung tại phần Chiến lược và định hướng Phát triển bền vững (Chương I, trang 37 – 39 của Báo cáo này).

► **Tình hình triển khai thực hiện các cam kết PTBV năm 2024**

A. Thể chế hóa, xây dựng hành lang pháp lý và hệ thống quản trị liên quan đến PTBV của SeABank

Xây dựng chính sách tín dụng xanh	- SeABank đã ban hành Chương trình ưu đãi thúc đẩy tăng trưởng dành cho tín dụng xanh năm 2021 và 2023, tiếp tục triển khai trong năm 2024. Mục đích chương trình: Hỗ trợ, thúc đẩy ĐVKD tập trung tiếp cận và thu hút các khách hàng có hoạt động kinh doanh thuộc các ngành, lĩnh vực thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu hoặc mang lại lợi ích về môi trường. - Ban hành Quy định chính sách cấp tín dụng xanh tại SeABank giai đoạn 2021-2025 kèm theo Quyết định số 5151/2021/QĐ-TGD ngày 13/04/2021.
Xây dựng và cải tiến hệ thống quản lý rủi ro MTXH	- Từ năm 2021, SeABank đã ban hành Quy định về hệ thống quản lý rủi ro MTXH tại SeABank theo Quyết định 20365/2021/QĐ-TGD. Năm 2022, SeABank đã ban hành Hướng dẫn đánh giá và thẩm định rủi ro môi trường và xã hội ban hành kèm theo Văn bản số 12668/2022/HD-TGD. Năm 2023, SeABank tiếp tục sửa đổi, bổ sung Quy định về hệ thống quản lý rủi ro MTXH kèm theo Quyết định số 318/2023/QĐ-TGD. Các quy định, hướng dẫn này tiếp tục được thực hiện trong năm 2024. - Hệ thống quản lý rủi ro MTXH của SeABank được thiết lập nhằm giảm thiểu rủi ro và tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội trong các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư và thuê ngoài của Ngân hàng, qua đó hướng đến hiệu quả tài chính bền vững, phù hợp với các cam kết của SeABank về giải quyết biến đổi khí hậu và đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội, cộng đồng. Ví dụ: các dự án sản xuất hoặc các hoạt động liên quan đến các hình thức cưỡng bức lao động có hại hoặc có bóc lột lao động trẻ em; hoạt động khai thác gỗ thương mại trong rừng nhiệt đới ẩm nguyên sinh, hoạt động khai thác các sản phẩm lâm nghiệp không không phải từ rừng PTBV; một số hoạt động liên quan đến ngành than và khai thác than... sẽ được sàng lọc và loại trừ, không được xem xét cấp tín dụng/đầu tư hoặc trở thành đối tác thuê ngoài của Ngân hàng.
Xây dựng chính sách tín dụng có trách nhiệm	SeABank đã ban hành Danh sách loại trừ không cấp tín dụng cho các ngành nghề theo Phụ lục số 01 của Quyết định 318/2023/QĐ-TGD. Theo đó, SeABank không cấp vốn cho các dự án gây nguy hại đến môi trường như: khai thác tài nguyên không bền chắc, khai thác gỗ rừng nguyên sinh; sản xuất công nghiệp có năng lượng phát thải cao như các ngành sản xuất dược phẩm, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất làm suy giảm tầng ô-zôn; sản xuất vũ khí, đạn dược; sản xuất hoặc hoạt động có liên quan đến lao động trẻ em...

► Tình hình triển khai thực hiện các cam kết PTBV năm 2024 (tiếp):

Triển khai các chính sách giảm thiểu tác động môi trường trong phạm vi nội bộ, giảm phát thải carbon	- Ban hành các quy định và tăng cường công tác giám sát theo quy định về sử dụng năng lượng, tài nguyên hiệu quả tại trụ sở làm việc: quy định về yêu cầu kỹ thuật của thiết bị điện cho việc lựa chọn, lắp đặt các trang thiết bị điện tại trụ sở làm việc; nội quy sử dụng điện và các trang thiết bị điện; quy định rõ về số giờ bật tắt các thiết bị điện; quy định rõ về sử dụng nước, giấy, phân loại rác... - Ứng dụng công nghệ số để tối ưu hóa quy trình và xanh hóa vận hành, áp dụng các phần mềm lưu trữ, luân chuyển giấy tờ và hồ sơ online như SeAOffice, SeAPurchase... và chuyển đổi sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử nhằm giảm thiểu giấy, mực in
Xây dựng văn hóa kinh doanh có đạo đức	- Ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với CBNV để ngăn ngừa hành vi cạnh tranh không lành mạnh, tăng cường chất lượng dịch vụ, góp phần xây dựng SeABank phát triển lành mạnh, ổn định và bền vững. Một số quy tắc trọng tâm: » CBNV SeABank phải chủ động, tự giác tuân thủ các quy định của pháp luật, văn bản quy định nội bộ, chỉ đạo và hướng dẫn của Ngân hàng, xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, lành mạnh và bình đẳng. Theo đó, nghiêm cấm các hành vi bạo lực, hành vi quấy rối tình dục, quấy nhiễu, phân biệt chủng tộc, kỳ thị dân tộc, kỳ thị giới tính; sử dụng tiết kiệm điện, nước, thiết bị vật tư của Ngân hàng, tích cực bảo vệ môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp... » SeABank hướng tới xây dựng môi trường kinh doanh đảm bảo công bằng, trung thực với khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, nhà phân phối, đối thủ cạnh tranh (được gọi chung là bên thứ ba) và CBNV của SeABank. SeABank cung cấp quyền tiếp cận bình đẳng và công bằng đối với hàng hóa, dịch vụ sản phẩm, cơ sở vật chất, lợi ích dựa trên các tiêu chí khách quan; không phân biệt đối xử với bên thứ ba dựa trên màu da, tôn giáo, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, giới tính, xu hướng tình dục, bản dạng giới, tình trạng khuyết tật, tình trạng hôn nhân và tình trạng gia đình. » Cụ thể hóa giá trị cốt lõi “Vi cộng đồng” bám sát 17 mục tiêu SDGs của Liên Hợp Quốc và thông qua quy tắc “sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng”, cụ thể: (i) duy trì hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ: SeAGreen, Ươm mầm Ước mơ (UMUM), One day One Smile, SeALove; (ii) tham gia và tổ chức nhiều hoạt động ASXH, tập trung vào: giáo dục; y tế & sức khỏe cộng đồng; xóa đói giảm nghèo; chống biến đổi khí hậu; giảm bất bình đẳng, trao quyền và cơ hội cho các nhóm đối tượng yếu thế... - Công bố thông tin trên website của Ngân hàng tại chuyên mục Tuân thủ về nội dung chi tiết của Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và Sổ tay đạo đức nghề nghiệp như một cam kết của Ngân hàng với các bên liên quan về những giá trị cốt lõi và giá trị đạo đức mà Ngân hàng đang hướng tới. - Công bố đầu mỗi liên hệ báo cáo sai phạm chi tiết trên website SeABank, theo đó: các hành vi có dấu hiệu vi phạm có thể được báo cáo trực tiếp, qua điện thoại hoặc email baocaosaipham@seabank.com.vn; hoặc qua văn bản tới Khối PC&TT, các Giám đốc Khu vực, Giám đốc Khối phụ trách đơn vị mà CBNV đó công tác; thành viên BTGD phụ trách Khối PC&TT, trưởng BKS hoặc trưởng phòng KTNB.

Xây dựng văn hóa kinh doanh có đạo đức - tiếp -	- Ban hành và công bố “Bộ Quy tắc ứng xử dành cho Nhà cung cấp” từ năm 2024 nhằm thiết lập các tiêu chuẩn và nguyên tắc mà các đối tác, nhà cung cấp cần tuân thủ khi hợp tác với SeABank. Bộ quy tắc này giúp đảm bảo sự minh bạch, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động kinh doanh giữa SeABank và các đối tác; đồng thời hạn chế các tác động gián tiếp lên MTXH trong các hoạt động kinh doanh của SeABank. - Ban hành Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Ngân hàng nhằm thể chế hóa các quy định của Bộ Luật Lao động. Đồng thời, SeABank còn duy trì một số chính sách phúc lợi ở mức cao hơn so với quy định của pháp luật như: chính sách nghỉ phép năm cao hơn mức tiêu chuẩn của pháp luật mở rộng theo chức danh, thâm niên và cống hiến cho Ngân hàng; chính sách bảo hiểm sức khỏe cho CBNV và gia đình...
Xây dựng và thực thi các chính sách PCRT	- Ban hành quy định về PCRT: quy định này đưa ra các biện pháp ngăn ngừa rủi ro rửa tiền tại SeABank một cách cụ thể, từ việc nhận biết khách hàng, các dấu hiệu phát hiện giao dịch đáng ngờ đến các biện pháp ứng xử tạm thời khi gặp trường hợp nghi ngờ giao dịch của khách hàng. - Đầu tư hệ thống PCRT: các giao dịch nếu có liên quan hoặc có dấu hiệu liên quan đến rửa tiền/giao dịch đáng ngờ đều được cảnh báo tự động trước khi thực hiện giao dịch (trước khi giao dịch được duyệt bởi cấp có thẩm quyền). - Tăng cường truyền thông, cập nhật các thông tin pháp lý, các thủ đoạn và cảnh báo mới về PCRT cho toàn bộ CBNV qua các bản tin pháp lý dưới dạng email gửi cho toàn hệ thống. - Đào tạo về PCRT: tổ chức các khóa đào tạo cho toàn bộ CBNV nhằm cập nhật các thay đổi về pháp luật liên quan đến PCRT, các thủ đoạn rửa tiền mới nhất tại Việt Nam và trên thế giới. Đảm bảo các CBNV mới gia nhập được đào tạo về PCRT trong vòng 02 tháng kể từ ngày gia nhập SeABank. - Thành lập Ban điều hành PCRT với người đứng đầu là PTGD phụ trách Khối PC&TT. Các thành viên bao gồm các PTGD, Giám đốc Khối của các Khối kinh doanh Hội sở và Giám đốc Khối Vận hành. Ban điều hành PCRT tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc tuân thủ trong mọi hoạt động Ngân hàng. - Ban hành các quy định về PCRT phù hợp với quy định của pháp luật và phê duyệt các giao dịch theo thẩm quyền. - Hoạt động PCRT được kiểm toán thường niên bởi Phòng KTNB của SeABank và được báo cáo trực tiếp về HĐQT.
Xây dựng và thực thi hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng (PCTN)	- Trên cơ sở thực tiễn hoạt động và nhằm mục tiêu xây dựng, thúc đẩy phát triển văn hóa tổ chức, trách nhiệm liêm chính, trung thực, trong sạch, SeABank đã ban hành Quyết định số 12664/2022/QĐ-TGD ngày 08/08/2022 quy định về PCTN, tiêu cực và tội phạm tại SeABank. Theo đó: » Chính sách đã đưa ra những nguyên tắc thực hiện và quy định về PCTN, tiêu cực và tội phạm tại SeABank trong toàn bộ hoạt động kinh doanh, giao dịch với khách hàng, đối tác bên ngoài (nhà cung cấp, nhà thầu hoặc bất cứ một cá nhân, tổ chức nào liên quan), các hoạt động khác thay mặt cho SeABank; đưa ra các yêu cầu về quy tắc ứng xử của CBNV, trách nhiệm của SeABank và các CBNV trong công tác PCTN, tiêu cực và tội phạm.

Xây dựng và thực thi hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng (PCTN) - tiếp -	» Chính sách đáp ứng các yêu cầu của các đối tác quốc tế như IFC, DFC, Moody's... liên quan đến các hành động về ESG. • Ban hành và công bố trên website SeABank "Tuyên bố Chính sách Phòng chống tham nhũng và tiêu cực", cung cấp cho các đối tác, nhà thầu và nhà cung cấp những nguyên tắc thực hiện nhằm ngăn ngừa các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong quá trình hợp tác và cung cấp đầu mối liên hệ trong trường hợp đối tác, nhà thầu, nhà cung cấp muốn liên hệ và phản ánh sai phạm của CBNV Ngân hàng.
Xây dựng quy trình và tuân thủ công bố thông tin minh bạch	• Xác định tính minh bạch là yếu tố then chốt để phát triển doanh nghiệp bền vững, SeABank xây dựng quy trình và thực hiện công khai thông tin chung về quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động tín dụng. Đồng thời, SeABank đề nghị khách hàng tham gia đối thoại với các bên liên quan của họ, xác định và tương tác với các cộng đồng có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án/hoạt động kinh doanh của họ (công khai thông tin liên quan về dự án/hoạt động kinh doanh với cộng đồng và bên liên quan, tham khảo ý kiến của cộng đồng). • SeABank cam kết khắc phục/phối hợp khắc phục các tác động tiêu cực được xác định là do SeABank gây ra/góp phần gây ra (ảnh hưởng đến môi trường, xã hội - khách hàng, các bên liên quan khác, kinh tế - sự cố liên ngân hàng...) (nếu có). • Ban hành Quy trình nội bộ về công bố thông tin ra bên ngoài, đảm bảo thông tin được đăng tải chính xác, kịp thời trên đa kênh, đa ngôn ngữ, theo hướng dễ tiếp cận với các đối tượng khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư... • Cập nhật và tuân thủ công bố thông tin chính xác, phát hành các báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn theo yêu cầu và quy định của pháp luật hiện hành, theo thông lệ tốt quốc tế và khuyến nghị của các đối tác quốc tế.
B. Tích cực triển khai, thực thi các thể chế, chính sách nhằm hiện thực hóa các cam kết PTBV	
	• Tích cực đào tạo về các chính sách PTBV cho CBNV trên toàn hệ thống, truyền thông thông qua các bản tin của khối QTRR, các ấn phẩm khác có liên quan của Ngân hàng. • Triển khai hàng loạt hoạt động ASXH và hành động vì môi trường ý nghĩa với tổng ngân sách gần 24 tỷ đồng: » Quỹ UMUM nhận đỡ đầu thêm 10 em học sinh, hoàn thành 100% mục tiêu nhận mới đỡ đầu năm 2024; triển khai nâng mức học bổng khuyến học lên 1.500.000 đồng/em/tháng theo kế hoạch (dự kiến hoàn tất toàn bộ thủ tục vào Quý I/2025); tổ chức thêm chương trình ngoại khóa hè bên cạnh các hoạt động trao quà thường niên... » Trồng 68.000 cây xanh hỗ trợ phục hồi rừng và sinh kế sau bão cho người dân tỉnh Lào Cai, hoàn thành vượt mục tiêu trồng mới 50.000 cây xanh năm 2024.

	» Triển khai 100% theo kế hoạch các chương trình từ thiện - vì môi trường thường niên với tổng ngân sách gần 2 tỷ đồng, bao gồm: Let's go green with SeABank; SeABankers vì trẻ thơ; Xuân yêu thương; Tuần lễ công dân. » Chi phát sinh 4 tỷ đồng vượt ngân sách nhằm hỗ trợ, đồng hành cùng các tỉnh miền Bắc chịu ảnh hưởng của bão số 3 Yagi. » Hoàn thành 100% các chương trình tài trợ từ thiện, ASXH (do các cơ quan, đối tác tổ chức) theo kế hoạch năm 2024 như: Quỹ học bổng Ngân hàng, Quỹ Vì người nghèo... • Tăng cường tối ưu hóa, xanh hóa vận hành theo các chính sách, quy định nội bộ và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn của Việt Nam: » Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng: 100% hệ thống chiếu sáng chuyển đổi sang đèn LED; 100% thiết bị điều hòa không khí được chuyển đổi sang dùng Gas R32, R410A thân thiện với môi trường; 100% thiết bị có nhãn năng lượng 4-5 sao của Bộ Công Thương và được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ nhằm tối ưu hiệu suất; trên 95% trụ sở kinh doanh đạt chỉ tiêu về định mức tiêu thụ năng lượng... » Quản lý sử dụng nước: lượng nước bình quân đầu người tiêu thụ năm 2024 là 19 lit/người/ngày thấp hơn 1,6 lần so với định mức; nguồn nước sinh hoạt sạch theo chuẩn QCVN 01-1: 2018/BYT và 6-1:2010/BYT của Bộ Y tế; 100% nước thải được xử lý trước khi thải ra môi trường theo chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường... Nước uống được đựng trong bình thủy tinh/cây lọc nước thay thế bình nhựa. » Tòa nhà xanh: áp dụng công nghệ quản lý tòa nhà thông minh đảm bảo tối ưu sử dụng tránh lãng phí (tòa nhà Hội sở 198 Trần Quang Khải có chứng nhận công trình xanh theo chuẩn EDGE và trụ sở tại 16 Láng Hạ có chứng nhận LEED Silver); ưu tiên các đồ dùng, văn phòng phẩm, vật liệu thân thiện với môi trường, có khả năng tái chế (100% sử dụng cây lọc nước, bình nước thủy tinh thay thế bình nhựa); 100% trụ sở trang bị máy lọc không khí, hệ thống thông gió và lọc khí tươi; trồng cây xanh trong văn phòng và tối ưu hóa việc sử dụng ánh sáng tự nhiên... » Chuỗi cung ứng bền vững: ưu tiên hợp tác với các đối tác có cam kết bền vững, phù hợp với Bộ Quy tắc ứng xử dành cho Nhà cung cấp của SeABank, đảm bảo 100% chuỗi cung ứng không vi phạm các tiêu chuẩn về MTXH của SeABank. » Lan tỏa lối sống xanh qua các hoạt động của Quỹ SeAGreen: chương trình dọn rác thải biển "Clean up the ocean"; chương trình giảm phát thải carbon từ phương tiện giao thông "Green the road to SeABank"... • Công tác công bố thông tin: đảm bảo 100% tuân thủ công tác báo cáo và giải trình với các cơ quan nhà nước liên quan đến thuế và chế độ tài chính năm 2024; nâng cao tính minh bạch thông qua áp dụng các chuẩn quốc tế trong nhiều lĩnh vực như: Basel III, ESG, COSO, IFRS...
--	---

► Báo cáo, khiếu nại/thắc mắc liên quan đến chính sách môi trường xã hội:



Báo cáo và xử lý sai phạm nội bộ:

- CBNV tố giác sai phạm thông qua đường dây nóng tuần thủ (baocaosaipham@seabank.com.vn) và số điện thoại/email của Giám đốc Khối PC&TT; email gs.rrhd@seabank.com.vn hoặc số điện thoại của Giám đốc Khối QTRR.
- Đơn vị quản lý hotline báo cáo sai phạm hoặc Giám đốc Khối PC&TT, Giám đốc Khối QTRR chuyển tiếp thông tin tố giác tới các đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và làm việc với CBNV liên quan để làm rõ các nội dung sai phạm (nếu có).
- Bộ phận có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực hiện báo cáo kết quả và đề xuất biện pháp khắc phục, hình thức xử lý sai phạm (nếu có) tới cấp có thẩm quyền để có các phương án xử lý kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.
- Chuyển báo cáo kết quả xác minh tới đơn vị quản lý đường dây nóng tuần thủ và các đơn vị liên quan để theo dõi và thực hiện các biện pháp theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Tiếp nhận ý kiến thắc mắc/khiếu nại:

SeABank tiếp nhận các ý kiến thắc mắc/khiếu nại (nếu có) liên quan đến chính sách MTXH của SeABank và/hoặc các dự án do SeABank tài trợ thông qua email: contact@seabank.com.vn hoặc hotline **1900 555 587**.

Trường hợp khách hàng gọi qua hotline và thắc mắc

của khách hàng liên quan đến dự án/khách hàng do SeABank tài trợ, hotline SeABank đề nghị khách hàng cung cấp thắc mắc/khiếu nại bằng văn bản qua email.

Bộ phận QTRR MTXH sẽ đánh giá nội dung khiếu nại hoặc truy vấn nhận được:

- Trường hợp là yêu cầu làm rõ/đề nghị cung cấp thông tin, QTRR MTXH sẽ cung cấp thông tin cho bộ phận quản lý hotline để trả lời khách hàng.
- Trường hợp là khiếu nại và có liên quan đến việc vi phạm nghiêm trọng chính sách của SeABank, QTRR MTXH sẽ chuyển ý kiến khiếu nại đến đơn vị phụ trách khách hàng. Đơn vị có trách nhiệm xác minh ý kiến khiếu nại thông qua (các) cuộc thảo luận với khách hàng và thực địa khách hàng, yêu cầu khách hàng lập và thực hiện Kế hoạch hành động khắc phục bổ sung (SCAP) nếu cần thiết. Đồng thời, đơn vị cần yêu cầu và giám sát việc khách hàng gửi văn bản trả lời thỏa đáng cho bên khiếu nại.
- Trường hợp người gửi khiếu nại yêu cầu ẩn danh, SeABank sẽ tiếp nhận ý kiến phản hồi của khách hàng để chuyển đến người gửi. QTRR MTXH chịu trách nhiệm mở sổ theo dõi và duy trì nhật ký đầy đủ các khiếu nại đã nhận được cùng với ngày nhận, tính chất và mức độ nghiêm trọng của khiếu nại, bản tóm tắt và phản hồi được cung cấp.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HDQT nhiệm kỳ 2023-2024 bao gồm 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập và tất cả các thành viên HDQT đều là thành viên không điều hành. Cơ cấu này đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 62 của Luật các TCTD về việc có tối thiểu 01 thành viên độc lập và một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành SeABank. Đồng thời, nếu căn cứ theo tiêu chuẩn, điều kiện về thành viên độc lập của HDQT của Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020, Ông Mathew Nevil Welch có thể được tính là thành viên độc lập vì Ông Mathew Nevil Welch là thành viên độc lập của Ngân hàng trong 01 nhiệm kỳ, nên số lượng thành viên độc lập của HDQT SeABank xác định theo Luật Doanh nghiệp là 02/07 thành viên.

Trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, HDQT tiếp tục được kiện toàn và nâng cao năng lực thông qua việc bầu thay thế 01 thành viên HDQT từ nguồn nội bộ là Bà Trần Thị Thanh Thủy – nguyên PTGD Ngân hàng. Bà Trần Thị Thanh Thủy là thành viên giàu kinh nghiệm với 30 năm trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt là lĩnh vực bán lẻ và phát triển KHUT, khách hàng cao cấp (KHCC) của Ngân hàng. Điều này sẽ giúp HDQT có thêm góc nhìn khi ra các quyết định và thực thi chiến lược trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam trong thời gian tới.

Tuy nhiên, tỷ lệ thành viên độc lập trong HDQT chưa tiệm cận với thông lệ tốt nhất về quản trị công ty do tại thời điểm bầu nhiệm kỳ mới, SeABank chưa tìm được ứng viên có chuyên ngành, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực chuyên môn mà SeABank dự kiến bổ sung nhằm làm tăng tính đa dạng về chuyên môn của HDQT, cụ thể như lĩnh vực công nghệ ngân hàng số, bán lẻ... SeABank dự kiến tăng số lượng thành viên độc lập của HDQT thêm 01 thành viên trong năm 2025.

► CÁC CUỘC HỌP, LẤY Ý KIẾN HDQT NĂM 2024

Số lượng cuộc họp trong năm 2024:

Các cuộc họp HDQT được tổ chức dưới hình thức phiên họp, lấy ý kiến bằng văn bản của HDQT. Các cuộc họp được tổ chức theo đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo thành phần dự họp/biểu quyết theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy định nội bộ về quản trị công ty, Quy định về tổ chức và hoạt động của HDQT Ngân hàng; đồng thời tiệm cận với các nguyên tắc, thông lệ tốt về quản trị công ty của VNCG và OECD trong việc tổ chức, thông qua các quyết định của HDQT. Số lượng cuộc họp HDQT trong năm 2024 gồm:

04

PHIÊN HỌP ĐỊNH KỲ

~ 80

PHIÊN LẤY Ý KIẾN

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)

Kết quả của các cuộc họp:

Kết quả của 4 phiên họp định kỳ và gần 80 phiên lấy ý kiến được thể hiện qua các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT dưới đây. Nội dung này cũng đã được SeABank công bố tại Báo cáo Quản trị năm 2024 của Ngân hàng, cụ thể như sau:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	61/2024/BBH-HĐQT	30/01/2024	Biên bản họp HĐQT Quý IV/2023	100%
2.	62/2024/NQ-HĐQT	30/01/2024	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
3.	63/2024/NQ-HĐQT	30/01/2024	Thông qua báo cáo tài chính Quý IV/2023	100%
4.	65/2024/NQ-HĐQT	30/01/2024	Phương án nhân sự đối với vị trí Giám đốc Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	100%
5.	80/2024/BBKP-SeABank	06/02/2024	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
6.	86/2024/NQ-HĐQT	07/02/2024	Thông qua việc thuê địa điểm để chuyển trụ sở Chi nhánh Sài Gòn (giao dịch người có liên quan)	100%
7.	95/2024/NQ-HĐQT	19/02/2024	Thông qua một số vấn đề liên quan đến việc thưởng cổ phiếu cho Cán bộ quản lý Ngân hàng TMCP Đông Nam Á 2024	100%
8.	96/2024/QĐ-HĐQT	19/02/2024	Chính sách thưởng cổ phiếu cho Cán bộ quản lý Ngân hàng TMCP Đông Nam Á 2024	Ban hành theo NQ của HĐQT
9.	112/2024/NQ-HĐQT	22/02/2024	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank	100%
10.	118/2024/NQ-HĐQT	23/02/2024	Thông qua một số vấn đề liên quan đến nhân sự cấp cao của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	100%
11.	119/2024/NQ-HĐQT	23/02/2024	Thông qua một số vấn đề liên quan đến nhân sự cấp cao của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12.	120/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh thôi giữ chức vụ PTGD Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
13.	121/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh giữ chức vụ Chủ tịch Công ty kiêm TGD của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank	Ban hành theo NQ của HĐQT
14.	122/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank	Ban hành theo NQ của HĐQT
15.	123/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Ông Vũ Đình Khoán - PTGD SeABank thôi kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank	Ban hành theo NQ của HĐQT
16.	124/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Ông Vo Long Nhi thôi giữ chức vụ PTGD Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
17.	125/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Bổ nhiệm ông Vo Long Nhi giữ chức vụ Giám đốc Đối ngoại và Phát triển Dự án Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
18.	126/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Ông Vo Long Nhi thôi giữ chức vụ Giám đốc Khối Đầu tư Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
19.	127/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Bổ nhiệm ông Vo Long Nhi giữ chức vụ Trưởng Văn phòng đại diện Thành phố Hồ Chí Minh - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
20.	128/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Quang - Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính giữ chức vụ PTGD Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
21.	129/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Quang - PTGD kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
22.	130/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn Anh - Giám đốc Khối QTRR giữ chức vụ PTGD Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
23.	131/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn Anh - PTGD kiêm nhiệm chức vụ Khối QTRR Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
24.	132/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Danh sách dự kiến nhân sự bầu làm thành viên BKS chuyên trách Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, nhiệm kỳ 2023 - 2028	Ban hành theo NQ của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
25.	133/2024/QĐ-HĐQT	23/02/2024	Danh sách dự kiến nhân sự bầu làm thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, nhiệm kỳ 2023 - 2028	Ban hành theo NQ của HĐQT
26.	148/2024/NQ-HĐQT	27/02/2024	Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
27.	164/2024/NQ-HĐQT	29/02/2024	Chương trình, kế hoạch họp HĐQT định kỳ hàng năm của HĐQT	100%
28.	178/2024/NQ-HĐQT	05/03/2024	Ban hành Quy định Đánh giá nội bộ về mức độ vốn (ICAAP)	100%
29.	179/2024/NQ-HĐQT	05/03/2024	Thông qua Kế hoạch Ngân sách năm 2024 của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện	100%
30.	181/2024/QĐ-HĐQT	05/03/2024	Ban hành Quy định đánh giá nội bộ ICAAP	Ban hành theo NQ của HĐQT
31.	191/2024/NQ-HĐQT	08/03/2024	Thông qua về việc phát hành báo cáo tài chính năm của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện	100%
32.	192/2024/NQ-HĐQT	08/03/2024	Thông qua việc ban hành Chính sách hợp tác với các bên hữu quan của Ngân hàng	100%
33.	193/2024/QĐ-HĐQT	08/03/2024	Ban hành Quy định chính sách hợp tác với các bên hữu quan của Ngân hàng	Ban hành theo NQ của HĐQT
34.	194/2024/NQ-HĐQT	08/03/2024	Thông qua phát hành Báo cáo Tài chính của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện	100%
35.	220/2024/NQ-HĐQT	21/03/2024	Triển khai thực hiện Chương trình vinh danh thâm niên đặc biệt nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Ngân hàng - SeAProud 30Y Special	100%
36.	250/2024/NQ-HĐQT	04/04/2024	Thông qua báo cáo thường niên 2023	100%
37.	272/2024/NQ-HĐQT	09/04/2024	Thông qua một số vấn đề liên quan đến nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 của SeABank	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
38.	292/2024/NQ-HĐQT	15/04/2024	Nghị quyết của HĐQT thông qua Phương án chuyển nhượng Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện	100%
39.	298/2024/BBH-HĐQT	17/04/2024	Biên bản họp HĐQT Quý I/2024	100%
40.	299/2024/NQ-HĐQT	17/04/2024	Nghị Quyết của HĐQT Quý I/2024	100%
41.	300/2024/QĐ-HĐQT	17/04/2024	Thù lao đối với Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
42.	301/2024/NQ-HĐQT	17/04/2024	Quyết định v/v chấm dứt hợp đồng lao động đối với Bà Trần Thị Thanh Thủy	100%
43.	330/2024/NQ-HĐQT	26/04/2024	Nghị quyết của HĐQT thông qua khoản vay với IFC	100%
44.	331/2024/NQ-HĐQT	26/04/2024	Ủy quyền ký kết tài liệu Giao dịch với IFC và các tài liệu liên quan	100%
45.	335/2024/NQ-HĐQT	26/04/2024	Nâng hạn mức thẻ tín dụng đối với khách hàng Nguyễn Tuấn Cường	100%
46.	353/2024/QĐ-HĐQT	15/05/2024	Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro tại SeABank	Ban hành theo NQ của HĐQT
47.	383/2024/NQ-HĐQT	23/05/2024	Tăng phần vốn góp của Ngân hàng tại SeABank AMC	100%
48.	395/2024/NQ-HĐQT	28/05/2024	Thông qua phương án phát hành chứng chỉ tiền gửi SeABank năm 2024	100%
49.	396/2024/NQ-HĐQT	28/05/2024	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các nội dung đăng kí doanh nghiệp CTCP trên Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp CTCP của SeABank	100%
50.	398/2024/NQ-HĐQT	28/05/2024	Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
51.	410/2024/NQ-HĐQT	31/05/2024	Thông qua việc tăng vốn điều lệ của SeABank tại SeABank AMC	100%
52.	413/2024/NQ-HĐQT	30/05/2024	Phương án miễn nhiệm đối với vị trí Giám đốc Chi nhánh của SeABank	100%
53.	414/2024/NQ-HĐQT	30/05/2024	Phương án bổ nhiệm đối với vị trí Giám đốc Chi nhánh của SeABank	100%
54.	424/2024/NQ-HĐQT	04/06/2024	Cấp tín dụng đối với khách hàng Bùi Đoàn Danh Hoàng và Lương Viết Tú tại SeABank Đồng Nai	100%
55.	448/2024/NQ-HĐQT	11/06/2024	Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm 2024	100%
56.	458/2024/NQ-HĐQT	13/06/2024	Giải tỏa cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng theo Chương trình ESOP 2022 đối với một số CBNV	100%
57.	462/2024/NQ-HĐQT	14/06/2024	Thông qua giao dịch vay một khoản vay có thể chuyển đổi từ Bên cho vay là Norfund	100%
58.	474/2024/NQ-HĐQT	18/06/2024	Ban hành Quyết định điều chỉnh cơ cấu tổ chức Khối QTRR	100%
59.	476/2024/QĐ-HĐQT	18/06/2024	Điều chỉnh cơ cấu tổ chức Khối QTRR	Ban hành theo NQ của HĐQT
60.	478/2024/NQ-HĐQT	18/06/2024	Thông qua việc cấp tín dụng cho khách hàng Nguyễn Thị Hào - SeABank Trung Hòa	100%
61.	494/2024/NQ-HĐQT	21/06/2024	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của SeABank năm 2024	100%
62.	496/2024/NQ-HĐQT	21/06/2024	Phê duyệt việc Công ty phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế	100%
63.	499/2024/NQ-HĐQT	21/06/2024	Thông qua danh sách dự kiến nhân sự bổ nhiệm bổ sung thành viên HĐQT của PTF nhiệm kỳ 2023-2028	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
64.	522/2024/NQ-HĐQT	28/06/2024	Phê duyệt việc Công ty phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế	100%
65.	526/2024/QĐ-SeABank	01/07/2024	Quy chế phê duyệt tín dụng đối với khách hàng tại SeABank	Ban hành theo NQ của HĐQT
66.	568/2024/NQ-HĐQT	11/07/2024	Thông qua hạn mức giao dịch cho JPMorgan Chase	100%
67.	579/2024/NQ-HĐQT	16/07/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Hải Dương - Thôi kiêm nhiệm	100%
68.	580/2024/NQ-HĐQT	16/07/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Hải Dương - Đảm nhiệm	100%
69.	595/2024/BBH-HĐQT	23/07/2024	Biên bản họp HĐQT Quý II/2024	100%
70.	618/2024/NQ-HĐQT	31/07/2024	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của PTF	100%
71.	617/2024/QĐ-HĐQT	31/07/2024	Quy định về mẫu con dấu của SeABank	Ban hành theo NQ của HĐQT
72.	641/2024/QĐ-HĐQT	06/08/2024	Giao Công đoàn SeABank Hội sở mua lại, thu hồi cổ phiếu của người lao động nghỉ việc trước thời hạn cam kết theo quy định Chương trình ESOP 2021, 2022	Ban hành theo NQ của HĐQT
73.	653/2024/NQ-HĐQT	08/08/2024	Thông qua ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức và cổ phiếu được phát hành từ nguồn chủ sở hữu	100%
74.	667/2024/NQ-HĐQT	09/08/2024	Tiếp nhận chức vụ Giám đốc Chi nhánh Quảng Ninh	100%
75.	666/2024/NQ-HĐQT	09/08/2024	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Quảng Ninh	100%
76.	665/2024/NQ-HĐQT	09/08/2024	Tiếp nhận chức vụ Giám đốc Chi nhánh Bắc Giang	100%



TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
77.	664/2024/NQ-HDQT	09/08/2024	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Bắc Giang	100%
78.	687/2024/NQ-HDQT	14/08/2024	Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán giữa niên độ riêng lẻ và hợp nhất 2024	100%
79.	686/2024/NQ-HDQT	14/08/2024	Ban hành Quy định Quản lý rủi ro đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới	100%
80.	685/2024/NQ-HDQT	14/08/2024	Ban hành Quy định chính sách về giao dịch với Người có liên quan	100%
81.	695/2024/QĐ-HDQT	15/08/2024	Sửa đổi, bổ sung Quyết định 810/2023/QĐ-HDQT ngày 24/11/2023 về việc phân quyền phán quyết cho Ông Lê Quốc Long – TGD	Ban hành theo NQ của HDQT
82.	704/2024/QĐ-HDQT	19/08/2024	Thành viên Ủy ban Công nghệ thuộc HDQT	Ban hành theo NQ của HDQT
83.	703/2024/QĐ-HDQT	19/08/2024	Thành lập Ủy ban Công nghệ thuộc HDQT	Ban hành theo NQ của HDQT
84.	702/2024/NQ-HDQT	19/08/2024	Thành lập Ủy ban Công nghệ thuộc HDQT	100%
85.	722/2024/QĐ-PCTHDQT	22/08/2024	Giao và ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Anh – PTGD hoặc Ông Vo Long Nhi (Andrew Vo) – Giám đốc Đối ngoại và Phát triển dự án trong việc hợp tác với J.P. Morgan (S.E.A) Limited	Ban hành theo NQ của HDQT
86.	718/2024/QĐ-HDQT	22/08/2024	Chuyển địa điểm trụ sở Phòng Giao dịch Thành công – Chi nhánh Láng Hạ	Ban hành theo NQ của HDQT
87.	738/2024/NQ-HDQT	28/08/2024	Thông qua việc cấp hạn mức giao dịch cho khách hàng Định chế tài chính đợt 1 năm 2024	100%
88.	745/2024/QĐ-HDQT	29/08/2024	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết	Ban hành theo NQ của HDQT
89.	754/2024/QĐ-HDQT	30/08/2024	Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro	Ban hành theo NQ của HDQT

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
90.	753/2024/NQ-HDQT	30/08/2024	Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro	100%
91.	752/2024/NQ-HDQT	30/08/2024	Thông qua ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền để cử, ứng cử nhân sự BKS nhiệm kỳ 2023-2028	100%
92.	782/2024/NQ-HDQT	10/09/2024	Phương án vị trí Giám đốc Chi nhánh Tân Bình – Bổ nhiệm	100%
93.	781/2024/NQ-HDQT	10/09/2024	Phương án vị trí Giám đốc Chi nhánh Tân Bình – Miễn nhiệm	100%
94.	780/2024/NQ-HDQT	10/09/2024	Phương án vị trí Giám đốc Chi nhánh Cần Thơ – Bổ nhiệm	100%
95.	779/2024/NQ-HDQT	10/09/2024	Phương án vị trí Giám đốc Chi nhánh Cần Thơ – Miễn nhiệm	100%
96.	794/2024/NQ-HDQT	16/09/2024	Thông qua đánh sách dự kiến nhân sự bổ nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS của PTF	100%
97.	829/2024/NQ-HDQT	23/09/2024	Thông qua một số vấn đề liên quan đến việc họp ĐHĐCĐ bất thường và lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản	100%
98.	847/2024/NQ-HDQT	26/09/2024	Phê duyệt chủ trương, chi phí và ngân sách mua bản quyền phần mềm T24 của Temenos cho PTF	100%
99.	851/2024/QĐ-CTHDQT	30/09/2024	Sửa đổi, bổ sung phương án phát hành Chứng chỉ tiền gửi của SeABank năm 2024	Ban hành theo NQ của HDQT
100.	883/2024/NQ-HDQT	07/10/2024	Nhân sự dự kiến bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 của Ngân hàng	100%
101.	917/2024/NQ-HDQT	18/10/2024	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HDQT nhiệm kỳ 2023-2028 và kế hoạch lấy ý kiến bằng cổ đông bằng văn bản	100%
102.	924B/2024/QĐ-HDQT	23/10/2024	Phương án vị trí Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai – Bổ nhiệm	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
103.	924A/2024/QĐ-HĐQT	23/10/2024	Phương án vị trí Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai - Miễn nhiệm	100%
104.	923B/2024/QĐ-HĐQT	23/10/2024	Phương án vị trí Giám đốc Chi nhánh Bình Dương - Bổ nhiệm	100%
105.	923A/2024/QĐ-HĐQT	23/10/2024	Phương án vị trí Giám đốc Chi nhánh Bình Dương - Miễn nhiệm	100%
106.	949/2024/NQ-HĐQT	29/10/2024	Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý II/2024 của Ngân hàng	100%
107.	948/2024/NQ-HĐQT	29/10/2024	Phương án vị trí Giám đốc Chi nhánh Tân Bình - Bổ nhiệm	100%
108.	947/2024/NQ-HĐQT	29/10/2024	Phương án vị trí Giám đốc Chi nhánh Tân Bình - Thôi kiêm nhiệm	100%
109.	1005/2024/NQ-HĐQT	11/11/2024	Điều chỉnh nội dung về vốn điều lệ tại Điều lệ của SeABank	100%
110.	1015/2024/QĐ-HĐQT	13/11/2024	Quyết định về việc Ông Lương Duy Đông thôi giữ chức vụ thành viên BKS của PTF	Ban hành theo NQ của HĐQT
111.	1018/2024/BBH-HĐQT	14/11/2024	Biên bản họp HĐQT Quý III/2024	100%
112.	1017/2024/NQ-HĐQT	14/11/2024	Nghị quyết phiên họp HĐQT Quý III/2024	100%
113.	1029/2024/QĐ-HĐQT	15/11/2024	Trợ cấp thay thế của Ông Nguyễn Hồng Quang	Ban hành theo NQ của HĐQT
114.	1028/2024/QĐ-HĐQT	15/11/2024	Trợ cấp thay thế của Ông Vũ Đình Khoán - PTGD	Ban hành theo NQ của HĐQT
115.	1027/2024/QĐ-HĐQT	15/11/2024	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật của SeABank AMC	Ban hành theo NQ của HĐQT
116.	1026/2024/QĐ-HĐQT	15/11/2024	Bổ nhiệm Ông Vũ Đình Khoán - PTGD kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty kiêm TGD của SeABank AMC	Ban hành theo NQ của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
117.	1025/2024/NQ-HĐQT	15/11/2024	Thông qua việc bổ nhiệm Chủ tịch kiểm TGD của SeABank AMC	100%
118.	1024/2024/NQ-HĐQT	15/11/2024	Điều chỉnh tỷ lệ đại diện vốn góp của SeABank tại PTF đối với Ông Lê Quốc Long	100%
119.	1047/2024/NQ-HĐQT	21/11/2024	Thông qua việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư Trung tâm công nghệ cao SeABank Hòa Lạc	100%
120.	1060/2024/QĐ-HĐQT	26/11/2024	Sửa đổi cơ cấu tổ chức của Khối XLN trực thuộc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ban hành theo NQ của HĐQT
121.	1059/2024/NQ-HĐQT	26/11/2024	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức thuộc Khối XLN	100%
122.	1058/2024/QĐ-HĐQT	26/11/2024	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định 246/2023/QĐ-HĐQT và Quy định 247/2023/QĐ-HĐQT	Ban hành theo NQ của HĐQT
123.	1070/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Thông qua phương án phát hành chứng chỉ tiền gửi SeABank năm 2025	100%
124.	1068/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Thông qua kế hoạch nhân sự đối với HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023-2028	100%
125.	1089/2024/NQ-HĐQT	29/11/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Gia Định - Tiếp nhận và bổ nhiệm	100%
126.	1088/2024/NQ-HĐQT	29/11/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Gia Định - Miễn nhiệm	100%
127.	1087/2024/NQ-HĐQT	29/11/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Hải Dương - Bổ nhiệm	100%
128.	1086/2024/NQ-HĐQT	29/11/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Hải Dương - Miễn nhiệm	100%
129.	1094/2024/NQ-HĐQT	04/12/2024	Thông qua một số vấn đề liên quan đến việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu bổ sung/ thay thế thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023-2028	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
130.	1108/2024/QĐ-HĐQT	05/12/2024	Đổi tên và chuyển địa điểm trụ sở Phòng giao dịch Phú Mỹ của SeABank	Ban hành theo NQ của HĐQT
131.	1103/2024/QĐ-HĐQT	05/12/2024	Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền để cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu bổ sung/thay thế thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023-2028	Ban hành theo NQ của HĐQT
132.	1119/2024/QĐ-HĐQT	06/12/2024	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của SeABank năm 2024	Ban hành theo NQ của HĐQT
133.	1118/2024/NQ-HĐQT	06/12/2024	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của SeABank năm 2024	100%
134.	1129/2024/QĐ-HĐQT	09/12/2024	Chỉnh sách thưởng cổ phiếu cho cán bộ quản lý của SeABank năm 2024	Ban hành theo NQ của HĐQT
135.	1128/2024/NQ-HĐQT	09/12/2024	Thông qua một số vấn đề liên quan đến việc thưởng cổ phiếu cho cán bộ quản lý của SeABank năm 2024	100%
136.	1127/2024/NQ-HĐQT	09/12/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Hải Dương - Bổ nhiệm	100%
137.	1126/2024/NQ-HĐQT	09/12/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Hải Dương - Miễn nhiệm	100%
138.	1145/2024/NQ-HĐQT	11/12/2024	Sửa đổi Phương án phát hành Chứng chỉ tiền gửi năm 2025 của SeABank	100%
139.	1152/2024/NQ-HĐQT	12/12/2024	Tái cấp và tăng hạn mức tín dụng cho CTCP Nông thủy sản Nghệ An	100%
140.	1169/2024/QĐ-HĐQT	17/12/2024	Ban hành Cơ cấu tổ chức Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính	Ban hành theo NQ của HĐQT
141.	1168/2024/NQ-HĐQT	17/12/2024	Thông qua việc điều chỉnh Cơ cấu tổ chức Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính	100%
142.	1176/2024/QĐ-HĐQT	19/12/2024	Giao và ủy quyền cho Ông Võ Long Nhi trong việc ký kết Thư cam kết và các văn bản khác có liên quan đến DFC	Ban hành theo NQ của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
143.	1175/2024/QĐ-HĐQT	19/12/2024	Giao và ủy quyền cho Bà Lê Thu Thủy – Phó Chủ tịch HĐQT trong việc đàm phán, quyết định và ký kết các văn bản khác có liên quan đến DFC	Ban hành theo NQ của HĐQT
144.	1209/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Đồng Nai - Tiếp nhận	100%
145.	1208/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Đồng Nai - Thôi kiêm nhiệm	100%
146.	1207/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Bình Dương - Tiếp nhận	100%
147.	1206/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Bình Dương - Thôi kiêm nhiệm	100%
148.	1220/2024/NQ-HĐQT	26/12/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Đồng Nai - Tiếp nhận	100%
149.	1219/2024/NQ-HĐQT	26/12/2024	Cấp tín dụng cho CTCP Đầu tư Phát triển Thành phố thông minh Bắc Hà Nội	100%
150.	1218/2024/NQ-HĐQT	26/12/2024	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Đồng Nai - Thôi kiêm nhiệm	100%
151.	1230/2024/QĐ-HĐQT	27/12/2024	Điều chỉnh điều kiện phê duyệt cấp tín dụng đối với CTCP Đầu tư Phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội	Ban hành theo NQ của HĐQT
152.	1229/2024/QĐ-HĐQT	27/12/2024	Điều chỉnh việc cấp hạn mức tín dụng đối với CTCP Nông thủy sản Nghệ An	Ban hành theo NQ của HĐQT
153.	1238/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Thông qua việc giải tỏa trước hạn cổ phiếu theo Chương trình ESOP 2023 cho một số cán bộ quản lý, CBNV	100%
154.	1237/2024/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Quy định về chính sách QTRR thanh khoản	100%
155.	1236/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Ban hành Quy định về chính sách QTRR thanh khoản	100%
156.	1235/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Cấp hạn mức giao dịch cho PTF	Ban hành theo NQ của HĐQT



► Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị



Hoạt động giám sát thực thi chiến lược được HĐQT thực hiện thông qua các công tác sau:

- Ban hành/sửa đổi, bổ sung Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị ngân hàng; Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của SeABank; các quy định/quy chế khác thuộc thẩm quyền của HĐQT để thể chế hóa các chiến lược của Ngân hàng trong quy định nội bộ, tạo hành lang pháp lý để BTGD thực thi các chiến lược.
- Định kỳ hàng năm giao chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách cho BTGD thực thi theo định hướng, chiến lược của Ngân hàng.
- Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin và cơ chế trao đổi thông tin xuyên suốt, nhất quán đảm bảo mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận có liên quan được thông báo, phổ biến, tuyên truyền về định hướng, chiến lược phát triển Ngân hàng để hiểu rõ, nhận thức thống nhất, đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu kinh doanh, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ đồng bộ, nhất quán và hiệu quả trên toàn hệ thống, đảm bảo các chiến lược, định hướng của HĐQT cũng được triển khai đồng bộ, nhất quán từ BTGD đến các ĐVKD và các Khối/Phòng/Ban Hội sở; đồng thời thiết lập và duy trì một hệ thống giám sát nội bộ với 03 tuyến

phòng thủ để kịp thời phát hiện, cảnh báo những trường hợp chưa thực hiện hoặc triển khai chưa phù hợp với định hướng, chiến lược của HĐQT.

- Cơ chế báo cáo: Trên cơ sở báo cáo của BTGD, HĐQT kịp thời nắm bắt được các hoạt động của Ngân hàng, giám sát chặt chẽ các hoạt động của từng lĩnh vực, từng thành viên BTGD và kịp thời có những chỉ đạo, định hướng và ban hành nghị quyết triển khai kịp thời các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo phù hợp với định hướng, chiến lược và kế hoạch ngân sách đã đề ra.
 - Báo cáo định kỳ hàng tuần, tháng, quý của BTGD cho HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT về tất cả các lĩnh vực của Ngân hàng cũng như theo các lĩnh vực chuyên môn, theo từng thành viên BTGD;
 - Báo cáo tại các cuộc họp giao ban giữa HĐQT và BTGD theo yêu cầu của HĐQT hoặc theo lời mời của BTGD;
 - Báo cáo tại các cuộc họp tổng kết định kỳ hàng tháng, hàng quý của TGD;
 - Báo cáo của BTGD cuộc họp tổng kết của toàn hệ thống định kỳ 06 tháng/lần;
 - Báo cáo của BTGD tại các cuộc họp HĐQT mở rộng theo yêu cầu của HĐQT.

Hoạt động giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ: HĐQT giám sát TGD trong việc:

- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin trên toàn hệ thống đảm bảo thông suốt, nhất quán.
- Duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong Ngân hàng: SeABank đã ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp (đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng) và xây dựng văn hóa kiểm soát chủ động, trách nhiệm và hiệu quả, Khối PC&TT làm đơn vị đầu mối xây dựng chiến lược, kế hoạch hành động và giám sát triển khai.
- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác (nếu có).
- Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (nếu có).

Hoạt động giám sát của quản lý cấp cao trong quản lý rủi ro Ngân hàng: HĐQT giám sát TGD trên cơ sở đề xuất, tham mưu của UBQLRR trong việc:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro, ban hành chính sách quản lý rủi ro trên cơ sở tham mưu của UBQLRR.
- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác (nếu có).

Hoạt động giám sát của quản lý cấp cao đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của HĐQT: HĐQT giám sát TGD trong việc:

- Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.
- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác (nếu có).

Hoạt động giám sát khác của HĐQT đối với BTGD:

- Ban hành hệ thống phân cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho các thành viên BTGD phù hợp với tình hình thực tế, nhu cầu quản trị và điều hành của Ngân hàng, phù hợp với năng lực, trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm, thế mạnh của từng cá nhân nhằm phát huy tốt nhất khả năng của các cá nhân đó.

- Hoạt động giám sát của HĐQT SeABank còn được thể hiện qua việc ban hành các Quyết định/Nghị quyết (chi tiết tại Chương V, trang 139 – 151 của Báo cáo này), và giám sát gián tiếp qua các Ủy ban/Hội đồng giúp việc như UBQLRR, UBNS (chi tiết trình bày tại Chương V, trang 156 – 161 của Báo cáo này), cũng như các cơ chế giám sát từ xa qua các hệ thống phòng thủ của Ngân hàng.
- Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin đảm bảo mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận có liên quan được thông báo, phổ biến, tuyên truyền về hệ thống kiểm soát nội bộ để hiểu rõ, nhận thức thống nhất, đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu kinh doanh, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Cơ chế trao đổi thông tin của Ngân hàng đảm bảo nguyên tắc sau đây:
 - Thông tin về mục tiêu, chiến lược, chính sách, quy trình được trao đổi từ cấp cao xuống cấp dưới và đến các cá nhân, bộ phận có liên quan.
 - Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ, kết quả hoạt động được trao đổi từ cấp dưới lên cấp cao (bao gồm HĐQT, BKS, TGD/Giám đốc) và từ Chi nhánh, đơn vị phụ thuộc khác của Ngân hàng lên Hội sở chính để nắm rõ các trạng thái rủi ro, tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

- Cơ chế báo cáo trực tiếp, độc lập, kịp thời cho các cấp có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật, quy định nội bộ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của các cá nhân, bộ phận đảm bảo bảo mật thông tin và bảo vệ người cung cấp thông tin thông qua bộ phận Tuân thủ – Khối PC&TT.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP:



ÔNG FERGUS MACDONALD CLARK
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

- HĐQT nhiệm kỳ 2023–2028 có 01 thành viên độc lập là ông Fergus Macdonald Clark. Ông Fergus Macdonald Clark hiện cũng là thành viên UBQLRR của Ngân hàng.
- Ông Fergus Macdonald Clark có 27 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, chuyên sâu về QTRR, luật và tham gia làm cố vấn, chuyên gia cao cấp của các dự án tại nhiều tổ chức Việt Nam và quốc tế, trong đó có 16 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP NĂM 2024:

Theo đó, trong năm 2024, thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, chức năng, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến tích cực, chủ động và kịp thời trong các phiên họp/lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT và hoạt động trong UBQLRR của Ngân hàng, cụ thể:

- Thành viên độc lập đã thực hiện các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Ngân hàng. Theo đó, thành viên độc lập HĐQT đã tham dự đầy đủ 04 phiên họp định kỳ của HĐQT trong năm 2024 và tham gia biểu quyết bằng văn bản đối với gần 80 hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản, đưa ra những ý kiến tham vấn cho HĐQT (khi cần thiết).
- Thành viên độc lập không phát sinh các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
- Thành viên độc lập HĐQT là thành viên của UBQLRR, theo đó đã tham dự 02 phiên định kỳ của Ủy ban, và tham gia biểu quyết bằng văn bản các hồ sơ lấy ý kiến qua email.
- Trực tiếp trao đổi với thành viên BTGD, các Khối/Phòng/Ban nghiệp vụ để chia sẻ kinh nghiệm QTRR, mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế để SeABank xem xét áp dụng cho phù hợp với thị trường.
- Tham gia các khóa đào tạo định hướng dành cho thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023–2028 và Chương trình đào tạo “Lãnh đạo trong quản trị “Nâng cao năng lực Hội đồng quản trị trong kỷ nguyên AI””.

- Tham dự các cuộc họp sơ kết hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 và tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ngân hàng, và một số cuộc họp giao ban của BTGD theo lời mời của TGD;
- Tham dự một số cuộc họp và lễ ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài ở trong và ngoài nước như lễ ký kết hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của SeABank tại PTF.

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thành viên độc lập HĐQT đánh giá hoạt động của HĐQT Ngân hàng như sau:

Đánh giá chung:

- HĐQT Ngân hàng đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với công ty niêm yết.
- Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập kịp thời và thực hiện theo các trình tự quy định tại Điều lệ và Quy định nội bộ về quản trị ngân hàng. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Ngân hàng.
- Các vấn đề liên quan đến kế hoạch kinh doanh, bổ nhiệm nhân sự cấp cao, giao dịch với Người có liên quan, đầu tư trụ sở của Ngân hàng, chính sách/chiến lược rủi ro... thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật và quy định của SeABank đều được HĐQT thường xuyên xem xét và đánh giá

trong các cuộc họp định kỳ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.

Về cơ cấu tổ chức: cơ cấu của HĐQT hiệu quả, thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Thẩm quyền: vai trò, trách nhiệm, và phạm vi quyền hạn của HĐQT được quy định rõ ràng trong Điều lệ, Quy định nội bộ về quản trị công ty và Quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT Ngân hàng. Các quy định rõ ràng, thống nhất và đảm bảo phù hợp với quy định của Luật các TCTD năm 2024, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019.
- Quy mô: Trong năm 2024, HĐQT có tất cả 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập, 02/07 thành viên là người có liên quan, không có thành viên HĐQT tham gia điều hành, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, hướng đến các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về quản trị tốt.
- Đa dạng: Năm 2024, HĐQT bầu thay thế 01 thành viên HĐQT là Bà Trần Thị Thanh Thủy nguyên là PTGD của Ngân hàng phụ trách hoạt động bán lẻ đối với KHCC của Ngân hàng, phù hợp với chiến lược trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất của Ngân hàng.
- Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty của Ngân hàng.
- Độc lập: các thành viên HĐQT độc lập trong việc đưa ra các đánh giá khách quan khi đưa ra quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, đặc biệt là độc lập với Ban Điều hành và các cổ đông lớn (hiện SeABank không có cổ đông lớn).
- Các Ủy ban trực thuộc HĐQT hoạt động thông suốt, hiệu quả và đã tham mưu nhiều nội dung quan trọng cho HĐQT. Chi tiết trình bày tại Chương V, trang 156 – 161 của Báo cáo này.

Về cơ chế vận hành hoạt động:

- Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ và tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản gần 80 hồ sơ. Các cuộc họp, phiên lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu đầy đủ, tuân thủ quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật. Nội dung các cuộc họp, các nghị quyết được thông qua



dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá và thông qua cẩn trọng.

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tài chính, giao dịch với Người có liên quan của Ngân hàng, chiến lược/chính sách QTRR, phương án tăng vốn điều lệ... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Điều hành.
- Các thay đổi về kế hoạch ngân sách, chiến lược đầu tư tài sản làm trụ sở Ngân hàng đều được nghiên cứu độc lập, có ý kiến phản hồi giữa HĐQT và Ban Điều hành.

Về kết quả công tác quản trị và giám sát:

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương, định hướng chiến lược do ĐHĐCĐ đề ra.
- HĐQT đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.
- HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban Điều hành thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Ngân hàng và các cổ đông.
- HĐQT cũng thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Điều hành. Các quyết định quan trọng của BTGD đều được phân tích, phản biện và tham vấn từ các thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT nhằm bảo đảm lợi ích của Ngân hàng.
- Các thành viên HĐQT nhận diện một cách chủ động vai trò, trách nhiệm hỗ trợ đối với Ban Điều hành và có sự chia sẻ kinh nghiệm, tương tác, trao đổi đối với Ban Điều hành về nghiệp vụ quản trị công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

- Về cơ cấu tổ chức của các Ủy ban:** Các Ủy ban đều có cơ cấu phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu của NHNN và tiệm cận với các nguyên tắc, thông lệ tốt về Quản trị Công ty của VNCG và Bộ quy tắc Quản trị Công ty của OECD/G20, đáp ứng các khuyến nghị cao của IFC và các đối tác quốc tế của Ngân hàng. Chi tiết về cơ cấu tổ chức xem tại Chương V, trang 126 – 129 của Báo cáo này.
- Về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động, giám sát của các Ủy ban:** đã được HĐQT ban hành theo Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban này. Đồng thời, Ủy ban đã bổ nhiệm các thư ký hoạt động thường xuyên, chuyên trách để theo dõi, giám sát việc triển khai các nội dung đã được các Ủy ban thông qua. Cơ chế làm việc mới thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản trên hệ thống thư điện tử đã giúp các Ủy ban có thể nhanh chóng xem xét và đánh giá, tham mưu các vấn đề quan trọng cho HĐQT trước khi thông qua.
- Về hoạt động của các Ủy ban:** Các Ủy ban đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy định của SeABank; tham mưu và giúp việc cho HĐQT trong các lĩnh vực trọng yếu của Ngân hàng, giúp HĐQT đưa ra các quyết định phù hợp. Cụ thể như sau:



► ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Chức năng, nhiệm vụ của UBQLRR:

- Tham mưu cho HĐQT trong việc:
 - Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro.
 - Ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.
 - Xử lý, khắc phục các tổn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
- Quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.
- Giám sát của quản lý cấp cao đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định của pháp luật.
- Các nội dung khác do HĐQT quy định.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản lý rủi ro hiện hành của ngân hàng để tham mưu, đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.

- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Đối với rủi ro MTXH:
 - Tham mưu cho HĐQT trong việc: Quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động tín dụng và đầu tư; Ban hành chính sách quản lý rủi ro MTXH thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật
- và Điều lệ của SeABank; Giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách/quy định quản lý rủi ro MTXH.
- Đề xuất với HĐQT phương án cải tiến hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro MTXH trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.
- Các nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Kết quả hoạt động của UBQLRR trong năm 2024:

Trong năm 2024, UBQLRR đã thực hiện:

02

02 phiên họp định kỳ 06 tháng một lần nhằm đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết trong cuộc họp, triển khai các công việc của kỳ tiếp theo, rà soát quản lý rủi ro và các công việc khác có liên quan.

>10

Hơn 10 phiên xin ý kiến các thành viên để ban hành/sửa đổi/bổ sung các Quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến quản lý rủi ro hoạt động của SeABank.

Chi tiết nội dung và kết quả của 02 phiên họp và hơn 10 phiên xin ý kiến như sau:

Hoạt động	Kết quả, nội dung triển khai hoạt động
Phiên họp định kỳ 1. Kết quả triển khai kỳ họp UBQLRR 06 tháng đầu năm 2024	
Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý rủi ro 06 tháng cuối năm 2023	Năm 2023, NHNN đã ban hành Chỉ thị 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng năm 2023 và các Thông tư như: Thông tư 02/2023/TT-NHNN, Thông tư 06/2023/TT-NHNN... nhằm hỗ trợ người dân vượt qua khó khăn, khôi phục sản xuất. Theo đó, SeABank đã nghiêm túc thực hiện chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của NHNN, kịp thời rà soát và ban hành/sửa đổi/bổ sung các chính sách quản lý rủi ro, góp phần đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả.
Thông qua nội dung, kế hoạch hoạt động của UBQLRR 06 tháng đầu năm 2024	- Bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ năm 2024, Chỉ thị 01/2024/CT-NHNN của NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2024 và Thông tư 13/2018/TT-NHNN. - Ban hành Quy định Quản lý rủi ro đối với sản phẩm mới hoạt động trong thị trường mới, Quy định Chiến lược Quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank. - Tập trung thực hiện các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng linh hoạt, triển khai các gói cho vay ưu đãi, nâng cao chất lượng tín dụng, ưu tiên các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ; hướng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lâm sản, thủy sản, xăng dầu và các động lực tăng trưởng (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu).

Hoạt động	Kết quả, nội dung triển khai hoạt động
Thực hiện các giải pháp để tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát và xử lý nợ xấu	- Tiếp tục rà soát, đánh giá tình hình tài chính của khách hàng để thực hiện cơ cấu nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. - Đẩy mạnh công tác xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. - Theo dõi và kiểm soát hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, lĩnh vực, ngành nghề, theo biện pháp bảo đảm (tín chấp/quyền đòi nợ/hàng hóa...) để hỗ trợ công tác tăng trưởng gắn với QTRR.
Công việc khác	- Triển khai xây dựng hệ thống báo cáo kiểm soát giới hạn cấp tín dụng cho khách hàng và người có liên quan. - Tăng cường thực hiện kiểm tra, giám sát TSBD để cảnh báo rủi ro kịp thời. - Đẩy mạnh khai thác big data, xây dựng bộ tiêu chí phát hiện và ngăn chặn các giao dịch đáng ngờ trên tài khoản thanh toán.

Phiên họp định kỳ 2. Kết quả triển khai kỳ họp UBQLRR 06 tháng cuối năm 2024

Báo cáo kết quả triển khai công tác quản lý rủi ro 06 tháng đầu năm 2024	- UBQLRR đã tổ chức quản lý các rủi ro trọng yếu, xây dựng/ban hành các chính sách quản lý rủi ro đảm bảo đáp ứng yêu cầu của kỳ họp UBQLRR 06 tháng đầu năm 2024 đã đề ra. - Tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, thực hiện đánh giá các khía cạnh rủi ro của sản phẩm và đưa ra các biện pháp kiểm soát rủi ro, theo dõi thường xuyên để kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý. - Phối hợp với các Khối kinh doanh phân tích đánh giá nguyên nhân để kịp thời điều chỉnh một số sản phẩm theo hướng bổ sung một số biện pháp kiểm soát như: giảm hạn mức, bổ sung TSBD, tăng cường giám sát sau... đối với các sản phẩm phát sinh rủi ro cao. - Duy trì theo dõi, giám sát rủi ro hoạt động nhằm cảnh báo kịp thời các trường hợp vi phạm/có khả năng vi phạm hạn mức rủi ro đã thiết lập, từ đó đề xuất cách thức ứng xử phù hợp và phân bổ nguồn lực hợp lý để xử lý các rủi ro ưu tiên. - Thực hiện theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường và đưa ra các cảnh báo trong báo cáo hàng ngày cũng như hàng tháng. - Liên tục cải tiến về mặt hệ thống nhằm phát hiện và chặn các trường hợp khách hàng gian lận khi mở tài khoản theo phương thức điện tử; nâng tỷ lệ giám sát với tài khoản eKYC lên 100%.
--	---

Đánh giá các thay đổi của Luật TCTD, sự tác động đến công tác QTRR và một số công việc đã triển khai	Luật các TCTD số 32/2024/QH15 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 quy định nhiều nội dung mới liên quan tới các nghiệp vụ cấp tín dụng. Theo đó, NHNN cũng sửa đổi/bổ sung các Thông tư có liên quan về hoạt động cho vay; hoạt động thẻ ngân hàng; giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ; nghiệp vụ thư tín dụng... Trong thời gian vừa qua, Khối QTRR đã thực hiện rà soát các văn bản nội bộ chịu tác động bởi Luật các TCTD 2024 và các Thông tư liên quan để lên kế hoạch điều chỉnh văn bản nội bộ, đảm bảo phù hợp theo quy định của NHNN.
Định hướng hoạt động của UBQLRR và công tác QTRR của Ngân hàng trong 6 tháng cuối năm 2024	- Trong 06 tháng cuối năm 2024, SeABank tiếp tục rà soát, đánh giá tác động của các văn bản, thông tư của NHNN để kịp thời sửa đổi/bổ sung/ xây dựng chính sách tín dụng nội bộ phù hợp với quy định pháp luật, làm cơ sở pháp lý triển khai hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống, đặc biệt là Thông tư về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. - Hoàn thiện và nâng cao hệ thống xuất dữ liệu các Báo cáo đánh giá chất lượng tín dụng được đa dạng thông tin, chính xác nhằm hỗ trợ công tác QTRR cho sản phẩm. - Vận hành và nâng cấp các hệ thống: Mô hình xếp hạng tín dụng KHCN/ KHDN; giới hạn cấp tín dụng cho khách hàng và người liên quan để phù hợp với Luật các TCTD 2024. - Xây dựng các giải pháp về QTRR hoạt động, tuân thủ và kiểm toán nội bộ tập trung, đây là nền tảng giúp nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nói chung và các hoạt động tự đánh giá và kiểm soát rủi ro, xử lý sự kiện rủi ro.

Hơn 10 phiên xin ý kiến: ban hành/sửa đổi/bổ sung các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến quản lý rủi ro hoạt động của SeABank

Các quy trình, chính sách được tổ chức xin ý kiến:

- Quy định đánh giá về mức độ đủ vốn tại SeABank.
- Quy định chính sách hợp tác với các bên hữu quan tại SeABank.
- Quy định sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới.
- Quy định chính sách giao dịch với Người có liên quan của SeABank.
- Quy định phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tại SeABank.
- Quy định chính sách Quản lý rủi ro thanh khoản.
- Quy định đánh giá và quản lý tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II.
- Chỉ thị về công tác triển khai hoạt động QTRR 06 tháng đầu năm 2024.
- Chỉ thị về công tác triển khai hoạt động QTRR 06 tháng cuối năm 2024.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản lý rủi ro hiện hành của Ngân hàng và tham mưu, đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với HĐQT.

► ỦY BAN NHÂN SỰ



Chức năng, nhiệm vụ của UBNS:

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị công ty và theo dõi, đánh giá công tác quản trị công ty, đảm bảo việc tuân thủ pháp luật hiện hành về quản trị công ty của Ngân hàng và hướng đến các quy tắc, thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam và quốc tế.
- Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.
- Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT về chiến lược nhân sự, ngân sách và kế hoạch kế thừa nhân sự của Ngân hàng.
- Nghiên cứu, tham mưu, trình duyệt HĐQT các phương án bổ nhiệm, miễn nhiệm và các mức lương, thưởng, lợi ích, phúc lợi áp dụng cho các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ của SeABank trong từng thời kỳ.
- Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các CBNV của Ngân hàng.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động hàng ngày, phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBNS.

Hoạt động của UBNS trong năm 2024:

Trong năm 2024, UBNS đã tham mưu cho HĐQT kế hoạch triển khai hệ thống KPIs và các chính sách thúc đẩy hiệu quả theo KPIs theo mục tiêu và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của từng phân khúc; kế hoạch đánh giá hiệu quả cơ cấu tổ chức của các đơn vị; cập nhật hệ thống chức danh, hệ thống cấp bậc vị trí và điều chỉnh đóng Gap dựa trên cấp bậc vị trí; và việc thực hiện các chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch nhân sự định kỳ theo lộ trình nghề nghiệp.

- Về công tác quy hoạch, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chế độ lương, thưởng, phúc lợi đối với nhân sự cấp cao của SeABank:
 - » UBNS đã tham mưu cho HĐQT trong việc trình ĐHCĐ bầu thay thế 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028, cụ thể: Bà Trần Thị Thanh Thủy thôi giữ chức vụ PTGD của SeABank và được bầu giữ chức vụ thành viên HĐQT thay thế Bà Ngô Thị Nhài; bầu bổ sung 02 thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028 là Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh và Ông Lương Duy Đông - những ứng viên có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.
 - » Tham mưu cho HĐQT bổ nhiệm 02 Giám đốc Khối giữ chức vụ PTGD; miễn nhiệm một số chức vụ PTGD để bổ nhiệm giữ các chức vụ quan trọng tại công ty con, Ban dự án của SeABank.

- » UBNS cũng đã tham mưu cho HĐQT trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Giám đốc Chi nhánh như: Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn; Giám đốc Chi nhánh Bình Chánh, Giám đốc Chi nhánh Hải Dương, Giám đốc Chi nhánh Long An, Giám đốc Chi nhánh Bình Dương, Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai, Giám đốc Chi nhánh Gia Định...
- UBNS cũng tham mưu cho HĐQT liên quan đến việc bổ nhiệm nhân sự đại diện phần vốn góp của SeABank tại công ty con trên cơ sở đánh giá các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật. Cụ thể: UBNS tham mưu cho HĐQT bổ nhiệm 06 nhân sự là người đại diện phần vốn góp của SeABank tại PTF đồng thời tham gia HĐQT PTF nhiệm kỳ 2023- 2028.

- UBNS cũng đã tham mưu cho HĐQT trong công tác quản trị công ty tập trung theo VNCG, Bộ quy tắc quản trị công ty của OECD/G20 và các khuyến nghị của IFC về ESG; việc nghiên cứu, ban hành các quy định thuộc thẩm quyền của HĐQT như sửa đổi quy định về chế độ thù lao của HĐQT, BKS; quy định về chi phí công vụ đối với HĐQT, BKS; chính sách thưởng cổ phiếu đối với cán bộ quản lý của Ngân hàng; quy định về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Khối QTRR; việc triển khai chương trình vinh danh thâm niên cho các CBNV nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Ngân hàng...
- UBNS đã tham mưu trong công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng như sửa đổi cơ cấu tổ chức của Khối XLN, Khối QTRR và thành lập Ủy ban Công nghệ của Ngân hàng.

► ỦY BAN CÔNG NGHỆ

Chức năng, nhiệm vụ của UBCN:

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc phê duyệt chiến lược phát triển, các dự án và ngân sách (bao gồm nhưng không hạn chế quy mô và cơ cấu đầu tư) liên quan đến công nghệ, ngân hàng số của Ngân hàng. Thực hiện theo dõi, đánh giá các chiến lược, dự án này, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng, ngân sách đầu tư đã được phê duyệt trong từng thời kỳ, nhất quán với chiến lược phát triển chung của Ngân hàng.
- Thẩm định, đánh giá trước khi HĐQT phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai các dự án, phương án, kế hoạch đầu tư công nghệ, ngân hàng số thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ SeABank.
- Tham mưu cho HĐQT về các chương trình chuyển đổi để thực thi các chiến lược, dự án về công nghệ, ngân hàng số của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về công nghệ, ngân hàng số phát sinh trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về cơ chế, chính sách liên quan đến công nghệ, ngân hàng số trong từng thời kỳ.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động hàng ngày, phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban.

Kết quả hoạt động trong năm 2024:

- Thành lập vào tháng 08/2024, trong 02 tháng cuối năm, Ủy ban tập trung kiện toàn nhân sự và hệ thống quy định, cơ chế để vận hành và hoạt động trong thực tế.
- Ủy ban yêu cầu các Đơn vị trong toàn hệ thống báo cáo chi tiết về các dự án công nghệ đã và đang triển khai trong năm 2024 và kết quả của từng dự án, dự kiến triển khai trong năm tới, kế hoạch và chi phí dự kiến.
- Dựa trên báo cáo của các Đơn vị, Ủy ban xem xét, đánh giá và có ý kiến tham mưu cho HĐQT nhằm nâng cao hiệu quả của các dự án và kịp thời triển khai các dự án gấp, tiêu biểu như dự án tích hợp sinh trắc học trên ứng dụng SeAMobile theo quy định của NHNN.



ĐÀO TẠO VÀ CHỨNG CHỈ LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động đào tạo quản trị công ty tại SeABank chủ yếu được thực hiện thông qua việc đào tạo nội bộ và phát triển đội ngũ lãnh đạo, quản lý nhằm triển khai các chiến lược, các chính sách và quy định về quản trị công ty của Ngân hàng:

Tính đến tháng 12/2024, danh sách các thành viên HĐQT đã qua đào tạo chuyên sâu về quản trị công ty của Ngân hàng bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh	Các khóa đào tạo đã tham dự
1	Lê Văn Tấn	Chủ tịch HĐQT	Chương trình Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp ESG
2	Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT	Chương trình Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp ESG
3	Ngô Thị Nhài	Thành viên HĐQT (*)	Chương trình Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp ESG
4	Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	Chương trình Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp ESG
5	Fergus Macdonald Clark	Thành viên độc lập HĐQT	Lãnh đạo trong quản trị “Nâng cao năng lực HĐQT trong kỷ nguyên AI”
6	Mathew Nevil Welch	Thành viên HĐQT	Chương trình Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp ESG

(*) Bà Ngô Thị Nhài đã thôi đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ngân hàng

Tính đến tháng 12/2024, đội ngũ Thư ký Quản trị công ty – bộ phận giúp việc của HĐQT tham gia khóa đào tạo chuyên sâu về Thư ký Quản trị công ty có tích hợp ESG, bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Vũ Quốc Tuấn	Phó Giám đốc Phụ trách Văn phòng HĐQT kiêm Thư ký Công ty, Người phụ trách Quản trị công ty
2	Đào Minh Nguyệt	Phó Giám đốc Văn phòng HĐQT kiêm Thư ký công ty, Người phụ trách Quản trị công ty
3	Hoàng Tuyết Mai	Trưởng Phòng Thư ký Quản trị công ty kiêm Thư ký công ty, Người phụ trách Quản trị công ty
4	Nguyễn Thị Ngọc	Phó phòng Thư ký Quản trị công ty – Văn phòng HĐQT

Các thành viên HĐQT cùng đội ngũ Thư ký Quản trị công ty, Quản lý Nhà đầu tư – Văn phòng HĐQT đã tham dự các hội thảo chuyên đề, workshop chuyên sâu về quản trị công ty, bao gồm:

STT	Khóa học	Nội dung	Đối tượng	Số người tham gia đào tạo
1	Đào tạo định hướng dành cho thành viên HĐQT	Chế định pháp luật dành cho thành viên HĐQT; Pháp luật về Quản trị ngân hàng, vai trò của HĐQT, BKS và Ban Điều hành.	Thành viên HĐQT	6
2	DCP 27	Chương trình Chứng nhận thành viên HĐQT tích hợp ESG	Thành viên HĐQT	1
3	Hội thảo chuyên sâu	Hội thảo chuyên sâu “Thực hành Quản trị công ty tốt vượt trên tuân thủ”; Hội thảo chuyên sâu về quản trị công ty của VIOD	Thành viên HĐQT	2
4	CSMP3	Chương trình chuyên sâu dành cho Thư ký công ty tích hợp ESG	Thư ký công ty/ Người phụ trách Quản trị công ty	2
5	SeACoach	Chương trình đào tạo & phát triển năng lực huấn luyện cho đội ngũ quản lý năm 2024; Kỹ năng giải quyết vấn đề	Thư ký công ty/ Người phụ trách Quản trị công ty	1
6	CSMP5	Chương trình chuyên sâu dành cho Thư ký công ty tích hợp ESG	Thư ký	2
7	Hội thảo chuyên sâu	Hội thảo chuyên sâu “Thực hành Quản trị công ty tốt vượt trên tuân thủ”; Hội thảo chuyên sâu về quản trị công ty của VIOD	Thư ký	1
8	SeACaptains	Đào tạo năng lực cho quản lý cấp trung	Thư ký	1
9	Kỹ năng quản lý cho cấp cao	“Mở khóa trí tuệ cùng AI, Leading with questions” (Lãnh đạo bằng câu hỏi); chương trình “Resilient Teams” (Xây dựng đội nhóm kiên cường); Xây dựng tổ chức học tập	Quản lý cấp cao	2
10	SeACoach (dành cho quản lý cấp cao)	Chương trình đào tạo & phát triển năng lực huấn luyện cho đội ngũ quản lý năm 2024; Kỹ năng giải quyết vấn đề	Quản lý cấp cao	8
11	SeALeadertalk	SeALeadertalk liên quan đến quản trị	Quản lý cấp cao	13
12	Đào tạo nhân sự quản lý mới	Các nội dung liên quan đến văn hóa tổ chức, tuân thủ...	Quản lý cấp cao	2

Stt	Khóa học	Nội dung	Đối tượng	Số người tham gia đào tạo
13	Kỹ năng quản lý cho cấp trung	Lãnh đạo bằng câu hỏi, Chương trình đào tạo & phát triển năng lực huấn luyện cho đội ngũ quản lý năm 2024 (SeACoach), Đào tạo năng lực quản lý cho đội ngũ cấp trung (SeACaptains), SeALeadertalk, SeACHallenger, SeAManager, phát triển năng lực theo kết quả đánh giá năng lực và quy hoạch trưởng nhóm tại ĐVKD - SeAWarrior	Quản lý cấp trung	258
14	Đánh giá MTXH	Giới thiệu, hướng dẫn đánh giá rủi ro MTXH	Quản lý cấp trung	19
15	Đánh giá MTXH	Giới thiệu, hướng dẫn đánh giá rủi ro MTXH	Quản lý sơ cấp	30
16	Hội thảo về tuân thủ quy định trong hoạt động ngân hàng Việt Nam	Tài chính bền vững, các xu hướng chuyển đổi AI và tác động đến hoạt động của Ngân hàng	Quản lý cấp trung	30
17	Lãnh đạo trong quản trị “Nâng cao năng lực HĐQT trong kỷ nguyên AI”	- Nhận diện rủi ro và thách thức trong năm 2025 - Nâng cao năng lực của HĐQT trong kỷ nguyên AI - Vai trò của HĐQT nhằm thúc đẩy giá trị bền vững và hướng dẫn thực tế cho HĐQT về ESG	Thành viên độc lập HĐQT	1
18	Hội nghị Nâng cao chất lượng quản trị công ty cho các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	Tổng quan về quản trị công ty của các công ty niêm yết; các hành động cần triển khai để nâng cao năng lực quản trị công ty	Thành viên HĐQT, Thư ký công ty/ Người phụ trách quản trị công ty, CBNV phụ trách Quản lý Nhà đầu tư.	5
19	Hội thảo chuyên đề về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên hiệu quả, vượt lên trên tuân thủ	Các vấn đề về pháp lý và thông lệ tốt để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên hiệu quả	Thành viên HĐQT, Thư ký công ty/ Người phụ trách quản trị công ty, CBNV phụ trách Quản lý Nhà đầu tư.	5
20	Hội thảo chuyên đề vì một HĐQT hiệu quả: Đánh giá HĐQT - Xu hướng và thực thi	Thực trạng và các thông lệ tốt trong đánh giá HĐQT - Xu hướng và thực thi	Thành viên HĐQT, Thư ký công ty/ Người phụ trách quản trị công ty, CBNV phụ trách Quản lý Nhà đầu tư.	5
21	Chương trình Hội thảo chuyên sâu: Thực hành Quản trị công ty tốt vượt trên tuân thủ - ACGS Workshop	Giới thiệu về những thực hành quản trị công ty tốt vượt trên tuân thủ và kế hoạch để triển khai	Thành viên HĐQT, Thư ký công ty/ Người phụ trách quản trị công ty, CBNV phụ trách Quản lý Nhà đầu tư.	5
22	Hội thảo Khởi động cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2024 diễn ra tại HOSE	Giới thiệu về cuộc bình chọn và các tiêu chí cụ thể để bình chọn để các doanh nghiệp niêm yết xem xét áp dụng, triển khai	Thành viên HĐQT, Thư ký công ty/ Người phụ trách quản trị công ty, CBNV phụ trách Quản lý Nhà đầu tư	5

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Kinh nghiệm/ Chuyên môn	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu
1	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng BKS	Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng	1.098.989	0,039%
2	Ông Nguyễn Thành Luân	Thành viên BKS chuyên trách	Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Đầu tư - Trường Đại học Kinh tế quốc dân.	194.782	0,007%
3	Bà Vũ Thu Thủy	Thành viên BKS chuyên trách	Thạc sĩ quản trị kinh doanh tài chính - Trường Đại học Nam Colombia.	0	0,000%
4	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên BKS	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học California Miramar Hoa Kỳ.	5.944.737	0,201%
5	Ông Lương Duy Đông	Thành viên BKS	Cử nhân Kế toán kiểm toán- Trường Đại học Kinh tế quốc dân.	22.623	0,001%

*Danh sách thành viên BKS tại ngày 31/12/2024

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

BKS đã triển khai họp định kỳ hàng tháng nhằm rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình HĐQT; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động trong tháng tiếp theo. Trong năm 2024, BKS đã triển khai 14 cuộc họp, cụ thể:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	1	100%	100%	Được ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 bầu từ ngày 15/11/2024
2	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	14	100%	100%	Tham dự đầy đủ
3	Bà Vũ Thu Thủy	14	100%	100%	Tham dự đầy đủ
4	Ông Nguyễn Thành Luân	14	100%	100%	Tham dự đầy đủ
5	Ông Lương Duy Đông	1	100%	100%	Được ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 bầu từ ngày 15/11/2024

Các cuộc họp BKS 2024:

Nội dung 14 cuộc họp cụ thể như sau:

- Tổng kết hoạt động theo quý và kế hoạch hoạt động quý tiếp theo;
 - Phân công nhiệm vụ các thành viên BKS;
 - Thông qua kế hoạch kiểm toán năm & kế hoạch đột xuất;
- Thông qua kết quả thẩm định báo cáo tài chính;
 - Thông qua nội dung về bộ văn bản BKS, KTNB đáp ứng yêu cầu của Luật TCTD 2024;
 - Thông qua nội dung về nhân sự;
 - Thông qua các nội dung cụ thể khác.

STT	Danh sách cuộc họp định kỳ	Nội dung	Kết quả
1	Biên bản họp số 1	- Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trong Quý IV/2023 và Báo cáo kế hoạch hoạt động của các thành viên trong Quý I/2024. - Tiến hành phân công công việc cho các thành viên BKS và triển khai kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ của BKS trong Quý I/2024.	Thống nhất kế hoạch hành động và nhiệm vụ của các thành viên trong Quý I/2024.
2	Biên bản họp số 2	Biên bản họp BKS về việc ban hành bộ văn bản KTNB.	Thống nhất ban hành một số văn bản chỉnh sửa/thay thế trong hoạt động của KTNB (Quy chế KTNB; Quy định thuê chuyên gia, tổ chức bên ngoài để thực hiện KTNB; Quy định về đảm bảo và cải tiến chất lượng KTNB; Quy trình KTNB; Hướng dẫn KTNB).
3	Biên bản họp số 3	Thống nhất kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 và chuẩn bị tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.	Thống nhất kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 và chuẩn bị tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
4	Biên bản họp số 4	- Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trong Quý I/2024 và Báo cáo kế hoạch hoạt động của các thành viên trong Quý II/2024. - Tiến hành phân công công việc cho các thành viên BKS và triển khai kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ của BKS trong Quý II/2024.	Thống nhất kế hoạch hành động của các thành viên trong Quý II/2024.
5	Biên bản họp số 5	Phân công nhân sự kiêm nhiệm Thư ký BKS.	Thống nhất bổ sung 01 định biên cho Bộ phận giúp việc cho BKS, chức danh Thư ký BKS, là nhân sự Chuyên viên KTNB kiêm nhiệm.
6	Biên bản họp số 6	Rà soát, đánh giá tác động của Luật các TCTD năm 2024 tới các văn bản nội bộ của Phòng KTNB.	Thống nhất ban hành văn bản thay thế Quy chế KTNB, trong đó cập nhật, sửa đổi mục tiêu, chức năng của KTNB theo Luật các TCTD năm 2024.
7	Biên bản họp số 7	- Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trong Quý II/2024 và Báo cáo kế hoạch hoạt động của các thành viên trong Quý III/2024. - Tiến hành phân công công việc cho các Thành viên BKS và triển khai kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ của BKS trong Quý III/2024.	Thống nhất kế hoạch hành động của các thành viên trong Quý III/2024 và chỉ đạo công tác thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm, hỗ trợ Phòng KTNB xây dựng kế hoạch hành động 6 tháng cuối năm 2024.

STT	Danh sách cuộc họp định kỳ	Nội dung	Kết quả
8	Biên bản họp số 8	Thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2024.	Thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2024.
9	Biên bản họp số 9	Gia hạn Hợp đồng lao động đối với Trưởng phòng KTNB.	Gia hạn Hợp đồng lao động đối với Trưởng phòng KTNB.
10	Biên bản họp số 10	Rà soát những điểm mới của Luật các TCTD năm 2024 tác động đến Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.	Thông qua nội dung Dự thảo văn bản thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS. Trình ĐHĐCĐ thông qua Dự thảo này. Thống nhất BKS ban hành văn bản sau khi Dự thảo được ĐHĐCĐ thông qua.
11	Biên bản họp số 11	Rà soát, đánh giá định kỳ các văn bản nội bộ của Phòng KTNB.	Thống nhất ban hành văn bản thay thế Quy định tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro, xác định mức độ trọng yếu và tần suất thực hiện KTNB tại SeABank.
12	Biên bản họp số 12	- Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trong Quý III/2024 và Báo cáo kế hoạch hoạt động của các thành viên trong Quý IV/2024. - Tiến hành phân công công việc cho các thành viên BKS và triển khai kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ của BKS trong Quý IV/2024.	Thống nhất kế hoạch hành động của các thành viên trong Quý IV/2024 và tiếp tục triển khai các nội dung mới liên quan đến chức năng nhiệm vụ của BKS, KTNB theo Luật các TCTD năm 2024 và các văn bản hướng dẫn Luật các TCTD năm 2024.
13	Biên bản họp số 13	Định hướng hoạt động của BKS và Phòng KTNB.	Định hướng hoạt động của BKS và Phòng KTNB.
14	Biên bản họp số 14	- Giải quyết đơn xin thôi nhiệm vụ Trưởng BKS của Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh. - Bầu Trưởng BKS nhiệm kỳ 2023 -2028.	Thông qua việc từ nhiệm chức vụ Trưởng BKS đối với bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh. Bà Quỳnh tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 -2028. Bầu ông Nguyễn Ngọc Quỳnh là Trưởng BKS.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024 (tiếp)



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG:

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BTGD được thực hiện thường xuyên và theo các chuyên đề, trên cơ sở định hướng chỉ đạo điều hành của Chính Phủ và NHNN đối với các hoạt động của TCTD liên quan đến: thực hiện chính sách tiền tệ, tín dụng và ngoại hối, PCRT và tài trợ khủng bố, PCTN, nâng cao năng lực quản trị, điều hành, QTRR, nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng...
- BKS giám sát việc HĐQT đã triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách, chỉ thị của NHNN và Nghị Quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc việc ban hành các Nghị Quyết, Chỉ thị về định hướng mục tiêu, chỉ tiêu kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm. Giám sát việc các Ủy Ban trực thuộc HĐQT được thành lập đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và phát huy vai trò của mình trong hoạt động quản trị của Ngân hàng.
- BKS giám sát BTGD trong việc tổ chức triển khai nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh theo đúng định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT. Đảm bảo nhiệm vụ điều hành của BTGD có phân công, phân nhiệm rõ ràng đến từng Đơn vị nghiệp vụ. Đồng thời liên tục rà soát các quy định nội bộ nhằm chuẩn hóa hệ thống văn bản nội bộ và đảm bảo cập nhật kịp

thời các quy định của NHNN, quy định của pháp luật và đảm bảo hoạt động của Ngân hàng được thông suốt, an toàn và hiệu quả.

- BKS thực hiện giám sát BTGD trong việc thực hiện Phương án Cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025 và thông qua hệ thống thông tin nội bộ (báo cáo hoạt động, báo cáo Giám sát từ các Đơn vị thuộc tuyến số 1 và 2).

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

- BKS đã tham gia các phiên họp thường kỳ của HĐQT và các cuộc họp giao ban của BTGD. HĐQT và BTGD đảm bảo việc cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, phục vụ cho chức năng nhiệm vụ của BKS.
- BKS và KTNB tổ chức các phiên họp để kịp thời thông báo, làm việc với HĐQT, BTGD để có các quyết định, chỉ đạo quyết liệt nhằm ngăn ngừa và xử lý các tổn tại trong hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện các quy định, cải tiến quy trình, sản phẩm, QTRR trong kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.
- HĐQT, Ban Điều hành đã nỗ lực khắc phục các tổn tại theo khuyến nghị của BKS và KTNB, tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa BKS với HĐQT và BTGD thông qua hệ thống báo cáo thông tin nội bộ, cử đại diện tham dự các phiên họp của các Ủy ban/Tiểu ban với tư cách khách mời.
- Chỉ đạo KTNB tiếp tục phối hợp với Khối/Phòng/Ban xây dựng dự án phần mềm QTRR và tuân thủ. Đây là phần mềm GRC tích hợp luồng quy trình và dữ liệu nhằm áp dụng công nghệ tự động hóa trong hoạt động tác nghiệp, dự báo xu hướng rủi ro và lưu trữ dữ liệu phục vụ cho công tác quản trị, chuyên nghiệp hóa hoạt động.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS:

Trong kỳ BKS cũng thực hiện một số chức năng nhiệm vụ khác như sau:

- Thực hiện kiện toàn nhân sự và cơ cấu tổ chức của BKS và Phòng KTNB.
- Thực hiện chức năng giám sát quản lý cấp cao đối với KTNB theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT - NHNN, trong kỳ BKS đã đôn đốc Phòng KTNB hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm và Khối PC&TT thực hiện kiểm tra kiểm soát các ĐVKD và các chuyên đề kiểm tra, đảm bảo các ĐVKD đều được kiểm tra ít nhất 1 năm/lần.
- BKS chỉ đạo KTNB thực hiện rà soát, đánh giá văn bản quy định của kiểm toán nội bộ nhằm cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ (Quy trình KTNB bổ sung các thông lệ tốt nhất, chuẩn mực cao; Quy định về thuê ngoài

chuyên gia tổ chức thực hiện KTNB). Đồng thời hoàn thiện hướng dẫn kiểm toán nhằm tối ưu hóa hiệu quả công cụ KTNB.

- BKS chỉ đạo KTNB triển khai Chương trình đảm bảo và cải thiện chất lượng kiểm toán nội bộ (QAIP) đáp ứng yêu cầu, kỳ vọng của đối tác nước ngoài trong hợp tác quốc tế, phù hợp với chuẩn mực IIA (Hiệp hội Kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ).
- BKS chỉ đạo KTNB tiếp tục phối hợp với Khối PC&TT, QTRR xây dựng các bộ Đánh giá hiệu quả chất kiểm soát (MCA) theo mô hình kiểm soát nội bộ chuẩn mực COSO khẳng định vị thế của SeABank trên thị trường quốc tế.
- Thực hiện đánh giá và trình ĐHĐCĐ danh sách công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 để quyết định lựa chọn.
- Theo dõi, lập danh sách người có liên quan và rà soát các giao dịch đối với người có liên quan của Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật các TCTD.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 và Báo cáo tài chính 6 tháng 2024 của Ngân hàng.
- Chỉ đạo Phòng KTNB đánh giá rủi ro và lập kế hoạch kiểm toán năm 2025. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của NHNN, cơ quan quản lý.
- Thực hiện triển khai tăng cường hoạt động kiểm soát theo các công văn chỉ đạo của NHNN.



THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Cơ chế xác định mức tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích

Thù lao của HĐQT, BKS của Ngân hàng do ĐHĐCĐ thông qua. Trên cơ sở phê duyệt của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành Quy định về chế độ thù lao của HĐQT, BKS Ngân hàng số 246/2023/QĐ- HĐQT. Theo đó:

- Khung thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS được xây dựng gồm 7 thang mức và 9 cấp bậc để đảm bảo có sự phân cấp phù hợp về năng lực, sự đóng góp cho Ngân hàng và tình hình thực tế.
- Đối với các thành viên HĐQT đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên độc lập HĐQT sẽ được cộng thêm hệ số chức danh tương ứng theo các tỷ lệ quy định. Đối với các thành viên HĐQT chuyên trách sẽ được cộng tối đa 50% mức thù lao của thành viên không chuyên trách cùng cấp bậc, theo các thang mức tương ứng.
- Đối với thành viên BKS đảm nhiệm chức vụ Trưởng BKS hoặc thành viên BKS chuyên trách cũng sẽ được cộng thêm hệ số chức danh tương ứng theo quy định.

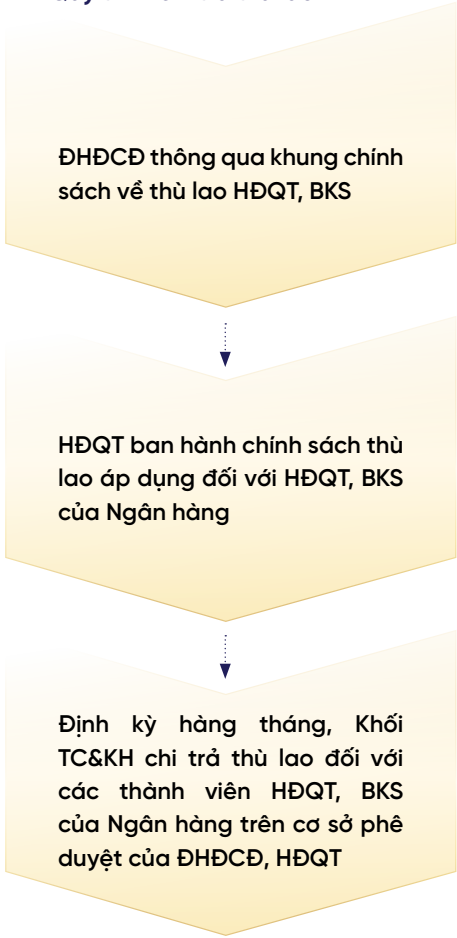
Ngoài ra, Quy định về chế độ thù lao của HĐQT, BKS còn quy định cụ thể các nguyên tắc trong việc quản lý, chi trả thù lao, thưởng và các chế độ khác đối với HĐQT, BKS; Chế độ thưởng thành tích và các lợi ích khác áp dụng đối với thành viên HĐQT, BKS của Ngân hàng.

Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

Báo cáo chi tiết thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024 như sau:

TT	Nội dung	Năm 2024 (triệu đồng)	Ghi chú
A Tổng Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2024 (*)			
1	Thù lao của Hội đồng quản trị ("HĐQT")	22.519	
1.1	Ông Lê Văn Tấn - Chủ tịch HĐQT	6.000	
1.2	Bà Nguyễn Thị Nga - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	5.400	
1.3	Bà Lê Thu Thủy - Phó Chủ tịch HĐQT	4.245	
1.4	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm - Phó Chủ tịch HĐQT	2.916	
1.5	Bà Ngô Thị Nhài - Thành viên HĐQT	401	Thôi đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT kể từ ngày 17/4/2024

Quy trình chi trả thù lao



TT	Nội dung	Năm 2024 (triệu đồng)	Ghi chú
1.6	Ông Mathew Nevil Welch - Thành viên HĐQT	1.200	
1.7	Ông Fergus Mardonald Clark - Thành viên độc lập HĐQT	1.404	
1.8	Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên HĐQT	953	Được bầu giữ chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 17/4/2024
2	Thù lao của Ban kiểm soát ("BKS")	5.060	
2.1	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh - Trưởng BKS	1.723	Thay đổi chức danh thành viên BKS kể từ ngày 15/11/2024
2.2	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh - Trưởng BKS	337	Được bầu giữ chức vụ Trưởng BKS kể từ ngày 15/11/2024
2.3	Ông Nguyễn Thành Luân - Thành viên BKS chuyên trách	1.566	
2.4	Bà Vũ Thu Thủy - Thành viên BKS chuyên trách	1.296	
2.5	Ông Lương Duy Đông - Thành viên BKS	138	Được bầu giữ chức vụ thành viên BKS kể từ ngày 15/11/2024
3	Chi phí lễ tân, khánh tiết và chi phí khác của HĐQT, BKS	3.709	
B	Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác (*)	30.553	

(*) Các khoản thù lao, tiền lương là số liệu sau khi đã khấu trừ thuế TNCN.

Việc chi trả thù lao cho HĐQT và BKS được thực hiện theo đúng quy định về khung thù lao của HĐQT, BKS SeABank và phạm vi ngân sách do ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua, trên cơ sở tiết kiệm tối đa chi phí cho Ngân hàng.

Kế hoạch chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025

Trên cơ sở quy định về thù lao, chi tiêu của HĐQT và BKS đã được ban hành và đánh giá các chỉ tiêu kinh doanh và kế hoạch nhân sự của HĐQT, BKS trong năm 2025, HĐQT đã đề nghị ĐHĐCĐ thông qua tổng mức thù lao, thưởng và chi phí hoạt động năm 2025 của HĐQT và BKS như sau:

TT	Nội dung	Tổng Ngân sách năm 2025
1	Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT	80 tỷ đồng
2	Thù lao và chi phí hoạt động của BKS	40 tỷ đồng
Tổng cộng		120 tỷ đồng

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ KẾ HOẠCH NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2024

SeABank đã tuân thủ hoàn toàn các quy định về quản trị công ty tại Luật các TCTD năm 2024, Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan. Theo đó, SeABank đã ban hành các văn bản liên quan đến quản trị công ty sau đây:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng (cập nhật 01 lần, ban hành mới 01 lần).
- Quy định nội bộ về quản trị Công ty (cập nhật ngày 05/11/2024 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ lấy ý kiến bằng văn bản).

- Quy chế về cơ cấu tổ chức và (cập nhật ngày 05/11/2024 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ lấy ý kiến bằng văn bản).
- Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS (cập nhật ngày 05/11/2024 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ lấy ý kiến bằng văn bản).

SeABank cũng đã triển khai áp dụng các nguyên tắc trong Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất (VNCG) và các tiêu chí của Bộ thẻ điểm Quản trị Công ty của Asean (ASCG) ở phần lớn nội dung và chỉ còn một số nội dung dưới đây cần tiếp tục cải thiện trong thời gian tới, cụ thể:

Đối với VNCG: SeABank đã triển khai áp dụng cả 10 nguyên tắc của Bộ nguyên tắc này ở mức độ tuân thủ tốt, trừ 03 nội dung sau:

Nội dung nguyên tắc	Tình trạng	Lý do chưa đáp ứng
3.2. 01/03 thành viên là thành viên độc lập	Tính đến ngày 31/12/2024, nếu căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019, SeABank có 02/07 là thành viên độc lập.	Theo quy định của Luật các TCTD năm 2010, các Ngân hàng Thương mại phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập và theo Luật các TCTD năm 2024, các NHTM phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập.
3.3. Bổ nhiệm Trưởng nhóm Thành viên độc lập HĐQT	Chưa triển khai.	- Do số lượng thành viên độc lập HĐQT chỉ có 01 thành viên theo quy định của Luật các TCTD năm 2010 và 2024. - Dự kiến trong năm 2025, SeABank sẽ bầu bổ sung 01 thành viên độc lập và sẽ tiến hành bổ nhiệm Trưởng nhóm thành viên độc lập HĐQT.
4.1. Thành lập Ủy ban Kiểm toán	Chưa thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT.	- Do SeABank là Ngân hàng Thương mại, áp dụng Luật các TCTD năm 2024 nên mô hình quản trị bắt buộc của SeABank là ĐHĐCĐ – HĐQT – BKS – Ban Điều hành. Trong đó, BKS hiện đang thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán theo quy định của thông lệ quốc tế. - Tuy nhiên, trong năm 2025, SeABank dự kiến tái cấu trúc UBQLRR để mở rộng thêm chức năng, nhiệm vụ cũng như đổi tên của Ủy ban để thể chế hóa hoạt động Ngân hàng.

Ngoài ra, một số nội dung SeABank tiếp tục cải thiện hơn nữa trong thời gian tới như việc truyền thông về văn hóa quản trị của Ngân hàng, thuê bên thứ 3 thực hiện đánh giá hoạt động của HĐQT, kiện toàn kế hoạch kế cận cho đội ngũ nhân sự Ban Điều hành.



Đối với ASCG: SeABank đã áp dụng hầu hết các tiêu chí trong bộ thẻ điểm của từng cấu phần ở mức tuân thủ tốt, trừ các hạng mục dưới đây:

- 22/ 167 tiêu chí chưa được triển khai tập trung vào việc chưa thành lập Ủy ban Kiểm toán, tỷ lệ thành viên độc lập trong các Ủy ban của HĐQT.
- Lý do chưa đáp ứng: theo quy định của Luật các TCTD năm 2010 và 2024, số lượng thành viên độc lập HĐQT chỉ có 01 thành viên. SeABank là Ngân hàng Thương mại và phải áp dụng Luật các TCTD năm 2024 nên mô hình quản trị bắt buộc của SeABank là ĐHĐCĐ – HĐQT – BKS – Ban Điều hành. Trong đó, BKS hiện đang thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán theo quy định của thông lệ quốc tế; việc báo cáo quý, báo cáo của chuyên gia phân tích đối với Ngân hàng trên website của Ngân hàng...
- 20/167 tiêu chí đã triển khai ở mức tuân thủ và cần tiếp tục cải thiện tiếp trong việc công bố thông tin về thù lao, về quy trình đánh giá hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT...

Đây sẽ là mục tiêu trọng tâm của SeABank trong giai đoạn tiếp theo, phù hợp với định hướng đến năm 2028 của Ngân hàng và của SeABank.

SeABank cũng áp dụng và ngày càng hoàn thiện 03 trụ cột PTBV trọng tâm ESG theo Ma trận PTBV của IFC và các đối tác quốc tế hiện đang hợp tác cấp tín dụng cho SeABank như Norfund, AIB, DFC...

SeABank đã thực hiện tốt nghĩa vụ của công ty niêm yết theo yêu cầu của pháp luật và HOSE, cụ thể:

- SeABank đã lập báo cáo quản trị công ty định kỳ sáu tháng và năm 2024 (theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015).
- Việc công bố thông tin của SeABank trong năm 2024: không bị nhắc nhở và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công bố thông tin.

KẾ HOẠCH NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025

- Hoàn thành kế hoạch trong năm 2025 của HĐQT dựa trên các định hướng và chỉ tiêu được nêu tại Chương IV, trang 114 - 115 của Báo cáo này, đồng thời củng cố nền tảng vững chắc để hoàn thành các mục tiêu PTBV dựa trên ESG (chi tiết tại Chương I, trang 36 - 39 của Báo cáo này).
- Tiếp tục cải thiện các nội dung nguyên tắc, thông lệ tốt về quản trị công ty dựa trên đánh giá tại Chương V, trang 172 - 173 của Báo cáo này; đặt mục tiêu phấn đấu đạt hầu hết các chuẩn mực, thông lệ này ở cấp độ thực thi tốt.
- Tiếp tục rà soát và kiện toàn các hạng mục PTBV theo yêu cầu của các đối tác quốc tế, chuẩn bị cho việc chuyển đổi theo chiến lược và kế hoạch đã thỏa thuận.
- Tiếp tục cải thiện hơn nữa báo cáo thường niên, báo cáo quản trị theo hướng hiện đại, đảm bảo khai thác hết các khía cạnh PTBV của Ngân hàng, đặt mục tiêu công bố thông tin toàn bộ bằng Tiếng Anh.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

▶ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024



- Tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 17/04/2024; ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 15/11/2024.
- Tổ chức lấy ý kiến cổ đông 02 lần trong năm.
- Số lượng cổ đông của SeABank tại ngày 31/12/2024 là hơn 8.200 cổ đông, tăng gần 35% so với thời điểm cuối năm 2023.
- Hoàn thành việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 13,6%.
- Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời đến cổ đông, nhà đầu tư thông qua các kênh thông tin đa dạng và dễ tiếp cận như website, mạng xã hội Facebook, thư điện tử, SMS... Các thông tin được cung cấp bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- Tổ chức thành công, tham gia nhiều chương trình, sự kiện tiếp xúc với các nhà đầu tư.

▶ KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2025



- Duy trì việc cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời đến cổ đông, các nhà đầu tư.
- Đưa chuyên tin đầu tư mới trên website mới của Ngân hàng vào hoạt động trong năm 2025 (bản tiếng Anh và tiếng Việt) với đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của VNCG50 và ASCG.
- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong việc gửi thư mời họp, tài liệu ĐHĐCĐ, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản...
- Tiếp tục làm việc với các Nhà đầu tư quốc tế để đẩy mạnh quan hệ hợp tác của SeABank trên thị trường quốc tế: thu hút nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức quốc tế; thiết lập mối quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực ưu tiên theo chiến lược của ngân hàng như chuyển đổi số, hợp tác về fintech, cho vay dự án xanh, cho vay doanh nghiệp nữ làm chủ, cho vay các dự án chống biến đổi khí hậu...

CAM KẾT CỦA SEABANK

Luôn bảo đảm lợi ích và đối xử công bằng với cổ đông và các bên liên quan

SeABank quan tâm đến việc bảo vệ lợi ích và đối xử công bằng với các cổ đông, luôn coi trọng mối quan hệ và sự hợp tác chặt chẽ với các cổ đông. Do đó, SeABank cam kết sẽ nỗ lực để ổn định cơ cấu cổ đông và luôn đảm bảo các quyền của cổ đông được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đặc biệt bao gồm cả các cổ đông nhỏ lẻ.

Không chỉ cam kết đối xử công bằng giữa các cổ đông, SeABank cũng cam kết công khai và minh bạch trong

mọi hoạt động. SeABank luôn trân trọng sự tin tưởng và niềm tin của cổ đông và cam kết luôn cung cấp cho cổ đông thông tin đầy đủ và chính xác về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, SeABank cũng đang tiếp tục triển khai các giải pháp duy trì năng lực tài chính dài hạn, nỗ lực không ngừng để tạo ra giá trị, đảm bảo lợi ích trước mắt cũng như lâu dài cho đối tác, cổ đông và khách hàng. SeABank cho rằng việc hợp tác chặt chẽ với các cổ đông là nhiệm vụ thiết yếu để đem lại sự phát triển ổn định và bền vững cho cả Ngân hàng và các bên hữu quan.

Đầu mối liên hệ của các bên liên quan:
**PHÒNG THU KÝ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- VĂN PHÒNG HĐQT**

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á:
Tầng 5, BRG Tower, số 198 Trần Quang Khải,
phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Email: thukycongtv@seabank.com.vn
Điện thoại: (+84) 24 3944 8688 (máy lẻ: 5016, 6223)

Ưu tiên chính sách chi trả cổ tức ổn định và tăng trưởng

Chính sách chi trả cổ tức của SeABank là một trong những phương tiện quan trọng nhằm đảm bảo và nhắm đến mục tiêu tối đa hóa lợi ích của cổ đông. Kể từ khi niêm yết cổ phiếu SSB tại HOSE vào tháng 03/2021, SeABank luôn thực hiện việc chi trả cổ tức và/hoặc cổ phiếu thưởng cho cổ đông hàng năm, đảm bảo hoàn thành chi trả đầy đủ thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Trong tương lai, SeABank cam kết tiếp tục chi trả cổ tức và/hoặc cổ phiếu thưởng theo đúng quy định, phù hợp với thực tế hoạt động của Ngân hàng và định hướng của NHNN trong từng thời kỳ. Đồng thời, SeABank cam kết sẽ đảm bảo chính sách chi trả cổ tức luôn được cập nhật để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho

cổ đông của chúng tôi và ưu tiên mức cổ tức ổn định và tăng trưởng.

Tăng cường tương tác với cổ đông

Nhận thức rõ tầm quan trọng của cổ đông trong việc phát triển ổn định và bền vững, SeABank luôn chú trọng tới việc đảm bảo mối quan hệ tốt đẹp với cổ đông.

Ngoài các kênh tương tác với cổ đông đã triển khai, SeABank sẽ tổ chức nhiều hơn nữa các chương trình, hoạt động gặp mặt/trao đổi giúp cổ đông tiếp cận thông tin về hoạt động của Ngân hàng và thực hiện quyền của mình một cách dễ dàng và thuận tiện. Hơn nữa, việc nâng cao tính công khai và minh bạch trong tương tác với cổ đông sẽ là một mục tiêu trọng tâm mà SeABank hướng đến trong thời gian tới.

1 VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tầng 5, BRG Tower, số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: ir@seabank.com.vn | **Điện thoại:** (+84) 24 3944 8688 (máy lẻ: 8897, 5008)

2 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN – PHÒNG NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Địa chỉ: Tầng 4,5,6 và 7 số 3 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024. 62758668 | **Fax:** 024. 62753816

3 Tổng đài hỗ trợ của SeABank (có phí, hỗ trợ 24/7): 1900 555 587

4 Fanpage chính thức của SeABank: <https://www.facebook.com/SeABankOfficialFanpage>

Xây dựng các kênh thông tin đa dạng và dễ tiếp cận nhất đến nhà đầu tư:

Ngoài việc công bố thông tin đến nhà đầu tư trên các hệ thống chính thức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, SeABank sử dụng website làm kênh thông tin chính thức, quan trọng nhất để cập nhật đầy đủ và kịp thời mọi thông tin liên quan đến hoạt động của Ngân hàng. Bên cạnh đó, SeABank cũng kết hợp thêm các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền hình và mạng xã hội để truyền tải thông tin rộng rãi hơn đến các nhà đầu tư.

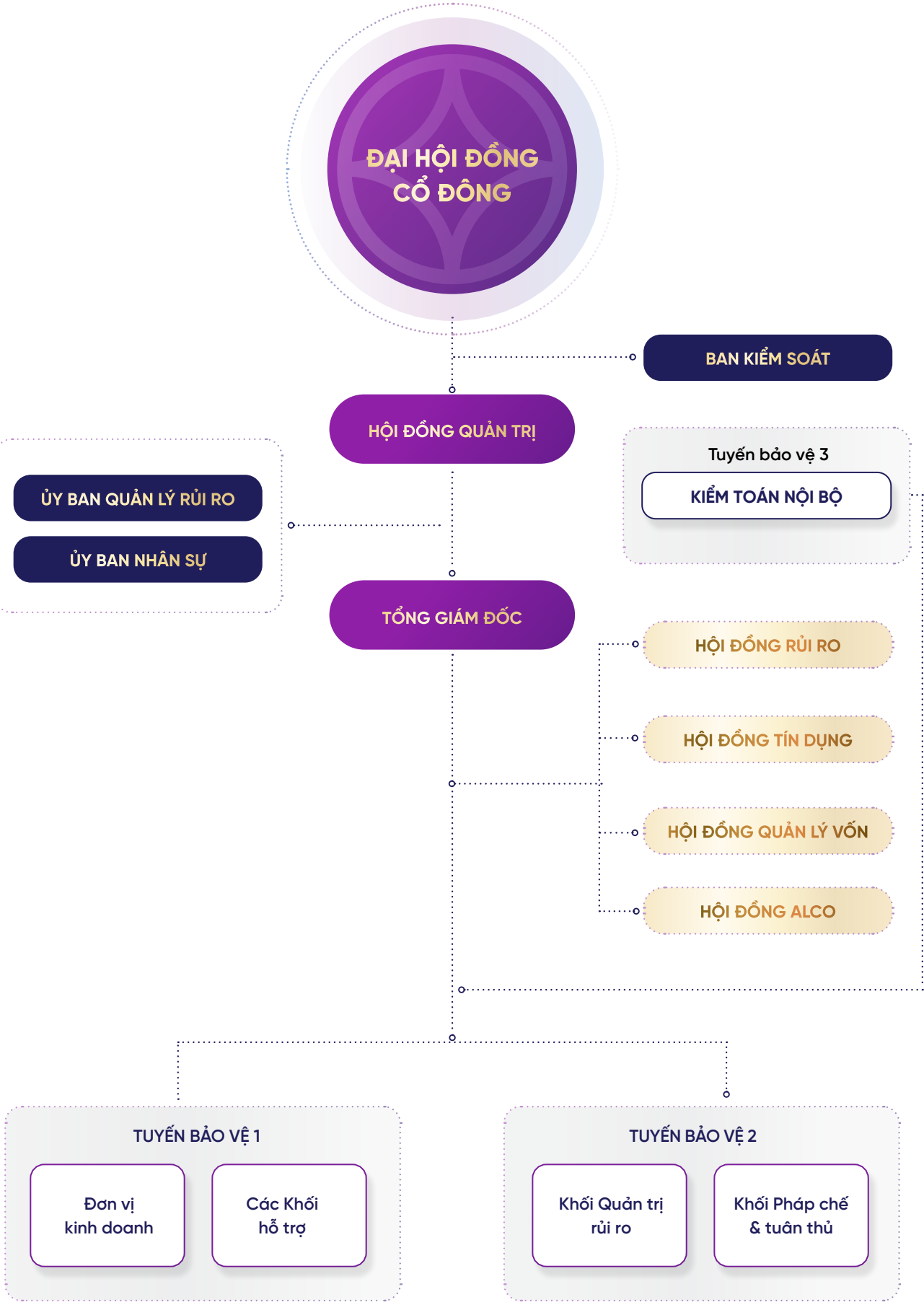
Với các nhà đầu tư lớn, tiềm năng, SeABank tổ chức các buổi roadshow, hội nghị ở trong và ngoài nước để tăng cường trao đổi thông tin, nắm bắt tâm lý thị trường. Tại các kỳ họp ĐHĐCĐ được tổ chức thường niên hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thông tin luôn được cung cấp đầy đủ và chi tiết nhất để các cổ đông có thể tham gia vào các quyết định quan trọng của Ngân hàng. Trong tương lai, SeABank sẽ nỗ lực kiện toàn các kênh thông tin để giúp nhà đầu tư đưa ra quyết định đúng đắn và hiệu quả.

Đầu mối liên hệ của Nhà đầu tư:

**Ông Vo Long Nhi (Andrew Vo) – Giám đốc Đối ngoại và Phát triển dự án
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á**

BRG Tower, số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: andrew.vo@seabank.com.vn
Điện thoại: (+84) 24 3944 8688 (máy lẻ: 028.4888)

VI. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ
TỔNG QUAN VÀ MÔ HÌNH 3 TUYẾN



Hệ thống kiểm soát nội bộ 3 tuyến của SeABank hạn chế tối đa rủi ro, đáp ứng quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN:

1

Tuyến thứ nhất: chịu trách nhiệm quản lý, kiểm soát rủi ro trong mọi hoạt động tác nghiệp hàng ngày tại đơn vị.

2

Tuyến thứ hai: có vai trò tư vấn, thúc đẩy, hỗ trợ và giám sát liên tục việc quản lý rủi ro của tuyến thứ nhất, thực hiện đề xuất xử lý, khắc phục các rủi ro được phát hiện, đồng thời giúp việc TGD trong việc tự kiểm tra và đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng.

3

Tuyến thứ ba: có vai trò giám sát, đánh giá độc lập hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Vai trò của 3 tuyến được phát huy tối đa bằng các hoạt động tự kiểm tra, giám sát và các hoạt động kiểm tra chéo giữa các tuyến dưới nhiều hình thức để đảm bảo mục tiêu PTBV.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO – NHẬN DIỆN VÀ QUẢN LÝ RỦI RO TOÀN DIỆN

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam năm 2024 vẫn tiếp tục chịu tác động từ sự bất ổn kinh tế chính trị toàn cầu và thị trường nội địa chưa khôi phục hoàn toàn sau ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, SeABank đã dành nhiều nỗ lực trong công tác quản lý rủi ro để vừa ứng phó với khó khăn, vừa tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh doanh.

Nhờ có khung quản lý rủi ro vững chắc, cùng với tinh thần quyết tâm, nỗ lực triển khai các chiến lược và giải pháp đa dạng, linh hoạt và quyết liệt theo tinh thần “Choose your fighter, be a legend!”, SeABank đã vượt qua năm 2024 đầy thử thách bằng cách giám sát thận trọng và linh hoạt các rủi ro trọng yếu.

DANH MỤC RỦI RO ĐƯỢC NHẬN DIỆN VÀ QUẢN LÝ

Danh mục rủi ro	Nhận diện và phương thức quản lý
Rủi ro về tín dụng	- Là một trong các rủi ro trọng yếu do tín dụng là hoạt động chính của ngân hàng. - Nhằm quản lý rủi ro tín dụng, SeABank triển khai: » Áp dụng mô hình quản lý rủi ro tín dụng tập trung, xuyên suốt từ xây dựng sản phẩm tín dụng, triển khai bán, thẩm định, định giá, phê duyệt, giải ngân, quản lý sau cho vay đến thu hồi nợ. » Thiết lập các tiêu chuẩn rủi ro tín dụng trên cơ sở khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro tín dụng được xác định trước. Việc quản lý rủi ro tín dụng được triển khai cho từng phân khúc khách hàng và sản phẩm tín dụng, đặc biệt các sản phẩm mới luôn được đánh giá kỹ lưỡng, cân nhắc biện pháp kiểm soát thích hợp trước khi chính thức triển khai. » Đo lường bởi các mô hình rủi ro tín dụng theo chuẩn quốc tế. » Số hóa toàn diện quy trình tín dụng, từ đó có hệ thống dữ liệu đầy đủ phục vụ cho công tác nhận diện rủi ro tín dụng chủ động, thực hiện cảnh báo sớm, quản lý diễn biến chất lượng nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro.
Rủi ro thị trường	- Là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Mục tiêu chính trong việc quản lý rủi ro thị trường là kiểm soát mức rủi ro trong các thông số có thể chấp nhận, đồng thời tối ưu hóa lợi nhuận của rủi ro. - SeABank quản lý rủi ro thị trường theo giao dịch hàng ngày và trên tổng thể danh mục, đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro thị trường đã được xác định trước. - Các hạn mức rủi ro thị trường trên luôn tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thị trường, được xây dựng đầy đủ và được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank.

Danh mục rủi ro	Nhận diện và phương thức quản lý
Rủi ro thanh khoản	- Nguyên tắc của SeABank: thiết lập một mức tối thiểu tài sản thanh khoản cần được duy trì, qua đó đảm bảo các khoản nợ phải trả khi đến ngày đáo hạn dự kiến và các nghĩa vụ giải ngân khác. - Chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản của SeABank bao gồm: » Quản lý dựa trên: nguyên tắc quản lý thanh khoản; chiến lược đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn vốn huy động để tăng sự ổn định nợ phải trả, hỗ trợ thanh khoản hàng ngày; nguyên tắc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản. » Các hạn mức rủi ro được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản trong điều kiện thị trường bình thường và rủi ro, giám sát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thanh khoản. » Xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động, qua đó thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. » Xây dựng cơ chế quản lý tài sản hiệu quả, cơ chế điều hành công khai, minh bạch và ổn định, tránh tạo ra những cú sốc rút tiền ào ạt. - Hội đồng Quản lý tài sản nợ – tài sản có của SeABank (ALCO) theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản, xây dựng và vận hành các chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ và các kế hoạch dự phòng để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đảm bảo an toàn vốn như đánh giá các dòng tiền dự kiến và các tài sản thế chấp có thể được sử dụng để bù đắp thiếu hụt thanh khoản.
Rủi ro lãi suất	- Chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của SeABank » Các biện pháp quản lý: quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tối thiểu theo các chỉ số về trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile); sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; xây dựng hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép tối ưu hóa việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn trong toàn hệ thống. » Xây dựng hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, bao gồm: hạn mức về chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất có cùng thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất; hạn mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần do thay đổi của lãi suất và/hoặc hạn mức về thay đổi của giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu do thay đổi của lãi suất theo chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng. » Chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân. - ALCO sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất, cập nhật về thị trường trong nước và quốc tế để đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường trong các cuộc họp hàng tháng. Trên cơ sở này, SeABank sẽ ra quyết định về việc duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay.

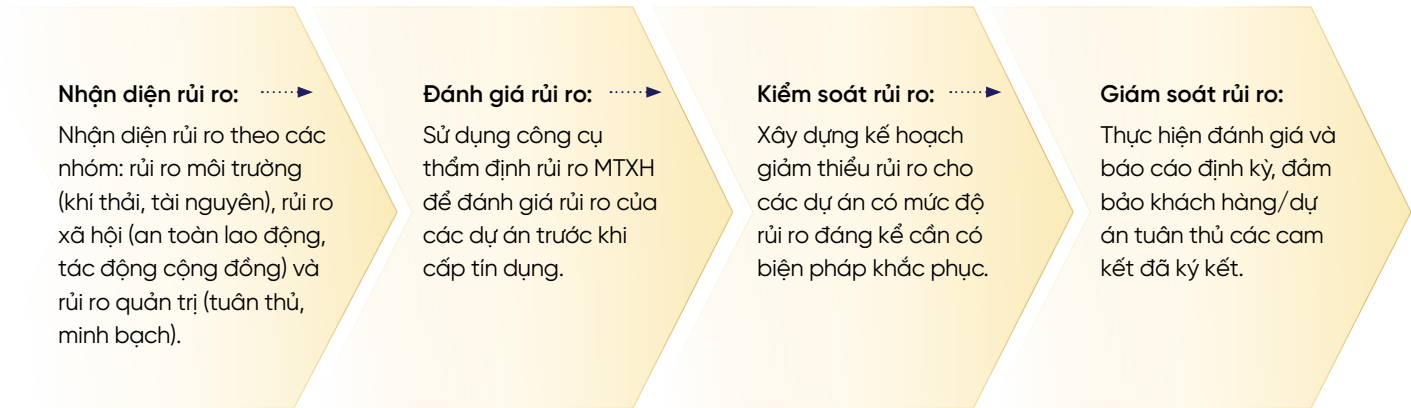
Danh mục rủi ro	Nhận diện và phương thức quản lý
Rủi ro hoạt động	- Là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài gây tổn thất về tài chính hoặc tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng. - Để giảm thiểu rủi ro hoạt động, SeABank đã triển khai đầy đủ các chính sách quản lý rủi ro hoạt động như: - Nhận diện rủi ro hoạt động trong các sản phẩm, dịch vụ, hệ thống, quy trình, hoạt động hiện tại hoặc mới, dự kiến sẽ triển khai; - Thu thập và tạo kho dữ liệu rủi ro hoạt động hoàn thiện làm xương sống cho công tác quản lý rủi ro hoạt động; - Xây dựng và theo dõi các chỉ số rủi ro hoạt động chính KRIs; - Sử dụng các phát hiện của KTNB và Kiểm soát tuân thủ để đề xuất các giải pháp hạn chế rủi ro; - Xây dựng các công cụ nhận diện, ngăn chặn rủi ro gian lận; - Giám sát hạn mức rủi ro hoạt động; - Quản lý rủi ro hoạt động thuê ngoài; - Duy trì bảo hiểm rủi ro hoạt động toàn diện; - Xây dựng và thiết lập hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động để làm cơ sở theo dõi, đánh giá và đề xuất cải tiến hệ thống QTRR hoạt động tại Ngân hàng.
Rủi ro tập trung	- Là rủi ro khi tập trung vốn tài trợ hoặc giao dịch quá nhiều đối với một ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ, nhóm khách hàng hoặc trong cùng một vùng địa lý nhất định, cùng một loại hình giao dịch có rủi ro cao. - SeABank thực hiện quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và hoạt động giao dịch tự doanh theo quy định của NHNN: - Đối với hoạt động cấp tín dụng: thiết lập các giới hạn tín dụng theo sản phẩm, ngành, khách hàng và người có liên quan của khách hàng để đảm bảo duy trì một danh mục cấp tín dụng đa dạng, không tập trung cao vào một nhóm sản phẩm, ngành hoặc khách hàng. - Đối với hoạt động tự doanh: xác định hạn mức giao dịch theo đối tác giao dịch, sản phẩm và loại tiền tệ để đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác phù hợp.

Danh mục rủi ro	Nhận diện và phương thức quản lý
Rủi ro chuyển đổi số	Chuyển đổi số đi kèm với những rủi ro về an toàn công nghệ, tội phạm tài chính và bảo mật thông tin khách hàng. Nhận thức được các rủi ro phải đối mặt, SeABank đã triển khai các biện pháp: - Đối với an toàn công nghệ: - Đầu tư nghiêm túc về nguồn lực, có lực lượng chuyên trách cho công tác bảo đảm an toàn thông tin cho toàn hệ thống và khách hàng. - Triển khai, áp dụng một cách đồng bộ hàng loạt giải pháp, hệ thống công nghệ bảo mật uy tín, tạo dựng hệ thống bảo đảm an toàn thông tin tổng thể, có chiều sâu. SeABank đã được cấp chứng chỉ PCI DSS 3.2 về an toàn, bảo mật cho hệ thống thẻ thanh toán lần đầu tiên tại Việt Nam năm 2020 và thành công duy trì chứng chỉ tới năm 2024. - Đối với rủi ro tội phạm tài chính (tài khoản giả mạo, trộm cắp thông tin OTP, lừa chuyển tiền...): - Liên tục cập nhật các xu hướng tội phạm mới để xây dựng giải pháp ngăn chặn chủ động trên hệ thống SeABank. - Thường xuyên truyền thông, cảnh báo tới CBNV và khách hàng qua các kênh tư vấn trực tiếp, tin nhắn, email, ebank, website, mạng xã hội... nhằm nâng cao cảnh giác khi sử dụng hệ thống giao dịch ngân hàng số.
Rủi ro môi trường, thiên tai, dịch bệnh	Thiên tai, dịch bệnh là những rủi ro đến từ bên ngoài, nằm ngoài tầm kiểm soát. SeABank đã xây dựng Kế hoạch quản trị kinh doanh liên tục để ứng phó với những rủi ro này: - Xây dựng kịch bản và phương án ứng phó cụ thể với những tình huống xảy ra như: bão lũ, khủng bố, dịch bệnh... Trong giai đoạn Covid-19, SeABank vẫn duy trì được hoạt động kinh doanh liên tục nhờ vận dụng tốt các kịch bản phòng ngừa và ứng phó với rủi ro dịch bệnh đã xây dựng trước. - Đối với rủi ro môi trường: tích cực triển khai các chương trình thiết thực để giảm thiểu tác động đến môi trường như: sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hoạt động hàng ngày, phân loại rác và hạn chế rác thải, không sử dụng chai nhựa, tiết kiệm giấy in, triển khai 5S... - Chủ động triển khai ESMS trong hoạt động cấp tín dụng trước khi có Thông tư 17/2022/TT-NHNN của NHNN. Theo đó, SeABank từ chối cấp tín dụng với những dự án có tác động xấu với MTXH mà không có biện pháp khắc phục/giảm thiểu.

CHÍNH SÁCH, QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO



Quy trình quản lý rủi ro ESG



Tích hợp ESG vào quản lý rủi ro

SeABank đã tích hợp các yếu tố ESG vào hệ thống quản lý rủi ro nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh không gây tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, cụ thể:



QUẢN LÝ TOÀN DIỆN CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU NĂM 2024

Danh mục rủi ro	Chiến lược, chính sách QTRR	Thực tế triển khai năm 2024
Rủi ro tín dụng	- Điều chỉnh chính sách tín dụng với mục tiêu bám sát những thay đổi chính sách và chỉ đạo của Chính phủ, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận vốn, đảm bảo sự tăng trưởng của danh mục khách hàng chiến lược và phân bổ hợp lý theo các phân khúc đồng thời quản lý sát sao chất lượng tài sản. - Đẩy mạnh quản lý danh mục tín dụng nhằm đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro, phân tích các xu hướng thay đổi trên toàn danh mục để sớm dự báo biến động có thể dẫn đến rủi ro. - Tự động hóa tối đa hệ thống báo cáo, triển khai các báo cáo quản trị đa chiều phù hợp với thực tế diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô và đặc thù danh mục tín dụng của SeABank.	- Hoàn thiện dự án xây dựng kho dữ liệu cho QTRR (Risk datamart) và tiếp tục nâng cấp, mở rộng trong năm 2025. - Bên cạnh việc vận hành các mô hình xếp hạng tín dụng dành cho cấp tín dụng mới, SeABank đã xây dựng mới các mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ dựa trên hành vi cho toàn bộ tệp KHCN và KHDN để ứng dụng vào công tác tái cấp nhanh, tăng hạn mức chủ động, bán chéo sản phẩm... - Hoàn thiện hệ thống báo cáo và kiểm soát việc cấp tín dụng cho khách hàng và nhóm khách hàng có liên quan đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật. - Xây dựng hệ thống khung dấu hiệu cảnh báo sớm ("EWS") trên cơ sở mô hình phân tích định lượng các dữ liệu trên các hệ thống cơ sở dữ liệu của SeABank, kết hợp với bộ câu hỏi định tính và ý kiến chuyên gia nhằm đánh giá uy tín, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/tình trạng tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng. Hệ thống EWS giúp đánh giá và nhận diện sớm các đối tượng khách hàng tiềm ẩn rủi ro, kịp thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa nhằm nâng cao chất lượng tín dụng của Ngân hàng. Kết quả hoạt động: - Chất lượng tài sản duy trì ở mức an toàn trong bối cảnh năng lực thanh toán của khách hàng bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế vĩ mô: » Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ: 1,62% » Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất: 1,89%.
Rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng	- Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các phương pháp luận nhằm đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn về quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo quy định của NHNN và tiêu chuẩn Basel III. - Tuân thủ tốt các giới hạn an toàn về trạng thái rủi ro thị trường, giới hạn thanh khoản do NHNN, đối tác và quy định nội bộ đặt ra.	Đối với rủi ro thị trường: - Triển khai đo lường vốn rủi ro thị trường theo phương pháp mô hình nội bộ (IMA) nhằm tính được lượng vốn cần thiết trong các trường hợp căng thẳng có thể xảy ra. - Xây dựng hệ thống đo lường ảnh hưởng lợi nhuận hàng ngày thông qua các yếu tố rủi ro trọng yếu (P&L Explainer) giúp nâng cao hiệu quả giám sát biến động rủi ro thị trường. Đối với rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất sổ ngân hàng: - Phát triển mô hình hành vi từ các hợp đồng tiền gửi để đo lường, dự báo chính xác dòng tiền phục vụ cho công tác dự báo rủi ro thanh khoản và lãi suất sổ ngân hàng. - Nhờ triển khai và áp dụng đo lường bổ sung theo tiêu chuẩn Basel III (hai chỉ số quản trị thanh khoản NFSR, LCR) trong những năm trước, SeABank dẫn điều chỉnh tối ưu bảng cân đối song song với mục tiêu QTRR và đáp ứng tốt các chỉ số này.

Danh mục rủi ro	Chiến lược, chính sách QTRR	Thực tế triển khai năm 2024
Rủi ro hoạt động	- Quản lý sát sao, triển khai kịp thời các biện pháp phù hợp và áp dụng các công cụ quản lý rủi ro hoạt động. - Hướng tới mục tiêu cao nhất là chủ động phát hiện sớm và cảnh báo sớm về rủi ro hoạt động, từ đó hỗ trợ đắc lực cho việc phòng ngừa các sự cố rủi ro hoạt động trong tương lai. Trong đó, chú trọng cải thiện dữ liệu và giải pháp làm nền tảng cho việc phân tích và nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro hoạt động, giúp nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác quản lý rủi ro hoạt động. - Phòng ngừa và giảm thiểu thiệt hại trong trường hợp có rủi ro tấn công an ninh mạng, rủi ro gian lận.	- Số sự kiện rủi ro hoạt động được hạn chế ở mức tối thiểu và không có tác động đáng kể đến hoạt động của SeABank trong năm 2024 nhờ áp dụng hiệu quả các biện pháp, công cụ như: thu thập và phân tích số liệu tổn thất; chỉ số rủi ro chính; tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát; sử dụng các phát hiện của KTNB và Kiểm soát tuân thủ... - Tăng cường khai thác, phân tích dữ liệu, xây dựng các công cụ/tiêu chí nhận diện các giao dịch thẻ tín dụng khổng và giao dịch tài khoản đáng ngờ, nhờ đó cảnh báo và ngăn chặn được rủi ro lừa đảo. - Tiếp tục mua các hợp đồng bảo hiểm rủi ro hoạt động toàn diện, bao gồm: rủi ro gian lận của nhân viên, rủi ro cơ sở vật chất, vận chuyển tiền, gian lận giả mạo, chi phí pháp lý, rủi ro tội phạm máy tính và điện tử, rủi ro an ninh mạng, rủi ro trách nhiệm nghề nghiệp... nhằm tăng cường bảo vệ trước các nguy cơ rủi ro. SeABank chưa từng phát sinh sự kiện rủi ro cần yêu cầu bồi thường từ bảo hiểm năm 2024.
Rủi ro phát triển bền vững	- Thực hiện mục tiêu kinh doanh bền vững, tiếp tục tiên phong triển khai quản lý rủi ro MTXH và hoàn thiện hệ thống để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về ESG, thực hiện mục tiêu chung chuyển đổi xanh và phát thải ròng bằng 0. - Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro MTXH với cơ cấu QTRR vững chắc, tuyên bố chiến lược về khẩu vị rủi ro MTXH rõ ràng và quy trình quản lý rủi ro hiệu quả. - Chủ động kiểm soát rủi ro MTXH thông qua: Hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng (ESMS); thu hút vốn từ các tổ chức nước ngoài nhằm thúc đẩy tài trợ cho các dự án bền vững và hoạt động tài chính xanh.	- Tiến hành cải tiến, nâng cấp Hệ thống quản lý rủi ro MTXH nhằm đáp ứng yêu cầu của các đối tác nước ngoài, bổ sung thêm các yêu cầu như: quản lý rủi ro chuỗi cung ứng, đánh giá rủi ro vật chất liên quan tới biến đổi khí hậu; mở rộng phạm vi áp dụng tiêu chuẩn đánh giá rủi ro MTXH theo thông lệ quốc tế tiên tiến (Tiêu chuẩn hoạt động của IFC) so với quy định đã công bố năm 2022. - Phát hành trái phiếu xanh lam đầu tiên của Việt Nam và là Ngân hàng TMCP tư nhân đầu tiên phát hành trái phiếu xanh lá. Tổng cộng 150 triệu USD trái phiếu xanh được SeABank thành công phát hành cho các tổ chức tài chính quốc tế là IFC và AIIB trong năm 2024. Nguồn vốn này giúp SeABank đẩy mạnh tài trợ cho các hoạt động kinh tế bền vững gắn với đại dương và nước (như nuôi trồng và khai thác thủy sản, cấp nước sạch...), các lĩnh vực như tòa nhà xanh, năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng.

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT TUÂN THỦ

CAM KẾT VỀ TUÂN THỦ - CÁC NGHĨA VỤ TUÂN THỦ VÀ XÂY DỰNG VĂN HÓA TUÂN THỦ



► CAM KẾT NGHĨA VỤ TUÂN THỦ

SeABank luôn coi trọng văn hóa tuân thủ và không ngừng nỗ lực nâng cao văn hóa tuân thủ trong tổ chức nhằm đảm bảo sự minh bạch, an toàn trong hoạt động, ngăn ngừa rủi ro đạo đức nghề nghiệp và phòng chống gian lận. Nhằm mục tiêu duy trì một môi trường làm việc minh bạch, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng và đảm bảo hoạt động của ngân hàng luôn tuân thủ pháp luật, SeABank cam kết thực hiện các nghĩa vụ tuân thủ, vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ đáp ứng quy định pháp luật, và hướng tới các chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

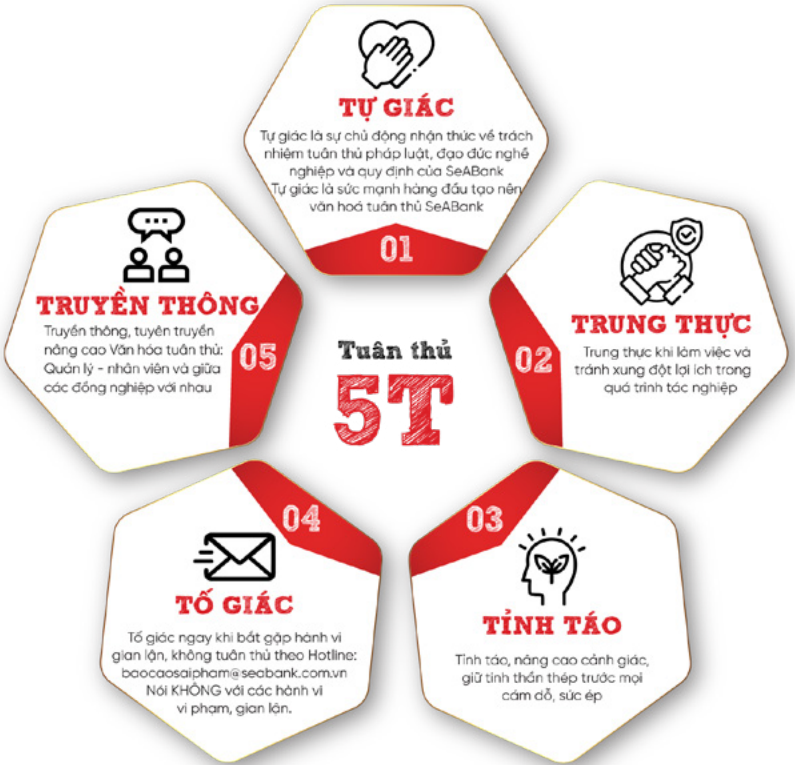
SeABank chú trọng việc cập nhật kịp thời các thay đổi trong hệ thống pháp lý và điều chỉnh quy trình hoạt động để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu này. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, SeABank yêu cầu các CBNV nghiêm túc các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và các chính sách nội bộ, để cao sự chính trực và đạo đức kinh doanh trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Điều này đã được truyền đạt mạnh mẽ từ các lãnh đạo cấp cao, các cấp quản lý tới từng CBNV SeABank. Cam kết của SeABank được thể hiện rõ ràng thông qua việc thiết lập các chính sách và quy định, quy trình tuân thủ chặt chẽ, đảm bảo rằng rủi ro tuân thủ được quản lý hiệu quả.

► CAM KẾT XÂY DỰNG VĂN HÓA TUÂN THỦ

Nhận định văn hóa tuân thủ là một cấu phần của văn hóa tổ chức vững mạnh, góp phần xây dựng thương hiệu trong tâm trí khách hàng và cũng là yếu tố tích cực thúc đẩy thương hiệu PTBV. Văn hóa tổ chức vững mạnh không chỉ thể hiện qua chất lượng các sản phẩm và dịch vụ, mà còn qua quá trình tiếp xúc, giao dịch, hợp tác, thái độ phục vụ khách hàng. Chính tinh thần trách nhiệm, ý thức tuân thủ, tôn trọng sẽ đem lại sự hài lòng, tin tưởng hợp tác lâu dài, gắn bó của khách hàng, đối tác. SeABank cam kết nỗ lực nâng cao văn hóa tuân thủ nhằm đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động, ngăn ngừa rủi ro đạo đức nghề nghiệp và phòng chống gian lận.

SeABank thiết lập các chương trình hành động tuân thủ và ban hành bộ **Chuẩn mực tuân thủ "5T"** trên tinh thần "nói KHÔNG với vi phạm và gian lận" bao gồm 05 tiêu chí **Tự giác – Trung thực – Tinh táo – Tổ giác – Truyền thông**.

CHUẨN MỰC TUÂN THỦ "5T"



► BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT TUÂN THỦ TRONG TOÀN NGÂN HÀNG

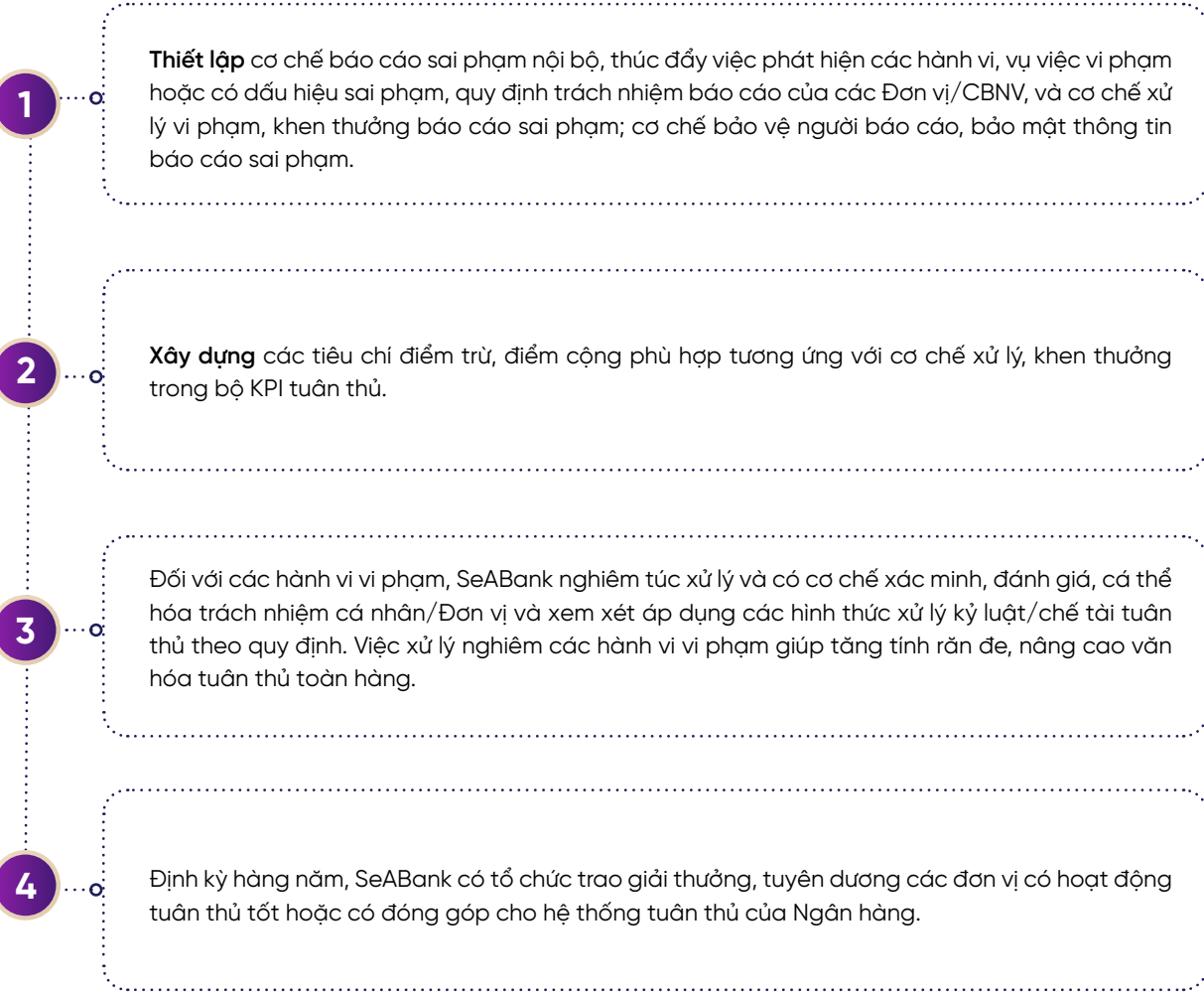
- Hoạt động quản lý tuân thủ tại SeABank hướng tới mục tiêu đảm bảo SeABank tuân thủ các quy định và chính sách pháp luật, tiêu chuẩn và quy tắc về đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động ngân hàng; giúp ngăn ngừa rủi ro và tác động tiêu cực của việc không tuân thủ về cả vật chất và hình ảnh, uy tín của SeABank.

Dưới sự giám sát của HĐQT và BTGD, quản lý tuân thủ tại SeABank bao gồm 3 nhóm hoạt động chính là:

- Xây dựng và phát triển** các chính sách, quy định và thủ tục nội bộ về tuân thủ, kiểm soát nội bộ và đạo đức nghề nghiệp dựa trên cơ sở chính sách, quy định pháp luật và đảm bảo kịp thời, chính xác, phù hợp với thực tế, định hướng hoạt động của SeABank.
- Nâng cao văn hóa tuân thủ toàn hệ thống** thông qua hoạt động truyền thông, đào tạo kiến thức tuân thủ, những chính sách, quy định và thủ tục nêu trên và cách thức nhận diện và xử lý các tình huống vi phạm tới toàn bộ CBNV, đa dạng và liên tục đổi mới các hình thức truyền thông, đào tạo.
- Trên cơ sở rủi ro, thực hiện các **hoạt động kiểm tra, giám sát** việc tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ đối với hoạt động kinh doanh thuộc tất cả các nghiệp vụ và đưa ra những cảnh báo, kiến nghị nhằm khắc phục, ngăn ngừa rủi ro.

- Đối với các hoạt động nghiệp vụ, khi xây dựng quy trình thực hiện đều được thiết lập các chốt kiểm soát, đảm bảo nguyên tắc khách quan và tuân thủ. Bên cạnh đó, có các đơn vị kiểm tra, giám sát, hậu kiểm kịp thời các nghiệp vụ trọng yếu đảm bảo phát hiện và khắc phục sớm nhất các lỗi tuân thủ (nếu có).
 - Định kỳ hàng năm, Khối PC&TT xây dựng kế hoạch, chương trình hành động tuân thủ, bao gồm kế hoạch kiểm tra giám sát định kỳ/đột xuất tại đơn vị, kiểm tra chuyên đề chuyên sâu, các phương pháp kiểm tra, giám sát, tiêu chí chọn mẫu phù hợp... và có lộ trình cụ thể đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã đề ra.
 - SeABank đã hoàn thiện khung tuân thủ phù hợp với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và áp dụng KPI tuân thủ đối với các Khối Hội sở, các ĐVKD trên toàn hệ thống nhằm đánh giá chính xác mức độ tuân thủ và định hướng hành động tuân thủ toàn hàng.
- SeABank cam kết phát triển và quản trị hệ thống kiểm soát tuân thủ toàn diện và thông suốt trong toàn Ngân hàng, với năng lực thực hiện liên tục công tác đánh giá và giám sát tuân thủ, nâng cao hiệu quả các chốt kiểm soát, cải tiến quy trình và nghiệp vụ.
 - Các hoạt động nâng cao năng lực tuân thủ chủ động cho CBNV trên toàn hệ thống được đẩy mạnh thông qua các hoạt động đào tạo tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp (các khóa đào tạo trực tiếp/ e-learning tại Học viện SeABank, Khối PC&TT đào tạo trực tiếp tại các đơn vị được kiểm tra, các buổi hội thảo bàn luận, tháo gỡ vướng mắc; kỳ thi sát hạch nghiệp vụ định kỳ; các bản tin truyền thông, cảnh báo trên hệ thống email nội bộ; các báo cáo danh mục tuân thủ; xây dựng các công cụ hỗ trợ như cẩm nang, sổ tay hướng dẫn tuân thủ...).

Cơ chế xử lý, khen thưởng đối với những vi phạm hoặc đóng góp cho hệ thống tuân thủ:



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ VỀ TUÂN THỦ

Định hướng hoạt động	Triển khai hoạt động và kết quả năm 2024
Phát triển, xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả các quy trình và hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.	- SeABank đã hoàn thiện khung tuân thủ phù hợp với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và triển khai áp dụng KPI tuân thủ đối với các khối Hội sở, đơn vị trên toàn hệ thống nhằm đánh giá chính xác mức độ tuân thủ và định hướng hành động tuân thủ toàn hàng. - Trong năm 2024, SeABank tiếp tục kiện toàn hệ thống văn bản nội bộ đảm bảo tuân thủ các quy định mới của pháp luật hiện hành như: Luật các TCTD 2024, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai, Quyết định 2345/QĐ-NHNN, Thông tư 17/2024/TT-NHNN về mở và sử dụng TKTT, Thông tư 18/2024/TT-NHNN về hoạt động thẻ ngân hàng, Nghị định 52/2024/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt, Thông tư 15/2024/TT-NHNN hướng dẫn Nghị định 52, Thông tư 07/2024/TT-NHNN về hoạt động đại lý thanh toán; Thông tư 12/2024/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 39 về hoạt động cho vay... - Rà soát, tinh gọn hệ thống văn bản, hệ thống kiểm soát nội bộ theo khung COSO và các chuẩn mực, yêu cầu của đối tác, tổ chức nước ngoài. Qua đó, SeABank chuẩn hóa quy trình, quy định, nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro. - Thực hiện việc đánh giá MCA đối với các quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường hiệu quả của các chốt kiểm soát giảm thiểu rủi ro.
Kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, các hành vi gian lận mới... và có biện pháp, chế tài nhằm ngăn chặn tổn thất kịp thời, cảnh báo sớm.	- Thực hiện kiểm tra toàn diện các ĐVKD và các đơn vị Hội sở/công ty con; kiểm tra chuyên đề về an toàn bảo mật thông tin... Qua đó, SeABank phát hiện sớm và thu hồi, ngăn ngừa tổn thất. Các sai phạm phát hiện được xử lý nghiêm theo quy định của SeABank và pháp luật. - Hoạt động kiểm tra, giám sát triển khai dựa trên phân tích rủi ro và thường xuyên cải tiến phương pháp, mô hình kiểm tra thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, giúp tăng hiệu quả và chất lượng kiểm tra, giám sát.
Xây dựng văn hóa kinh doanh có đạo đức, để cao Chuẩn mực tuân thủ "5T"	- Ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với CBNV để ngăn ngừa hành vi cạnh tranh không lành mạnh, tăng cường chất lượng dịch vụ, góp phần xây dựng SeABank phát triển lành mạnh, ổn định và bền vững. - Công bố Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và Sổ tay đạo đức nghề nghiệp trên website (chuyên mục Tuân thủ) như một cam kết với các bên liên quan về những giá trị cốt lõi và giá trị đạo đức mà Ngân hàng đang hướng tới. - Công bố đầu mối liên hệ báo cáo sai phạm chi tiết trên website SeABank, theo đó: các hành vi có dấu hiệu vi phạm có thể được báo cáo trực tiếp, qua điện thoại hoặc email baocaosaipham@seabank.com.vn; hoặc qua văn bản tới Khối PC&TT, các Giám đốc Khu vực, Giám đốc Khối phụ trách đơn vị mà CBNV đó công tác; thành viên BTGD phụ trách Khối PC&TT, trưởng BKS hoặc trưởng phòng KTNB. - Ban hành và công bố "Bộ Quy tắc ứng xử dành cho Nhà cung cấp" từ năm 2024 nhằm thiết lập các tiêu chuẩn và nguyên tắc mà các đối tác, nhà cung cấp cần tuân thủ khi hợp tác với SeABank. Bộ quy tắc này giúp đảm bảo sự minh bạch, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động kinh doanh giữa SeABank và các đối tác, hạn chế tác động gián tiếp lên MTXH trong hoạt động kinh doanh của SeABank. - Ban hành Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Ngân hàng nhằm thể chế hóa các quy định của Luật Lao động. Đồng thời, SeABank còn duy trì một số chính sách phúc lợi ở mức cao hơn so với quy định của pháp luật như: chính sách nghỉ phép năm cao hơn mức tiêu chuẩn của pháp luật mở rộng theo chức danh, thâm niên và cống hiến cho Ngân hàng; chính sách bảo hiểm sức khỏe cho CBNV và gia đình...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ VỀ TUÂN THỦ (tiếp)

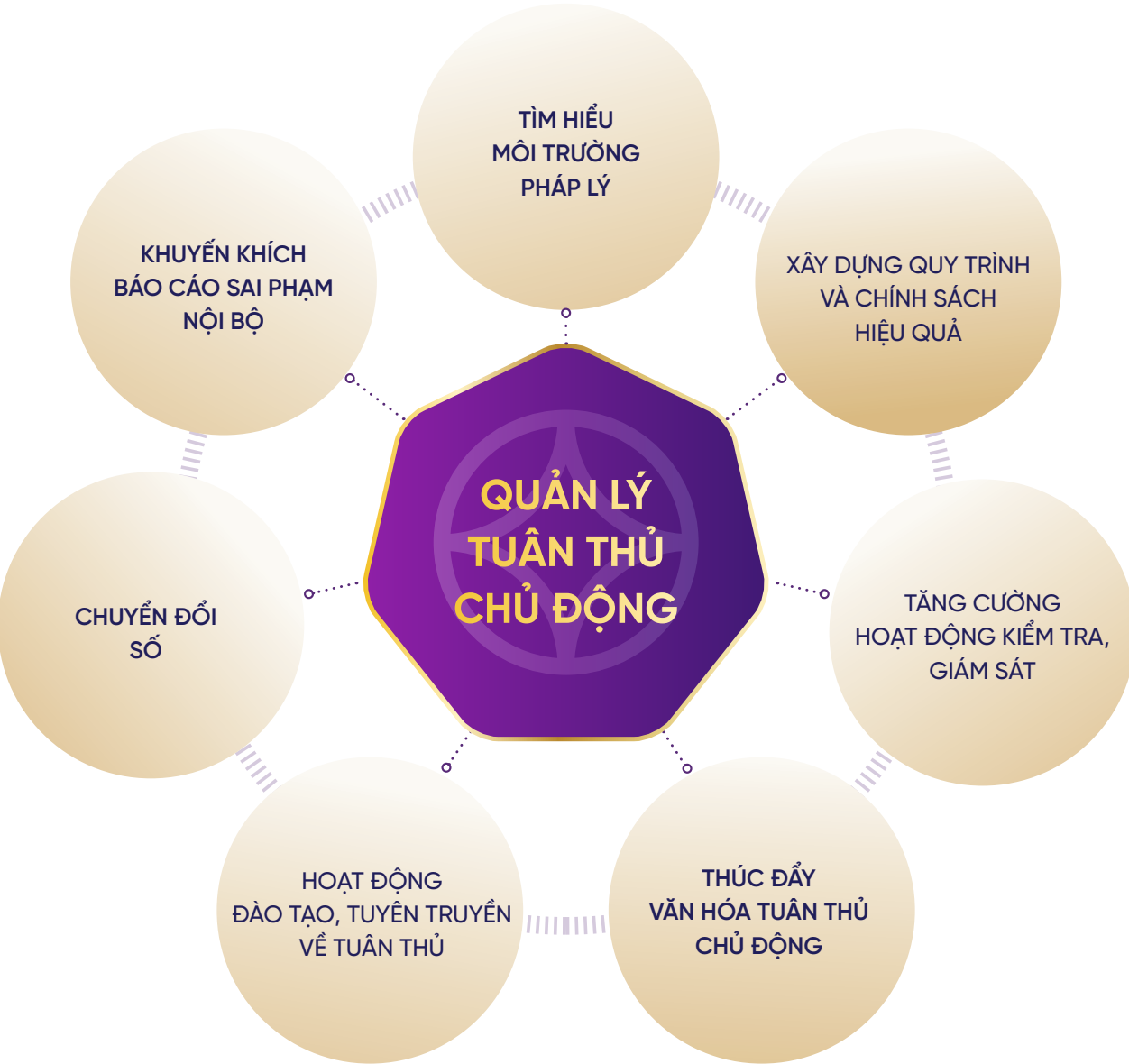
Định hướng hoạt động	Triển khai hoạt động và kết quả năm 2024
Đẩy mạnh toàn diện công tác truyền thông, đào tạo nhằm nâng cao năng lực tuân thủ chủ động và đạo đức nghề nghiệp.	- Tiếp tục tổ chức các khóa học nâng cao tinh tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp, đào tạo về PCRT cho CBNV trên toàn hàng: 100% CBNV mới gia nhập SeABank bắt buộc tham gia đào tạo về PCRT và tuân thủ; chuỗi workshop “Nâng cao năng lực tuân thủ chủ động, ngăn ngừa rủi ro” tại 10 cụm đơn vị (56 ĐVKD, gần 500 cán bộ bán); đào tạo trực tiếp tại ĐVKD sau kiểm tra, nâng cao kiến thức nghiệp vụ và ý thức tuân thủ (28 buổi với 75 giờ đào tạo); livestream tháo gỡ vướng mắc pháp lý cho lực lượng bán và các đơn vị Hội sở. - Với tinh thần “lãnh đạo làm gương”, SeABank thúc đẩy vai trò quan trọng của các cấp quản lý trong việc định hướng và dẫn dắt các CBNV tuân thủ quy định thông qua các học phần đào tạo chuyên sâu cho cán bộ cấp quản lý như: SeAManagers, SeAHipo... - Xây dựng, cập nhật liên tục bám sát theo xu hướng mới và các thay đổi trong quy định pháp lý: cấm nang tuân thủ cho cán bộ tin dụng; đào tạo luật các TCTD mới; khóa học về quản lý con dấu; đào tạo PCRT... - Phát triển các công cụ hướng dẫn hỗ trợ thiết thực, dễ áp dụng như: hướng dẫn xác định lỗi tuân thủ và xác định mức độ rủi ro; hướng dẫn kiểm tra phát hiện hồ sơ, chứng từ giả mạo; hướng dẫn tra cứu thông tin khách hàng trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia... - Truyền thông đa kênh: bản tin nội bộ (30 bản tin pháp lý, 23 bản tin tuân thủ), mini game tuân thủ...
Thực hiện luân chuyển cán bộ nhằm phòng ngừa rủi ro, gian lận và kiểm soát xung đột lợi ích.	Thực hiện các phương án luân chuyển: - Luân chuyển Trưởng nhóm Giao dịch viên (60 cán bộ tại 09 khu vực). - Luân chuyển cán bộ cụm kho quỹ tập trung. - Các vị trí khác nhằm tránh xung đột lợi ích theo quy định.
Chuyển đổi số trong hoạt động kiểm soát tuân thủ nhằm cảnh báo, phát hiện sớm sai phạm và ngăn ngừa rủi ro, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật.	- Xây dựng các báo cáo dữ liệu tự động sàng lọc dựa trên tiêu chí giám sát dấu hiệu nhận diện sớm rủi ro; các phần mềm hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ như phần mềm mua sắm SeAPurchase, phần mềm hỗ trợ quầy giao dịch SeATeller, phần mềm giám sát sau vay, phần mềm văn phòng điện tử SeAOffice... giúp tăng tính minh bạch và giảm thiểu sai sót. - Xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống PCRT, chống tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt SeAAML nhằm nâng cao tuân thủ theo quy định NHNN và đáp ứng các yêu cầu của đối tác quốc tế. Với hệ thống SeAAML, SeABank là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam quét thông tin khách hàng ngay tại thời điểm giao dịch, phân loại rủi ro khách hàng tại thời điểm giao dịch và cuối mỗi ngày, đảm bảo độ chính xác cao, tỷ lệ cảnh báo giả rất thấp do quét đồng thời nhiều tiêu chí. - Xây dựng và triển khai hệ thống GRC nhằm kết nối hiệu quả thông tin giữa Hội sở với các đơn vị ở tuyến phòng thủ thứ nhất; giữa các Khối Hội sở có chức năng kiểm tra, kiểm toán, QTRR với nhau. Từ đó, đánh giá tổng quan bức tranh rủi ro, tuân thủ của Ngân hàng, dự báo được xu hướng các vấn đề rủi ro và tuân thủ nhằm tối ưu hóa, nâng cao hiệu quả kiểm tra giám sát, kiểm toán và đề xuất các biện pháp ngăn chặn, giảm thiểu rủi ro. - Định hướng xây dựng AI chatbot mục tiêu tư vấn hỗ trợ online và tra cứu hệ thống văn bản nội bộ tại SeABank; các hệ thống ticketing tự động quá quy trình nghiệp vụ, tối ưu nguồn lực và tăng tính minh bạch.

KẾ HOẠCH, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG - QUẢN LÝ TUÂN THỦ CHỦ ĐỘNG

Quản lý tuân thủ chủ động là định hướng mục tiêu quan trọng của SeABank tới năm 2028 nhằm đạt được lợi thế cạnh tranh trên thị trường và hoàn thành các mục tiêu về PTBV. Theo đó, SeABank tiếp cận chủ động các

vấn đề tuân thủ tiềm ẩn để xác định, đánh giá và ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro trước khi những vấn đề này xảy ra, hoặc gây nguy cơ thiệt hại về tài sản và uy tín cho Ngân hàng, khách hàng.

Nhóm các giải pháp quản lý tuân thủ chủ động triển khai thực hiện như sau:



KẾ HOẠCH, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG - QUẢN LÝ TUÂN THỦ CHỦ ĐỘNG (tiếp)



- **Tim hiểu môi trường pháp lý:** chủ động theo dõi những thay đổi trong quy định pháp luật, rà soát, đánh giá tác động và ảnh hưởng nhằm điều chỉnh, sửa đổi hoặc ban hành mới kịp thời. Đồng thời, chủ động tuân thủ đầy đủ các quy định về báo cáo, công khai và minh bạch thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.
- **Triển khai các quy trình và chính sách hiệu quả:** thiết lập các hướng dẫn rõ ràng, theo hướng đơn giản hóa nhưng chặt chẽ, hiệu quả trong việc xây dựng các quy trình, quy định nghiệp vụ, đồng thời tăng cường tự động hóa, giảm thiểu các thao tác thủ công dễ gây sai sót, tối ưu hóa và tiết kiệm thời gian.
- **Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ,** kịp thời phát hiện các vi phạm và ngăn ngừa các rủi ro, tổn thất có thể xảy ra; tăng cường ứng dụng công nghệ và phân tích dữ liệu trong kiểm tra, giám sát các vấn đề tuân thủ trọng yếu, xác định các lỗ hổng và rủi ro tuân thủ... Đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định pháp luật, quy định nội bộ.
- **Thúc đẩy văn hóa tuân thủ chủ động** bằng cách thúc đẩy môi trường làm việc trở thành nơi tuân thủ đạo đức nghề nghiệp được khuyến khích và công nhận. Trong đó, khuyến khích cam kết tuân thủ được thực hiện từ các cấp quản lý trở xuống tới nhân viên, cấp quản lý cần nêu gương về tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm giải trình.
- **Hoạt động đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ** tiếp tục thực hiện thường xuyên, đa dạng các hình thức, cách thức tiếp cận, lan tỏa nhận thức tuân thủ tới đông đảo CBNV, từ đó biến kiến thức thành năng lực chủ động thực hiện tuân thủ. Hoạt động đào tạo, truyền thông cần đảm bảo CBNV hiểu được trách nhiệm tuân thủ của mình và những hậu quả của việc không tuân thủ; tầm quan trọng của việc tuân thủ và lợi ích mà nó mang lại; việc cập nhật các hành vi vi phạm, thủ đoạn mới trên thị trường sẽ giúp CBNV phòng tránh và giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong tác nghiệp, nâng cao năng lực phòng ngừa của bản thân.
- **Chuyển đổi số:** Nghiên cứu áp dụng các giải pháp công nghệ vào các quy trình tuân thủ; tự động hóa báo cáo tuân thủ; triển khai các hệ thống quản lý tuân thủ nhằm tập trung thông tin, theo dõi các hoạt động tuân thủ và hỗ trợ báo cáo kịp thời, chính xác.
- **Báo cáo sai phạm:** Tiếp tục truyền thông và khuyến khích CBNV thực hiện báo cáo sai phạm và triển khai các cơ chế khen, thưởng phù hợp.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

CƠ CẤU CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

KTNB của SeABank được tổ chức thống nhất tại Hội sở chính và hoạt động dưới sự chỉ đạo và giám sát trực tiếp từ BKS SeABank. KTNB đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ 3 thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của TCTD; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy

định, góp phần bảo đảm TCTD hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Dưới sự chỉ đạo của BKS, Phòng KTNB đã thực hiện kế hoạch kiểm toán trên cơ sở định hướng về rủi ro. Ngoài ra, Phòng KTNB cũng thực hiện các nghiệp vụ giám sát và rà soát khác theo yêu cầu của BKS và công văn của cơ quan quản lý.



HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG NĂM 2024

Kiểm toán định kỳ năm 2024:

- Phòng KTNB hoàn thành kế hoạch kiểm toán đối với các ĐVKD, Khối/Phòng/Ban Hội sở và các cuộc kiểm toán theo chuyên đề và bắt buộc theo quy định của NHNN như: PCRT, Hệ thống tính tỷ lệ an toàn vốn, thanh khoản, đầu tư, truyền thông và tiếp thị...
- Các kiến nghị sau kiểm toán đã được báo cáo đến HĐQT, BTGD, BKS góp phần tăng cường tính tuân thủ, cải tiến quy trình và nâng cao hiệu quả QTRR, qua đó hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

Nâng cao hiệu quả hoạt động năm 2024:

- Tham gia triển khai các dự án công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kiểm toán.
- Thực hiện các nghiệp vụ giám sát, báo cáo theo chỉ đạo của BKS và tăng cường phối hợp với tuyến bảo vệ số 1 và số 2 thông qua hệ thống báo cáo nội bộ và cơ chế phối hợp.

- Rà soát chỉnh sửa quy định, quy trình hoạt động của BKS và KTNB phù hợp với Luật TCTD 2024 và các Thông tư, Nghị định thay thế cũng như công văn chỉ đạo của NHNN theo chỉ đạo của BKS. SeABank đã ban hành quy định thay thế về KTNB nhằm phù hợp với thực tế hoạt động và cải tiến nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ, đáp ứng chỉ đạo của Thống đốc NHNN.

Mục tiêu kế hoạch 2025 - Hoàn thiện và nâng cao vai trò KTNB:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức.
- Hoàn thiện và cải tiến hệ thống phần mềm phục vụ kiểm toán, tăng cường sử dụng công nghệ AI phục vụ cho việc phân tích dữ liệu chuyên sâu.

VII. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TẦM NHÌN DÀI HẠN

Cam kết của SeABank được tích hợp vào chiến lược phát triển dài hạn, hướng tới một hệ sinh thái tài chính bền vững, đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng cho thế hệ tương lai.

CAM KẾT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Cam kết triển khai hoạt động phát triển bền vững của Ngân hàng không chỉ là một tuyên bố, mà là một lộ trình thực tế với các hành động cụ thể và kết quả đo lường được. Dựa trên các nguyên tắc đã đề ra, SeABank đưa ra các cam kết cụ thể nhằm thúc đẩy phát triển bền vững trong lĩnh vực tài chính, tập trung vào bốn nhóm chính: **mục tiêu toàn cầu, khí hậu, cộng đồng và khách hàng.**

CAM KẾT VỚI MỤC TIÊU TOÀN CẦU - 17 mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) do Liên Hợp Quốc đề ra	SeABank cam kết thúc đẩy toàn bộ 17 mục tiêu, tích hợp vào các định hướng, hoạt động Ngân hàng: Kinh doanh bền vững, có trách nhiệm: Tích hợp ESG trong các hoạt động, tăng cường quản trị công ty và rủi ro hiệu quả, đảm bảo tăng trưởng kinh doanh có trách nhiệm và hạn chế tác động môi trường – xã hội. Phát triển định hướng Ngân hàng xanh: Xanh hóa hoạt động kinh doanh và vận hành trên toàn hàng nhằm tăng trưởng bền vững, giảm thiểu tác động xấu, tạo ra giá trị đối với môi trường – xã hội. Xây dựng văn hóa tổ chức gắn kết: Hướng đến trở thành Ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức, đảm bảo môi trường làm việc bình đẳng, tôn trọng, mức độ hài lòng và cam kết cao, nâng cao hiệu suất. Phát triển cộng đồng bền vững trong đa lĩnh vực: Duy trì hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ và tiếp tục triển khai các hoạt động an sinh xã hội trong đa dạng lĩnh vực như hỗ trợ người nghèo, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường...
CAM KẾT VỀ KHÍ HẬU	Phát thải ròng bằng 0: Cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 trong hoạt động của Ngân hàng và danh mục tín dụng vào năm 2050. Hỗ trợ tài chính xanh: Cung cấp các gói tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi nhằm hỗ trợ các dự án giảm phát thải như nhà máy năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng và các sáng kiến bảo vệ môi trường. Chuyển đổi xanh hoạt động nội bộ: Tích cực giảm phát thải carbon trong hoạt động nội bộ, bao gồm số hóa các quy trình giao dịch, giảm thiểu sử dụng giấy, đầu tư vào văn phòng thân thiện môi trường.

CAM KẾT VỚI CỘNG ĐỒNG	Thúc đẩy tài chính toàn diện: Cung cấp các sản phẩm tín dụng vi mô và dịch vụ tài chính với chi phí hợp lý cho các nhóm dân cư thu nhập thấp, phụ nữ, các nhóm yếu thế. Hỗ trợ cộng đồng chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu: Đồng hành cùng các địa phương bị tác động nặng nề bởi biến đổi khí hậu, cung cấp các khoản vay cho tái thiết và PTBV. Hoạt động thiện nguyện: Tổ chức các chương trình thiện nguyện trong đa dạng lĩnh vực như xóa đói giảm nghèo, tài trợ khuyến học, sức khỏe cộng đồng...
CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG	Phát triển sản phẩm tài chính xanh: Trái phiếu xanh và xanh lam dành riêng cho các dự án bền vững, tạo điều kiện để KHCN và tổ chức tham gia vào quá trình chuyển đổi xanh; Tín dụng xanh ưu đãi dành cho doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn hoặc công nghệ thân thiện môi trường. Hỗ trợ tài chính cá nhân xanh: Phát triển các gói vay ưu đãi cho cá nhân mua sắm các sản phẩm thân thiện với môi trường như ô tô điện, hệ thống năng lượng mặt trời cho gia đình, căn hộ có chứng chỉ công trình xanh. Tăng cường tư vấn ESG: Cung cấp dịch vụ tư vấn miễn phí cho KHDN về cách tích hợp các yếu tố ESG vào hoạt động kinh doanh, giúp họ tiếp cận nguồn vốn tốt hơn và nâng cao khả năng cạnh tranh. Trải nghiệm dịch vụ bền vững: Đẩy mạnh số hóa các dịch vụ ngân hàng, cung cấp nền tảng giao dịch trực tuyến hiện đại, giúp giảm thiểu tài nguyên và tiết kiệm thời gian cho khách hàng.
CAM KẾT VỀ NHÂN QUYỀN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG	Tôn trọng sự đa dạng, bình đẳng: SeABank xây dựng môi trường làm việc nhân văn, lành mạnh, đề cao nhân quyền, đảm bảo sự tôn trọng, bình đẳng. Phát triển nhân tài: Cơ hội công bằng, lộ trình đào tạo và thăng tiến rõ ràng nhằm phát triển và giữ chân nhân tài. Đảm bảo chế độ đãi ngộ, lương thưởng: Được xây dựng dựa trên nhiều yếu tố, bám sát quy định, đảm bảo lợi ích, công bằng.
CAM KẾT VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ	Tích hợp các yếu tố ESG trong quản trị: tích hợp các thủ tục quản lý MTXH vào quy trình tín dụng, đảm bảo không tài trợ các giao dịch có rủi ro MTXH cao nhưng không có biện pháp khắc phục, giảm thiểu. Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế: áp dụng các khuyến nghị, tiêu chuẩn hoạt động của đối tác chiến lược vào hoạt động. Minh bạch thông tin: xây dựng cơ chế tiếp nhận, xử lý khiếu nại và công khai các thông tin trên website của SeABank hoặc trên các kênh theo quy định.
ĐO LƯỜNG VÀ BÁO CÁO TIẾN ĐỘ	Công bố Báo cáo Phát triển Bền vững hàng năm: bao gồm các chỉ số cụ thể như lượng phát thải giảm, số lượng dự án xanh được tài trợ và tỷ lệ danh mục tín dụng xanh. Tích cực tham gia vào các đánh giá và xếp hạng ESG quốc tế để nâng cao uy tín và cải thiện hiệu quả hoạt động. Đặt mục tiêu xây dựng chỉ số phát triển bền vững nội bộ: theo dõi đóng góp của từng bộ phận vào chiến lược PTBV tổng thể.

NGƯỜI CAO NHẤT CHỊU TRÁCH NHIỆM/TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH, VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG

Người cao nhất chịu trách nhiệm/triển khai liên quan đến phát triển bền vững:
Chủ tịch HĐQT - Lê Văn Tấn

Các thành viên HĐQT có trách nhiệm cùng phối hợp quản lý, giám sát và tham mưu, cho ý kiến đối với các vấn đề ESG, biến đổi khí hậu, tín dụng xanh và các vấn đề liên quan. Đồng thời, HĐQT giao nhiệm vụ cho TGD trong việc nghiên cứu, tổ chức xây dựng các chính sách về ESG của SeABank theo tiêu chuẩn, yêu cầu của đối

tác quốc tế, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Ngân hàng. Bên cạnh đó, để giúp việc cho HĐQT, UBQLRR đã được giao nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT, giám sát và đánh giá hiệu quả của hệ thống ESG cũng như đề xuất phương án cải tiến hiệu quả của hệ thống này với hoạt động của Ngân hàng.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG

Xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường: không bị xử phạt.

Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường: không bị xử phạt.

ĐỊNH HƯỚNG, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG VỀ MTXH TẠI SEABANK

▶ NHẬN DIỆN TÁC ĐỘNG VÀ RỦI RO TIỀM ẨN

Bên cạnh việc tạo ra giá trị kinh tế, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng còn tạo những tác động đáng kể đến môi trường và xã hội. SeABank nhận diện và quản lý các rủi ro tiềm ẩn như sau:

- **Rủi ro danh tiếng:** Ngân hàng có thể bị tổn hại danh tiếng nếu tài trợ cho các dự án hoặc khách hàng gây tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, đặc biệt khi bị phản ánh tiêu cực trên truyền thông.
- **Rủi ro tín dụng:** Rủi ro về thu hồi nợ đối với những khách hàng bị đình trệ hoạt động để khắc phục vấn đề môi trường, xã hội hoặc chịu các khoản phạt lớn.

▶ TÍCH HỢP CHIẾN LƯỢC

Các chủ đề trọng yếu được lồng ghép vào chiến lược PTBV và kế hoạch kinh doanh dài hạn của SeABank.

SeABank cụ thể hóa từng chủ đề thành các chương trình hành động như thúc đẩy tín dụng xanh, quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động tín dụng, số hóa quy trình nội bộ và hỗ trợ cộng đồng.

▶ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

- **Chính sách MTXH:** Áp dụng tiêu chí MTXH trong toàn bộ quy trình quản lý tín dụng và đầu tư, đảm bảo các hoạt động tài trợ không gây hại đến môi trường hoặc xã hội.
- **Hệ thống ESMS:** Đánh giá và quản lý rủi ro môi trường và xã hội đối với tất cả các dự án vay vốn và đầu tư.
- **Hệ thống quản trị:** nhất quán hướng đến mục tiêu PTBV từ cấp HĐQT đến BTGD và các cấp thực thi.
- **Bảo mật thông tin:** Ban hành quy chế bảo mật, phân quyền truy cập chặt chẽ để đảm bảo an toàn dữ liệu khách hàng.

▶ GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO

Sử dụng chỉ số đo lường rõ ràng cho từng chủ đề (tỷ lệ tín dụng xanh, lượng CO2 giảm từ danh mục tài trợ, số lượng chương trình cộng đồng triển khai...).

Công bố Báo cáo PTBV định kỳ, minh bạch hóa tiến độ và kết quả đạt được.



▶ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- **Đổi mới công nghệ:** Đầu tư vào hệ thống quản trị ESG và các công cụ đo lường hiện đại để nâng cao hiệu quả quản lý.
- **Tăng cường hợp tác quốc tế:** Tham gia các sáng kiến toàn cầu như Net Zero Banking Alliance để cập nhật xu hướng và nâng cao chuẩn mực quản lý.
- **Đào tạo nội bộ:** Đưa ESG vào chương trình đào tạo nhân viên và ban lãnh đạo, đảm bảo sự đồng nhất trong triển khai các chiến lược bền vững.

▶ CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

SeABank đã triển khai hệ thống quản lý môi trường và xã hội (ESMS) từ tháng 1/2022 nhằm đảm bảo ngân hàng không tài trợ cho các hoạt động gây hại đến môi trường và cộng đồng.

- **Danh sách loại trừ:** Áp dụng danh sách loại trừ không tài trợ đối với các ngành/linh vực có tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội. Một số ngành tiêu biểu thuộc danh sách loại trừ:
 - Sản xuất/buôn bán thuốc lá;
 - Sản xuất/kinh doanh đồ uống có cồn (trừ bia, rượu vang);
 - Hoạt động cờ bạc/sòng bạc;
 - Sản xuất/kinh doanh vật liệu phóng xạ;
 - Hoạt động khai thác gỗ từ rừng nguyên sinh, sản xuất/kinh doanh gỗ có nguồn gốc không phải từ rừng được quản lý bền vững;
 - Hoạt động ngành than;
 - Hoạt động sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bóc lột lao động trẻ em...
- **Quy trình đánh giá:** SeABank thực hiện sàng lọc, phân loại và đánh giá rủi ro môi trường xã hội với tất cả các khoản tín dụng. Đối với những khách hàng có rủi ro môi trường xã hội và cần thực hiện các biện pháp khắc phục, SeABank phối hợp với khách hàng xây dựng kế hoạch khắc phục, giám sát xuyên suốt thời gian cấp tín dụng.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

>10.000

đề xuất tín dụng đã được sàng lọc, đánh giá rủi ro môi trường - xã hội (tương đương 100% khoản cấp tín dụng, trừ vay tiêu dùng và thẻ tín dụng).

100%

các dự án được đánh giá là có rủi ro cao mà không có biện pháp giảm thiểu hoặc dự án/phương án thuộc danh sách loại trừ đều bị SeABank từ chối cấp tín dụng.

CHÍNH SÁCH VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG - ĐỀ CAO NHÂN VĂN, PHÁT TRIỂN NHÂN TÀI



BÁO CÁO TỔNG SỐ NHÂN VIÊN: **5.557** NGƯỜI
Tổng số lượng nhân sự bình quân năm 2024 là

THU NHẬP TRUNG BÌNH: **30,11** TRIỆU ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG
tăng **14,6%** so với thu nhập trung bình năm 2023

CHỈ SỐ HÀI LÒNG:
90,37% CBNV cảm thấy hài lòng khi làm việc tại SeABank
90,5% CBNV sẽ gắn bó với SeABank ít nhất trong 2 năm tiếp theo

HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ - ĐỀ CAO PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hiểu rằng con người là tài sản quý giá nhất, SeABank thực hiện cam kết nhân quyền và cam kết với người lao động, chú trọng vào việc xây dựng các chính sách phúc lợi công bằng, minh bạch và cạnh tranh, nhằm mang lại sự hài lòng và khích lệ mỗi cá nhân cống hiến tối đa cho tổ chức.

SeABank tạo dựng môi trường làm việc lý tưởng cho nhân viên thông qua hệ thống chính sách lao động đảm bảo an toàn, sức khỏe thể chất - tinh thần, đảm bảo phúc lợi của người lao động.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC AN TOÀN, ĐẢM BẢO SỨC KHỎE THỂ CHẤT - TINH THẦN

► AN TOÀN, SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

- SeABank trang bị cơ sở vật chất, điều kiện làm việc an toàn, sạch sẽ, hiện đại, đảm bảo sức khỏe và năng suất lao động của CBNV trên toàn hệ thống:
 - CBNV SeABank được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công việc: máy tính để bàn, bàn phím, chuột, hệ thống điện thoại nội bộ Cisco, tủ đựng tài liệu, văn phòng phẩm hàng tháng...
 - Các tòa văn phòng SeABank được trang bị cơ sở vật chất hiện đại, ưu tiên thiết bị thân thiện với môi trường: đèn LED, điều hoà inverter Gas R32, R410A; thiết bị có nhãn năng lượng 4-5 sao của Bộ Công Thương. 2 toà văn phòng được chứng nhận toà nhà xanh EDGE (198 Trần Quang Khải) và LEED Silver (16 Láng Hạ).
 - 100% trụ sở trang bị máy lọc không khí, hệ thống thông gió và lọc khí tươi nhằm loại bỏ vi khuẩn, bụi bẩn và đảm bảo sức khỏe.
 - Tăng cường trồng cây xanh trong văn phòng và tối ưu hóa việc sử dụng ánh sáng tự nhiên.
- 100% nguồn nước sinh hoạt trên toàn hệ thống được đảm bảo theo Quy chuẩn nước sinh hoạt của Việt Nam: QCVN 01-1: 2018/BYT và 6-1:2010/BYT của Bộ Y tế.
- Chế độ chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp:**
 - Bảo hiểm toàn diện SeACare: bảo hiểm sức khỏe dành cho CBNV và gia đình, gói quyền lợi được gia tăng và mở rộng theo năm, chúc danh, thâm niên...
 - Chương trình khám sức khỏe định kỳ: ngoài gói khám tổng quát cơ bản, SeABank đảm bảo các danh mục khám chuyên khoa theo giới tính; các danh mục khám chuyên sâu được bổ sung và gia tăng theo chức danh, thâm niên... Chương trình được triển khai tại các bệnh viện uy tín, có chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp và cơ sở y tế hiện đại.
- Cam kết về nhân quyền, không sử dụng lao động trẻ em và không tài trợ/hợp tác với các bên có hành vi sử dụng lao động trẻ em.**

► XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ĐA DẠNG, BÌNH ĐẲNG

- Chính sách tuyển dụng không phân biệt:** SeABank đảm bảo quy trình tuyển dụng công bằng, không thiên vị hay phân biệt đối với bất kỳ yếu tố nào khác ngoài năng lực chuyên môn, chào đón và thu hút nhân tài từ mọi vùng miền, giới tính, độ tuổi, sắc tộc, tôn giáo...
- Thúc đẩy sự hòa nhập:** Các chương trình đào tạo về văn hóa đa dạng và kỹ năng làm việc nhóm được tổ chức thường xuyên, giúp nhân viên học cách tôn trọng và hợp tác hiệu quả trong môi trường đa dạng.
- Bình đẳng giới:** SeABank luôn tạo điều kiện cho nữ giới khẳng định bản thân và giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng. Tỷ lệ quản lý và lãnh đạo nữ tại SeABank là 48%, bao gồm các cấp từ Giám đốc nghiệp vụ cấp 1 trở lên.
- Cơ hội thăng tiến công bằng:** Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc minh bạch, dựa trên thành tích và năng lực, đảm bảo tất cả nhân viên đều có cơ hội được công nhận và phát triển nghề nghiệp một cách công bằng.
- Thu nhập, đãi ngộ bình đẳng:** SeABank thực hiện chính sách trả lương và áp dụng chế độ đãi ngộ không phân biệt giới tính hay bất kỳ yếu tố cá nhân nào, với nguyên tắc "trả lương theo giá trị công việc".
- Xây dựng văn hóa phản hồi cởi mở:** SeABank khuyến khích nhân viên chia sẻ ý kiến và đóng góp để cải thiện môi trường làm việc, thông qua các khảo sát định kỳ và tương tác trên các kênh giao tiếp nội bộ.
- Phát triển cộng đồng nội bộ:** Các câu lạc bộ và các chương trình thiện nguyện, hoạt động tập thể đa dạng tạo sự gắn kết và lan tỏa tinh thần đồng đội trong toàn hệ thống.



► GẮN KẾT, CHĂM SÓC TINH THẦN CBNV

- **Chương trình gắn kết nội bộ:** Các chương trình gắn kết giữa CBNV và giữa CBNV với lãnh đạo như SeATalk, Teambuilding, Year End Party, SeALeague... được tổ chức thường niên, trở thành sân chơi giải trí giúp CBNV thể hiện bản thân và kết nối đồng nghiệp.
- **Sự kiện văn hóa nâng cao tinh thần nội bộ:** Các cuộc thi và sự kiện nội bộ được tổ chức nhân dịp lễ như Quốc tế Phụ nữ 8/3, 20/10, Quốc tế Đàn ông 19/11; chuỗi sự kiện chào mừng 30 năm thành lập ngân hàng như “Giải mã Nàng thơ”, “Lời ngọc gửi Nàng”, “Nam thần quanh ta”... ngày càng đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao tinh thần, tạo nên một cộng đồng gắn kết, tràn đầy nhiệt huyết.
- **Chương trình tri ân, gắn kết gia đình CBNV:** Nhiều chương trình ý nghĩa như: Quà SeATết cho tứ thân phụ mẫu; các cuộc thi cho con em CBNV “Bé SeABank vẽ tranh cuộc sống”, “Viết thư gửi Ông già Noel”, quà tặng SeAKids Tết, SeAKids 1/6... mang đến niềm vui, giúp các thành viên hiểu về môi trường làm việc của người thân và gia tăng gắn kết.
- **Chương trình vinh danh, tri ân CBNV:** Các chương trình như SeAProud, các buổi Lễ tuyên dương khen thưởng... được tổ chức nhằm tri ân khen thưởng những đóng góp của CBNV cho Ngân hàng, tạo động lực cống hiến và gắn bó cho CBNV.

CÁC CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, PHÚC LỢI CẠNH TRANH

Ngoài các chính sách phúc lợi, đãi ngộ tuân thủ đúng quy định của Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội, SeABank xây dựng chế độ đãi ngộ (Total Rewards) và lương thưởng hấp dẫn:

- Điều chỉnh lương định kỳ theo vị trí đảm nhiệm, hiệu quả làm việc thực tế, mức độ đóng góp và thâm niên, cống hiến của từng cá nhân, dựa trên cấu trúc lương 3P.
- Hệ thống chính sách thưởng dựa trên năng lực làm việc, kết quả làm việc, thành tích và đóng góp, cống hiến của từng cá nhân cho sự phát triển của Ngân hàng, đảm bảo khen thưởng xứng đáng nhằm khích lệ, ghi nhận sự đóng góp của mỗi thành viên.

- Các chính sách phúc lợi được mở rộng và nâng cao nhằm mang lại đãi ngộ tốt nhất cho CBNV, gia tăng theo thâm niên, kết quả làm việc để tạo động lực cống hiến và gắn kết: Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện SeACare cho CBNV và người thân; SeAESOP; chính sách vay vốn ưu đãi SeAStaff Privilege; chính sách về chế độ nghỉ phép năm mở rộng...

Các chính sách đãi ngộ, phúc lợi của SeABank được nêu chi tiết tại Chương III, trang 102 - 103 của Báo cáo này.



ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CBNV

GIẢI PHÁP TOÀN DIỆN VỀ ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CBNV

- Thiết kế chương trình đào tạo cho từng đối tượng về chuyên môn, kỹ năng.
- Đa dạng hóa hình thức học tập, giúp nhân viên vừa chủ động nâng cao kiến thức vừa đảm bảo tiến độ công việc.
- Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng, khuyến khích nhân viên không ngừng nâng cao năng lực và đổi mới sáng tạo.

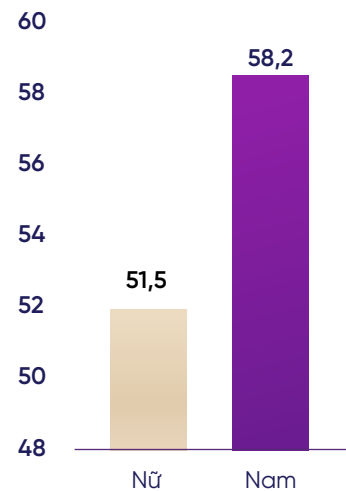
HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NĂM 2024

- Số lượt học viên tham gia đào tạo, số khóa đào tạo, số giờ đào tạo, số giờ đào tạo trung bình/CBNV, điểm đánh giá bình quân đều tăng so với 2 năm liền kề. Cụ thể: tổ chức 1.444 khóa đào tạo, 5.726 CBNV tham gia đào tạo, 72.440 lượt tham gia đào tạo, điểm đánh giá bình quân đạt 9,49 điểm.
- Đảm bảo 100% nhóm năng lực, 100% nhóm đối tượng, 100% nhóm chức danh, 100% nhân viên mới được đào tạo.

SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH/CBNV: **56,6** (tăng 8,9 giờ so với năm 2023)
GIỜ/NĂM

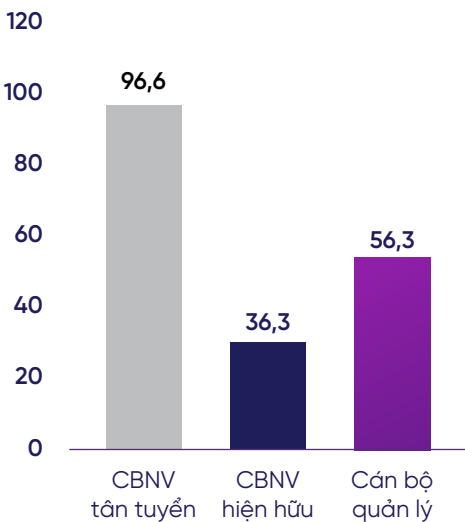
GIỜ ĐÀO TẠO THEO GIỚI TÍNH

Đơn vị: giờ/năm



GIỜ ĐÀO TẠO THEO NHÓM NHÂN VIÊN

Đơn vị: giờ/năm



- Liên tục đổi mới phương pháp đào tạo, tối ưu hóa nguồn lực giảng viên nội bộ: sự tham gia đào tạo, giảng dạy của Ban Lãnh đạo từ HĐQT, BTGD tới Ban Giám đốc các Khối Hội sở, Giám đốc Khu vực, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nghiệp vụ Hội sở...
- Đội ngũ giảng viên nội bộ: Năm 2024, đội ngũ giảng viên nội bộ đã tăng thêm 42 người, nâng tổng số giảng viên nội bộ trên toàn hệ thống lên tới 265 người.
- Hoạt động đào tạo hướng dẫn chia sẻ nâng cao kiến thức, kỹ năng cho giảng viên nội bộ: 4 chương trình đào tạo giảng viên nội bộ (TTT), cử các SeATrainer, SeACoach tham gia các khóa đào tạo nâng cao bên ngoài...
- Hình thức tổ chức: blended learning (kết hợp cả 3 hình thức: classroom, online và e-learning), đặc biệt hình thức e-learning giúp tiết kiệm được chi phí tổ chức và vận hành lớp học, chi phí giảng dạy, chi phí in ấn tài liệu, chi phí ăn ở đi lại cho học viên và giảng viên, giảm thời gian học tập trung của học viên, song vẫn đảm bảo nâng cao năng lực và hiệu quả công việc.



CÁC CHƯƠNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NĂM 2024

CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN

- Tái cấu trúc chương trình đào tạo nhân viên mới: SeAFirst, SeAWelcome, SeAStart, với nhiều điểm cập nhật trong đó đặc biệt bổ sung cấu phần mentoring và đẩy mạnh cấu phần đào tạo bán hàng cho cán bộ tại ĐVKD.
- Cập nhật, phát triển các chương trình đào tạo chức danh theo hệ thống, chuẩn hóa và triển khai thường niên hệ thống chương trình đào tạo cho quản lý, góp phần đánh giá, sàng lọc và giữ chân nhân sự có chất lượng và tạo nguồn cán bộ quản lý kế cận như: SeAHipo, SeAManagers, SeACaptains...
- Tổ chức 2 chuỗi chương trình đào tạo bán hàng, chương trình dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp quy mô lớn, được thiết kế may đo tổ chức đến từng khu vực trên toàn hệ thống với sự tham gia đồng hành của Khối Bán hàng & Dịch vụ (BH&DV), các Khối Hội sở liên quan và các đối tác thuê ngoài.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN THEO YÊU CẦU

- Thiết kế các chương trình đào tạo cho các thành viên HĐQT, đội ngũ Thư ký Quản trị công ty tham gia các chương trình của VIOD như: Hội thảo chuyên sâu "Thực hành Quản trị công ty tốt vượt trên tuân thủ"; "Chương trình đào tạo chuyên sâu về Thư ký Quản trị công ty (CSMP3 & CSMP5)"; "Chứng nhận thành viên HĐQT (DCP27)"...
- Tổ chức chương trình đào tạo về PTBV cho cấp quản lý: các khóa đào tạo/hội thảo về Quản lý và PTBV trong thời đại 4.0 được thiết kế cho lãnh đạo và quản lý cấp trung, cấp cao (SeALeader Talk, ESG...).
- Tổ chức chương trình đánh giá và nâng cao năng lực NFX cho toàn bộ CBNV tại ĐVKD từ cấp Chuyên viên đến GĐCN và "may đo" cho từng vị trí chức danh: 02 đợt thi đánh giá năng lực vào tháng 08/2024 và tháng 11/2024; các khóa đào tạo "Tổng quan & định hướng NFX", "Nghệ thuật TTTM, cấp tín dụng, ngoại hối", "Chuyển tiền quốc tế", "SP tài trợ xuất khẩu trước giao hàng, LC UPAS"; xây dựng 3 cuốn cẩm nang "Cẩm nang NFX cho mảng KHCN", "NFX cho mảng KHDN", "Cẩm nang FDI", Cập nhật khung chương trình & tài liệu đào tạo NVM (bổ sung/ gia tăng tỷ trọng NFX)... Các chương trình có sự tham gia đồng hành từ các Khối chuyên môn của Hội sở như: Khối Nguồn vốn & Thị trường Tài chính, Khối BH&DV, Khối KHDN, Khối KHCN, Khối Vận hành, Khối PC&TT.

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC, PHÁT TRIỂN NHÂN TÀI

Chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch:

- Chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch Giám đốc mảng tại ĐVKD năm 2024 do Khối QT&PTNNL giao HVSB chủ trì thực hiện. Chương trình có sự tham gia của 145 Giám đốc mảng tại ĐVKD thuộc các mảng: KHDN, KHCN, KHUT/KHCC và Dịch vụ khách hàng, Dịch vụ KHCC, Dịch vụ KHDNL tại Chi nhánh.
- Chương hoàn thành sau 03 tháng triển khai từ tháng 09/2024 đến tháng 11/2024, với sự đồng hành, tham gia của 07 Khối chức năng (Khối BH&DV, Khối KHDN, Khối KHCN, Khối PC&TT, Khối Phê duyệt Tín dụng, Khối QTRR, Khối QT&PTNNL). Chương trình sử dụng 100% các chuyên gia đánh giá đến từ nội bộ SeABank để thực hiện các hoạt động đánh giá năng lực như: thi trắc nghiệm, đánh giá 360°, phỏng vấn hành vi.
- Điểm mới nổi bật của Chương trình đánh giá và quy hoạch Giám đốc mảng năm 2024 là việc triển khai mô hình liên khối trong hoạt động đánh giá năng lực, giúp đánh giá năng lực các Giám đốc mảng một cách toàn diện, khách quan và sát với thực tiễn.
- Trên cơ sở kết quả hiện trạng năng lực Giám đốc mảng, HVSB đã xây dựng và đề xuất với Khối QT&PTNNL phương án quy hoạch, phân công, quản lý nhân sự phù hợp với chiến lược và định hướng kinh doanh của SeABank, đồng thời giúp các Giám đốc Khu vực, Trưởng ĐVKD có kế hoạch quản lý, phát triển nhân sự hiệu quả. Đề xuất các hành động liên quan đến chính sách nhân sự, đãi ngộ nhằm ghi nhận và giữ chân nhân sự quản lý cấp trung có tiềm năng và tài năng, nhất quán.
- Chương trình đào tạo và phát triển năng lực huấn luyện cho đội ngũ quản lý năm 2024:
 - Chương trình giúp trang bị kỹ năng huấn luyện cho các quản lý cao và cấp trung trong toàn hệ thống

góp phần tạo ra một đội ngũ quản lý có khả năng tương tác hiệu quả với nhân viên, có tư duy chiến lược và định hình được chiến lược tổ chức một cách sáng tạo, linh hoạt; đồng thời là cơ sở để lựa chọn và xây dựng đội ngũ huấn luyện viên nội bộ để thực hiện các hoạt động coaching, mentoring nội bộ.

- Giai đoạn 1: 08 giờ đào tạo trực tiếp cùng chuyên gia;
- Giai đoạn 2: 180 giờ huấn luyện trực tuyến cùng chuyên gia và 06 tháng thực hành;
- Giai đoạn 3: 06 tháng áp dụng và đánh giá hiệu quả.
- Kết thúc giai đoạn 1 và 2, các học viên có kết quả học tập và thực hành xuất sắc được ghi nhận và vinh danh nhằm khuyến khích học viên tiếp tục vận dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng đã học trong chương trình vào thực tế công việc tại SeABank trong giai đoạn tiếp theo.

- Thực hiện kỳ thi sát hạch nghiệp vụ định kỳ 2 lần/năm, 2.276 người/lần. Bên cạnh việc cập nhật nội dung và cơ cấu bộ đề thi, SeABank cũng đổi mới về hình thức giám sát và quản lý ca thi qua camera trong suốt kỳ thi từ các điểm đầu cầu online, qua đó nâng cao tính nghiêm túc và hiệu quả của kỳ thi sát hạch.

Năm 2024, với phương châm "Chủ động - Linh hoạt - Cải tiến" cùng các trọng tâm đào tạo và phát triển năng lực đồng đều cho CBNV trên toàn hệ thống, công tác đào tạo và phát triển năng lực đã, đang và sẽ góp sức cùng các đơn vị trên toàn hệ thống viết tiếp cuộc hành trình đổi mới, vươn lên, bứt phá để mỗi chiến binh SeABankers sẽ trở thành một "legend" của chính mình đúng theo tinh thần "Choose your fighter, be a legend!".



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

HỖ TRỢ TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN CHO CÁC NHÓM KHÁCH HÀNG YẾU THẾ

MỞ RỘNG HỢP TÁC, KIẾN TẠO XÃ HỘI THỊNH VƯỢNG

Với mục tiêu xây dựng cộng đồng thịnh vượng, hạnh phúc với cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi đối tượng, SeABank đã mở rộng hợp tác quốc tế, thành công huy động gần 1 tỷ USD từ các định chế tài chính uy tín như IFC, DFC, AIB, Norfund... Với nguồn vốn cùng với sự hỗ trợ chuyên môn của các đối tác, SeABank sẽ nâng cao hiệu quả các dự án bền vững, cải thiện hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng các mục tiêu bền vững với trọng tâm ESG tập trung vào các lĩnh vực:

- **Tài chính toàn diện cho doanh nghiệp nữ chủ.**
DNVVN: SeABank triển khai hàng loạt dự án và chính sách tài chính, phi tài chính nhằm hỗ trợ toàn diện cho các DNVVN, doanh nghiệp nữ chủ, tiêu biểu: Dự án Banking on women, Câu lạc bộ SeAPower, loạt sản phẩm ưu đãi cho các đối tượng mục tiêu...

- **Các hoạt động tài chính khí hậu, tín dụng xanh, đầu tư xanh, tài trợ kinh tế bền vững:** SeABank triển khai các sản phẩm dịch vụ xanh cho nhiều phân khúc cá nhân, doanh nghiệp và đẩy mạnh tài trợ các dự án trong lĩnh vực xanh – bền vững như nông nghiệp sạch, năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng...
- **Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao tiếp cận dịch vụ ngân hàng:** SeABank mở rộng hợp tác với Visa nhằm đẩy mạnh, cải tiến dịch vụ thanh toán số, tạo điều kiện tiếp cận dễ dàng cho các đối tượng chưa sử dụng dịch vụ ngân hàng.

Thông qua các dự án, hoạt động này, SeABank hướng đến một nền kinh tế tuần hoàn, bền vững, nơi mọi cá nhân và doanh nghiệp đều có cơ hội phát triển bình đẳng, đồng thời gián tiếp tạo việc làm cho người lao động, thúc đẩy kinh tế bao trùm.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN - TÀI CHÍNH XANH NĂM 2024

► Gói chính sách hỗ trợ WSME

- Hỗ trợ một cách toàn diện các dịch vụ tài chính và phi tài chính với mức giá ưu đãi nhất và hình thức cấp tín dụng đa dạng (cho vay, bảo lãnh, TTTM, thế, dịch vụ tài khoản, huy động...).
- Gói tín dụng của SeABank dành riêng cho WSME với nhiều ưu đãi như: ưu đãi thẻ tín dụng doanh nghiệp Visa Corporate, miễn phí năm đầu khi đăng ký gói tài khoản, chính sách giá ưu đãi hơn so với các đối tượng khách hàng khác, miễn phí trả nợ trước hạn, tỷ lệ cấp tín dụng/giá trị TSBĐ cạnh tranh...

► Câu lạc bộ nữ chủ doanh nghiệp – SeAPower

- Đào tạo và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho các doanh nghiệp nữ chủ thông qua chuỗi chương trình “Cẩm nang quản trị doanh nghiệp” được tổ chức xuyên suốt năm.
- Hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp và tổ chức phi lợi nhuận để tổ chức các hội thảo, sự kiện toàn quốc giúp doanh nghiệp nữ chủ nâng cao khả năng hội nhập và cạnh tranh trên thị trường.
- Cung cấp các gói hỗ trợ truyền thông và quảng bá thương hiệu, đồng thời kết nối với hệ sinh thái đối tác như BRG, Vietnam Airlines, và Urbox để tạo thêm giá trị cho khách hàng.

► Thẻ tín dụng Visa Corporate

Giúp DNVVN, bao gồm DNVVN do phụ nữ làm chủ dễ dàng tiếp cận vốn mà không cần TSBĐ. Hạn mức thấu chi không TSBĐ lên tới 5 tỷ đồng, miễn phí năm đầu bao gồm phí thường niên thẻ và phí mở tài khoản combo, tỷ lệ cấp tín dụng/giá trị TSBĐ lên tới 100%.

► Cho vay dành cho hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ SeAWomen

- Hạn mức cho vay tối đa 100 triệu đồng và kỳ hạn vay tối đa 48 tháng, miễn phí trả nợ trước hạn và tính gộp thủ tục/hồ sơ vay vốn cho hội viên nữ. Kể từ khi triển khai, đây vẫn luôn là dòng sản phẩm cho vay tiêu dùng không TSBĐ tiếp cận rộng rãi được với nhiều khách hàng nhờ các đặc tính hấp dẫn cũng như ý nghĩa của sản phẩm.
- Tính đến cuối năm 2024, sản phẩm SeAWomen có tổng số hơn 21.800 khách hàng lũy kế, đạt dư nợ 1.087 tỷ đồng, tăng 57% so với năm 2023.

► Thẻ tín dụng quốc tế SeALady

- Nổi bật với tính năng hoàn tiền lên đến 2% giá trị giao dịch vào tất cả các ngày, đặc biệt cao vào những ngày đặc biệt dành cho phái nữ như ngày sinh nhật, ngày 8/3, 20/10 hoặc tại các đối tác bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe và làm đẹp.
- Với dòng thẻ này, SeABank là một trong những ngân hàng tiên phong ra mắt sản phẩm có yếu tố tử thiện thông qua việc chia sẻ với những bệnh nhân ung thư. Cụ thể, với mỗi giao dịch thanh toán từ 1 triệu đồng của khách hàng bằng thẻ SeALady Cashback, Ngân hàng sẽ ủng hộ 2.000 đồng cho Quỹ hỗ trợ bệnh nhân ung thư Ngày mai tươi sáng.
- Sản phẩm đạt giải thưởng "Thẻ tín dụng của năm 2019" do The Asian Banker trao tặng. Tính tới hết 2024, SeABank đã phát hành hơn 80.000 thẻ SeALady.

► **Tín dụng xanh**

- SeABank tiên nguồn lực tiếp cận hợp tác với các dự án xanh, kết quả bước đầu đã giải ngân được 64 tỷ đồng cho KHCN mua nhà tại dự án xanh.
- Theo định hướng PTBV tới 2028, SeABank tiếp tục ưu tiên nguồn lực và vốn giá rẻ các dự án xanh, sản xuất kinh doanh phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao và các ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên.



HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI, PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG



Với các giá trị nhân văn được xây dựng từ nội tại văn hóa doanh nghiệp, SeABank hướng tới lan tỏa sâu rộng hơn nữa những giá trị này tới cộng đồng xã hội, từ đó kiến tạo những giá trị bền vững và đóng góp xây dựng cộng đồng thịnh vượng.

Một số chương trình tiêu biểu:

CHƯƠNG TRÌNH DO QUỸ ONE DAY ONE SMILE CỦA SEABANK TRIỂN KHAI

▶ CHƯƠNG TRÌNH THIỆN NGUYỆN SEABANKERS VÌ TRẺ THƠ



Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Chương trình thường niên lan tỏa yêu thương tới các em nhỏ vùng sâu vùng xa, các bệnh nhi, các em có hoàn cảnh khó khăn trên toàn quốc.	605 TRIỆU ĐỒNG	1 2 3 4 8 10 11

Năm 2024, SeABank đã triển khai nhiều hoạt động ASXH ý nghĩa với tổng chi phí gần 24 tỷ đồng, bao gồm nhiều hoạt động, chương trình ý nghĩa phủ rộng nhiều khía cạnh đời sống theo 17 mục tiêu phát triển bền vững SDGs của Liên Hợp Quốc.

▶ CHƯƠNG TRÌNH THIỆN NGUYỆN XUÂN YÊU THƯƠNG



Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Xuân Yêu thương 2024 với chủ đề “Kết nối Yêu thương” đã trao gần 1 tấn nhu yếu phẩm cùng 1.600 phần quà cho 5 bệnh viện, 8 trường học và 15 trung tâm bảo trợ ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.	666 TRIỆU ĐỒNG	1 2 3 4 8 10 11

CHƯƠNG TRÌNH DO QUỸ ƯƠM MẦM ƯỚC MƠ CỦA SEABANK TRIỂN KHAI

▶ CHƯƠNG TRÌNH NGOẠI KHÓA HÈ CHO CÁC HỌC SINH NGHÈO QUỸ UMUM ĐỖ ĐẦU



Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Chương trình ngoại khóa hè 2024 “Kết nối mùa hè ước mơ” tổ chức cho 15 em học sinh có kết quả học tập xuất sắc nhất của Quỹ UMUM. Chuyến tham quan Thủ đô Hà Nội 3 ngày 2 đêm với các điểm di tích, vui chơi giải trí và tham quan Hội sở SeABank mang lại nhiều trải nghiệm cho các em.	107 TRIỆU ĐỒNG	1 2 3 4 8 10 11

▶ TRAO HỌC BỔNG KHUYẾN HỌC CHO HỌC SINH NGHÈO VƯỢT KHÓ



Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Học bổng trị giá 1.000.000 đồng/em/tháng (tăng lên 1.500.000 đồng/em/tháng từ tháng 12/2024) được trao cho các em học sinh nghèo hiếu học do Quỹ đỡ đầu. Thời điểm 31/12/2024, Quỹ đang đỡ đầu 131 em học sinh.	2,1 TỶ ĐỒNG	1 2 3 4 8 10 11

▶ HỌC BỔNG KHỞI NGHIỆP CHO 19 TÂN SINH VIÊN TỐT NGHIỆP TỪ QUỸ UMUM



Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Học bổng trị giá 10 triệu đồng/em được trao cho các em học sinh UMUM tốt nghiệp Trung học Phổ thông như một phần hành trang cho chặng đường tương lai của các em.	190 TRIỆU ĐỒNG	1 2 3 4 8 10 11

CHƯƠNG TRÌNH DO QUỸ SEAGREEN CỦA SEABANK TRIỂN KHAI

▶ GIẢI CHẠY SEARUN2024: BEYOND LIMIT - BE A LEGEND

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
 Giải chạy với chủ đề “Beyond Limit - Be a Legend” nhằm khuyến khích chạy bộ vì sức khỏe cộng đồng trên toàn quốc; đồng thời kêu gọi đối tác ủng hộ cho hoạt động khuyến học của Quỹ UMUM và hoạt động môi trường của Quỹ SeAGreen.	300 TRIỆU ĐỒNG	3 4 6 8 10 11 13 14 15 17

CHƯƠNG TRÌNH KHÁC DO SEABANK TRIỂN KHAI

▶ TUẦN LỄ CÔNG DÂN 2024

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
 Hàng loạt hoạt động ý nghĩa về môi trường, hỗ trợ người yếu thế... tại 25 bệnh viện/trường học/trung tâm bảo trợ: dọn dẹp vệ sinh môi trường tại 2 bãi biển, trồng mới hơn 2.000 cây xanh tại 28 tỉnh thành phố, hiến gần 500 đơn vị máu với tinh thần “Mỗi giọt máu trao đi, một cuộc đời ở lại”.	400 TRIỆU ĐỒNG	1 2 3 4 5 6 8 10 11 13 14 15

▶ CHƯƠNG TRÌNH THIỆN NGUYỆN NGÀY CỦA YÊU THƯƠNG

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
 Day of Love 7/9 là ngày CBNV SeABank trên toàn hệ thống lan tỏa giá trị nhân văn tới cộng đồng.	420 TRIỆU ĐỒNG	1 2 3 4 8 10 11

CHƯƠNG TRÌNH KHÁC SEABANK THAM GIA

▶ HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO BỊ THIẾT HẠI BỞI BÃO SỐ 3 (YAGI)

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Hỗ trợ 3 tỷ đồng cho người dân và CBNV SeABank bị ảnh hưởng nặng nề tại các tỉnh Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hải Phòng, Yên Bái, Lào Cai và Cao Bằng. Trao tặng và trồng 68.000 cây quế trị giá 1 tỷ đồng cho người dân 2 huyện Bắc Hà và Bảo Yên (Lào Cai).	4 TỶ ĐỒNG	1 2 3 6 8 9 11 13 15

▶ ỦNG HỘ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Ủng hộ chương trình “Xóa nhà tạm, nhà đột nát” trên phạm vi cả nước với chủ đề “Mái ấm cho đồng bào tôi”, xây dựng và sửa chữa giúp các hộ nghèo và cận nghèo ở Hòa Bình, Nghệ An có mái ấm vững chắc.	15,2 TỶ ĐỒNG	1 2 3 9 11

▶ QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO TỈNH NGHỆ AN

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Tài trợ kinh phí hỗ trợ người nghèo tỉnh Nghệ An có một cái Tết ấm no, đầy đủ.	500 TRIỆU ĐỒNG	1 2 3 11

▶ HỌC BỔNG NHNN

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Tài trợ học bổng khuyến học cho các em học sinh xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn ngành Tài chính - Ngân hàng.	160 TRIỆU ĐỒNG	1 2 3 4 8 10 11



GIỮ GÌN MÔI TRƯỜNG XANH, GIẢM THIỂU PHÁT THẢI CARBON



Xác định bảo vệ môi trường và giảm phát thải carbon là những mục tiêu trọng yếu trong chiến lược PTBV, SeABank triển khai các hoạt động toàn diện tập trung vào: Tối ưu hiệu quả, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài

nguyên; Giảm phát thải carbon và xanh hóa vận hành; Đẩy mạnh các hoạt động tài chính xanh, kinh tế tuần hoàn.

QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC, ĐIỆN, QUẢN LÝ RÁC THẢI

▶ QUẢN LÝ SỬ DỤNG NƯỚC VÀ XẢ THẢI

Mục tiêu, biện pháp quản lý

- Quản lý sử dụng nước theo định mức dưới 30 lít/người/ngày cho CBNV tại tòa Hội sở.
 - Đảm bảo nguồn nước sinh hoạt sạch, đáp ứng các quy chuẩn của Việt Nam.
 - Xử lý 100% nước thải trước khi thải ra môi trường, áp dụng các quy chuẩn/hướng dẫn của Việt Nam.
- Quản lý sử dụng nước theo định mức:** Tổng lượng nước sinh hoạt được tiêu thụ năm 2024 là 19 lít/người/ngày, thấp hơn 1,6 lần so với định mức yêu cầu.
 - Nguồn nước sinh hoạt:** 100% nguồn nước sinh hoạt được đảm bảo theo Quy chuẩn nước sinh hoạt của Việt Nam QCVN 01-1: 2018/BYT, Tiêu chuẩn nước cấp sinh hoạt 6-1:2010/BYT của Bộ Y tế.
 - Xả thải:** 100% nước thải được xử lý trước khi thải ra môi trường. Cụ thể, tại các trụ sở làm việc có cấp giấy phép xả nước thải ra môi trường do SeABank quản lý vận hành, nước thải được quan trắc chỉ số theo QCVN 14:2008/BTNMT định kỳ 3 tháng/lần. Kết quả phân tích cho thấy, tất cả các thông số đều thấp hơn giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, k = 1,2).

▶ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN ĐIỆN

Mục tiêu, biện pháp quản lý

- Quản lý sử dụng điện năng theo định mức, đo lường lượng tiêu thụ hàng năm trên mỗi mét vuông diện tích sàn (kWh/m²/năm).
 - Xây dựng định mức đo lường năng lượng tiêu thụ tại văn phòng làm việc theo thời tiết đặc thù của vùng miền để làm cơ sở theo dõi, đánh giá.
- Năng lượng tiêu thụ bình quân trên mét vuông diện tích sàn trên toàn hệ thống SeABank là 53kWh/m²/năm.
 - Năm 2024, trên 95% trụ sở ĐVKD đạt chỉ tiêu về định mức tiêu thụ.



▶ QUẢN LÝ RÁC THẢI

Mục tiêu, biện pháp quản lý

- Hợp tác với các đơn vị thu gom và xử lý rác thải được cấp phép, đảm bảo rác thải được thu gom hàng ngày và xử lý đúng quy trình.
 - Đảm bảo các tiêu chuẩn về thùng chứa, quy trình thu gom, xử lý.
- Tại toà nhà văn phòng hiện nay không tổ chức bếp ăn tập thể nên lượng chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh không đáng kể.
 - Chất thải được thu gom và phân loại tại từng tòa nhà bởi các đơn vị cung cấp dịch vụ vệ sinh văn phòng, các đơn vị thu gom và xử lý rác thải được cấp phép, đảm bảo rác thải được thu gom hàng ngày và xử lý đúng quy trình.
 - Rác thải: Thùng chứa rác 14 lít (10 thùng được phân bố đều trong các tầng của tòa nhà văn phòng, trung bình 2 thùng/tầng). SeABank đang triển khai đưa vào sử dụng các thùng chứa đáp ứng tiêu chuẩn, có nắp đậy và mã màu theo quy định (xanh lá cây cho rác tái chế, xám hoặc đen cho rác thải khác).



- Tần suất và thời gian thu gom rác sinh hoạt thông thường hiện nay tại Ngân hàng do Xi nghiệp môi trường đô thị là 1 ngày/lần.
- Hình thức thu gom: Rác thải sinh hoạt thông thường sẽ được tập trung tại kho chứa rác. Đến thời gian quy định, theo tín hiệu của tổ thu gom rác, nhân viên vệ sinh sẽ mang thùng rác ra đổ vào xe thu gom đầy tay.

QUẢN LÝ VÀ GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

SeABank xác định 3 phạm vi phát thải khí nhà kính (GHG) chủ yếu của Ngân hàng, từ đó tiến hành theo dõi và đo lường lượng phát thải để đưa ra phương án kiểm soát/giảm thiểu phù hợp.

- Phạm vi 1 (Scope 1):** Phát thải trực tiếp từ hoạt động do ngân hàng kiểm soát/tổ chức.
- Phạm vi 2 (Scope 2):** Phát thải gián tiếp từ tiêu thụ năng lượng.
- Phạm vi 3 (Scope 3):** Phát thải gián tiếp từ các nguồn SeABank không sở hữu/kiểm soát.

Mục tiêu

- Đảm bảo lượng phát thải GHG được theo dõi, đo lường theo 3 phạm vi đã xác định, không lãng phí, thất thoát năng lượng, tuân thủ quy định sử dụng năng lượng hiệu quả tại SeABank.
- Mục tiêu ngắn hạn: Tiếp tục phát triển về quy mô, nhân sự và hạ tầng công nghệ nhưng vẫn duy trì lượng khí phát thải GHG so với năm liền trước.
- Mục tiêu dài hạn: triển khai các sáng kiến để giảm dần lượng khí phát thải về mức 0 tới năm 2050.

▶ LƯỢNG PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH NĂM 2024:

PHÁT THẢI TRỰC TIẾP (PHẠM VI 1):
624 tCO₂ TƯƠNG ĐƯƠNG

PHÁT THẢI GIÁN TIẾP (PHẠM VI 2):
5075 tCO₂ TƯƠNG ĐƯƠNG

Phát thải GHG trực tiếp của SeABank đến từ việc sử dụng nhiên liệu (xăng dầu) cho các phương tiện vận chuyển thuộc sở hữu của SeABank. Tổng lượng phát thải trực tiếp (phạm vi 1) năm 2024 là: 624 tCO₂ tương đương.

Nguồn phát thải GHG gián tiếp chính (phạm vi 2) của SeABank chủ yếu đến từ việc sử dụng năng lượng điện. SeABank sử dụng các hướng dẫn của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC – *Good Practice Guidance and Uncertainty Management in National Greenhouse Gas Inventories*) về kiểm kê khí nhà kính và hệ số phát thải gián tiếp của mạng lưới điện Việt Nam để tính toán tổng lượng GHG phát thải trong năm kiểm kê. Tổng lượng phát thải gián tiếp dựa trên năng lượng tiêu thụ (phạm vi 2) trong cả năm 2024 là: 5.075 tCO₂tương đương.

Lượng phát thải GHG gián tiếp dựa trên năng lượng tổng thị trường (phạm vi 2) tính bằng tấn CO₂ tương đương: SeABank sử dụng điện năng của EVN, không mua bán điện với các công ty cấp điện xanh (điện gió, điện mặt trời).

Các khí bao gồm trong tính toán: CO₂, CH₄, N₂O được quy đổi ra tCO₂ tương đương.

Năm tính toán: 2024

► TIÊU CHUẨN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN ỨNG DỤNG TRONG ĐO LƯỜNG KHÍ NHÀ KÍNH:

- Tỷ lệ lượng phát thải GHG theo chỉ số của tổ chức.
- Chỉ số dành riêng cho tổ chức (mẫu số) được chọn để tính tỷ lệ.
- Các loại phát thải GHG có trong tỷ lệ được báo cáo: điện năng tiêu thụ.
- Khí bao gồm trong tính toán CO₂, CH₄, N₂O được quy đổi theo CO₂ tương đương.



- Lý do lựa chọn năm cơ sở: căn cứ theo quy định pháp luật tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 về Quy định giảm nhẹ phát thải GHG và bảo vệ tầng ô-dôn.
- Bối cảnh cho bất kỳ thay đổi đáng kể nào về lượng khí thải dẫn đến việc tính toán lại lượng khí thải của năm cơ sở: Cơ quan quản lý nhà nước ban hành hệ số phát thải của lưới điện mới.
- Nguồn dữ liệu của các hệ số phát thải được sử dụng: hệ số phát thải của lưới điện được tham chiếu theo văn bản số 327/BDKH-PTCBT ngày 19/3/2024 về công bố kết quả tính toán hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam năm 2022 (do cơ quan có thẩm quyền chưa công bố hệ số phát thải của lưới điện năm 2023 và 2024 nên SeABank sử dụng số liệu năm gần nhất để làm cơ sở tính toán).
- Phương pháp hợp nhất phát thải: bao gồm cổ phần vốn chủ sở hữu, kiểm soát tài chính hoặc kiểm soát hoạt động.
- Các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả định và/hoặc công cụ tính toán được sử dụng: Thống kê mức tiêu thụ điện năng toàn hàng năm 2024 (không bao gồm các công ty con, công ty liên kết của SeABank).

► CÁC SÁNG KIẾN GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH:

- Theo dõi và đo lường lượng phát thải GHG: ban hành quy định về sử dụng năng lượng tài nguyên hiệu quả tại trụ sở làm việc nhằm quy định các chỉ số sử dụng năng lượng hiệu quả (BEI – chỉ số tiêu thụ điện năng; COP – chỉ số hiệu quả của máy lạnh) nhằm tạo cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng tại SeABank.
- Giảm phát thải GHG phạm vi 1-2:
 - Chuyển đổi sử dụng các thiết bị/nhiên liệu thân thiện với môi trường: 100% hệ thống chuyển đổi sang điều hòa không khí có công nghệ Inverter và sử dụng Gas R32, R410A thân thiện với môi trường; 100% hệ thống chiếu sáng chuyển đổi từ bóng đèn huỳnh quang sang đèn LED tiết kiệm năng lượng.
 - Xây dựng thói quen sống xanh cho CBNV thông qua các chương trình: Tuần lễ công dân, Let's go green with SeABank...
 - Đẩy mạnh "Hội tụ số", số hóa toàn diện quy trình vận hành và sản phẩm dịch vụ.
- Giảm phát thải GHG phạm vi 3:
 - Áp dụng ESMS và tích hợp ESG vào các hoạt động kinh doanh, giám cho vay các doanh nghiệp thuộc ngành/lĩnh vực có lượng phát thải lớn.
 - Ưu tiên các đối tác, nhà cung cấp có hoạt động xanh – bền vững trong hoạt động mua sắm, cung ứng và hợp tác kinh doanh của Ngân hàng.

ANH HÓA VẬN HÀNH VÀ LAN TỎA LỐI SỐNG XANH TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG



Theo định hướng Ngân hàng xanh và mục tiêu phát thải ròng bằng "0", năm 2024, SeABank triển khai xanh hóa vận hành trong các hoạt động nội bộ:

► "XANH HÓA" HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH:

- Tăng cường giám sát sử dụng nguyên liệu xanh và tiết kiệm năng lượng tại các văn phòng, trụ sở trên toàn hệ thống SeABank:
 - 100% hệ thống chuyển đổi sang sử dụng bóng đèn LED thay thế đèn huỳnh quang;
 - 100% hệ thống chuyển đổi sang sử dụng điều hòa không khí dòng inverter tiết kiệm điện năng và Gas R32, R410A thân thiện môi trường khi thay thế thiết bị cũ, bổ sung thiết bị mới;
 - Trang bị biển tần cho quạt thông gió công suất lớn tại các tòa nhà do SeABank quản lý;
 - Sử dụng bình nước thủy tinh và cây lọc nước tại văn phòng thay vì chai/bình nước nhựa dùng một lần;
 - 100% thiết bị (điều hòa không khí, thang máy, máy phát điện...) được bảo dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật và hăng sản xuất để đảm bảo tình trạng hoạt động tối ưu và tiết kiệm nhiên liệu, điện;
 - Quản lý sử dụng văn phòng phẩm và tiện ích theo định mức.
- Hệ thống phần mềm xử lý công việc (SeAOffice, SeAPurchase, hệ thống lưu trữ văn bản...) giúp giảm thiểu sử dụng giấy in, mực in và khí thải môi trường cho công tác chuyển phát. Trong năm 2024, đo lường lượng giấy tiêu thụ tại Hội sở, sản lượng giấy tăng so với năm 2023 là 0,27% trong khi nhân sự tăng 1,75%. Từ đó, có thể thấy lượng giấy tiêu thụ đã giảm 1,45% so với năm 2023.
- Chuyển đổi xanh trong hoạt động truyền thông và giao dịch với khách hàng:
 - Biên lai/hóa đơn điện tử: Mua sắm giải pháp xuất biên lai/hóa đơn điện tử thay vì xuất biên lai giấy sau các hoạt động ngân hàng (rút tiền tại ATM, mua hàng qua POS...).
 - Phát triển ngân hàng điện tử giúp khách hàng có thể hoàn thành các giao dịch/tác vụ từ xa, tiết kiệm năng lượng và thời gian di chuyển; tiết kiệm giấy và chi phí in ấn.
 - Các ấn phẩm truyền thông: Chuyển đổi sang sử dụng hình thức quảng bá kỹ thuật số, quảng cáo online để giảm bớt xả thải ra môi trường, tiết kiệm tài nguyên, nguyên liệu giấy...

▶ LAN TỎA LỐI SỐNG XANH TRÊN TOÀN HÀNG:



Với định hướng Ngân hàng xanh, SeABank tích cực xây dựng thói quen “sống xanh” cho CBNV từ những hành động nhỏ hàng ngày, đồng thời lan tỏa lối sống xanh tới các bên hữu quan thông qua các chương trình ý nghĩa.

Chương trình xanh	Nội dung	Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng	Mục đích
GREEN THE ROAD TO SEABANK	Chương trình truyền thông khuyến khích CBNV sử dụng phương tiện công cộng và các phương tiện thân thiện với môi trường.	TỰ TRIỂN KHAI	Giảm phát thải GHG

Chương trình xanh	Nội dung	Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng	Mục đích
OCEAN CLEANUP	SeABank Triển khai chương trình làm sạch biển tại 10 địa phương phát triển du lịch có chi nhánh của SeABank với các hình thức: thu dọn bãi biển, tặng thùng rác công cộng, tặng ghế đá, ô ngoài trời.	171 TRIỆU ĐỒNG	Bảo vệ môi trường & hệ sinh thái biển

Chương trình xanh	Nội dung	Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng	Mục đích
TUẦN LỄ CÔNG DÂN	Chương trình triển khai chuỗi hoạt động SeAHero: đổi rác lấy quà, tặng cây xanh cho khách hàng, trồng cây xanh... thông qua các hoạt động tại Tuần lễ Công dân trên toàn quốc.	400 TRIỆU ĐỒNG	Bảo vệ môi trường

Chương trình xanh	Nội dung	Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng	Mục đích
SEABANK RUN FOR THE FUTURE CỘNG ĐỒNG CHẠY VÌ TƯƠNG LAI BEYOND LIMIT - BE A LEGEND	Giải chạy với chủ đề Beyond Limit - Be a Legend nhằm khuyến khích chạy bộ vì sức khỏe cộng đồng trên toàn quốc; đồng thời kêu gọi ủng hộ cho hoạt động khuyến học của Quỹ UMUM và hoạt động môi trường của Quỹ SeAGreen.	300 TRIỆU ĐỒNG	Bảo vệ môi trường Khuyến học Sức khỏe cộng đồng

Chương trình xanh	Nội dung	Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng	Mục đích
	SeABank cùng Tập đoàn BRG và Báo Nhân dân trồng 68.000 cây, trị giá 1 tỷ đồng nhằm phủ xanh gần 20ha diện tích rừng, chung tay khắc phục hậu quả sau bão Yagi, hỗ trợ trồng và khôi phục rừng, phục hồi sinh kế cho các hộ gia đình chịu thiệt hại tại Lào Cai.	1 TỶ ĐỒNG	Trồng rừng Khắc phục hậu quả thiên tai

MINH BẠCH VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ MTXH:

SeABank công bố chính sách ESMS trên website <https://www.seabank.com.vn/> và thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý khiếu nại qua email contact@seabank.com.vn và hotline 1900 555 587.

Trong năm 2024, SeABank không nhận được bất cứ phản ánh tiêu cực nào của các bên liên quan (cộng đồng, khách hàng, người lao động...) đối với các hoạt

động của SeABank cũng như các dự án/hoạt động của khách hàng mà SeABank tài trợ.

Hàng năm, báo cáo về triển khai quản lý rủi ro môi trường xã hội của SeABank được gửi NHNN và các đối tác quốc tế để đánh giá hiệu quả quản lý.



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN DIỆN



TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2024

1

TÍNH PHÙ HỢP

- Tích hợp PTBV vào mọi khía cạnh hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam trong mục tiêu đạt net-zero vào năm 2050, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính xanh.

2

TÁC ĐỘNG

- Tích hợp quản lý rủi ro MTXH trong kinh doanh:** tiếp tục cải tiến hệ thống ESMS để nâng cao khả năng sàng lọc, đánh giá rủi ro MTXH của các dự án, phương án khi đầu tư hoặc cấp tín dụng. Đảm bảo không tài trợ cho các dự án gây tác động tiêu cực đến môi trường hoặc cộng đồng.
- Số hóa và cải thiện hiệu quả vận hành:** Hoàn thiện hệ thống số hóa, tăng cường các giải pháp ngân hàng số nhằm tiết kiệm tài nguyên (giấy, nhiên liệu, điện năng). Ra mắt ứng dụng di động thế hệ mới, giúp khách hàng giao dịch nhanh chóng, giảm thiểu tác động môi trường.
- Quản lý tài nguyên và chất thải:** Giảm lượng chất thải rắn từ các hoạt động của Ngân hàng so với năm 2023. Tăng cường sử dụng nguyên liệu xanh và tiết kiệm năng lượng tại các văn phòng, trụ sở chi nhánh hiện có và mới mở.

3

KHÁCH HÀNG

- Tiếp tục cải tiến các sản phẩm, quy trình để nâng cao trải nghiệm của khách hàng.
- Tăng trưởng tín dụng xanh, sạch, hướng đến sự PTBV cho Ngân hàng và cộng đồng: Tập trung vào các dự án năng lượng tái tạo.
- Các giải pháp tài chính cho khách hàng nữ như: sản phẩm tài chính dành cho doanh nghiệp nữ chủ, phụ nữ khởi nghiệp, sản phẩm cho vay khách hàng nữ thông qua Hội Liên hiệp Phụ nữ các địa bàn.
- Tín dụng cho người thu nhập thấp: sửa đổi một số sản phẩm cho vay để mở rộng đến đối tượng khách hàng có thu nhập thấp.

4

CÁC BÊN HỮU QUAN

- Tăng cường gắn kết: Thực hiện các hội nghị khách hàng và đối thoại định kỳ để hiểu rõ hơn mong muốn của các bên liên quan.
- Hoạt động cộng đồng: Tổ chức giải chạy gây quỹ cho các hoạt động cộng đồng, thực hiện các hoạt động xã hội ý nghĩa thông qua 5 quỹ từ thiện nội bộ.
- Dự án cây xanh: Tham gia trồng trên 50.000 cây xanh trong năm 2024 để bảo vệ môi trường.
- Hỗ trợ chuỗi cung ứng: Phát triển các sản phẩm tài trợ chuỗi cung ứng, tạo điều kiện cấp tín dụng cho các nhà cung cấp nhỏ lẻ.
- Xây dựng môi trường làm việc: Môi trường làm việc an toàn, công bằng với chính sách phúc lợi toàn diện, khuyến khích sự sáng tạo và gắn bó lâu dài của nhân viên.

5

QUẢN TRỊ VÀ THIẾT LẬP MỤC TIÊU

- Chiến lược giai đoạn 2024 - 2028: Định hướng ngân hàng thành một tổ chức tài chính bền vững hàng đầu, gắn với các mục tiêu của quốc gia về môi trường xã hội.
- Nâng cao hiệu quả quản trị: Sử dụng công nghệ để quản lý rủi ro tín dụng, đảm bảo chỉ số an toàn vốn (CAR) duy trì trên 12%.

6

TÍNH MINH BẠCH VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

- Công khai thông tin: Cập nhật các báo cáo ESG theo chuẩn quốc tế (GRI, TCFD), đảm bảo thông tin được công khai minh bạch và kịp thời.
- Đào tạo nội bộ: Tổ chức khóa đào tạo "Hướng dẫn quy trình quy định đánh giá rủi ro môi trường xã hội" cho hơn 300 cán bộ bán và cán bộ quản lý mảng KHDN trên toàn hệ thống.

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Dựa trên mục tiêu và định hướng chiến lược về PTBV được trình bày chi tiết tại trang 37 – 39 của Báo cáo này (Chương I – Tổng quan về SeABank > Chiến lược phát triển và định hướng tới 2028 > Chiến lược và định hướng Phát triển bền vững), SeABank đưa ra các kế hoạch triển khai như sau:

► KẾ HOẠCH NGẮN HẠN 2024–2025:

Kế hoạch	Chi tiết triển khai
TẬP TRUNG VÀO HIỆU QUẢ VẬN HÀNH	- Duy trì tỷ lệ khoản vay được đánh giá rủi ro MTXH tại SeABank ở mức 100%. - Tiếp tục cải tiến ESMS, đảm bảo đánh giá được rủi ro MTXH của những dự án phức tạp, tiềm ẩn rủi ro MTXH cao và thuê chuyên gia độc lập hỗ trợ đánh giá trong những trường hợp cần thiết. - Tăng trưởng tín dụng xanh với mục tiêu tăng thêm tối thiểu 10% mỗi năm.
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC SẴN SÀNG ĐÁP ỨNG CÁC MỤC TIÊU	- Xây dựng môi trường làm việc tôn trọng, gắn kết, bình đẳng. - Chú trọng đào tạo, chế độ đãi ngộ cho CBNV nhằm phát triển, thu hút và giữ chân nhân tài. - Trở thành Ngân hàng dẫn đầu về Văn hóa tổ chức, nâng cao tinh thần gắn kết và hiệu suất của CBNV.
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THỊNH VƯỢNG, HẠNH PHÚC	- Tiếp tục triển khai các dự án giáo dục: duy trì hoạt động Quỹ UMUM, mục tiêu nhận đỡ đầu thêm 10 em học sinh/năm. - Tiếp tục công tác xóa đói giảm nghèo: tập trung xóa nhà tạm nhà dột nát, trao tặng nhà và hỗ trợ người nghèo theo các chương trình của Chính phủ (trao tặng ít nhất 15 tỷ đồng/năm để xây nhà tình nghĩa giai đoạn 2024–2025). - Tiếp tục các dự án vì môi trường: Quỹ SeAGreen tiếp tục các chương trình nâng cao tinh thần bảo vệ môi trường; tham gia các hoạt động trồng cây xanh với mục tiêu trao tặng 50.000 cây/năm giai đoạn 2024–2025.
HỖ TRỢ NHÓM KHÁCH HÀNG YẾU THỂ	- Hỗ trợ và nâng cao khả năng tiếp cận tài chính cho doanh nghiệp nữ chủ, khách hàng nữ, khách hàng yếu thế. Đặc biệt, nâng cao năng lực và hỗ trợ phi tài chính thông qua hoạt động Câu lạc bộ SeAPower (số lượng doanh nghiệp nữ chủ năm 2024 tăng 40%, tỷ lệ khách hàng hoạt động tăng 150%). - Xây dựng thương hiệu SeABank trở thành “điểm đến tin cậy của doanh nghiệp nữ chủ”, bước đầu được vinh danh tại giải thưởng danh giá của UN Women ở hạng mục “Bình đẳng giới tại thị trường”.
NÂNG CAO QUẢN TRỊ MINH BẠCH, BỀN VỮNG	- Triển khai các khóa đào tạo ESG, nâng cao nhận thức cho toàn bộ nhân viên. Năm 2024, SeABank đã tổ chức khóa “Hướng dẫn quy trình quy định đánh giá rủi ro môi trường xã hội” cho hơn 300 cán bộ bán và cán bộ quản lý mảng KHDN trên toàn hệ thống. - Tăng cường áp dụng các chuẩn quốc tế vào triển khai báo cáo.

► KẾ HOẠCH DÀI HẠN TỚI NĂM 2028:

CHUYỂN ĐỔI BỀN VỮNG	- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh gắn với ESG, đạt mục tiêu giảm trên 20% lượng CO₂ phát thải từ hoạt động nội bộ. - Xây dựng một ngân hàng carbon thấp, đóng vai trò trung tâm trong hệ sinh thái tài chính xanh của Việt Nam.
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	Ứng dụng AI và phân tích dữ liệu lớn vào việc quản lý rủi ro, tối ưu hóa vận hành và nâng cao trải nghiệm khách hàng.
KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ	- Đưa Ngân hàng vào Top 5 Ngân hàng dẫn đầu trong đổi mới và tài chính xanh. - Kế hoạch triển khai PTBV tập trung hơn vào: tăng trưởng tín dụng xanh – quản trị minh bạch – phát triển cộng đồng. Đây không chỉ là cam kết mà còn là chiến lược dài hạn để Ngân hàng khẳng định vị thế trong ngành tài chính bền vững tại Việt Nam và khu vực.





DẤU ẤN HUYỀN THOẠI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024
MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH
MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ



Legendary Footprint

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là "SeABank") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 4 đến trang 72 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của SeABank tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SeABank cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng hoặc các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "SeABank"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 4 đến trang 72.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00184-25-2



Đàm Xuân Lâm
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Lê Nhật Vương
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3849-2022-007-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: triệu VND

A.	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
I	Tiền mặt và vàng	VI.1	963.723	851.299
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN")	VI.2	11.299.668	2.799.895
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	VI.3	70.243.963	48.698.574
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		67919.703	45.808.024
2	Cho vay các TCTD khác		2.324.260	2.890.550
IV	Chứng khoán kinh doanh	VI.4	8.866.716	8.353.236
1	Chứng khoán kinh doanh		8.868.966	8.353.236
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(2.250)	-
VI	Cho vay khách hàng		206.073.210	176.773.874
1	Cho vay khách hàng	VI.5	209.354.643	179.751.893
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	VI.6	(3.281.433)	(2.978.019)
VIII	Chứng khoán đầu tư		19.632.455	14.286.766
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	VI.7a	17.555.894	14.035.545
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	VI.7b	2.427.019	350.458
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	VI.7c	(350.458)	(99.237)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	VI.8	62.069	61.892
4	Đầu tư dài hạn khác		62.432	62.432
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(363)	(540)
X	Tài sản cố định ("TSCĐ")		1.367.030	1.269.298
1	Tài sản cố định hữu hình	VI.9	488.465	551.265
	- Nguyên giá TSCĐ		1.091.952	1.082.873
	- Hao mòn TSCĐ		(603.487)	(531.608)
3	Tài sản cố định vô hình	VI.10	878.565	718.033
	- Nguyên giá TSCĐ		1.163.201	955.941
	- Hao mòn TSCĐ		(284.636)	(237.908)
XI	Bất động sản đầu tư ("BĐSDT")	VI.11	54.010	56.584
	- Nguyên giá BĐSĐT		62.778	64.177
	- Hao mòn BĐSĐT		(8.768)	(7.593)
XII	Tài sản Có khác	VI.12	7.136.004	12.970.497
1	Các khoản phải thu		2.202.813	7.092.858
2	Các khoản lãi, phí phải thu		2.581.613	3.318.857
4	Tài sản Có khác		2.380.855	2.588.785
	- Trong đó: Lợi thế thương mại	VI.13	267.021	338.226
5	Dự phòng rủi ro cho tài sản Có nội bảng khác		(29.277)	(30.003)
TỔNG TÀI SẢN			325.698.848	266.121.915

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: triệu VND

B.	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN		2.064.483	2.538.637
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNNVN	VI.14	2.064.483	2.538.637
II	Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	VI.15	85.303.651	66.698.038
1	Tiền gửi của các TCTD khác		55.895.146	47.046.799
2	Vay từ các TCTD khác		29.408.505	19.651.239
III	Tiền gửi của khách hàng	VI.16	168.320.164	144.840.006
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	VI.17	303.574	107.131
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		1.020	1.020
VI	Phát hành giấy tờ có giá	VI.18	30.450.200	16.846.100
VII	Các khoản nợ khác	VI.19	4.252.901	4.794.144
1	Các khoản lãi, phí phải trả		2.922.277	3.743.466
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		1.330.624	1.050.678
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			290.695.993	235.825.076
VIII	Vốn chủ sở hữu	VI.20	35.002.855	30.296.839
1	Vốn của tổ chức tín dụng		28.353.167	25.063.167
a	- Vốn điều lệ		28.350.000	24.957.000
c	- Thặng dư vốn cổ phần		3.167	106.167
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		2.666.271	1.715.339
5	Lợi nhuận chưa phân phối		3.983.417	3.518.333
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			35.002.855	30.296.839
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			325.698.848	266.121.915

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: triệu VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	31/12/2023
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
2	Cam kết giao dịch hối đoái		
	Cam kết mua ngoại tệ	VI.38355.614	8.707
	Cam kết bán ngoại tệ	VI.38863.634	8.693
	Cam kết mua - giao dịch hoán đổi tiền tệ	VI.3850.051.658	38.549.140
	Cam kết bán - giao dịch hoán đổi tiền tệ	VI.3837.394.340	25.783.528
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VI.382.228.158	6.602.763
5	Bảo lãnh khác (Bảo lãnh bảo hành, thực hiện hợp đồng, tạm ứng)	VI.388.516.675	5.212.031
6	Hợp đồng hoán đổi lãi suất	VI.388.150.314	7.974.600
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	VI.383.370.203	3.674.843
8	Nợ gốc khó đòi đã xử lý	VI.386.000.109	5.012.050
9	Tài sản và chứng từ khác	VI.381.378.227	1.489.332

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt



Nghiêm Thị Thu Nga

Nguyễn Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: triệu VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.2120.716.605	19.718.490
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.22(10.750.195)	(12.647.771)
I.	Thu nhập lãi thuần	9.966.410	7.070.719
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.231.349.283	1.530.991
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	VI.23(237.588)	(223.134)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.231.111.695	1.307.857
III.	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.24570.581	602.470
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.25(172.141)	109.180
V.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.26321.407	128.660
5	Thu nhập từ hoạt động khác	802.566	332.345
6	Chi phí hoạt động khác	(192.964)	(141.624)
VI.	Lãi thuần từ hoạt động khác	VI.27609.602	190.721
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.281.445	14.384
VIII.	Chi phí hoạt động	VI.29(4.130.218)	(3.607.148)
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	8.278.781	5.816.843
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.239.382)	(1.200.285)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.039.399	4.616.558
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.223.373)	(939.603)
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	VI.30(1.223.373)	(939.603)
XIII.	Lợi nhuận sau thuế	4.816.026	3.676.955
XIV.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
XV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	VI.311.648	(điều chỉnh lại) 1.277

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt



Nghiêm Thị Thu Nga

Nguyễn Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		Năm 2024	Năm 2023
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	21.453.849	18.993.726
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(11.571.384)	(12.604.135)
03.	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.109.034	1.306.486
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán	973.318	919.730
05.	Thu nhập khác	16.762	107.608
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	592.417	83.083
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(3.990.812)	(3.479.815)
08.	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(966.506)	(794.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động		7.616.678	4.532.282
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09.	Biến động các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	566.290	715.395
10.	Biến động các khoản về kinh doanh chứng khoán	(4.112.640)	(10.085.392)
11.	Biến động các khoản cho vay khách hàng	(29.602.750)	(25.795.901)
12.	Sử dụng nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(1.935.968)	(655.275)
13.	Biến động khác về tài sản hoạt động	5.093.622	(2.122.044)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
14.	Biến động các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(474.154)	(1.300.059)
15.	Biến động các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác	18.605.613	6.978.411
16.	Biến động các công cụ tài chính phái sinh và các nợ phải trả tài chính khác	196.443	92.168
17.	Biến động tiền gửi của khách hàng	23.480.158	29.292.735
18.	Biến động phát hành giấy tờ có giá	13.604.100	(4.658.500)
20.	Biến động khác về công nợ hoạt động	(86.921)	(75.353)
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	32.950.471	(3.081.533)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		Năm 2024	Năm 2023
01.	Mua sắm tài sản cố định	(236.866)	(310.061)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	423	29
05.	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	8.403	5.276
09.	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	1.445	14.384
II.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(226.595)	(290.372)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01.	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	-	504.000
III.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	504.000
IV.	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	32.723.876	(2.867.905)
V.	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	49.459.218	52.327.123
VII.	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh VI.32)	82.183.094	49.459.218

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập



Nghiêm Thị Thu Nga

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG SỐ	0051/QĐ/NH-GP	ngày 25 tháng 3 năm 1994
	<i>Giấy phép Hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp. Giấy phép Hoạt động Ngân hàng được sửa đổi nhiều lần, và lần sửa đổi gần nhất theo Quyết định số 2378/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 10 năm 2024 của NHNNVN.</i>	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ	0200253985	ngày 14 tháng 1 năm 2005
	<i>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Ngân hàng đã được điều chỉnh nhiều lần, và đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 38 vào ngày 7 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.</i>	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Lê Văn Tấn Bà Nguyễn Thị Nga Bà Lê Thu Thủy Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm Ông Fergus Macdonald Clark Ông Mathew Nevil Welch Bà Trần Thị Thanh Thủy Bà Ngô Thị Nhài	Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên độc lập HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT (từ ngày 17/4/2024) Thành viên HĐQT (đến ngày 16/4/2024)
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Lê Quốc Long Bà Nguyễn Thị Thu Hương Ông Nguyễn Tuấn Cường Ông Vũ Đình Khoán Bà Đặng Thu Trang Ông Hoàng Mạnh Phú Ông Nguyễn Hồng Quang Ông Nguyễn Tuấn Anh Ông Lê Thanh Hải Ông Bùi Quốc Hiệu Bà Trần Thị Thanh Thủy Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh Ông Võ Long Nhi	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 23/2/2024) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 24/2/2024) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/1/2025) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/1/2025) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 16/4/2024) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 22/2/2024) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 23/2/2024)
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	Ông Lê Văn Tấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ	198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
CÔNG TY KIỂM TOÁN	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

II. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ

chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tình chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

2. VỐN ĐIỀU LỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Ngân hàng là 28.350.000 triệu Đồng Việt Nam (31/12/2023: 24.957.000 triệu Đồng Việt Nam).

3. ĐỊA ĐIỂM VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) văn phòng đại diện, bốn mươi chín (49) chi nhánh, một trăm ba mươi

hai (132) phòng giao dịch trên cả nước (31/12/2023: một (01) Hội sở chính, một (01) văn phòng đại diện, bốn mươi chín (49) chi nhánh, một trăm ba mươi hai (132) phòng giao dịch trên cả nước).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có hai (02) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank	0103099985 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 12 năm 2008 và điều chỉnh gần đây nhất là ngày 15 tháng 8 năm 2023.	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện	96/GP-NHNN ngày 28 tháng 9 năm 2018 và sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 50/QĐ-NHNN ngày 9 tháng 1 năm 2023 của Thống đốc NHNNVN.	Tài chính tiêu dùng	100%

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng bao gồm Ngân hàng và các công ty con (được gọi chung là “SeABank”).

4. TỔNG SỐ NHÂN VIÊN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, SeABank có 5.557 nhân viên (31/12/2023: 5.508 nhân viên).

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực kế toán và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo

cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SeABank theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

2. CƠ SỞ ĐO LƯỜNG

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

3. KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của SeABank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

4. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ KẾ TOÁN VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tiền tệ kế toán của SeABank là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất (“Triệu VND”).

IV. THAY ĐỔI VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Áp dụng Thông tư số 31/2024/TT-NHNN và Nghị định số 86/2024/NĐ-CP

Ngày 30 tháng 6 năm 2024, NHNNVN đã ban hành Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản Có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 31”). Thông tư 31 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái (“Nghị định 86”). Nghị định 86 có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

Theo quy định của Thông tư 31, Thông tư số 11/2021/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại các tài sản Có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 11”) hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư 31 có hiệu lực thi hành.

V. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được SeABank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

1. CƠ SỞ HỢP NHẤT

a) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao

Ngân hàng áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 kể từ ngày Thông tư 31 và Nghị định 86 có hiệu lực thi hành. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Ngân hàng và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh V.8.

Áp dụng Thông tư số 21/2024/TT-NHNN

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, NHNNVN đã ban hành Thông tư số 21/2024/TT-NHNN quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng (“Thông tư 21”). Thông tư 21 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Ngân hàng áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 21 kể từ ngày Thông tư 21 có hiệu lực thi hành. Việc áp dụng Thông tư 21 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Ngân hàng và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh V.30.

gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

b) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ SeABank và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp

nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

c) Hợp nhất kinh doanh

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con của SeABank. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí

mua và lợi ích của Ngân hàng trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm để quy đổi.

Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của SeABank được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao ngay vào ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

tại các TCTD khác có thời hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Thông tư 31 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024). Theo đó, SeABank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho tiền gửi có kỳ hạn và cho vay theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.8.

Theo quy định của Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024), Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác.

2. NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay (“tỷ giá giao ngay”) (đối với vàng quy đổi theo tỷ giá bình quân mua và bán vàng) của Ngân hàng tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kế toán năm nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm. Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm thì SeABank sử

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi thanh toán và tiền gửi

4. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

Tiền gửi tại các TCTD khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Cho vay các TCTD khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi có kỳ hạn, trừ tiền gửi thanh toán và cho vay các TCTD khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể. Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác được phản ánh theo số dư gốc.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH VÀ CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

a) Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh, mua để bán trong thời gian không quá 1 năm nhằm hưởng chênh lệch giá mà không có mục đích kiểm soát doanh nghiệp.

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán Nợ và chứng khoán Vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán Nợ được SeABank mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất, SeABank phải chắc chắn về khả năng giữ đến ngày đáo hạn của chứng khoán. Chứng khoán đã được phân loại vào chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ không được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn hoặc chuyển sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

SeABank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, SeABank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

b) Ghi nhận

SeABank ghi nhận chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư vào ngày SeABank trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

c) Đo lường

Chứng khoán nợ

Đối với chứng khoán Nợ là chứng khoán kinh doanh, SeABank ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán (nếu có).

Đối với chứng khoán Nợ là chứng khoán đầu tư, SeABank ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư, bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng rủi ro tín dụng cho chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định dựa trên giá chứng khoán thực tế trên thị trường. Đối với chứng khoán nợ do tổ chức tín dụng khác và tổ chức kinh tế trong nước phát hành đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán thì SeABank không thực hiện trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

Đối với chứng khoán Nợ là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết thì SeABank trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các trái phiếu này theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.8.

Dự phòng rủi ro chứng khoán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Thu nhập lãi sau mua của chứng khoán nợ là chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi nhận được tiền lãi từ tổ chức phát hành (cơ sở thực thu).

Thu nhập lãi sau mua của chứng khoán nợ là chứng khoán đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích ngoại trừ lãi từ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 như được trình bày tại Thuyết minh V.8 được ghi nhận khi thu được (cơ sở thực thu). Khoản tiền lãi dồn tích trước khi SeAbank mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá chứng khoán thực tế trên thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các loại chứng khoán Vốn đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày trích lập dự phòng, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn này được xác định theo chính sách kế toán được

trình bày tại Thuyết minh V.6(b).

Đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn này được xác định theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.6(b).

6. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

a) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và SeABank không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

b) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế mà SeABank đang đầu

d) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SeABank đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

tư phát sinh lỗi dẫn đến SeABank có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của SeABank tại đơn vị đó.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của SeABank đối với các dòng tiền phát

sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi SeABank chuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được thực hiện theo quy định của Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024) như được trình bày tại Thuyết minh V.8.

8. PHÂN LOẠI NỢ VÀ MỨC TRÍCH, PHƯƠNG PHÁP TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

a) Phân loại nợ

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024

Việc phân loại nợ cho các tài sản Có phát sinh từ các hoạt động sau:

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Trả thay theo cam kết ngoại bảng;
- Mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết;

- Ủy thác cấp tín dụng;
- Gửi tiền (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
- Mua bán nợ;
- Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 11.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024

Việc phân loại nợ cho các tài sản Có phát sinh từ các hoạt động sau ("sau đây gọi là các khoản nợ"):

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Trả thay theo cam kết ngoại bảng;
- Mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết;
- Ủy thác cấp tín dụng;
- Gửi tiền (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;

- Mua bán nợ;
- Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Mua chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành
- Nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng;
- Mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo 31.

được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 31.

SeABank thực hiện việc phân loại nợ hàng tháng theo phương pháp định lượng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng như sau:

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Khoản nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
2	Nợ cần chú ý	(a) Khoản nợ quá hạn đến 90 ngày; hoặc (b) Khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Khoản nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: • Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các Tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các Tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 5 Điều 136 Luật các Tổ chức tín dụng. (e) Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn
4	Nợ nghi ngờ	(a) Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày ; hoặc (b) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Khoản nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản.

Khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau đây:

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền, khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm liên tục qua 3 lần đánh giá, phân loại nợ liên tục;
- Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin theo yêu cầu của SeABank để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng;
- Khoản nợ đã được phân loại vào Nhóm 2, Nhóm 3, Nhóm 4 theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 3, Điều 10 của Thông tư 31 từ 01 (một) năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn;
- Khoản nợ mà hành vi cấp tín dụng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Phân loại cam kết ngoại bảng:

- Phân loại vào Nhóm 1 nếu SeABank đánh giá khách hàng có khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo cam kết;
- Phân loại vào Nhóm 2 trở lên nếu SeABank đánh giá khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo cam kết;
- Phân loại vào Nhóm 3 trở lên đối với cam kết ngoại

bảng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điểm c(iv), Khoản 1, Điều 10, Thông tư 31.

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, SeABank phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày SeABank thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn từ 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với SeABank mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì SeABank phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao nhất.

Ngân hàng cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN ("CIC") cung cấp để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn

SeABank áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 ("Thông tư 02") do NHNNVN ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn và Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 ("Thông tư 06") do NHNNVN ban hành sửa, bổ sung một số điều của Thông tư 02. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ:

- Dư nợ gốc phát sinh trước ngày 24 tháng 4 năm 2023 và từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính;
- Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024;
- Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận;
- Được SeABank đánh giá là các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm so với doanh thu,

thu nhập tại phương án trả nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận; và được Ngân hàng đánh giá có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại; và

- Không vi phạm pháp luật;

thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như nhóm nợ tại thời điểm gần nhất trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

b) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024), Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau:

Nhóm nợ	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Giá trị và tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024), theo đó từng loại tài sản bảo đảm có tỷ lệ khấu trừ tối đa nhất định cho mục đích tính toán dự phòng rủi ro.

Giá trị của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 11.

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

STT	Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ
1.	Số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam tại SeABank	100%
2.	Trái phiếu Chính phủ, vàng miếng theo quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh vàng; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ tại SeABank;	95%
3.	Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; công cụ chuyển nhượng, trái phiếu do SeABank phát hành; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi do Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành có thời hạn còn lại dưới 1 năm	95%
4.	Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; công cụ chuyển nhượng, trái phiếu do SeABank phát hành; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi do Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm	85%
5.	Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; công cụ chuyển nhượng, trái phiếu do chính SeABank phát hành; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi do Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành có thời hạn còn lại trên 5 năm	80%
6.	Chứng khoán do các Tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
7.	Chứng khoán do doanh nghiệp (trừ Tổ chức tín dụng) phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
8.	Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại Khoản 3,4,5 Điều này, do Tổ chức tín dụng có niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	50%
9.	Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại Khoản 3,4,5 Điều này, do Tổ chức tín dụng khác chưa niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
10.	Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
11.	Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp chưa niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
12.	Bất động sản	50%
13.	Các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Trích lập dự phòng cụ thể bổ sung theo Thông tư 02

Ngân hàng xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 06 như sau:

Dự phòng bổ sung từng giai đoạn	Thời hạn trích
Tối thiểu 50% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023
100% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, SeABank đã thực hiện trích lập 100% tổng số dự phòng cụ thể bổ sung nêu trên.

c) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024), dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4, trừ các khoản nợ sau đây:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
- Khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- Khoản mua chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;
- Khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Khoản nợ phát sinh từ hoạt động quy định tại Khoản 2, Điều 3, Nghị định 86 giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH

a) Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng phái sinh tiền tệ bao gồm: hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết mua/bán một lượng ngoại tệ với đồng VND hoặc với một ngoại tệ khác tại một ngày trong tương lai với tỷ giá kỳ hạn được xác định tại ngày giao dịch. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch do đánh giá lại cuối mỗi tháng được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam

d) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024), các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân). Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

e) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Thông tư 31 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024), việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi SeABank được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.8.

kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là giao dịch giữa hai bên, cam kết thực hiện giao dịch bao gồm một giao dịch mua và một giao dịch bán cùng số lượng một loại ngoại tệ này với một loại ngoại tệ khác với tỷ giá của hai giao dịch xác định tại thời điểm giao dịch và ngày thanh toán của hai giao dịch là khác nhau. Một giao dịch hoán đổi tiền tệ có thể gồm hai giao dịch giao ngay, hai giao dịch kỳ hạn hoặc một giao dịch giao ngay và một giao dịch kỳ hạn. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá của hai giao dịch sẽ được ghi nhận tại ngày thanh toán của giao dịch thứ nhất của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian của hợp đồng hoán đổi.

b) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên một hoặc nhiều khoản tiền vốn danh nghĩa. Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền được theo dõi trên tài khoản ngoại bảng tại khoản mục “Hợp đồng hoán đổi lãi suất”. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền trao đổi gốc đầu kỳ và cuối kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính

hợp nhất, các khoản thu nhập và chi phí với lãi suất tương ứng phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền chỉ trao đổi gốc cuối kỳ mà không trao đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn ngoại tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự giống như các hợp đồng kỳ hạn. Các khoản thu nhập và chi phí với lãi suất tương ứng phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận

vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
Các tài sản cố định khác	5 năm

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

a) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 – 15 năm.

b) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất lâu dài được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất lâu dài bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí

này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa, vật kiến trúc là 10 – 50 năm. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài không được tính khấu hao.

13. CÁC TÀI SẢN CÓ KHÁC

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, SeABank thực hiện trích lập dự phòng theo thời gian

quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Mức trích dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

14. DỰ PHÒNG KHÁC

Một khoản dự phòng, ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở Thuyết minh V.4, V.5, V.6, V.7, V.8 và V.13 được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, SeABank có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai

để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

15. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

16. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

Các khoản nhận ủy thác mà SeABank chịu rủi ro là các khoản nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay để sử dụng theo các mục đích chỉ định, SeABank có trách nhiệm hoàn trả vốn này khi đến hạn, SeABank ghi nhận số vốn

nhận được là một khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, đồng thời ghi nhận các hoạt động đầu tư, cho vay vào báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của SeABank.

17. GIẤY TỜ CÓ GIÁ ĐÃ PHÁT HÀNH

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phụ trội và chiết khấu được phân bổ. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số

tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

19. VỐN CỔ PHẦN

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch (tăng hoặc giảm) do giá phát hành cổ phiếu cao hoặc thấp hơn mệnh giá.

20. CÁC QUỸ DỰ TRỮ

a) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng và Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt

Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng (“Nghị định 93”), Ngân hàng và Công ty T Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài

chính đối với các tổ chức tín dụng (“Nghị định 93”), Ngân hàng và Công ty T Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu của Ngân hàng được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ này được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

b) Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty TNHH Một

thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank được yêu cầu thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng mẹ.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của SeABank.

22. DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

a) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 như trình bày tại Thuyết minh V.8 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng Thông tư 02 và Thông tư 06, như trình bày tại Thuyết minh V.8, được ghi nhận khi SeABank thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 như trình bày tại Thuyết minh V.8 hoặc được giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng Thông tư 02 và Thông tư 06 như trình bày tại Thuyết minh V.8 thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

c) Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo

cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán được bán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của SeABank được xác lập. Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, SeABank chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

23. CHI PHÍ LÃI

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

25. CÁC KHOẢN THANH TOÁN CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

26. THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp

27. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của SeABank bao gồm các trường hợp sau đây:

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng;
- Vợ, chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng, con đẻ con nuôi con riêng, anh, chị, em cùng cha mẹ, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, anh vợ, chị vợ em vợ, anh chồng chị chồng em chồng, anh rể, em rể, chị dâu em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; Ông bà nội ông bà ngoại; cháu ruột cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột của

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

SeABank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của SeABank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia

bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Ngân hàng và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Ngân hàng; và
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm kết thúc cùng ngày, Ngân hàng không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của SeABank là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

30. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM ẨN

Tại bất cứ thời điểm nào SeABank cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. SeABank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024, khi nhận được thông báo của ngân hàng hoàn trả là đã thực hiện thanh

toán cho bên thụ hưởng, Ngân hàng ghi nhận khoản tiền phải trả cho ngân hàng hoàn trả là một khoản vay tổ chức tín dụng khác, đồng thời ghi nhận khoản tiền phải thu từ khách hàng vào tài sản Có khác.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, khi ngân hàng hoàn trả thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng, Ngân hàng phải nhận nợ với ngân hàng hoàn trả, đồng thời khách hàng phải nhận nợ với Ngân hàng số tiền ngân hàng hoàn trả đã thanh toán cho bên thụ hưởng theo cam kết tại thư tín dụng. Khi nhận được thông báo của ngân hàng hoàn trả là đã thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng, Ngân hàng ghi nhận khoản tiền đã nhận nợ với ngân hàng hoàn trả là một khoản vay tổ chức tín dụng khác, đồng thời ghi nhận khoản tiền mà khách hàng đã nhận nợ là một khoản cho vay khách hàng.

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động hợp nhất của SeABank, tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, SeABank phân loại các công cụ tài chính như sau:

a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động

- Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, SeABank xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà SeABank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được SeABank xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua

báo cáo kết quả hoạt động;

- các tài sản tài chính đã được SeABank xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; hoặc
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà SeABank có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản được SeABank xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà SeABank có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

b) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

32. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm

33. SỐ DƯ BẰNG KHÔNG

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 49/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 49") và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, SeABank xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày tại các thuyết minh liên quan khác.

hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SeABank trong năm trước.

29 tháng 4 năm 2004 và chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ bằng VND	819.034	683.601
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	139.742	141.070
Vàng	4.947	26.628
	963.723	851.299

2. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền gửi thanh toán tại NHNNVN bằng VND	10.922.509	2.365.794
Tiền gửi thanh toán tại NHNNVN bằng ngoại tệ	377.159	334.101
Tiền ký quỹ bảo lãnh bằng VND	-	100.000
	11.299.668	2.799.895

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn

bình quân số dư tiền gửi khách hàng cá nhân và doanh nghiệp của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

3. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	11.375.128	8.462.374
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	10.608.790	7.750.688
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	766.338	711.686
Tiền gửi có kỳ hạn	56.544.575	37.345.650
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	37.379.520	26.489.300
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	19.165.055	10.856.350
	67.919.703	45.808.024
Cho vay các TCTD khác		
Cho vay các TCTD khác bằng VND	2.324.260	2.890.550
Trong đó: chiết khấu, tái chiết khấu	42.260	-
	2.324.260	2.890.550
	70.243.963	48.698.574

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	58.868.835	40.236.200

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,70% - 6,30%	0,75% - 4,40%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,40% - 5,00%	5,00% - 5,40%
Cho vay bằng VND	4,70% - 6,50%	8,87% - 9,34%

4. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Chứng khoán Nợ		
Trái phiếu Chính phủ	4.745.046	7.953.030
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	1.104.802	200.000
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	-	200.206
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	3.019.118	-
	8.868.966	8.353.236
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		
Dự phòng chung chứng khoán kinh doanh (i)	(2.250)	-
	8.866.716	8.353.236

Trạng thái niêm yết của các trái phiếu tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Đã niêm yết	7.464.164	8.153.236
Chưa niêm yết	300.000	-

Phân tích chất lượng trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	300.000	-

Kỳ hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Trái phiếu Chính phủ	10 năm – 15 năm	2,10% – 5,10%	10 năm – 30 năm	2,10% – 8,00%
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	5,5 tháng – 1 năm	6,50% – 7,50%	1 năm	10,20%
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	Không có	Không có	15 năm	3,60%
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	5 năm	12,00% – 12,85%	Không có	Không có

(i) Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Dự phòng chung chứng khoán kinh doanh	(2.250)	-

Biến động dự phòng chung chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh VI.25)	2.250	-
Số dư cuối năm	2.250	-

5. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	208.971.041	179.413.776
Các khoản trả thay khách hàng	74.952	6.965
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài	308.650	331.152
	209.354.643	179.751.893

Phân tích chất lượng nợ cho vay khách hàng:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	204.036.375	174.248.560
Nợ cần chú ý	1.358.912	2.020.336
Nợ dưới tiêu chuẩn	202.862	383.457
Nợ nghi ngờ	695.091	864.311
Nợ có khả năng mất vốn	3.061.403	2.235.229
	209.354.643	179.751.893

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo thời hạn cho vay:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	104.496.969	63.303.785
Nợ trung hạn	73.586.267	88.769.906
Nợ dài hạn	31.271.407	27.678.202
	209.354.643	179.751.893

Phân tích cho vay khách hàng theo loại tiền tệ:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Cho vay bằng VND	203.812.898	177.702.475
Cho vay bằng ngoại tệ	5.541.745	2.049.418
	209.354.643	179.751.893

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
Cho vay khách hàng bằng VND	2,77% - 13,50%	3,26% - 12,00%
Cho vay khách hàng bằng ngoại tệ	3,30% - 7,63%	2,50% - 6,60%

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Công ty Nhà nước	1.610.417	1.256.281
Công ty Cổ phần Vốn Nhà nước trên 50%	2.462.030	3.594.802
Công ty Cổ phần khác	69.472.202	59.225.732
Công ty TNHH khác	90.162.333	78.274.465
Doanh nghiệp tư nhân	36.973	112.657
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	533.608	400.056
Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã	32.786	22.656
Hộ kinh doanh, cá nhân	45.013.591	36.857.784
Thành phần kinh tế khác	30.703	7.460
	209.354.643	179.751.893

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	200.642	348.709
Khai khoáng	1.349.558	1.258.422
Công nghiệp chế biến, chế tạo	17.705.332	15.341.450
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1.563.680	1.594.262
Xây dựng	10.463.950	7.461.319
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	33.489.746	27.394.555
Vận tải kho bãi	13.593.541	12.859.261
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	14.386.765	12.507.611
Thông tin và truyền thông	5.711.977	5.241.000
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	7.729.440	3.486.303
Hoạt động kinh doanh bất động sản	9.949.817	8.886.123
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	12.026.908	10.747.000
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	8.017.345	5.736.500
Giáo dục và đào tạo	2.083	1.300
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	83.628	81.756
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	15.489.724	14.454.873
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	45.013.587	36.857.784
Hoạt động dịch vụ khác	12.576.920	15.493.665
	209.354.643	179.751.893

6. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	1.548.258	1.333.794
Dự phòng cụ thể (ii)	1.733.175	1.644.225
	3.281.433	2.978.019

(i) Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng trong năm như sau:

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.333.794	1.141.268
Trích lập dự phòng trong năm	214.464	192.526
Số dư cuối năm	1.333.794	1.333.794

(ii) Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng trong năm như sau:

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.644.225	1.291.741
Trích lập dự phòng trong năm	2.024.918	1.007.759
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.935.968)	(655.275)
Số dư cuối năm	1.733.175	1.644.225

7. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

a. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Chứng khoán Nợ		
- Trái phiếu Chính phủ	10.340.000	10.764.582
- Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	2.633.098	2.938.909
- Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	3.850.364	250.000
- Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	650.378	-
	17.473.840	13.953.491
Chứng khoán Vốn		
- Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	82.054	82.054
	17.555.894	14.035.545

Phân tích chất lượng trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.900.000	2.450.000

Kỳ hạn và lãi suất của các chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Trái phiếu Chính phủ	7 năm - 30 năm	2,20% - 6,50%	7 năm - 30 năm	2,20% - 6,50%
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	8 năm - 15 năm	2,50% - 8,50%	3 năm - 15 năm	2,50% - 9,00%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	4 năm - 7 năm	8,62% - 12,50%	4 năm	10,225%
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	6 tháng - 1 năm	6,00% - 7,00%	Không có	Không có

b. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.000.000	-
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	427.019	350.458
	2.427.019	350.458

Phân tích chất lượng trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	76.561	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	319.364
Nợ có khả năng mất vốn	350.458	31.094
	427.019	350.458

Kỳ hạn và lãi suất của các chứng khoán nợ đầu tư giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Kỳ hạn	Lãi suất	Kỳ hạn	Lãi suất
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7 ngày	4,00%	Không có	Không có
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1 năm - 10 năm	8,00% - 9,20%	1 năm - 10 năm	8,00% - 8,90%

c. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Dự phòng chung chứng khoán đầu tư (i)	-	4.270
Dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	350.458	94.967
	350.458	99.237

(i) Biến động dự phòng chung chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	4.270	4.270
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh VI.26)	(4.270)	-
Số dư cuối năm	-	4.270

(ii) Biến động dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	94.967	15.547
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh VI.26)	255.491	79.420
Số dư cuối năm	350.458	94.967

8. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác (i)	62.432	62.432
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (ii)	(363)	(540)
	62.069	61.892

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc (Triệu VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc (Triệu VND)	Tỷ lệ sở hữu
Đầu tư dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	3.300	1,06%	3.300	1,06%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	4.800	1,59%	4.800	1,59%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	10.000	5,00%	10.000	5,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	10.000	8,33%	10.000	8,33%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	11.000	2,20%	11.000	2,20%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	12.470	9,59%	12.470	9,59%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	7.500	2,83%	7.500	2,83%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Số liệu Toàn Cầu	2.670	2,13%	2.670	2,13%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhân trí Việt Nam	436	9,99%	436	9,99%
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện (PTICC)	256	0,46%	256	0,45%
	62.432		62.432	

(ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	540	1.119
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh VI.29)	(177)	(579)
Số dư cuối năm	363	540

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	19.075	480.916	422.964	120.021	39.897	1.082.873
Mua trong năm	-	1.175	13.999	13.663	769	29.606
Thanh lý, nhượng bán	(398)	(1.268)	(2.409)	(15.112)	(1.340)	(20.527)
Số dư cuối năm	18.677	480.823	434.554	118.572	39.326	1.091.952
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.712	193.915	223.702	94.968	12.311	531.608
Khấu hao trong năm	854	37.468	38.318	11.287	4.479	92.406
Thanh lý, nhượng bán	(398)	(1.268)	(2.409)	(15.112)	(1.340)	(20.527)
Số dư cuối năm	7.168	230.115	259.611	91.143	15.450	603.487
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	12.363	287.001	199.262	25.053	27.586	551.265
Số dư cuối năm	11.509	250.708	174.943	27.429	23.876	488.465

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	19.075	321.200	396.022	119.032	22.350	877.679
Mua trong năm	-	160.190	27.042	3.633	17.655	208.520
Thanh lý, nhượng bán	-	(474)	(100)	(2.644)	(108)	(3.326)
Số dư cuối năm	19.075	480.916	422.964	120.021	39.897	1.082.873
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.842	162.725	186.294	85.997	9.632	450.490
Khấu hao trong năm	870	31.664	37.508	11.615	2.787	84.444
Thanh lý, nhượng bán	-	(474)	(100)	(2.644)	(108)	(3.326)
Số dư cuối năm	6.712	193.915	223.702	94.968	12.311	531.608
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	13.233	158.475	209.728	33.035	12.718	427.189
Số dư cuối năm	12.363	287.001	199.262	25.053	27.586	551.265

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 130.072 triệu VND (31/12/2023: 86.817 triệu VND).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	384.373	558.122	13.446	955.941
Mua trong năm	156.362	50.898	-	207.260
Số dư cuối năm	540.735	609.020	13.446	1.163.201
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	228.903	9.005	237.908
Khấu hao trong năm	-	45.383	1.345	46.728
Số dư cuối năm	-	274.286	10.350	284.636
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	384.373	329.219	4.441	718.033
Số dư cuối năm	540.735	334.734	3.096	878.565

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	384.373	456.580	13.446	854.399
Mua trong năm	-	101.542	-	101.542
Số dư cuối năm	384.373	558.122	13.446	955.941
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	188.542	7.354	195.896
Khấu hao trong năm	-	40.361	1.651	42.012
Số dư cuối năm	-	228.903	9.005	237.908
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	384.373	268.038	6.092	658.503
Số dư cuối năm	384.373	329.219	4.441	718.033

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 58.870 triệu VND (31/12/2023: 47.891 triệu VND).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	21.620	42.557	64.177
Số tăng trong năm	1.070	-	1.070
Số giảm trong năm	(2.469)	-	(2.469)
Số dư cuối năm	20.221	42.557	62.778
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	7.593	7.593
Khấu hao trong năm	-	1.175	1.175
Số dư cuối năm	-	8.768	8.768
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	21.620	34.964	56.584
Số dư cuối năm	20.221	33.789	54.010

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	21.912	42.554	64.466
Số tăng trong năm	3.613	3	3.616
Số giảm trong năm	(3.905)	-	(3.905)
Số dư cuối năm	21.620	42.557	64.177
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	6.419	6.419
Số tăng trong năm	-	1.174	1.174
Số dư cuối năm	-	7.593	7.593
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	21.912	36.135	58.047
Số dư cuối năm	21.620	34.964	56.584

12. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Các khoản phải thu	2.202.813	7.092.858
Các khoản phải thu nội bộ	440.173	429.589
Các khoản phải thu bên ngoài	1.762.640	6.663.269
Các khoản lãi, phí phải thu	2.581.613	3.318.857
Tài sản Có khác	2.380.855	2.588.785
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (i)	(29.277)	(30.003)
	7.136.004	12.970.497

Phân tích chất lượng các tài sản Có được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.056.000	-

(i) Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	30.003	40.430
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh VI.29)	(726)	282
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(10.709)
Số dư cuối năm	29.277	30.003

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tổng giá trị lợi thế thương mại (“LTTM”)	712.055	712.055
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	373.829	302.624
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	338.226	409.431
Lợi thế thương mại giảm trong năm	71.205	71.205
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	71.205	71.205
Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối năm	267.021	338.226

14. TIỀN GỬI VÀ VAY CHÍNH PHỦ, NHNNVN

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	-	439.123
Vay NHNNVN	2.064.483	2.099.514
	2.064.483	2.538.637

15. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	10.514.081	7.713.899
Bảng VND	10.514.081	7.713.899
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	45.381.065	39.332.900
Bảng VND	41.697.920	37.392.100
Bảng ngoại tệ	3.683.145	1.940.800
	55.895.146	47.046.799
Vay các TCTD khác		
Bảng VND	12.183.065	5.563.887
Trong đó:		
- Vay chiết khấu tái chiết khấu	6.993.632	-
- Vay khác	5.189.433	5.563.887
Bảng ngoại tệ (i)	17.225.440	14.087.352
	29.408.505	19.651.239
	85.303.651	66.698.038

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm khoản vay chuyển đổi của Tổ chức Tài chính Quốc tế (“IFC”) với số tiền là 75 triệu USD và khoản vay chuyển đổi của Norfund, the Norwegian Investment Fund for Developing Countries (“Norfund”) với số tiền là 30 triệu USD (31/12/2023: bao gồm khoản vay chuyển đổi của IFC với số tiền là 75 triệu USD).

IFC và Norfund có thể chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay này thành cổ phiếu của Ngân hàng trong thời hạn của khoản vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các bên cho vay chưa thực hiện chuyển đổi các khoản vay nêu trên.

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,80% – 6,35%	0,70% – 4,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,70% – 4,95%	5,30% – 5,40%
Tiền vay bằng VND	4,00% – 10,00%	3,28% – 9,34%
Tiền vay bằng ngoại tệ	4,39% – 8,43%	0,57% – 8,64%

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	31.560.724	15.794.593
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	30.592.350	15.083.660
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	968.374	710.933
Tiền gửi có kỳ hạn	135.664.655	128.138.764
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	135.262.759	127.685.843
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	401.896	452.921
Tiền gửi vốn chuyên dùng	379.872	410.674
Tiền gửi ký quỹ	714.913	495.975
	168.320.164	144.840.006

Phân tích số dư tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Công ty Nhà nước	14.821.908	15.467.735
Công ty Cổ phần có vốn Nhà nước trên 50%	5.034.134	3.818.036
Công ty Cổ phần khác	34.601.355	26.370.495
Công ty TNHH khác	19.298.067	8.506.849
Công ty hợp danh	2.213	6.816
Doanh nghiệp tư nhân	88.428	116.808
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.038.783	678.669
Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã	49.722	37.010
Hộ kinh doanh, cá nhân	92.768.783	89.077.488
Thành phần kinh tế khác	616.771	760.100
	168.320.164	144.840.006

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,10% - 0,50%	0,20% - 0,50%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,50% - 6,75%	0,50% - 6,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%

17. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá ngày lập báo cáo)		
		Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	13.379.356	7.868	154.598	(146.730)
Giao dịch kỳ hạn lãi suất	66.606	9	2.011	(2.002)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	86.670.810	469.243	450.891	18.352
Giao dịch hoán đổi lãi suất	3.738.560	-	173.194	(173.194)
	103.855.332	477.120	780.694	(303.574)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	34.926.220	137.173	128.441	8.732
Giao dịch kỳ hạn lãi suất	228.208	228	1.930	(1.702)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	63.785.077	231.271	347.952	(116.681)
Giao dịch hoán đổi lãi suất	3.738.560	6.300	3.780	2.520
	102.678.065	374.972	482.103	(107.131)

18. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Trái phiếu có kỳ hạn	1.250.000	5.849.000
- Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	-	4.199.000
- Từ 5 năm trở lên	1.250.000	1.650.000
Chứng chỉ tiền gửi	29.200.200	10.997.100
	30.450.200	16.846.100

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
Trái phiếu có kỳ hạn		
- Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	Không có	4,10% - 4,70%
- Từ 5 năm trở lên	6,60% - 9,00%	6,60% - 9,00%
Chứng chỉ tiền gửi	5,10% - 7,85%	6,00% - 8,80%

19. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả	2.922.277	3.743.466
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.330.624	1.050.678
Các khoản phải trả nội bộ	18.497	13.262
Các khoản phải trả bên ngoài	1.100.970	892.434
Trong đó:		
- Doanh thu chờ phân bổ	2.157	1.718
- Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh VI.33)	856.402	587.526
- Các khoản phải trả khác	242.411	303.190
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	211.157	144.982
	4.252.901	4.794.144

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	24.957.000	106.167	1.318.509	396.830	3.518.333	30.296.839
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.816.026	4.816.026
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	3.290.000	-	-	-	(3.290.000)	-
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	103.000	(103.000)	-	-	-	-
Trích quỹ dự trữ bắt buộc trong năm	-	-	475.466	475.466	(950.932)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(110.010)	(110.010)
Số dư tại ngày 31/12/2024	28.350.000	3.167	1.793.975	872.296	3.983.417	35.002.855

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	20.402.983	1.204.184	945.594	210.373	3.469.086	26.232.220
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.676.955	3.676.955
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	420.000	84.000	-	-	-	504.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	2.952.000	-	-	-	(2.952.000)	-
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	1.182.017	(1.182.017)	-	-	-	-
Trích quỹ dự trữ bắt buộc trong năm	-	-	372.915	186.457	(559.372)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(116.336)	(116.336)
Số dư tại ngày 31/12/2023	24.957.000	106.167	1.318.509	396.830	3.518.333	30.296.839

Vốn cổ phần

	31/12/2024		31/12/2023	
	Tổng số Cổ phiếu	Triệu VND	Tổng số Cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.835.000.000	28.350.000	2.495.700.000	24.957.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.835.000.000	28.350.000	2.495.700.000	24.957.000

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm 2024		Năm 2023	
	Số cổ phiếu	Triệu VND	Số cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	2.495.700.000	24.957.000	2.040.298.268	20.402.983
Cổ phiếu phát hành trong năm	339.300.000	3.393.000	455.401.732	4.554.017
Số dư cuối năm	2.835.000.000	28.350.000	2.495.700.000	24.957.000

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã ban hành Nghị quyết số 494/2024/NQ-HĐQT về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Ngày 21 tháng 6 năm 2024, Ngân hàng đã gửi Tờ trình số 497/2024/TTr-HĐQT lên NHNNVN để nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ và nhận được Công văn số 5373/NHNN-TTGSNH của NHNNVN ngày 28 tháng 6 năm 2024 chấp thuận việc Ngân hàng tăng vốn điều lệ thêm tối đa 3.843.000 triệu VND; trong đó, bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tối đa 3.290.000 triệu VND, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tối đa 103.000 triệu VND, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng tối đa 450.000 triệu VND.

Ngày 4 tháng 9 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Thông báo số 5608/UBCK-QLCB về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Báo cáo kết quả phát hành số 748/2024/BC-SeABank ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện phân phối 10.300.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngày 4 tháng 9 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Thông báo số 5609/UBCK-QLCB về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Báo cáo kết quả phát hành số 747/2024/BC-SeABank ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện phân phối 329.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	1.678.542	1.376.487
Thu nhập lãi cho vay	18.031.205	17.336.233
Thu nhập lãi từ đầu tư chứng khoán	729.057	754.167
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	127.887	105.059
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	149.914	146.544
	20.716.605	19.718.490

22. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	7.884.456	9.770.507
Chi phí lãi tiền vay	1.596.459	1.558.062
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	939.258	1.214.618
Chi phí hoạt động tín dụng khác	330.022	104.584
	10.750.195	12.647.771

23. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.349.283	1.530.991
- Thu từ dịch vụ thanh toán	496.228	1.014.792
- Thu từ dịch vụ ngân quỹ	3.608	3.718
- Thu từ dịch vụ đại lý bảo hiểm	235.083	173.661
- Thu từ dịch vụ khác	614.364	338.820
Chi phí cho hoạt động dịch vụ	(237.588)	(223.134)
- Chi về dịch vụ thanh toán	(106.004)	(89.796)
- Chi về hoạt động ngân quỹ	(18.295)	(19.372)
- Chi phí dịch vụ khác	(113.289)	(113.966)
	1.111.695	1.307.857

24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.559.744	2.836.194
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	781.860	1.438.780
- Thu từ kinh doanh vàng	1.533	2.337
- Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	776.351	1.395.077
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(989.163)	(2.233.724)
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(39.027)	(51.608)
- Chi về kinh doanh vàng	(54)	(5)
- Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(950.082)	(2.182.111)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	570.581	602.470

25. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.242.784	580.265
Lỗ về mua bán chứng khoán kinh doanh	(1.412.675)	(471.085)
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trích lập trong năm (Thuyết minh VI.4)	(2.250)	-
	(172.141)	109.180

26. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.000.236	364.808
Lỗ về mua bán chứng khoán đầu tư	(427.608)	(156.728)
Dự phòng chung chứng khoán đầu tư hoàn nhập trong năm (Thuyết minh VI.7(c))	4.270	-
Dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư trích lập trong năm (Thuyết minh VI.7(c))	(255.491)	(79.420)
	321.407	128.660

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	802.566	332.345
- Thu nhập từ các công cụ tài chính phái sinh khác	164.141	234.650
- Thu nhập từ các khoản nợ đã được xử lý	592.417	83.083
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	46.008	14.612
Chi phí liên quan đến hoạt động khác	(192.964)	(141.624)
- Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(172.560)	(128.654)
- Chi phí hoạt động kinh doanh khác	(20.404)	(12.970)
	609.602	190.721

28. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	1.445	14.384

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	108.046	41.292
Chi phí cho nhân viên	2.113.460	1.856.595
- Chi lương và phụ cấp	1.954.954	1.715.013
- Các khoản chi đóng góp theo lương	120.948	112.363
- Chi trợ cấp	379	177
- Các khoản chi khác	37.179	29.042
Chi về tài sản	774.028	671.177
- Chi khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	140.309	126.456
- Chi khác về tài sản	633.719	544.721
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	705.592	653.260
- Công tác phí	42.927	37.410
- Chi vật liệu và giấy tờ in	28.355	38.817
- Chi bưu phí và điện thoại	40.318	42.518
- Chi khác cho hoạt động quản lý	593.992	534.515
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo đảm tiền gửi của khách hàng	135.804	117.411
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh VI.13)	71.205	71.205
Chi phí hoạt động khác	222.986	196.505
Hoàn nhập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh VI.8)	(177)	(579)
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng cho các tài sản Có khác (Thuyết minh VI.12)	(726)	282
	4.130.218	3.607.148

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế TNDN	6.039.399	4.616.558
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia không chịu thuế	(1.445)	(14.384)
- Chi phí không được khấu trừ cho mục đích thuế	6.413	18.325
- Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	71.205	71.205
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh thông thường	6.115.572	4.691.704
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.223.114	938.341
Chi phí thuế TNDN nộp bổ sung năm trước	259	1.262
Tổng chi phí thuế TNDN	1.223.373	939.603

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

a. Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 (điều chỉnh lại) Triệu VND	Năm 2023 (như đã trình bày trước đây) Triệu VND
Lợi nhuận thuần trong năm	4.816.026	3.676.955	3.676.955
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(144.481)	(110.010)	(110.309)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.671.545	3.566.945	3.566.646

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ngân hàng ước tính rằng số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bằng 3% lợi nhuận thuần trong năm.

b. Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	Năm 2024	Năm 2023 (điều chỉnh lại)	Năm 2023 (như đã trình bày trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	2.495.700.000	2.040.298.268	2.040.298.268
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2022	-	295.200.000	295.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2022	-	118.201.732	118.201.732
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2023	-	1.265.753	1.265.753
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2023	329.000.000	329.000.000	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2023	10.300.000	10.300.000	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	2.835.000.000	2.794.265.753	2.454.965.753

c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023 (điều chỉnh lại)	Năm 2023 (như đã trình bày trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.648	1.277	1.453

32. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	963.723	851.299
Tiền gửi tại NHNNVN	11.299.668	2.799.895
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	11.375.128	8.462.374
Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	56.544.575	37.345.650
Tín phiếu NHNNVN với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	2.000.000	-
	82.183.094	49.459.218

33. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Phát sinh trong năm			
	1/1/2024 Triệu VND	Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	22.132	191.754	(183.037)	30.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	555.416	1.223.373	(966.506)	812.283
Thuế thu nhập cá nhân	9.978	192.521	(189.229)	13.270
Các loại thuế khác	-	80.638	(80.638)	-
	587.526	1.688.286	(1.419.410)	856.402

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Phát sinh trong năm			
	1/1/2023 Triệu VND	Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	13.944	84.057	(75.869)	22.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp	410.214	939.603	(794.401)	555.416
Thuế thu nhập cá nhân	10.157	158.795	(158.974)	9.978
Các loại thuế khác	-	59.209	(59.209)	-
	434.315	1.241.664	(1.088.453)	587.526

34. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của SeABank tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Tổng dư nợ cho vay của khách hàng và các TCTD Triệu VND	Tổng tiền gửi của khách hàng và các TCTD Triệu VND	Các cam kết tín dụng Triệu VND	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác (thuần) Triệu VND	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán Triệu VND
Trong nước	211.370.253	224.150.362	10.744.833	303.574	28.851.879
Nước ngoài	308.650	64.948	-	-	-
	211.678.903	224.215.310	10.744.833	303.574	28.851.879

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của SeABank tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Tổng dư nợ cho vay của khách hàng và các TCTD Triệu VND	Tổng tiền gửi của khách hàng và các TCTD Triệu VND	Các cam kết tín dụng Triệu VND	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác (thuần) Triệu VND	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán Triệu VND
Trong nước	182.311.291	191.850.365	11.814.794	107.131	22.739.239
Nước ngoài	331.152	36.440	-	-	-
	182.642.443	191.886.805	11.814.794	107.131	22.739.239

35. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

a. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thể chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Bất động sản	328.199.221	186.213.593
Động sản	8.735.928	10.047.272
Giấy tờ có giá	75.836.085	46.796.355
Các tài sản đảm bảo khác	84.579.205	68.321.080
	497.350.439	311.378.300

b. Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Chứng khoán kinh doanh	2.085.000	-
- Trái phiếu Chính phủ	2.085.000	-
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	6.906.000	2.364.610
- Trái phiếu Chính phủ	4.998.000	149.610
- Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành	1.908.000	2.215.000
	8.991.000	2.364.610

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của SeABank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

a. Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực sau:

Hoạt động ngân hàng:	Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm: - Nhận tiền gửi; - Cấp tín dụng; - Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; và - Các hoạt động ngân hàng khác.
Hoạt động công ty tài chính:	Cho vay tiêu dùng và các hoạt động tài chính khác
Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản:	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày trong bảng sau:

Năm 2024		Hoạt động ngân hàng Triệu VND	Hoạt động công ty tài chính Triệu VND	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản Triệu VND	Loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất Triệu VND	Hợp nhất Triệu VND
Doanh thu						
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		19.629.730	1.213.507	23.865	(150.497)	20.716.605
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.297.718	21.542	34.071	(4.048)	1.349.283
Thu nhập từ các hoạt động khác		4.590.055	14.374	2.346	-	4.606.775
		25.517.503	1.249.423	60.282	(154.545)	26.672.663
Chi phí						
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		10.771.932	128.569	191	(150.497)	10.750.195
Chi phí hoạt động dịch vụ		221.072	1.326	15.190	-	237.588
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh		3.272.485	1.190	2.206	-	3.275.881
Chi phí hoạt động		3.827.587	227.261	8.212	67.158	4.130.218
		18.093.076	358.346	25.799	(83.339)	18.393.882
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		7.424.427	891.077	34.483	(71.206)	8.278.781
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.514.956	724.426	-	-	2.239.382
Kết quả kinh doanh bộ phận		5.909.471	166.651	34.483	(71.206)	6.039.399
Tại ngày 31/12/2024						
Tài sản						
Tiền mặt		963.692	-	31	-	963.723
Tài sản cố định		1.364.327	2.703	-	-	1.367.030
Tài sản khác		324.409.727	4.605.197	1.169.397	(6.816.226)	323.368.095
		326.737.746	4.607.900	1.169.428	(6.816.226)	325.698.848
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN		2.064.483	-	-	-	2.064.483
Tiền gửi và vay các TCTD khác		85.907.868	3.130.000	-	(3.734.217)	85.303.651
Tiền gửi của khách hàng		168.846.121	147	-	(526.104)	168.320.164
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		303.574	-	-	-	303.574
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư		-	1.020	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá		30.450.200	-	-	-	30.450.200
Các khoản nợ khác		4.209.202	46.022	60.604	(62.927)	4.252.901
		291.781.448	3.177.189	60.604	(4.323.248)	290.695.993

Năm 2023		Hoạt động ngân hàng Triệu VND	Hoạt động công ty tài chính Triệu VND	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản Triệu VND	Loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất Triệu VND	Hợp nhất Triệu VND
Doanh thu						
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		19.377.092	565.559	30.466	(254.627)	19.718.490
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.485.514	14.143	36.402	(5.068)	1.530.991
Thu nhập từ các hoạt động khác		4.155.657	1.900	88	(29.649)	4.127.996
		25.018.263	581.602	66.956	(289.344)	25.377.477
Chi phí						
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		12.675.373	226.381	644	(254.627)	12.647.771
Chi phí hoạt động dịch vụ		205.931	1.752	15.451	-	223.134
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh		3.066.315	119	16.147	-	3.082.581
Chi phí hoạt động		3.275.899	259.848	5.263	66.138	3.607.148
		19.223.518	488.100	37.505	(188.489)	19.560.634
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		5.794.745	93.502	29.451	(100.855)	5.816.843
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.167.611	32.674	-	-	1.200.285
Kết quả kinh doanh bộ phận		4.627.134	60.828	29.451	(100.855)	4.616.558
Tại ngày 31/12/2023						
Tài sản						
Tiền mặt		851.268	-	31	-	851.299
Tài sản cố định		1.265.655	3.643	-	-	1.269.298
Tài sản khác		266.058.107	5.634.596	889.558	(8.580.943)	264.001.318
		268.175.030	5.638.239	889.589	(8.580.943)	266.121.915
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN		2.538.637	-	-	-	2.538.637
Tiền gửi và vay các TCTD khác		68.352.556	4.300.000	-	(5.954.518)	66.698.038
Tiền gửi của khách hàng		145.225.061	147	-	(385.202)	144.840.006
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		107.131	-	-	-	107.131
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư		-	1.020	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá		16.846.100	-	-	-	16.846.100
Các khoản nợ khác		4.766.757	38.937	307.900	(319.450)	4.794.144
		237.836.242	4.340.104	307.900	(6.659.170)	235.825.076

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con được thực hiện chính trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Ngân hàng và các công ty con không bị tác động bởi những khác biệt do Ngân hàng hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng nhận định rằng Ngân hàng và các công ty con chỉ có một bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý là Việt Nam. Vì vậy, SeABank không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

37. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trong năm và/hoặc số dư với SeABank tại thời điểm cuối năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC	Cùng thành viên HĐQT
Tập đoàn BRG – Công ty Cổ phần và các công ty con	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT

Số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC		
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	10.350	10.146
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	419.900	407.900
Tập đoàn BRG – Công ty Cổ phần và các công ty con		
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	130.614	143.156
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	1.060.830	731.524
Bảo lãnh tại Ngân hàng	-	1.369
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam		
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	6	7
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	949.495	366.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội		
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	15.526.074	396.627
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	-	12.530.000
Tiền vay tại Ngân hàng	4.300.000	-

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC		
Chi phí lãi tiền gửi	15.768	21.376
Thu nhập từ phí bảo lãnh	-	7
Tập đoàn BRG – Công ty Cổ phần và các công ty con		
Chi phí lãi tiền gửi	22.134	23.929
Thu nhập từ phí bảo lãnh	1	9.110
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam		
Chi phí lãi tiền gửi	19.618	16.629
Thu nhập lãi cho vay	100	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội		
Chi phí lãi tiền gửi	201.912	153.742
Thu nhập lãi tiền vay	4.418	-

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chủ tịch HĐQT	6.000	6.000
Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	5.400	5.400
02 Phó Chủ tịch HĐQT	7.161	7.119
Ngô Thị Nhài – Thành viên HĐQT	401	1.297
Mathew Nevil Welch – Thành viên HĐQT	1.200	1.184
Fergus Mardonald Clark – Thành viên độc lập HĐQT	1.404	948
Hoàng Minh Tân – Thành viên HĐQT	-	180
Bùi Trung Kiên – Thành viên HĐQT	-	180
Trần Thị Thanh Thủy – Thành viên HĐQT	953	-
Thù lao của Ban Kiểm soát	5.060	3.846
Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	30.553	31.497

38. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

a. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

	31/12/2024 Triệu VND			31/12/2023 Triệu VND		
	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần
Cam kết giao dịch hối đoái						
- Cam kết mua ngoại tệ	355.614	-	355.614	8.707	-	8.707
- Cam kết bán ngoại tệ	863.634	-	863.634	8.693	-	8.693
- Cam kết mua - giao dịch hoán đổi tiền tệ	50.051.658	-	50.051.658	38.549.140	-	38.549.140
- Cam kết bán - giao dịch hoán đổi tiền tệ	37.394.340	-	37.394.340	25.783.528	-	25.783.528
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	2.343.582	(115.424)	2.228.158	6.662.109	(59.346)	6.602.763
Bảo lãnh khác	8.916.602	(399.927)	8.516.675	5.515.126	(303.095)	5.212.031
Hợp đồng hoán đổi lãi suất	8.150.314	-	8.150.314	7.974.600	-	7.974.600

b. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Lãi cho vay chưa thu được	3.085.932	3.588.679
Lãi phải thu từ trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa thu được	284.234	86.127
Phí phải thu chưa thu được	37	37
	3.370.203	3.674.843

c. Nợ gốc khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	6.000.109	5.012.050

d. Tài sản và chứng từ khác

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Kim loại quý, đá quý giữ hộ	15.649	89.694
Tài sản thuê ngoài	1.358.634	1.399.638
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	3.944	-
	1.378.227	1.489.332

39. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	5.562	5.518
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên	1.954.954	1.715.013
Tiền thưởng	54.767	25.449
	2.009.721	1.740.462
Thu nhập bình quân/tháng (triệu VND/người/tháng)	30,11	26,28

VII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà SeABank có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm

soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà SeABank dễ gặp phải là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

1. RỦI RO LÃI SUẤT

Các hoạt động của SeABank chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của

SeABank được phân loại theo thời hạn định lại lãi suất hoặc theo ngày đáo hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Ngày định lại lãi suất và ngày đáo hạn dự kiến có thể khác với ngày quy định trong hợp đồng, đặc biệt với ngày đáo hạn tiền gửi của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Triệu VND)	Quá hạn	Không nhạy cảm lãi suất	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3-6 tháng	Từ trên 6-12 tháng	Từ trên 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	963.723	-	-	-	-	-	-	963.723
Tiền gửi tại NHNNVN	-	11.299.668	-	-	-	-	-	-	11.299.668
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	34.776.995	26.104.448	7.362.520	-	2.000.000	-	-	70.243.963
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	8.868.966	-	-	-	-	-	8.868.966
Cho vay khách hàng - gộp	5.318.268	-	71.025.597	56.742.332	50.609.714	18.753.044	6.489.408	416.280	209.354.643
Chứng khoán đầu tư - gộp	350.458	82.054	2.000.000	525.795	300.199	100.000	2.677.530	13.946.877	19.982.913
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	62.432	-	-	-	-	-	-	62.432
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.421.040	-	-	-	-	-	-	1.421.040
Tài sản Có khác - gộp	-	7.165.281	-	-	-	-	-	-	7.165.281
Tổng tài sản (1)	5.668.726	55.771.193	107.999.011	64.630.647	50.909.913	20.853.044	9.166.938	14.363.157	329.362.629
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	2.113	68.086	1.994.284	-	-	2.064.483
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	26.964.080	21.359.184	16.184.833	1.576.620	6.010.414	11.303.445	1.905.075	85.303.651
Tiền gửi của khách hàng	-	-	31.875.147	40.965.795	46.917.333	41.215.828	7.345.514	547	168.320.164
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	128.378	314	1.688	-	-	173.194	-	303.574
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	1.020	-	-	-	-	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	500.000	-	94.200	25.906.000	3.950.000	-	30.450.200
Các khoản nợ khác	-	4.252.901	-	-	-	-	-	-	4.252.901
Tổng nợ phải trả (2)	-	31.346.379	53.734.645	57.154.429	48.656.239	75.126.526	22.772.153	1.905.622	290.695.993
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng (3) = (1) - (2)	5.668.726	24.424.814	54.264.366	7.476.	2.253.674	(54.273.482)	(13.605.215)	12.457.535	38.666.636
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất ngoại bảng (4)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng (5) = (3) + (4)	5.668.726	24.424.814	54.264.366	7.476.218	2.253.674	(54.273.482)	(13.605.215)	12.457.535	38.666.636

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Triệu VND)	Quá hạn	Không nhạy cảm lãi suất	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3-6 tháng	Từ trên 6-12 tháng	Từ trên 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	851.299	-	-	-	-	-	-	851.299
Tiền gửi tại NHNNVN	-	2.799.895	-	-	-	-	-	-	2.799.895
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	25.106.394	18.401.630	2.300.000	-	2.890.550	-	-	48.698.574
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	8.353.236	-	-	-	-	-	8.353.236
Cho vay khách hàng - gộp	5.503.333	-	45.739.544	68.904.961	39.370.905	15.981.751	4.150.142	101.257	179.751.893
Chứng khoán đầu tư - gộp	350.458	82.054	42.001	-	311.002	9996	865.315	12.725.177	14.386.003
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	62.432	-	-	-	-	-	-	62.432
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.325.882	-	-	-	-	-	-	1.325.882
Tài sản Có khác - gộp	-	13.000.500	-	-	-	-	-	-	13.000.500
Tổng tài sản (1)	5.853.791	43.228.456	72.536.411	71.204.961	39.681.907	18.882.297	5.015.457	12.826.434	269.229.714
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	439.123	28.361	68.086	2.003.067	-	-	2.538.637
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	24.103.899	21.159.449	3.338.524	1.150.304	3.966.762	8.127.100	4.852.000	66.698.038
Tiền gửi của khách hàng	-	-	43.616.469	27.319.904	46.839.182	23.332.382	3.731.782	287	144.840.006
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	107.948	1.323	33	347	-	(2.520)	-	107.131
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	1.020	-	-	-	-	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	2.610.200	1.960.400	9.624.300	2.651.200	-	16.846.100
Các khoản nợ khác	-	4.794.144	-	-	-	-	-	-	4.794.144
Tổng nợ phải trả (2)	-	29.007.011	65.216.364	33.297.022	50.018.319	38.926.511	14.507.562	4.852.287	235.825.076
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng (3) = (1) - (2)	5.853.791	14.221.445	7.320.047	37.907.939	(10.336.412)	(20.044.214)	(9.492.105)	7.974.147	33.404.638
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất ngoại bảng (4)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng (5) = (3) + (4)	5.853.791	14.221.445	7.320.047	37.907.939	(10.336.412)	(20.044.214)	(9.492.105)	7.974.147	33.404.638

2. RỦI RO TIỀN TỆ

SeABank chịu rủi ro tiền tệ trong những giao dịch bằng ngoại tệ, chủ yếu bằng Đô la Mỹ. Rủi ro trong các giao dịch bằng ngoại tệ sẽ làm phát sinh lãi hoặc lỗ ngoại tệ và các khoản lãi hay lỗ ngoại tệ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

SeABank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của SeABank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được SeABank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây liệt kê trạng thái tiền tệ của các loại tài sản, nợ phải trả của SeABank tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Tại ngày 31/12/2024

	EUR quy đổi Triệu VND	USD quy đổi Triệu VND	Ngoại tệ khác quy đổi Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản				
Tiền mặt và vàng	25.754	103.804	15.131	144.689
Tiền gửi tại NHNNVN	-	377.159	-	377.159
Tiền gửi và cho vay các TCTD - gộp	17.516	19.767.638	146.239	19.931.393
Cho vay khách hàng - gộp	-	5.541.745	-	5.541.745
Tài sản Có khác - gộp	400	75.662	-	76.062
Tổng tài sản (1)	43.670	25.866.008	161.370	26.071.048
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	20.908.585	-	20.908.585
Tiền gửi của khách hàng	39.791	1.618.827	102.113	1.760.731
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	2.199.608	31.728	2.231.336
Các khoản nợ khác	112	393.889	6	394.007
Tổng nợ phải trả (2)	39.903	25.120.909	133.847	25.294.659
Trạng thái tiền tệ nội bảng (3) = (1) - (2)	3.767	745.099	27.523	776.389
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	-	(508.020)	-	(508.020)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng (5) = (3) + (4)	3.767	237.079	27.523	268.369

Tại ngày 31/12/2023

	EUR quy đổi Triệu VND	USD quy đổi Triệu VND	Ngoại tệ khác quy đổi Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản				
Tiền mặt và vàng	34.270	99.569	33.653	167.492
Tiền gửi tại NHNNVN	-	334.101	-	334.101
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	12.940	11.466.632	88.464	11.568.036
Công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	-	3.460.806	(25.741)	3.435.065
Cho vay khách hàng - gộp	-	2.049.418	-	2.049.418
Tài sản Có khác - gộp	405	434.420	701	435.526
Tổng tài sản (1)	47.615	17.844.946	97.077	17.989.638
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	16.027.451	701	16.028.152
Tiền gửi của khách hàng	47.406	1.453.957	34.081	1.535.444
Các khoản nợ khác	579	403.821	13.099	417.499
Tổng nợ phải trả (2)	47.985	17.885.229	47.881	17.981.095
Trạng thái tiền tệ nội bảng (3) = (1) - (2)	(370)	(40.283)	49.196	8.543
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	5.395	(8.693)	3.312	14
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng (5) = (3) + (4)	5.025	(48.976)	52.508	8.557

Tỷ giá một số loại ngoại tệ so với VND tại ngày cuối năm:

	Tỷ giá ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
AUD	15.864	16.561
CAD	17.759	18.359
CHF	28.177	28.844
EUR	26.665	26.974
GBP	32.153	31.005
HKD	3.283	3.106
JPY	163,1	171,6
KRW	17,58	19,05
SGD	18.726	18.410
THB	745	706
CNY	2.994	2.994
USD	25.401	24.260
XAU	8.315.000	7.395.000

3. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng mà ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cam kết bảo lãnh.

Mức độ tập trung của rủi ro tín dụng (cho dù là nội hay ngoại bảng) phát sinh từ các công cụ tài chính tồn tại

theo từng nhóm đối tác khi các nhóm này có các đặc điểm kinh tế tương tự nhau mà có thể khiến khả năng trả nợ của các nhóm đối tác này sẽ bị ảnh hưởng tương tự như nhau khi có các biến động về điều kiện kinh tế hay những điều kiện khác.

Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo khu vực và theo loại khách hàng liên quan đến các hoạt động đầu tư, cho vay và ứng trước, cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh của Ngân hàng.

Tại ngày 31/12/2024

	Chưa quá hạn và chưa phải lập dự phòng Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa phải lập dự phòng Triệu VND	Đã lập dự phòng Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN	11.299.668	-	-	11.299.668
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	70.243.963	-	-	70.243.963
Chứng khoán kinh doanh - gộp	8.868.966	-	-	8.868.966
Cho vay khách hàng - gộp	201.933.283	2.202.819	5.218.541	209.354.643
Chứng khoán đầu tư - gộp	19.550.401	-	350.458	19.900.859
Tài sản tài chính khác - gộp	4.755.149	-	29.277	4.784.426
	316.651.430	2.202.819	5.598.276	324.452.525

Tại ngày 31/12/2023

	Chưa quá hạn và chưa phải lập dự phòng Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa phải lập dự phòng Triệu VND	Đã lập dự phòng Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN	2.799.895	-	-	2.799.895
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	48.698.574	-	-	48.698.574
Chứng khoán kinh doanh - gộp	8.353.236	-	-	8.353.236
Cho vay khách hàng - gộp	171.619.510	1.789.943	6.342.440	179.751.893
Chứng khoán đầu tư - gộp	13.953.491	-	350.458	14.303.949
Tài sản tài chính khác - gộp	10.381.712	-	30.003	10.411.715
	255.806.418	1.789.943	6.722.901	264.319.262

4. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình SeABank huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của SeABank. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được

tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của SeABank theo các nhóm kỳ đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Triệu VND)	Quá hạn		Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	Trong hạn		Trên 5 năm	Tổng cộng
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng			Từ trên 3 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm		
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	963.723	-	-	-	-	963.723
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	11.299.668	-	-	-	-	11.299.668
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	60.881.443	7.362.520	2.000.000	-	-	70.243.963
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	8.868.966	-	-	-	-	8.868.966
Cho vay khách hàng - gộp	1.358.912	3.959.356	16.787.780	28.805.558	108.365.334	28.874.119	21.203.584	209.354.643
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	350.458	2.082.054	275.795	650.199	2.677.530	13.946.877	19.982.913
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	62.432	62.432
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	1.904	1.419.136	1.421.040
Tài sản Có khác - gộp	-	29.277	673.416	603.815	3.423.009	1.675.001	760.763	7.165.281
Tổng tài sản (1)	1.358.912	4.339.091	101.557.050	37.047.688	114.438.542	33.228.554	37.392.792	329.362.629
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	2.113	2.062.370	-	-	2.064.483
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	48.323.263	16.184.833	7.587.034	11.303.445	1.905.076	85.303.651
Tiền gửi của khách hàng	-	-	31.875.147	40.965.795	88.133.161	7.345.514	547	168.320.164
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(28.368)	(149.257)	308.005	173.194	-	303.574
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	1.020	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	500.000	-	26.000.200	3.950.000	-	30.450.200
Các khoản nợ khác	-	-	584.668	667.830	2.718.860	265.406	16.137	4.252.901
Nợ phải trả (2)	-	-	81.254.710	57.671.314	126.809.630	23.038.579	1.921.760	290.695.993
Mức chênh thanh khoản ròng (3) = (1) - (2)	1.358.912	4.339.091	20.302.340	(20.623.626)	(12.371.088)	10.189.975	35.471.032	38.666.636

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Triệu VND)	Quá hạn		Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	Trong hạn		Trên 5 năm	Tổng cộng
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng			Từ trên 3 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm		
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	851.299	-	-	-	-	851.299
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.799.895	-	-	-	-	2.799.895
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	43.508.024	2.300.000	2.890.550	-	-	48.698.574
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	8.353.236	-	-	-	-	8.353.236
Cho vay khách hàng - gộp	2.020.336	3.482.997	11.982.495	11.929.597	82.720.876	51.990.560	15.625.032	179.751.893
Chứng khoán đầu tư - gộp	319.364	31.094	124.055	-	320.998	865.315	12.725.177	14.386.003
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	62.432	62.432
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	1.325.882	1.325.882
Tài sản Có khác - gộp	-	-	651.004	2.599.260	7.006.406	1.680.571	1.063.259	13.000.500
Tổng tài sản (1)	2.339.700	3.514.091	68.270.008	16.828.857	92.938.830	54.536.446	30.801.782	269.229.714
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	439.123	28.361	2.071.153	-	-	2.538.637
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	45.263.348	3.338.524	5.117.066	8.127.100	4.852.000	66.698.038
Tiền gửi của khách hàng	-	-	43.616.469	27.319.904	70.171.564	3.731.782	287	144.840.006
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	13.061	92.182	4.408	(2.520)	-	107.131
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	1.020	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	2.610.200	11.584.700	2.651.200	-	16.846.100
Các khoản nợ khác	-	-	1.326.067	797.148	2.443.233	103.144	124.552	4.794.144
Nợ phải trả (2)	-	-	90.658.068	34.186.319	91.392.124	14.611.726	4.976.839	235.825.076
Mức chênh thanh khoản ròng (3) = (1) - (2)	2.339.700	3.514.091	(22.388.060)	(17.357.462)	1.546.706	39.924.720	25.824.943	33.404.638

VIII. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

1. CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP TẠI CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH MTV BƯU ĐIỆN

Ngày 22 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 80/2025/NĐ-HĐQT thông qua việc Ngân hàng và Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện ký kết thỏa thuận hỗ trợ, tư vấn về công nghệ thông tin, tìm hiểu khách hàng và tuân thủ phòng chống rửa tiền sau khi hoàn tất giao dịch chuyển nhượng toàn bộ cổ phần vốn góp của Ngân hàng cho bên nhận chuyển nhượng là AEON Financial Service Co., Ltd.

Ngày 3 tháng 2 năm 2025, Ngân hàng đã hoàn thành chuyển nhượng 100% phần vốn góp của Ngân hàng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện cho bên nhận chuyển nhượng. Ngày 24 tháng 1 năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Quyết định số 164/QĐ-NHNN sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện; theo đó, Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện do AEON Financial Service Co., Ltd sở hữu 100% vốn điều lệ.

2. PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngày 13 tháng 1 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Thông báo số 232/UBCK-QLCB về việc đã nhận đủ tài liệu phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo nội dung tại Báo cáo phát hành số 05/2025/TB-SeABank ngày 2 tháng 1 năm 2025 của Ngân hàng. Ngày 17 tháng 1 năm 2025, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng ban hành Thông báo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động số 56/2025/TB-SeABank. Theo đó, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 10 triệu cổ phiếu có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động được phép chuyển nhượng tối đa 50% sau 12 tháng kể từ thời điểm hoàn tất đợt phát hành, và tối đa 100%

sau 18 tháng kể từ thời điểm hoàn tất đợt phát hành. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu chia thành 2 đợt, đợt 1 từ ngày 20 tháng 1 năm 2025 đến hết ngày 18 tháng 2 năm 2025, đợt 2 chậm nhất đến hết ngày 26 tháng 2 năm 2025.

Ngày 6 tháng 3 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Thông báo số 69/UBCK-QLCB về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Báo cáo kết quả phát hành số 191/2025/BC-SeABank ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện phân phối 10.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

IX. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt vào ngày 10 tháng 3 năm 2025.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025	
Người lập	Người kiểm soát
	
Nghiêm Thị Thu Nga	Nguyễn Thị Hoài Phương Kế toán trưởng
Người duyệt	
	
Nguyễn Thị Thu Hương Phó Tổng Giám đốc	

CÁC GIAO DỊCH

► Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của SeABank:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2023)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2024) (*)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Văn Tấn	Chủ tịch HĐQT	8.869.820	0,355%	10.075.697	0,355%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024
2	Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	92.229.090	3,696%	111.583.628	3,936%	- Mua cổ phiếu - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024
3	Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT	57.789.411	2,316%	65.646.053	2,316%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024
4	Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT	9.259.721	0,371%	10.518.606	0,371%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024
5	Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	173.072	0,007%	196.601	0,007%	- Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.
6	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng BKS	1.629.568	0,065%	1.098.989	0,039%	- Bán cổ phiếu - Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024

► Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của SeABank (tiếp):

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2023)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2024) (*)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
7	Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên BKS	5.233.262	0,210%	5.944.737	0,210%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.
8	Nguyễn Thành Luân	Thành viên BKS	171.471	0,007%	194.782	0,007%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.
9	Lê Quốc Long	TGĐ	3.430.500	0,137%	4.537.635	0,160%	- Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Mua cổ phiếu.
10	Vũ Đình Khoán	PTGĐ	1.211.500	0,049%	1.580.921	0,056%	- Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Bán cổ phiếu.
11	Nguyễn Thị Thu Hương	PTGĐ	2.757.000	0,110%	3.383.817	0,119%	- Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Mua cổ phiếu. - Bán cổ phiếu
12	Hoàng Mạnh Phú	PTGĐ	1.218.972	0,049%	1.405.141	0,050%	- Mua cổ phiếu. - Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2023)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2024) (*)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
13	Nguyễn Tuấn Cường	PTGD	1.065.000	0,043%	1.250.683	0,044%	- Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.
14	Đặng Thu Trang	PTGD	415.000	0,017%	500.955	0,018%	- Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.
15	Nguyễn Hồng Quang	PTGD	495.019	0,020%	350.317	0,012%	- Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Bán cổ phiếu.
16	Nguyễn Tuấn Anh	PTGD	340.075	0,014%	230.223	0,008%	- Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Bán cổ phiếu.
17	Nguyễn Thị Hoài Phương	Kế toán trưởng	141.793	0,006%	148.877	0,005%	- Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Bán cổ phiếu.

► Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của SeABank (tiếp):

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2023)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2024) (*)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
18	Vũ Quốc Tuấn	Người phụ trách Quản trị công ty	102.607	0,004%	64.456	0,002%	- Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Bán cổ phiếu.
19	Đào Minh Nguyệt	Người phụ trách Quản trị công ty	88.389	0,004%	100.404	0,004%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.
20	Hoàng Tuyết Mai	Người phụ trách Quản trị công ty	118.448	0,005%	123.645	0,004%	- Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Bán cổ phiếu.
21	Công đoàn SeABank Hội sở	Tổ chức chính trị xã hội của SeABank	1.510.939	0,061%	1.135.402	0,040%	- Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Nhận chuyển nhượng cổ phiếu từ CBNV nghỉ việc có ESOP đang bị hạn chế chuyển nhượng. - Chuyển nhượng cổ phiếu cho CBQL theo chương trình thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024.
22	Lê Hữu Báu	Chồng bà Nguyễn Thị Nga - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	83.087.159	3,329%	50.615.266	1,785%	- Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Bán cổ phiếu.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2023)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2024) (*)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
23	Lê Tuấn Anh	Con trai bà Nguyễn Thị Nga – Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	49.973.566	2,002%	48.305.493	1,704%	- Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024. - Bán cổ phiếu.
24	Vũ Thị Nga Hằng	Em gái bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh – Thành viên BKS	18.893	0,001%	32.893	0,001%	- Mua cổ phiếu. - Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.
25	Nguyễn Tường Huy	Con trai bà Khúc Thị Quỳnh Lâm – Phó Chủ tịch HĐQT	156.422	0,006%	177.687	0,006%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024
27	Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ	Bà Nguyễn Thị Nga là Chủ tịch HĐQT	124.282.417	4,980%	141.178.983	4,980%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.
28	Công ty TNHH Đầu tư Tài chính và Thương mại Vạn Lộc	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm là người đại diện phần vốn góp tại SeABank	71.107.990	2,849%	80.775.333	2,849%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024

► Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của SeABank (tiếp):

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2023)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2024) (*)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
29	Công ty TNHH Quản lý đầu tư Nguyên Khang	Ông Mathew Nevil Welch đại diện 1.200.000 cổ phiếu tại SeABank	1.200.000	0,048%	1.363.143	0,048%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.
30	CTCP Khách sạn Du lịch Sông Nhuệ	Ông Fergus Macdonald Clark đại diện 1.200.000 cổ phiếu tại SeABank	98.277.172	3,938%	111.638.247	3,938%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.
31	Công ty TNHH Thương mại Vượng Tiến	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh là người đại diện phần vốn góp tại SeABank	80.328.263	3,219%	91.249.130	3,219%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024
32	Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xuất nhập khẩu An Phú	Bà Vũ Thu Thủy là người đại diện phần vốn góp tại SeABank	86.366.647	3,461%	98.108.451	3,461%	Nhận cổ phiếu là cổ tức và cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024.

(*) Số lượng cổ phiếu và tỷ lệ nắm giữ đầu kỳ đã bao gồm số lượng cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của SeABank năm 2023. Đối với các nhân sự mới được bổ nhiệm trong năm, số cổ phiếu đầu kỳ tính từ ngày được bổ nhiệm.

► Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ, công ty có liên quan và người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
1.	Lê Văn Tấn	Chủ tịch HĐQT		Giao dịch tín dụng (***): 1,5 triệu đồng – Thẻ tín dụng.	
	Lê Kiều Anh	Con gái		- Giao dịch tín dụng: 76,98 triệu đồng – Thẻ tín dụng. - Giao dịch phi tín dụng (****): 9.600 triệu đồng.	
2.	Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT		Giao dịch phi tín dụng.	
	Lê Hữu Báu	Chồng	NQ 86/2024/ NQ-HĐQT	Giao dịch phi tín dụng.	
	Tập đoàn BRG – CTCP	Bà Nguyễn Thị Nga là Chủ tịch HĐQT		Giao dịch phi tín dụng: 343.630 triệu đồng	
	CTCP Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội	Bà Nguyễn Thị Nga là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	1219/2024/NQ HĐQT	- Thông qua gói cấp tín dụng trị giá: 4.300.000 triệu đồng ngày 26/12/2024. - Giao dịch phi tín dụng: 179 triệu đồng.	
	CTCP Cho thuê máy bay Việt Nam	Bà Nguyễn Thị Nga là Chủ tịch HĐQT		Giao dịch phi tín dụng: 884.595 triệu đồng.	
	Công ty TNHH Hoàng Viên Quảng Bá	Công ty con của Tập đoàn BRG		Giao dịch phi tín dụng: 286.736 triệu đồng.	
	CTCP dịch vụ và kinh doanh bất động sản Hà Nội	Công ty con của Tập đoàn BRG	NQ 908/2023/ NQ-HĐQT	- Giao dịch phi tín dụng: 328.900 triệu đồng. - Cho thuê địa điểm.	

► Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ, công ty có liên quan và người có liên quan của người nội bộ (tiếp):

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
3.	Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT		Giao dịch phi tín dụng: 3.775 triệu đồng.	
	Công ty CP Nông thủy sản Nghệ An	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm là Chủ tịch HĐQT	1152/2024/NQ HĐQT	Giao dịch tín dụng: Hạn mức 80 tỷ đồng.	
	CTCP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	Công ty con của Vietfracht		Giao dịch phi tín dụng: 7.709 triệu đồng.	
	Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	Công ty con của Vietfracht		Giao dịch phi tín dụng: 2.000 triệu đồng.	
	Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội	Công ty con của Vietfracht		Giao dịch phi tín dụng: 8.000 triệu đồng	
	Công ty TNHH MTV Vietfracht Hồ Chí Minh	Công ty con của Vietfracht	NQ 908/2023/ NQ-HĐQT	Gia hạn hợp đồng thuê địa điểm.	
4.	Công ty cổ phần Khách sạn Du lịch Sông Nhuệ	Ông Fergus Macdonald Clark đại diện cổ phiếu tại SeABank	NQ 908/2023/ NQ-HĐQT	Gia hạn cho thuê địa điểm.	Người có liên quan của thành viên HĐQT
5.	Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT		Giao dịch tín dụng: TTD 326,99 triệu đồng.	
	Võ Trần Thái Trung	Con		Giao dịch phi tín dụng: 1.500 USD.	
6.	Nguyễn Thành Luân	Thành viên BKS			
	Trần Thu Hòa	Mẹ vợ		Giao dịch phi tín dụng: 3.500 triệu đồng.	

► Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ, công ty có liên quan và người có liên quan của người nội bộ (tiếp):

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
7.	Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám đốc		Giao dịch phi tín dụng: 1.517 triệu đồng.	
	Vũ Trịnh Mỹ Linh	Con gái		Giao dịch phi tín dụng: 713 triệu đồng.	
8.	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc		Giao dịch phi tín dụng: 405 triệu đồng.	
	Lương Thị Tính	Mẹ		Giao dịch phi tín dụng: 8.100 triệu đồng.	
	Nguyễn Xuân Phong	Con trai		Giao dịch phi tín dụng: 9.546 triệu đồng.	
	Nguyễn Thị Hồng Thơm	Em gái		- Giao dịch tín dụng: 17.000 triệu đồng. - Giao dịch phi tín dụng: 14.000 triệu đồng.	
9.	Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám đốc		Giao dịch phi tín dụng : 100 triệu đồng	
	Đinh Thị Hạnh	Vợ		Giao dịch phi tín dụng : 8.124 triệu đồng.	
	Nguyễn Mộng Hùng	Anh rể		Giao dịch phi tín dụng: 280 triệu đồng	
10.	Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc	335/2024/NQ HĐQT	Giao dịch tín dụng: 500 triệu đồng - Thẻ tín dụng	
	Ngô Mộng Hoàn	Mẹ vợ		Giao dịch phi tín dụng: 1.190 triệu đồng	

► Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ, công ty có liên quan và người có liên quan của người nội bộ (tiếp):

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
11.	Nguyễn Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc			
	Nguyễn Bảo Ngọc	Vợ		Giao dịch phi tín dụng: 800 triệu đồng.	
	Nguyễn Hồ Điện	Bố ruột		Giao dịch phi tín dụng: 566 triệu đồng.	
	Tạ Thị Thuận	Mẹ ruột		Giao dịch phi tín dụng: 850 triệu đồng.	
	Thành Kim Dung	Mẹ vợ		Giao dịch phi tín dụng: 1.050 triệu đồng.	
12.	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc			
	Nguyễn Minh Hiền	Vợ		Giao dịch phi tín dụng: 8.786 triệu đồng	
13.	Nguyễn Thị Hoài Phương	Kế toán trưởng		Giao dịch phi tín dụng: 750 triệu đồng.	
14.	Vũ Quốc Tuấn	Người phụ trách Quản trị công ty		- Giao dịch tín dụng: 4.102 triệu đồng. - Giao dịch phi tín dụng: 128 triệu đồng.	

► Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ, công ty có liên quan và người có liên quan của người nội bộ (tiếp):

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
15.	Đào Minh Nguyệt	Người phụ trách Quản trị công ty		Giao dịch tín dụng: 16.324 triệu đồng.	
16.	Hoàng Tuyết Mai	Người phụ trách Quản trị công ty		Giao dịch tín dụng: 1.169 triệu đồng.	
17.	Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản SeABank (SeABank AMC)	Công ty con	NQ 908/2023/ NQ-HĐQT	- Giao dịch phí tín dụng: 23.500 triệu đồng. - Thuê nhà.	
18.	Nguyễn Minh Thắng	Đại diện phần vốn góp của SeABank tại PTF		- Giao dịch tín dụng: 28.951 triệu đồng - TTD: 374,51 triệu đồng	
19.	Hoàng Huy Chương	Đại diện phần vốn góp của SeABank tại PTF		Giao dịch tín dụng: 12.629 triệu đồng	

(*) Ngoài những Nghị quyết HĐQT đã nêu, các hợp đồng/giao dịch khác được liệt kê tại Phụ lục này giữa SeABank và các bên có liên quan về việc nhận tiền gửi, cấp tín dụng theo thẻ tín dụng,... được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết HĐQT số 1918/2020/NQ-HĐQT ngày 08/12/2020, Nghị quyết số 721/2023/NQ-HĐQT và các Nghị quyết/Quyết định khác có liên quan.

(**) Giá trị giao dịch, số lượng giao dịch được xác định tại ngày 31/12/2024.

(***) Giao dịch cấp tín dụng bao gồm giao dịch cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thu tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.

(****) Giao dịch phí tín dụng bao gồm nhưng không hạn chế tất cả các giao dịch khác phát sinh với Ngân hàng ngoài giao dịch cấp tín dụng như tiền gửi, mở tài khoản thanh toán, thu chi hộ, mua/ bán, thuê/ cho thuê tài sản, trụ sở...

MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH

MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH MIỀN BẮC

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
1	SeABank Sở Giao Dịch	198 Trần Quang Khải, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3944 8688
2	SeABank Hà Nội	25 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3943 6555
3	SeABank Hồ Gươm	54 Tràng Tiền, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3944 8688
4	SeABank Bát Đàn	51 Bát Đàn, P. Cửa Đông, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3923 3974
5	SeABank Trần Phú	5 Trần Phú, P. Điện Biên Phủ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3747 5934
6	SeABank Nguyễn Hữu Huân	104 Nguyễn Hữu Huân, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 6270 1188
7	SeABank Lê Thái Tổ	Tầng 1, 120 Hàng Trống, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3944 8688
8	SeABank Đại An	Tầng 1 Tòa PVI Tower, Phạm Văn Bạch, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3233 6568
9	SeABank Hàm Nghi	B1-08, khu chức năng đô thị tp. Xanh, P Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024 6269 2526
10	SeABank Hồ Tùng Mậu	102 Hồ Tùng Mậu, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3792 1361
11	SeABank Mỹ Đình	Tầng 1 tòa B5, KĐT Mỹ Đình 1, Nguyễn Cơ Thạch, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024 6287 2800
12	SeABank Trung Hòa	66 Trung Hòa, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội	024 3564 0161
13	SeABank Trần Duy Hưng	170 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 6256 1188
14	SeABank Đào Tấn	62 Đào Tấn, P. Cống Vị, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3734 5848
15	SeABank Đông Anh	Xóm 1, Thôn Ngọc Chi, X. Vĩnh Ngọc, H. Đông Anh, TP. Hà Nội	024 3533 4109
16	SeABank Đống Đa	324 Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 6282 3333
17	SeABank Phố Huế	Tầng 1, 2 & 5, Tòa 88 Phố Huế, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024 3623 0689
18	SeABank Nguyễn Ngọc Nại	89 Nguyễn Ngọc Nại, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	024 6285 1399
19	SeABank Nguyễn An Ninh	116 Nguyễn An Ninh, P. Tương Mai, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	024 3662 8315
20	SeABank Vĩnh Hoàng	Tầng 1, tòa nhà Tiến Phú, lô 8-3 A, KĐT Vĩnh Hoàng, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	024 3623 0689
21	SeABank Kim Liên	436 Xã Đàn, P. Nam Đồng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 6282 3333
22	SeABank Khâm Thiên	142 Lê Duẩn, P. Khâm Thiên, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3518 7381
23	SeABank Hồ Đắc Di	Tầng 1, 156 Xã Đàn II, P. Nam Đồng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3533 4109
24	SeABank Hàn Thuyên	21 Hàn Thuyên, P. Phạm Đình Hổ, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024 3972 7824
25	SeABank Đông Đô	Lô A1-4 Hạ Yên Quyết, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội	024 6282 3333
26	SeABank Bà Triệu	57 Bà Triệu, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 3944 0250
27	SeABank Cầu Giấy	174 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3791 4507
28	SeABank Tràng An	Kiot TMDV 104, Dự án nhà B6 Giảng Võ, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 6283 1075
29	SeABank Lạc Long Quân	51 Lạc Long Quân, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3759 1041
30	SeABank Thăng Long	N03-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, Đ. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	024 3247 4332
31	SeABank Tây Hồ	141 Hoàng Quốc Việt, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024 3944 8675
32	SeABank Xuân La	Nhà D10-107XL, 107 Xuân La, P. Xuân Tảo, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	024 6258 1166
33	SeABank Yên Phụ	151 Yên Phụ, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	024 3715 3366
34	SeABank Sóc Sơn	39, tổ 05, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	024 3623 0689
35	SeABank Quán Thánh	188 Quán Thánh, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3927 4108
36	SeABank Thanh Xuân	Tầng 1 & 2 tòa Artemis, 3 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	024 3623 0689
37	SeABank Láng Hạ	Khối Văn phòng 1, 16 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3776 4233
38	SeABank Láng Thượng	74 Chùa Láng, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3775 9537
39	SeABank Thành Công	Tòa 25 đường Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	024 6269 1188
40	SeABank Thái Thịnh	139 Yên Lãng, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3562 7465
41	SeABank Hào Nam	96 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 3734 5848
42	SeABank Đội Cấn	225 Đội Cấn, P.Đội Cấn, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 3723 6171
43	SeABank Bạch Mai	350 Bạch Mai, P. Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024 3627 4925
44	SeABank Tôn Đức Thắng	254 Tôn Đức Thắng, P. Hàng Bột, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 6282 3333
45	SeABank Hà Đông	150 Trần Phú, P. Mộ Lao, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	024 3518 9898

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
46	SeABank Kim Văn	Tầng 1, tòa CT12B, KDT Kim Văn Kim Lũ Đ. Nguyễn Xiển, Q.Hoàng Mai, TP. Hà Nội	024 3518 9898
47	SeABank Văn Quán	108 Nguyễn Khuyến, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	024 3518 9898
48	SeABank Ngọc Hồi	267 Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội	024 3518 9898
49	SeABank Long Biên	339 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	024 3872 9532
50	SeABank Ngọc Lâm	278 Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm , Q. Long Biên,TP. Hà Nội	024 3873 6430
51	SeABank Ngõ Gia Tự	487 Ngõ Gia Tự, tổ 9, P. Đức Giang, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	024 3873 6432
52	SeABank Sài Đồng	Tòa Sunrise III A, KDT mới Sài Đồng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	024 3872 9534
53	SeABank Gia Lâm	73 Ngõ Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	024 3872 9535
54	SeABank Hải Phòng	15 Minh Khai, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	022 5374 7878
55	SeABank Trần Nguyên Hãn	227C Trần Nguyên Hãn,P. Nghĩa Xá, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5378 2500
56	SeABank Tam Bạc	140 + 141 Quang Trung, P. Phan Bội Châu.Q.Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	022 5383 1407
57	SeABank An Dương	LK1-29 Khu Hoàng Huy, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng	022 5371 1166
58	SeABank Tô Hiệu	227 Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5361 0406
59	SeABank Hàng Kênh	181 Hàng Kênh, P. Hàng Kênh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5361 2966
60	SeABank Hồng Bàng	39-41 Điện Biên Phủ,P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng.	022 5392 1193
61	SeABank Hải An	Thửa số 17, khu B1 - lô 7B Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	022 5326 0088
62	SeABank Lê Lợi	54 Lê Lợi, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	022 5365 5919
63	SeABank Hải Đăng	162 Đà Nẵng, P. Lạc Viên, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	022 5365 0637
64	SeABank Hồ Sen	137 Hồ Sen, P. Hàng Kênh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5384 7361
65	SeABank Lạch Tray 2	286 Lạch Tray, P. Kênh Dương, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	022 5373 5710
66	SeABank Thủy Nguyên	129 Phố Mới, Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng	022 5365 4298
67	SeABank Quảng Ninh	LK1, Khu Dân Cư và Chung Cư Cao Cấp Việt Hàn, P. Hồng Gai, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	020 3352 5388
68	SeABank Cẩm Phả	662 Trần Phú, P. Cẩm Thạch, TP.Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	020 3352 5388
69	SeABank Hạ Long	547 Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	020 3355 6676
70	SeABank Bắc Ninh	Lô CC4, Lý Thái Tổ, P. Ninh Xá, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6272
71	SeABank Tiên An	173 Nguyễn Gia Thiều, P. Tiên An, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6193
72	SeABank Từ Sơn	Tầng 1 TTTM Nam Hồng, P. Đình Bả, TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6193
73	SeABank Lim	102 đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	022 2389 6193
74	SeABank Hải Dương	122B-122C-124A, Thống Nhất, P. Lê Thanh Nghị, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	022 0384 9999
75	SeABank Nguyễn Lương Bằng	50-52 Nguyễn Lương Bằng, P. Bình Hàn, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	022 0389 3966
76	SeABank Hải Tân	677 Lê Thanh Nghị, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	022 0386 4899
77	SeABank Sao Đỏ	10 Nguyễn Trãi 1, P. Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	022 0359 4444
78	SeABank Kim Thành	20 Đường 20.9 Khu Đồng Văn, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	022 0356 1788
79	SeABank Gia Lộc	286 Nguyễn Chế Nghĩa, thị trấn Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	022 0371 7456
80	SeABank Thành Đông	123 Chi Lăng, P. Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	022 0384 8989
81	SeABank Vĩnh Phúc	04 Mê Linh, P.Liên Bảo, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	0211 369 6666
82	SeABank Vĩnh Yên	118 đường Ngô Quyền, P. Ngô Quyền, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	0211 369 6666
83	SeABank Phúc Yên	22 đường Trần Hưng Đạo, P. Hùng Vương, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	0211 369 6666
84	SeABank Thái Nguyên	179 Hoàng Văn Thụ, Tổ 2B, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	020 8365 9268
85	SeABank Phố Yên	87 Trường Chinh, P. Ba Hàng, TP. Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	020 8366 3868
86	SeABank Lương Ngọc Quyến	684 Lương Ngọc Quyến, P. Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	020 8365 9268
87	SeABank Hà Nam	181 Biên Hòa, P. Lương Khánh Thiện, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	022 6352 2288
88	SeABank Thái Bình	79A Lê Lợi, P. Đề Thám, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình	022 7383 4688
89	SeABank Bắc Giang	Số 270 đường Hoàng Văn Thụ, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	020 4355 5333
90	SeABank Nam Định	Số 7+9 đường Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, TP. Nam Định	022 8392 8666



MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH MIỀN TRUNG

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
1	SeABank Đà Nẵng	373 Nguyễn Văn Linh, P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	023 6358 4360
2	SeABank Hoàng Diệu	22–22A Hoàng Diệu, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu,TP. Đà Nẵng	023 6365 1397
3	SeABank Núi Thành	Tầng 1, 104–106–108 Núi Thành,P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6363 2632
4	SeABank Tuyên Sơn	Tầng 1, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6378 2777
5	SeABank Điện Biên Phủ	505–507 Điện Biên Phủ, P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	023 6372 7333
6	SeABank Lý Thường Kiệt	Tầng 1, 16 Lý Thường Kiệt, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	023 6383 0444
7	SeABank Hòa Xuân	107 – 109 Nguyễn Phước Lan, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	023 6389 6555
8	SeABank Lê Duẩn	437 Lê Duẩn, P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	023 6389 6555
9	SeABank Nha Trang	82 Lý Thánh Tôn, P. Phương Sài, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	025 8381 9003
10	SeABank Cam Ranh	2142 – 2144 Hùng Vương, P. Cam Lộc, TP Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	025 8395 5800
11	SeABank Lê Hồng Phong	900 Lê Hồng Phong, P. Phước Long, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	025 8388 0488
12	SeABank Vĩnh Hải	411 đường 2/4, P. Vĩnh Hải, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	025 8383 5588
13	SeABank Mỹ Ca	367 Hùng Vương, P. Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	025 8397 3977
14	SeABank Diên Khánh	Quốc lộ 1A, thôn Phú Khánh Trung, Xã Diên Thạnh, H. Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	025 8385 2852
15	SeABank Đắk Lắk	35 – 37 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	026 2389 8888
16	SeABank Khánh Xuân	373 Võ Văn Kiệt, P. Khánh Xuân, TP. Buôn Ma Thuột	026 2398 2828
17	SeABank Quảng Phú	121 Hùng Vương, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M’ga, tỉnh Đắk Lắk	026 2392 8686
18	SeABank Krông Năng	154 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	026 2385 5557
19	SeABank Nghệ An	tầng 1,2,3 căn hộ CH-B khu A Chung cư Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8354 2668
20	SeABank Lê Nin	32 Lê Nin, P. Hưng Dũng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8357 6686
21	SeABank Nguyễn Sỹ Sách	Tầng 1, 02 Nguyễn Sỹ Sách, P. Hưng Bình, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8354 4333
22	SeABank Nguyễn Văn Cừ	288 Nguyễn Văn Cừ, P. Hưng Bình, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8354 2668
23	SeABank Hưng Bình	Tòa Trưởng Thịnh Phát, liên kế số 11, P. Hưng Bình, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	023 8369 9456
24	SeABank Thanh Hóa	Lô 03 + 04, 19 Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	023 7385 7575
25	SeABank Lam Sơn	Lô 02, 47 Lê Hữu Lập, P. Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	023 7388 8628
26	SeABank Trường Thi	454 – 456 Bà Triệu, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa	023 7385 7575
27	SeABank Đông Sơn	196 Lê Lai, P. Đông Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	023 7385 7575
28	SeABank Bình Định	04 – 06–08 Ý Lan, P. Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	025 6381 1455
29	SeABank Tuy Phước	135B Quang Trung, Thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	025 6381 1455
30	SeABank Quảng Ngãi	111 Phan Chu Trinh, P. Nguyễn Nghiêm, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	025 5373 7999
31	SeABank Trương Quang Trọng	408 Nguyễn Văn Linh, P. Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	025 5373 7999
32	SeABank Quang Trung	1116 Quang Trung, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	025 5373 7999
33	SeABank Đức Phổ	428 Nguyễn Nghiêm, P. Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	025 5373 7999
34	SeABank Huế	8 – 10 Nguyễn Huệ, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	023 4394 8688
35	SeABank Tố Hữu	Tầng 1 Shophouse 01 – The Manor Crown, Tố Hữu, P. Xuân Phú, Tỉnh Thừa Thiên Huế	
36	SeABank Hà Tĩnh	144B Trần Phú, P. Nguyễn Du, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	023 9376 7272
37	SeABank Thành Sen	Liên kế 06 Hàm Nghi, P. Hà Huy Tập, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	023 9376 7575
38	SeABank Nguyễn Chí Thanh	33 Nguyễn Chí Thanh, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	023 9376 7575
39	SeABank Quảng Nam	506 Hai Bà Trưng, P. Tân An, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam	023 5373 7888

MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH MIỀN NAM

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
1	SeABank Hồ Chí Minh	180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP. HCM	028 3824 0700
2	SeABank Đồng Sài Gòn	38 Dương Đình Hội, P. Phước Long, TP. Thủ Đức	028 3824 0700 (ext 5040)
3	SeABank Q. 1	Tầng 1 Khu TM Cao ốc HORIZON – 214 Trần Quang Khải, P. Tân Định, Q. 1, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5061)
4	SeABank Tân Sơn Nhất	169 Bạch Đằng 2, P. 02, Q. Tân Bình, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5081)
5	SeABank Tân Cảng	Tầng trệt Tòa nhà số 667 – 667/1 Điện Biên Phủ, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5100)
6	SeABank Khánh Hội	143A Khánh Hội, P. 3, Q. 4, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5180)
7	SeABank Lê Quang Định	490C Lê Quang Định, P.11, Q. Gò Vấp, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5240)
8	SeABank Bến Thành	77 – 79 Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM	028 3824 0700 (ext 5341)
9	SeABank Sài Gòn	Số 23–25–27–29–31–33–35 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM	028 3933 3232
10	SeABank Hùng Vương	108 Lý Thường Kiệt, P. 7, Q. 10, TP. HCM	028 6261 1748
11	SeABank Q. 11	285 Lê Đại Hành, P. 13, Q. 11 , TP. HCM	028 6293 4373/ 63
12	SeABank Trần Hưng Đạo	859 Trần Hưng Đạo, P. 1, Q. 5, TP. HCM	028 3924 6920
13	SeABank Q. 10	320 – 322 Đường 3/2, Q. 10 , TP. HCM	028 382 6955
14	SeABank Phú Hưng	Tòa nhà Petroland Tower, 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM	028 5413 5256
15	SeABank An Phú	74 Lương Định Của, Khu phố 7, P. An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM	028 3911 8243
16	SeABank Lê Văn Sỹ	344 Lê Văn Sỹ, Q. 3 , TP. HCM	028 6290 9173
17	SeABank Tân Bình	197 – 199 Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, TP. HCM	028 3863 7439
18	SeABank Hòa Bình	699 Lê Trọng Tấn, Khu phố 2, P. Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, TP. HCM	028 3765 4887
19	SeABank Âu Cơ	882 Âu Cơ, P14, Tân Bình, TP. HCM	028 6257 4844
20	SeABank Cộng Hòa	298 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, TP. HCM	028 6292 2054
21	SeABank Phú Mỹ Hưng	673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM	028 3784 0300
22	SeABank Q. 7	457 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM	028 6287 0621
23	SeABank Phạm Hùng	78 Đường số 3, Khu nhà ở Rạch Bà Tánh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. HCM	028 6266 4152/ 53
24	SeABank Tân Phú	194 A– 194 C đường Hòa Bình, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. HCM	028 3961 1900
25	SeABank Phú Lâm	120–122–124 đường số 23, P. 11, Q. 6, TP. HCM	028 3667 0827
26	SeABank Bình Tân	297 Vành Đai Trong, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân , TP. HCM	028 3961 1900
27	SeABank Tân Phát	295 – 297 Minh Phụng, P. 2, Q. 11, TP. HCM	028 3969 5207
28	SeABank Gia Định	Tầng 2 Tòa 462 Phan Xích Long, P. 2, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	028 3848 8087
29	SeABank Gò Vấp	1L13.11–Khu dân cư CityLand Park Hills, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM	028 6295 7558
30	SeABank Thủ Đức	790 Phạm Văn Đồng, P. Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM	028 3622 0676
31	SeABank Bình Chánh	143A Nguyễn Hữu Trí, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. HCM	028 3622 1617
32	SeABank Bình Dương	281 Đại Lộ Bình Dương, P. Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	027 4371 6054
33	SeABank Thủ Dầu Một	254 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	027 4625 0874
34	SeABank Dĩ An	446 Nguyễn An Ninh, khu phố Đông Tân, P. Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương	027 4379 6896
35	SeABank Bến Cát	C2–03, C2–04 đường TC3, Khu ĐT Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương	027 4358 5668
36	SeABank Vũng Tàu	270 Lê Lợi, P. 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	025 4362 6888
37	SeABank Bà Rịa	54 Nguyễn Tất Thành, P. Phước Trung, Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	025 4371 7530
38	SeABank Sao Mai	171 Lê Hồng Phong, P. 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	025 4357 7408
39	SeABank Trung Nhị	254 Lê Hồng Phong, P. 4, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	025 4351 3263
40	SeABank Đồng Nai	823 – 825 Phạm Văn Thuận, KP5, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	025 1629 0900
41	SeABank Hồ Nai	726 Quốc Lộ 1A, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	025 1368 4059
42	SeABank Cần Thơ	26–28 Nguyễn An Ninh, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	029 2625 2666
43	SeABank Xuân Khánh	301 đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều , TP. Cần Thơ	029 2375 4686
44	SeABank An Giang	1270 – 1272 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	029 6625 0405
45	SeABank Châu Đốc	86 Đồng Đa, P. Châu Phú A, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang	029 2386 8877
46	SeABank Kiên Giang	204 Nguyễn Trung Trực, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	029 7378 6333
47	SeABank Tiền Giang	59–60–61 Đinh Bộ Lĩnh, P. 3, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	027 3398 9888
48	SeABank Gò Công	176 Trương Định, P. 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	027 3371 8728
49	SeABank Cà Mau	125 – 127 Nguyễn Tất Thành, P. 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau	029 0366 2266
50	SeABank Cái Nước	Quốc lộ 1A, Khóm 2, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	029 0388 2277
51	SeABank Long An	29 Trà Quý Bình, P.2, TP. Tân An, tỉnh Long An	027 2393 9666
52	SeABank Bình Phước	TTTM ITC Đồng Xoài, 1029 Phú Riềng Đỏ, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	02713 666 899

NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

ALGERIA

Banque Al-Baraka d’Algerie*

AUSTRALIA

Australia and New Zealand Banking Group Limited
(ANZ Bank)*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Sydney Branch

AUSTRIA

Erste Group Bank AG*
Erste Bank der oesterreichischen Sparkassen AG*
Societe Generale, Vienna Branch

BAHRAIN

KEB Hana Bank Co., Ltd., Manama Branch

BANGLADESH

Islami Bank Bangladesh Ltd.*

BELARUS

Joint Stock Company Belagroprombank*
Joint Stock Company ‘Savings Bank ‘Belarusbank’*

BELGIUM

BNP Paribas Fortis SA/NV*
Societe Generale, Brussels Branch

BRAZIL

Banco KEB Hana do Brasil S.A*

CAMBODIA

ACLEDA Bank Plc.*
Canadia Bank Plc*
Foreign Trade Bank of Cambodia*

CANADA

KEB Hana Bank Canada*
National Bank of Canada*

CHINA

Agricultural Bank of China Limited*
Bank of Beijing Co., Ltd.*
Bank of Communications Co Ltd*
Bank of Jiangsu Co., Ltd.*
Bank of Nanjing*
Bank of Ningbo Co., Ltd.*
Bank of Ruifeng*
China Construction Bank Corporation*
China Guangfa Bank Co., Ltd.*
China Merchants Bank Co., Ltd.*

KEB Hana Bank (China) Co., Ltd.*
Hankou Bank Co Ltd*
Hua Xia Bank Co., Ltd.*
Huishang Bank Corporation Ltd*
Industrial & Commercial Bank of China Limited (ICBC)*
Industrial Bank Co., Ltd.*
Industrial Bank of Korea (China) Limited*
JiLin JiuTai Rural Commercial Bank Co., Ltd.*
Ningbo Yinzhou Rural Commercial Bank Co., Ltd.
(Yinzhou Bank)*
Ping An Bank Co., Ltd.*
Wells Fargo Bank N.A., Shanghai Branch
Woori Bank (China) Ltd.*
Xiamen International Bank Co., Ltd.*
Zhejiang Chouzhou Commercial Bank Co., Ltd.*
Zhejiang Mintai Commercial Bank Co., Ltd.*
Zhejiang Tailong Commercial Bank Co., Ltd.*

CZECH REPUBLIC

Ceska Sporitelna A.S.*
Komerčni Banka A.S.*

EGYPT

Arab African International Bank*
Banque Du Caire S.A.E*
Banque Misr S.A.E*
Emirates National Bank of Dubai S.A.E*
Export Development Bank of Egypt*

ENGLAND

KEB Hana Bank Co., Ltd., London Branch
Societe Generale, London Branch
Stonex Financial Limited
Wells Fargo Bank N.A., London Branch
Woori Bank Co., Ltd., London Branch

FRANCE

Credit du Nord*
Banque Federative du Credit Mutuel (BFCM)*
Credit Industriel et Commercial S.A. (CIC)*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Paris Branch
Le Credit Lyonnais*
Societe Generale*

GERMANY

Citibank Europe Plc, Frankfurt am Main Branch
Deutsche Bank AG*
J.P. Morgan AG*
KEB Hana Bank (D) AG*
ODDO BHF AG*

Oldenburgische Landesbank AG*
Societe Generale, Frankfurt am Main Branch
Sparkasse KoelnBonn*
UniCredit Bank AG*
Greece
Piraeus Bank S.A.*

HONGKONG

Citibank N.A., Hong Kong Branch
Erste Group Bank AG, Hong Kong Branch
Habib Bank Zurich (Hong Kong) Limited*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Hong Kong Branch
MashreqBank PSC, Hong Kong Branch
Shinhan Bank Co., Ltd., Hong Kong Branch
UniCredit Bank AG, Hong Kong Branch
Wells Fargo Bank N.A., Hong Kong Branch

INDIA

Axis Bank Ltd.*
Axis Bank Ltd., Gandhinagar Branch*
Mashreqbank PSC, Mumbai Branch
SBM Bank (India) Ltd

INDONESIA

PT Bank Central Asia Tbk*
PT Bank CIMB Niaga Tbk*
PT Bank Mega Tbk*
PT Bank QNB Indonesia Tbk*

ITALY

BPER Banca S.p.A*
Banco BPM S.p.A, Milan Branch*
Iccrea Banca – Istituto Centrale del Credito
Cooperativo S.p.A.*
Societe Generale, Milan Branch
UniCredit S.p.A*

JAPAN

KEB Hana Bank Co., Ltd., Tokyo Branch
Mizuho Bank Ltd.*
Resona Bank Ltd.*
Societe Generale, Tokyo Branch
Sumitomo Mitsui Banking Corporation*
The Gifu Shinkin Bank*
The Ogaki Kyoritsu Bank Ltd.*
Wells Fargo Bank N.A., Tokyo Branch

JORDAN

Arab Jordan Investment Bank*

KOREA

Industrial Bank of Korea*
KEB Hana Bank Co., Ltd.*
Kookmin Bank Co., Ltd.*
Suhyup Bank*
Nonghyup Bank*
Shinhan Bank Co., Ltd*
Wells Fargo Bank N.A., Seoul Branch
Woori Bank Co., Ltd.*

KUWAIT

Commercial Bank of Kuwait K.P.S.C*

LATVIA

AS Citadele Banka*

LAOS

Banque pour le Commerce Exterieur Lao Public*

MALAYSIA

Citibank Berhad*
Malayan Banking Berhad (Maybank)*
Public Bank Berhad*
RHB Bank Berhad*

MOROCCO

Attijariwafa Bank*

NETHERLAND

KEB Hana Bank Co., Ltd., Amstelveen Branch

NORWAY

DNB Bank ASA*

OMAN

Bank Muscat SAOG*

PANAMA

KEB Hana Bank Co., Ltd., Panama City Branch

PAKISTAN

Meezan Bank Ltd.*

PERU

Banco GNB Peru*
Banco Internacional del Peru (Interbank)*

PHILIPINES

Asian Developoment Bank*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Makati City Branch

POLAND

Bank Millennium S.A.*
BNP Paribas Bank Polska SA*
Societe Generale, Warsaw Branch

ROMANIA

Banca Comerciala Romana S.A.

RUSSIA

International Bank for Economic Co-operation*
QIWI Bank JSC*

SINGAPORE

Axis Bank Ltd., Singapore Branch
CIMB Bank Berhad, Singapore Branch
Citibank N.A., Singapore Branch
DBS Bank Ltd.*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Singapore Branch
Mizuho Bank Ltd., Singapore Branch
Skandinaviska Enskilda Banken AB, Singapore Branch
UniCredit Bank AG, Singapore Branch
United Overseas Bank Limited*
JPMorgan Chase Bank, N.A, Singapore
Wells Fargo Bank N.A., Singapore Branch

SLOVAKIA

Slovenska Sporitelna A.S.*

SPAIN

Banco De Sabadell S.A.*
CaixaBank S.A.*

SRI LANKA

Seylan Bank PLC*

SWEDEN

Skandinaviska Enskilda Banken AB*

SWITZERLAND

Habib Bank AG Zurich*
Luzerner Kantonalbank AG*

TAIWAN

Bank SinoPac Co., Ltd.*
Cathay United Bank*
Chang Hwa Commercial Bank Ltd.*
E. Sun Commercial Bank Ltd.*
O-Bank Co., Ltd.*
Taiwan Cooperative Bank, Ltd.*
Wells Fargo Bank N.A., Taipei City Branch

TUNISIA

Union Internationale de Banques*

THAILAND

Bank of Ayudhya Public Co., Ltd.*
Bangkok Bank Public Co., Ltd.*
Export-Import Bank of Thailand*
Islamic Bank of Thailand*
Kasikornbank Public Co., Ltd.*
Krung Thai Bank Public Co., Ltd.*
Mizuho Bank Ltd., Bangkok Branch
Siam Commercial Bank Public Company Limited

TURKEY

Denizbank AS

UAE

Abu Dhabi Commercial Bank
Axis Bank Ltd., Dubai City Branch
Dubai Islamic Bank PJSC, Dubai City Branch*
First Abu Dhabi Bank P.J.S.C.*
Mashreqbank P.S.C.*
The National Bank of Ras Al - Khaimah P.S.C.*

UKRAINE

JSC ‘Bank Credit Dnepr’*
Joint Stock Company The State Export – Import Bank
of Ukraine (JSC Ukreximbank)*

USA

Bank of America N.A., New York Branch*
BNP Paribas USA, Inc*
Capital One National Association
China Construction Bank Corporation, New York
Branch
Citibank N.A.*
CoBank, ACB*
Deutsche Bank AG, New York Branch
Deutsche Bank Trust Company Americas*
Fifth Third Bank N.A.*
Habib American Bank*
Hancock Whitney Bank*
International Finance Corporation*
JP Morgan Chase Bank N.A.*
KEB Hana Bank Co., Ltd., New York Branch
Mashreqbank PSC, New York Branch
MUFG Union Bank N.A.*
Nonghyup Bank, New York Branch
Wells Fargo Bank N.A.*
Wells Fargo Bank N.A., New York Branch
Wells Fargo Bank N.A., Philadelphia Branch

Woori Bank Co., Ltd., Los Angeles Branch
Woori Bank Co., Ltd., New York Branch

VIETNAM

Agricultural Bank of China Limited, Hanoi Branch
An Binh Commercial Joint Stock Bank*
ANZ Bank (Vietnam) Limited*
Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB)*
Bangkok Bank Public Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Bank of China (Hong Kong) Limited,
Ho Chi Minh Branch
Bao Viet Joint Stock Commercial Bank*
China Construction Bank Corporation,
Ho Chi Minh City Branch
Citibank N.A., Hanoi Branch
DBS Bank Ltd., Ho Chi Minh City Branch
DongA Joint Stock Commercial Bank (DongA Bank)*
Global Petro Sole Member Limited Commercial Bank
(GPBank)*

Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial

Bank (HD Bank)*
Hong Leong Bank Vietnam Limited*
Indovina Bank Limited (IVB)*
Industrial and Commercial Bank of China Limited
(ICBC), Hanoi Branch
Industrial Bank of Korea, Ho Chi Minh City Branch
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of
Vietnam (Vietcombank)*
Joint Stock Commercial Bank for Investment and
Development of Vietnam (BIDV)*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Hanoi Branch
KEB Hana Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Kookmin Bank Co., Ltd., Hanoi Branch
Kookmin Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Lien Viet Post Joint Stock Commercial Bank
(LienVietPostBank)*
Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Ho Chi
Minh City Branch
Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank)*
Mizuho Bank Ltd., Hanoi Branch
National Citizen Commercial Joint Stock Bank (NCB)*
Nonghyup Bank, Hanoi Branch
Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank
(OceanBank)*
Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB)*
Petrolimex Group Commercial Joint Stock Bank (PG
Bank)*
Public Bank Vietnam Limited*
Saigon – Hanoi Commercial Joint Stock Bank (SHB)*
Saigon Bank for Industry and Trade (Saigonbank)*

Saigon Joint Stock Commercial Bank (SCB)*
Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
(Sacombank)*
Shinhan Bank Vietnam Limited*
State Bank of Vietnam*
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPBank)*
Viet Capital Commercial Joint Stock Bank (Viet Capital
Bank)
Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank
(VietABank)*
Vietnam – Russia Joint Venture Bank (VRB)*
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development
(Agribank)*
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank
(Eximbank)*
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank
(VIBBank)*
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and
Trade (Vietinbank)*
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank
(Maritime Bank)*
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank
(VPBank)*
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank
(PVcomBank)*
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock
Bank (Techcombank)*
Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
(VietBank)*
Woori Bank Vietnam Limited*

2024 CHOOSE YOUR
BEA FIGHTER
LEGEND

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á (SEABANK)

Hội sở: 198 Trần Quang Khải, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

M contact@seabank.com.vn

W seabank.com.vn

T (+84 24) 3944 8688

F (+84 24) 3944 8689